

TRẦN HỒI
HỒI ỨC
&
SUY NGHI
ANG QU

hồi ức và suy nghĩ

Hồi ức và suy nghĩ • Trần Quang
Cơ • Layout: Midway Press •

copyright © tran quang co 2003

Trần Quang Cơ

HỎI ỨC & SUY NGHỊ



Midway Press

NỘI DUNG TRONG CUỐN NÀY

Tựa	13
Việt Nam trong thập niên 70 của thế kỷ 20	17
Một nhiệm kỳ đại sứ không tẻ nhạt	37
Đại hội “đổi mới”	50
Từ chống diệt chủng đến “giải pháp đỏ”?	64
Trung Quốc uốn mình để thích nghi với thế cục	74
Hiệp 1 của Hội nghị quốc tế Pa-ri về Campuchia	83
Đặng Tiểu Bình tiếp Kaysone Phomvihane để nói với Việt Nam	94
Thuốc đắng nhưng không đã được tạt	108
BCT đánh giá cuộc đàm phán tháng 6/1990	123
Một sự chọn lựa thiếu khôn ngoan	133
Cuộc gặp cấp cao Việt-Trung tại Thành Đô 3-4/9/90	139

Thành Đô là thành công hay là thất bại của ta?	147
Ai là người đáng lý ra phải nhớ dai?	159
Món nợ Thành Đô	166
Những vấn đề về tình hình quốc tế và chính sách đối ngoại còn có tranh luận	177
Đại hội VII và cái giá phải trả cho việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc	181
Hiệp 2 của Hội nghị quốc tế về Campuchia	192
Kết thúc một chặng đường nhưng lịch sử chưa sang trang	199
Phụ lục	206
Bảng niên đại	230
Phụ Đính	270
Ngày Tết nói chuyện tổng kết	280



Tập hồi ký Hồi ức và Suy nghĩ của ông Trần Quang Cơ (1920-) lưu chuyển trong nước từ đầu năm 2003. Tác giả nguyên là Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao, thành viên Đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Hội nghị Paris (68-73) về Việt Nam.

Trước khi làm việc tại Bộ Ngoại Giao (1954), Trần Quang Cơ là sĩ quan quân đội nhân dân giảng dạy tại trường Cao Đẳng Ngoại Giao.

- Ông là cán bộ ngoại giao suốt 44 năm (54-97)*
- 1964 làm bí thư thứ nhất ở Đại Sứ Quán Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa,*
- 1966 Trần Quang Cơ trở lại Hà Nội,*
- 1976 phụ trách Vụ Bắc Mỹ rồi chuyển sang vụ Âu Châu trước khi sang làm Đại Sứ tại Thái Lan vào năm 1982.*

Được đưa vào Trung ương đảng cộng sản Việt Nam từ 1986; rông rãi 12 năm kể từ

1979, ông Trần Quang Cơ tham gia các cuộc thương lượng nhằm giải quyết chiến tranh tại Cambodia. Sau chiến tranh Việt Nam, ông tham gia cuộc đàm phán bình thường hoá quan hệ với ba nước Hoa Kỳ, Liên Xô, và Trung Quốc. Tháng hai 1991, ông xin rút ra khỏi danh sách đề cử vào Ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản Việt Nam khóa VII nhưng không được chấp thuận. Tháng bảy cùng năm ông gặp Tổng Bí Thư Đỗ Mười xin không nhận chức bộ trưởng ngoại giao thay thế ông Nguyễn Cơ Thạch. Cuối năm 1993, ở Hội nghị giữa nhiệm kỳ, ông tự ý xin rút khỏi Ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản Việt Nam.

Trong chiều hướng đi tìm những đối thoại thẳng thắn giữa cựu thù, McNamara đề nghị những học giả và cựu lãnh đạo cuộc chiến hai bên cộng sản Việt Nam và Hoa Kỳ cùng ngồi xuống duyệt lại những quyết định trong cuộc chiến nhằm hiểu rõ để khả dĩ rút được những kinh nghiệm lịch sử, thực dụng cho toàn cầu qua “bài học Việt Nam”. Sáu hội nghị như trên đã diễn ra tại Hà Nội từ tháng 11, 1995 đến tháng 2, 1998; Hội nghị thứ 7 thực hiện tại Viện Rockefeller ở Bellagio, Italy.

Ông Trần Quang Cơ, Nguyễn Cơ Thạch và một số học giả, tướng lãnh và cựu lãnh đạo CHXHCN Việt Nam đã tham dự chuỗi hội nghị

này, quan trọng nhất là hai hội nghị chính vào tháng 6, 1997 và tháng 2, 1998.

Tập tài liệu này ghi lại nhiều dữ kiện quan trọng về quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa lớn nhỏ, với Hoa Kỳ và khối ASEAN cũng như những tranh chấp trong nội bộ đảng cộng sản Việt Nam.

Ghi lại những thông tin nổi cộm về các vấn đề của Việt Nam cận đại sau hơn bốn mươi năm mất thấy tai nghe – được giữ kín–mật, chưa bao giờ phổ biến – cùng với những suy nghĩ của một cán bộ cộng sản trung kiên, tập hồi ký này sẽ phần nào giúp các nhà quan sát, những người cầm bút, thêm tài liệu phân tích cục diện Việt Nam những năm sau cuộc nội chiến và những tháng ngày trước mặt.

Dù ở ngàn năm trước hay ngay thời đương đại, quan hệ Việt– Trung lúc nào cũng là nỗi quan ngại của người Việt Nam, nhất là trước những mất mát, thiệt hại, đe dọa lớn đến chủ quyền và tài nguyên Việt Nam trong những năm gần đây dọc đường biên giới phía Bắc cũng như ở Vịnh Bắc Việt và cả vùng Biển Đông của Tổ Quốc; tập tài liệu này chỉ rõ một số hệ quả của tư duy và cách ứng xử của những người có trách nhiệm an dân bảo quốc trong những thập niên cận đại. Đây là những bài học quý giá cho tất cả mọi người Việt quan tâm đến vận mệnh dân tộc.

Phụ đính, mục lục, tất cả những cước chú và chú thích cuối tập tài liệu nhằm giúp người đọc dễ hiểu hơn và để tra cứu thêm khi cần. Phần phụ đính gồm một nhận định khác của Trần Quang Cơ (Tập chí Cộng Sản số 31, 2003) và một số những trích đoạn bài viết liên hệ đến tập hồi ký trước năm 2005.

Người biên tập

TỰA

Trong 44 năm (1954–1997) làm ngoại giao, trải qua những giai đoạn khác nhau. Bản thân chứng kiến và tham gia nhiều sự kiện ngoại giao đáng ghi nhớ của thời kỳ kháng chiến và của thời kỳ hậu chiến như cuộc đàm phán hoà bình với Mỹ ở Pa-ri (1968–1973), đàm phán về bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Sở dĩ tôi chọn quãng thời gian (1975–1993) để viết ký ức này vì nó chứa đựng nhiều diễn biến khúc mắc tế nhị về đối ngoại. Nhất là trong quan hệ của ta với ba nước lớn, dễ bị vô tình hay cố ý làm “roi rụng” để cho lịch sử được “tròn trĩnh”, khiến cho việc đánh giá và rút bài học bị sai lệch. Và đây cũng là giai đoạn mà mối quan hệ của ta với các nước lớn có những điều đáng phải băn khoăn suy nghĩ, không những cho hiện tại mà có thể cho cả tương lai.

Bối cảnh quốc tế lúc này rất phức tạp,

chiến tranh lạnh đã đi vào giai đoạn cuối. Cả 3 nước lớn Liên Xô, Mỹ, Trung Quốc đều có những chuyển đổi về chiến lược, từ chỗ đối đầu quyết liệt với nhau chuyển sang hoà hoãn tay đôi rồi tay ba. Cục diện chính trị luôn biến đổi ở Châu Á Thái Bình Dương tác động trực tiếp đến tiểu khu vực Đông Nam Á và nước Việt Nam ta. Khu vực Đông Nam Á lúc này cũng đang trong quá trình chuyển đổi từ đối đầu sang quan hệ đối thoại giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN. Hoàn cảnh này đúng ra đòi hỏi Việt Nam phải mạnh dạn sớm đổi mới tư duy về đối ngoại để có được một đường lối phù hợp với thực tiễn khách quan nhằm thoát ra khỏi thế cô lập, hoà nhập được với đà phát triển chung của khu vực và thế giới. Nhưng không! Tư duy chính trị xơ cứng đã giam giữ nước ta trong cảnh khó khăn một thời gian dài. Chính vì thế ngoại giao quăng thời gian này đã để lại trong tôi nhiều băn khoăn suy nghĩ về cái đúng cái sai, cái nên làm và cái không nên làm. Tôi nghĩ rằng nếu nghiên cứu một cách trung thực và có trách nhiệm những sự kiện của giai đoạn lịch sử này thì từ đây có thể rút ra những bài học bổ ích và đích đáng cho ngoại giao ta hiện tại và tương lai với mục đích tôi cho là đảm bảo được lợi ích của dân tộc trong mọi trường hợp.

Vì vậy tài liệu này tôi viết làm 2 phần: *Hỏi*

úc và *Suy nghĩ*. Phần *Hồi ức* cố gắng ghi lại một cách khách quan và trung thực diễn biến của các sự kiện trong thời gian 1975–1993 trên cơ sở những tư liệu và nhật ký công tác còn lưu giữ được. Còn phần *Suy nghĩ* dành cho những ý nghĩ của riêng tôi, những điều trăn trở của tôi khi nghiền ngẫm lại các sự việc đã trải qua. Những ý nghĩ hoàn toàn theo chủ quan, có thể sai có thể đúng.

23.1.2001

*Bản thảo này đã được bổ sung và hoàn
chỉnh ngày 22.05.2003*

Trần Quang Cơ

VIỆT NAM TRONG THẬP NIÊN 70 CỦA THẾ KỶ 20

Nước Việt Nam ta trong những năm 70 của thế kỷ 20 đã trải qua những sự kiện to lớn: Hiệp định Pa-ri¹ 1973 về Việt Nam kết thúc cuộc đàm phán “ma-ra-tông”² 1968–1973 giữa VN và Mỹ, toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 đã đưa Việt Nam tới đỉnh cao của giải phóng dân tộc và uy tín của quốc tế. Thắng lợi của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ không chỉ là một tác nhân đưa đến những thay đổi rất quan trọng trong chiến lược của các nước lớn mà còn làm chuyển đổi cục diện chính trị khu vực Đông Nam Á. Nể sợ sức mạnh quân sự và ý chí kiên cường của Việt Nam, mặt khác lo ngại mối đe dọa từ nước Trung Hoa khổng lồ tăng lên một khi Mỹ rút khỏi Đông Nam Á, đồng thời lại có yêu cầu phát triển kinh tế, các nước ASEAN³

¹ Paris.

² Marathon.

sốt sáng bình thường hoá và cải thiện quan hệ với Việt Nam; tổ chức liên minh quân sự SEATO⁴ tan rã; xu hướng hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á phát triển. Sau khi bị “gáo nước lạnh” ở Việt Nam, Mỹ lo tháo chạy khỏi Đông Nam Á, song lại sợ tạo ra một “khoảng trống” có lợi cho các đối thủ của mình. Một mặt sợ Liên Xô thừa thế mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á và thế giới, mặt khác lo Trung Quốc phát huy vai trò nước lớn Châu Á để lấp chỗ “hổng” đó nên Mỹ vừa tìm cách khai thác mâu thuẫn Xô-Trung vừa muốn có một nước Việt Nam độc lập cả với Trung Quốc lẫn Liên Xô để duy trì thế cân bằng chiến lược giữa 3 nước lớn trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Trong tập “Tài liệu Lầu Năm Góc” (Pentagone Papers⁵) của Mỹ có viết: “Báo cáo của đại sứ Mỹ tại Anh gửi Bộ Ngoại giao Mỹ ngày 1.3.1967 ghi lại một cuộc đối thoại ngắn giữa ngoại trưởng Anh Brown⁶ và ngoại trưởng Ba Lan Rapacki⁷ tại Luân đôn ngày 22.2.1967. Khi Brown hỏi nhận định của

³ The Association of Southeast Asian Nations, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

⁴ Southeast Asia Treaty Organization

⁵ The Pentagon Papers (1971), the New York Times ed.

⁶ George Alfred George-Brown, Baron George-Brown (11.8.1966– 16.3.1968) – Từ chức vì nghiện rượu.

⁷ Adam Rapacki, Ngoại trưởng Poland 1956–1968 (+1970).

Rapacki về mức độ thể lực của Kossyguine⁸ (thủ tướng Liên Xô lúc đó) đối với Hà Nội. Rapacki trả lời: “Không kém của ông đối với Hà Nội”. Và khi Brown hỏi: “Giữa Trung Quốc và Liên Xô nước nào có nhiều ảnh hưởng hơn đối với Hà Nội?”. Rapacki trả lời: “Bắc Việt Nam”. Đường lối độc lập tự chủ của Việt Nam thể hiện rõ nét trong suốt thời gian đàm phán với Mỹ ở Pa-ri.

Sau cuộc đàm phán với Mỹ ở Pa-ri năm 1973 tôi được đề bạt làm vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ nên có đầy đủ điều kiện trực tiếp theo dõi và xử lý mối quan hệ của nước ta với Mỹ sau chiến tranh.

Vào quãng hơn một tháng sau khi giải phóng miền Nam, ta có nhờ Liên Xô chuyển cho Mỹ một thông điệp miệng “Lãnh đạo VNDCCH tán thành có quan hệ tốt trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau. Trên tinh thần đó, phía VN đã tự kiểm chế trong khi giải phóng, tạo cơ hội cho người Mỹ không bị cản trở trong việc tiến hành di tản nhân viên của họ. Phía VN đã cố gắng làm mọi sự cần thiết để không làm xấu đi quan hệ với Mỹ trong tương lai. Không có sự thù địch đối với Mỹ ở Việt Nam và VN cũng không muốn thấy như vậy ở phía Mỹ”.

Ngày 12.6.75, Mỹ gửi đến Sứ quán ta ở Pa-

⁸ Kosygin, Alexei Nikolayevich, 1904–80, Thủ tướng USSR (1964–80) dưới thời Leonid Brezhnev.

ri bức thông điệp đáp lại: “Về nguyên tắc, Mỹ không thù hằn gì Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Đề nghị trên cơ sở đó tiến hành bất cứ quan hệ nào giữa hai bên (proceed on this basis in any relations between the two sides). Mỹ sẵn sàng nghe bất cứ gợi ý nào mà phía VNDCCH có thể muốn đưa ra”. Thông điệp này do Sứ quán Mỹ ở Pa-ri gửi tới Sứ quán ta, nội dung không nói rõ là của Bộ Ngoại giao Mỹ hay của cấp nào.

Ngày 11.7.75, ta gửi thông điệp cho Mỹ, chủ yếu nhắc lại đoạn nói về Mỹ trong Báo cáo của Ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh⁹ đọc trước Quốc hội ngày 4.6.75: “Việc Chính phủ Hoa Kỳ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, từ bỏ hoàn toàn sự can thiệp vào công việc nội bộ miền Nam Việt Nam, làm nghĩa vụ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng lại sau chiến tranh ở cả hai miền Việt Nam, sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ bình thường giữa VNDCCH và Hoa Kỳ theo tinh thần Điều 22i Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.”

Cuộc tiếp xúc đầu tiên sau chiến tranh giữa ta và Mỹ diễn ra tại Pa-ri ngày 10.7 ở cấp bí thư thứ nhất đại sứ quán (Đỗ Thanh- Pratt) chủ yếu bàn về vấn đề MIA¹⁰, cụ thể phía Mỹ

⁹ 1910–1985, Đại diện VNDCCH ký Hiệp Định Paris 1973.

¹⁰ Missing-In-Action.

xin được trao trả một số hài cốt phi công Mỹ bị bắn rơi ở miền Bắc. Đến cuộc gặp tiếp theo ngày 5.9.75, cũng vẫn phía Đỗ Thanh và Pratt, ta đồng ý sẽ giao cho Mỹ 3 bộ hài cốt “giác lái”. Song mãi tới tháng 12 ta mới cho phép một đoàn 4 hạ nghị sĩ Mỹ do Chủ tịch Ủy ban POW/MIA¹¹ G.V. Montgomery dẫn đầu vào Hà Nội nhận. Đoàn này đã được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp.

Sang năm 1976, Mỹ lại thông qua Liên Xô thăm dò việc tiếp xúc với ta, song khẳng định sẽ không thực hiện điều 21ⁱⁱ của Hiệp định Pa-ri. Công hàm ngày 26.3.76 của Henry Kissinger- lúc này là ngoại trưởng-gửi ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh cảm ơn ta đã đón tiếp đoàn Montgomery và sẵn sàng mở cuộc thảo luận về việc thiết lập mối quan hệ mới giữa hai nước. “I believe that the interests of peace and security will benefit from placing the past behind us and developing the basis for a new relationship between our two countries”. Ngày 30.4 bộ trưởng ngoại giao ta gửi công hàm trả lời, nêu lại những vấn đề tồn tại giữa 2 nước (vấn đề bồi thường chiến tranh và vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh), trên cơ sở giải quyết 2 vấn đề đó sẽ bình thường hoá quan hệ với Mỹ theo quy định của Điều 22 Hiệp định Pa-ri. Ta sẵn

¹¹ Prisoner-Of-War/Missing-In-Action

sàng xem xét đề nghị cụ thể của Mỹ về việc mở thương lượng giữa hai bên. Ta sẽ có trả lời không để quá lâu, song sẽ không trước khi Quốc hội Mỹ bàn về việc bỏ cấm vận đối với Việt Nam. Gần như đồng thời với việc G. Ford¹² bác kiến nghị của Quốc hội Mỹ yêu cầu tạm ngừng trong 6 tháng lệnh cấm vận buôn bán với Việt Nam. Bộ ngoại giao Mỹ gửi thông điệp khẳng định sẵn sàng sớm có thảo luận với VN, song nhận xét quan điểm ta đặt thương lượng trên cơ sở “selective application of past agreements” là không đem lại kết quả xây dựng; vấn đề “full accounting” về MIA sẽ là một trong những vấn đề hàng đầu của Mỹ, chỉ khi nào vấn đề này được giải quyết “một cách cơ bản” (substantially) mới có thể có tiến bộ thật sự tới bình thường hóa quan hệ giữa hai nước chúng ta. Đề nghị VN xem lại một cuộc họp bàn về các vấn đề tồn tại là có bổ ích hay không?

Tình hình nhùng nhằng như vậy kéo dài cho tới khi Jimmy Carter¹³ trúng cử tổng thống thay Gerald Ford năm 1977. Chính quyền mới của đảng Dân chủ có quan điểm

¹² Gerald Rudolph Ford, (14.7.1913–), tên Leslie Lynch King, Jr. khi mới chào đời, đổi tên và lấy họ của cha kế. Tổng Thống thứ 38 của Hoa Kỳ (1974–1977).

¹³ James Earl Carter, Jr. (1.10.1924–) Tổng Thống thứ 39 của Hoa Kỳ (1977–1981).

chiến lược khác và thái độ đối với Việt Nam mềm mỏng hơn. Nguyên nhân quan trọng khiến chính quyền Carter quan tâm ngay từ đầu đến việc thiết lập mối quan hệ mới với Việt Nam là lợi ích chiến lược của Mỹ ở khu vực châu Á Thái Bình Dương. Đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc, Andrew Young, đã nói rõ điều đó: “Chúng tôi coi Việt Nam như một Nam Tư ở Châu Á. Không phải là bộ phận của Trung Quốc hay của Liên Xô, mà là một nước độc lập. Một nước Việt Nam mạnh và độc lập là phù hợp với lợi ích quốc gia của Mỹ” (tháng 1/1977).

Ngày 6/1/1977, thông qua Liên Xô, Mỹ lại đưa ra một kế hoạch 3 bước về bình thường hóa quan hệ với Việt Nam:

- 1) Việt Nam cho biết tin về những “người Mỹ mất tích trong chiến tranh” (MIA).
- 2) Mỹ chấp nhận Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc và sẵn sàng lập quan hệ ngoại giao đầy đủ, cũng như bắt đầu buôn bán với Việt Nam.
- 3) Mỹ có thể đóng góp khôi phục lại Việt Nam bằng cách phát triển buôn bán, cung cấp thiết bị và các hình thức hợp tác kinh tế khác.

Ngày 3/3/1977 chính quyền Carter quyết định nói lỏng một phần cấm vận đối với ta, cho phép tàu thủy và máy bay nước khác chở hàng sang Việt Nam được ghé các cảng và sân bay của Mỹ để lấy nhiên liệu (nhưng vẫn cấm

người Mỹ buôn bán với Việt Nam, cấm tàu Mỹ đến Việt Nam, cấm tàu và máy bay Việt Nam đến cảng và sân bay Mỹ). Ngày 9/3/1977 Mỹ cho phép công dân Mỹ được đi thăm Việt Nam, Cuba, Bắc Triều Tiên, CPC¹⁴ kể từ ngày 18/3/1977.

Đến giữa tháng 3, ta nhận tiếp đón Leonard Woodcock^t, đặc phái viên của tổng thống Mỹ Carter, sang Việt Nam. Ngày 17/3/1977, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tiếp L. Woodcock và 4 thành viên – trong đó có Thượng nghị sĩ Mansfield tại Chủ tịch phủ ở Hà Nội. Ngày hôm đó, đoàn Mỹ cũng đã đến chào Ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh.

Sau chuyến đi thăm mở đường này, hai bên đã thỏa thuận mở cuộc đàm phán về bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ tại Pa-ri. Đoàn ta lúc đó do Thứ trưởng ngoại giao Phan Hiền dẫn đầu, thành viên có tôi, vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ, anh Vũ Hoàng, vụ trưởng Vụ Lãnh sự và mấy cán bộ Vụ Bắc Mỹ: a. Bùi Xuân Ninh, Cương, Lê Mai. Anh Lê Mai khi đó là cán bộ Vụ Bắc Mỹ, làm phiên dịch cho trưởng đoàn. Sứ quán ta ở Pháp có anh Đỗ Thanh, bí thư thứ nhất và anh Nguyễn Thiện Căn, tùy viên báo chí, tham gia đoàn. Phía Mỹ

¹⁴ Kampuchea (Cambodia).

¹⁵ (15.2.1911–18.1.2001) Chủ tịch Công Đoàn UAW (1970–77), Đại sứ đầu tiên của Hoa Kỳ tại Beijing.

do R.Holbrooke làm trưởng đoàn. Cuộc đàm phán diễn ra khá lâu, phải qua 3 vòng đàm phán trong tháng 5, tháng 6 và tháng 12 năm 1977. Địa điểm luân phiên ở đại sứ quán ta và đại sứ quán Mỹ tại Pháp. Trong đàm phán vòng 1 (ngày 3-4/5/1977), lập trường của Mỹ là hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ ngay và vô điều kiện, còn những vấn đề khác giữa hai bên để lại giải quyết sau; Mỹ sẽ không cản Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc. Còn về điều 21 (của Hiệp định Pa-ri về VN), Mỹ có khó khăn về pháp luật nên không thực hiện được, hứa sẽ thực hiện khi đã có quan hệ, bỏ cấm vận buôn bán và xét viện trợ nhân đạo. Theo chỉ thị đã nhận trước khi đi, ta kiên quyết đòi phải giải quyết “cả gói” 3 vấn đề: ta và Mỹ bình thường hoá quan hệ (bao gồm cả việc bỏ cấm vận và lập quan hệ ngoại giao đầy đủ), ta giúp Mỹ giải quyết vấn đề MIA và Mỹ viện trợ 3,2 tỷ đô-la cho Việt Nam như đã hứa hẹn trước đây. Trở ngại lớn nhất cho việc bình thường hoá quan hệ là việc ta đòi Mỹ viện trợ 3,2 tỷ đô-la cho ta vì Quốc hội Mỹ khi đó dứt khoát không chấp nhận viện trợ làm điều kiện cho việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Ngày 2-3/6, đàm phán vòng 2, Mỹ nêu lại các đề nghị hồi tháng 5. Ngày 19/7/1977, tại Hội Đồng Bảo An LHQ, Mỹ rút bỏ việc phủ quyết Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc. Sau vòng

2, anh Phan Hiền đã phải bay về Hà Nội báo cáo và xin chỉ thị, thực chất là đề nghị trên nên có thái độ thực tế và đối sách mềm dẻo hơn, nhưng nghe nói cả 4 vị lãnh đạo chủ chốt¹⁶ của ta lúc đó đều nhất trí lập trường trên. Trước đòi hỏi kiên quyết của ta, tại vòng 3 (19-20/12/1978), Mỹ đề nghị nếu chưa thoả thuận được về việc thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ thì có thể lập Phòng Quyền lợi (Interest section) ở thủ đô hai nước, nhưng như vậy thì chưa bỏ cấm vận được. Sau khi có Phòng Quyền lợi thì sẽ tùy tình hình mà xét bỏ cấm vận, song ta vẫn giữ lập trường cứng nhắc đòi giải quyết “cả gói” 3 vấn đề.

Rõ ràng năm 1977 chính quyền Carter thực sự muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam và năm 1977 đã có khả năng thực tế để ta bình thường hóa quan hệ với Mỹ nhưng ta đã bỏ qua. Trong khi đó, theo sự xúi dục của Bắc Kinh, chính quyền Polpot bắt đầu chiến tranh biên giới từ ngày 20 tháng 4 và đơn phương cắt đứt quan hệ ngoại giao với ta ngày 31.12.1977.

Từ đầu năm 1978, quan hệ giữa 3 nước lớn Mỹ-Xô-Trung bắt đầu chuyển từ hình thái đối đầu từng đôi một sang hình thái Mỹ-Trung câu kết chống Liên Xô. Liên Xô nhân thế yếu của Mỹ sau thảm bại ở Việt Nam ra

¹⁶ Lãnh đạo bộ chính trị ĐCSVN (1977): Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ.

sức tăng cường ảnh hưởng ở Á-Phi và Mỹ la tinh bằng học thuyết “chủ quyền hạn chế” của Brejnev¹⁷. Tại Châu Á, Liên Xô đưa quân vào Afghanistan (1979), đồng thời thực hiện chính sách bao vây Trung Quốc. Cũng từ năm 1978, Mỹ đẩy nhanh quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (từ tháng 2/1978), khi Kissinger đi thăm Bắc Kinh, TQ¹⁸ và Mỹ đã ký thoả thuận lập Cơ quan liên lạc ở thủ đô 2 nước với quy chế như một sứ quán. Nước cờ “chơi lá bài Trung Quốc để ngăn chặn Liên Xô” của cố vấn an ninh quốc gia Z. Brzezinski¹⁹ đã dần dần lấn lướt chủ trương của ngoại trưởng Cyrus Vance và R. Holbrooke là “thúc đẩy song song việc cải thiện quan hệ với Việt Nam và Trung Quốc”. Ngày 23/8/78, trong lúc Mỹ đàm phán về bình thường hoá quan hệ với ta ở Pa-ri, ngoại trưởng Mỹ C. Vance đã đi thăm Bắc Kinh. Cho đến khi Đặng Tiểu Bình²⁰ tuyên bố “Trung Quốc là NATO phương Đông” và “Việt Nam là Cuba phương Đông” (19/5/1978) và Brzezinski đi thăm Trung Quốc (20/5/1978)

¹⁷ Leonid Ilyich Brezhnev (1906–1982).

¹⁸ Trung Quốc.

¹⁹ Zbigniew Brzezinski (28.3.1928–) Warsaw, Poland, trở thành công dân Canada, rồi công dân Hoa Kỳ (1958); cố vấn cho các chính phủ của đảng Dân Chủ từ những năm 60; Cố Vấn An Ninh Quốc Gia của TT Carter.

²⁰ Deng Xiaoping (1905–1997), cha đẻ của “Kinh tế thị trường định hướng XHCN” tại Trung Quốc vào cuối thập niên 70.

thì chính quyền Carter đã chọn con đường bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và gác sang bên việc bình thường hoá quan hệ với Việt Nam.

Ngày 21 tháng 8 năm 1978 Quốc hội Mỹ còn cử một đoàn 7 hạ nghị sĩ thuộc cả hai đảng Dân chủ và Cộng hoà, do hạ nghị sĩ Dân chủ G.V. Montgomery, chủ tịch Ủy ban POW/MIA, dẫn đầu sang Việt Nam chủ yếu để trao đổi với thứ trưởng Phan Hiền về vấn đề tìm kiếm “người Mỹ mất tích trong chiến tranh” (MIA). Ta đã trao trả cho Mỹ một số bộ hài cốt để tỏ thiện chí hợp tác trong vấn đề MIA. Và theo yêu cầu của họ, tôi đã dẫn đoàn Montgomery đi miền Nam, thăm thánh thất Cao Đài và một trại người Campuchia tị nạn chiến tranh ở biên giới Tây Ninh. Đây là lần đầu tiên ta cho phép một đoàn Mỹ chính thức thăm thành phố Hồ Chí Minh kể từ khi giải phóng miền Nam.

Sau đó chừng một tháng, tôi sang Nữu-uớc²¹ để tiếp tục cuộc đàm phán về bình thường hoá quan hệ với Mỹ. Cuộc đàm phán vòng 4 về bình thường hoá quan hệ Việt Nam-Mỹ không kéo dài nhiều năm 1977 ở Pa-ri. Lần này trưởng đoàn đàm phán của ta là thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch²². Còn

21 New York

22 Tên thật là Phạm Văn Chương (1920–1998), thư ký riêng của Võ Nguyên Giáp (1945–49); Tổng Giám Đốc ở Bộ

phía Mỹ vẫn là R. Holbrooke. Đến lúc này khi ta quyết định rút bỏ đòi hỏi “Mỹ phải bồi thường chiến tranh – viện trợ 3,2 tỷ đô-la – mới bình thường hoá quan hệ” và nhận công thức “bình thường hoá quan hệ không điều kiện” của Mỹ thì đã muộn. Sở dĩ Mỹ tiếp tục đàm phán vấn đề bình thường hoá với ta lúc đó là chỉ nhằm làm Việt Nam chấp chững trong quan hệ với Liên Xô và trong vấn đề Campuchia, trong khi đó Mỹ đã chuyển hướng sang phía Trung Quốc. R. Holbrooke nói với ta: Mỹ coi trọng Châu Á; Mỹ cần bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Nhưng Mỹ lo ngại Liên Xô đặt căn cứ ở Cam Ranh.

Trong khi chờ đợi phía Mỹ trả lời dứt khoát về vấn đề bình thường hoá quan hệ, khoảng hạ tuần tháng 11, anh Thạch về Hà Nội trước, còn tôi vẫn ở lại Nữu ước để giữ cầu. Ngày 30/11/1978, R. Oakley²³, trợ lý ngoại trưởng Mỹ, trả lời sự thúc dục của tôi, còn nói: Mỹ không thay đổi lập trường bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, nhưng phải chậm lại vì cần làm rõ 3 vấn đề CPC, Hiệp ước Việt-Xô và vấn đề người di tản. Rồi họ trao cho tôi tấm

ngoại giao (1954); Tổng Lãnh Sự tại India (1959) vào Trung ương đảng từ 1976, Thứ trưởng thứ nhất (1979), Bộ trưởng Ngoại Giao từ 1986 đến khi “về hưu” năm 1991.

²³ Robert B. Oakley, Deputy Assistant Secretary of State for East Asia and the Pacific (2.1977).

ảnh toà nhà của sứ quán ngay trên đường R. ở Hoa-thịnh-đốn²⁴, nói là sẽ trao trả ta toà nhà đó làm trụ sở đại sứ quán, yêu cầu ta cung cấp sơ đồ ngôi nhà cũ của tổng lãnh sự quán Mỹ tại đường Tràng Thi (?) Hà Nội.

Tôi ở lại Nữu ước mãi tới cuối tháng 1/1979, sau khi ta đưa quân vào Campuchia giúp bạn đánh đuổi Polpot giải phóng Nông-Pênh²⁵. “Các cuộc nói chuyện Mỹ-Việt Nam về bình thường hoá đã tan vỡ do cuộc xâm lược Campuchia của Việt Nam” (Cyrus Vance 9/1/1979). Tôi nghĩ, thực ra Mỹ đã quyết định dứt bỏ quá trình đàm phán bình thường hoá quan hệ với ta từ khi ta tham gia khối COMECON²⁶ và ký Hiệp ước hữu nghị với Liên Xô (3/11/1978), để bắt tay với Trung Quốc chống Liên Xô ở Châu Á-Thái Bình Dương.

Việc Đặng Tiểu Bình đi thăm Mỹ (29-30/1/1979) đánh dấu việc bình thường hoá quan hệ Mỹ-Trung Quốc, cũng là chính thức xếp lại việc bình thường hoá quan hệ Việt Nam-Mỹ tới 17 năm sau. Trong khi gặp Carter ở Hoa-thịnh-đốn, Đặng Tiểu Bình đã tỏ ý sẽ tiến công vào Việt Nam và không gặp phải phản ứng bất lợi nào từ phía Mỹ. Theo Brzezinski, trong cuộc hội đàm với Carter

²⁴ Washington D.C.

²⁵ Phnom Penh, thủ đô Cambodia.

²⁶ The Council for Mutual Economic Assistance.

hôm 29/1, Đặng yêu cầu có sự cộng tác giữa Mỹ và TQ để chống Liên Xô. Còn Carter có phần thận trọng hơn, đồng ý có những cuộc tham khảo chặt chẽ giữa hai nước để chặn chủ nghĩa bành trướng của LX nhưng thận trọng tránh đề cập tới đề nghị của Đặng. Sau đó, ngày 26/2/1979, Carter có nêu 6 nguyên tắc xử sự khi Trung Quốc xâm lăng Việt Nam: Mỹ không can thiệp trực tiếp; khuyến khích các bên tự kiểm chế; Việt Nam rút quân khỏi Campuchia và Trung Quốc rút quân khỏi Việt Nam, cuộc xung đột không đe dọa lợi ích trước mắt của Mỹ; không đặt lại vấn đề bình thường hoá với Trung Quốc; quyền lợi đồng minh của Mỹ không bị đe dọa. Cũng từ đó, cuộc xung đột CPC và quan hệ với Việt Nam đã được đặt trong khuôn khổ của mối quan giữa 3 nước lớn Mỹ- Xô-Trung. Và cũng từ đó Mỹ gắn vấn đề quan hệ Mỹ-Việt Nam với quá trình giải quyết vấn đề CPC.

Là nhân chứng lịch sử và cũng là người trực tiếp tham gia các hoạt động ngoại giao này với tư cách là vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ Bộ ngoại giao, trực tiếp tham gia đoàn đàm phán về bình thường hoá quan hệ với Mỹ ở Pa-ri năm 1977 rồi ở Nữu ước năm 1978, tôi thật sự đau xót vì ta đã bỏ lỡ mất cơ hội củng cố thể đứng của Việt Nam trong hoà bình để tập trung phát triển đất nước sau bao năm chiến tranh, lỡ cơ

hội san bằng khoảng cách với các nước cùng khu vực. Trong tập hồi ký của mình (From Third world to First²⁷ - Từ thế giới thứ ba đến thế giới thứ nhất). Lý Quang Diệu²⁸ đã nhận xét: “Năm 1975 thành phố Hồ Chí Minh có thể sánh ngang với Băng-cốc²⁹. Nhưng nay (năm 1992) nó tụt lại đằng sau tới hơn 20 năm”.

Việc ta từ chối lời đề nghị “bình thường hoá quan hệ không điều kiện” của Mỹ, làm cao trước việc ASEAN ngỏ ý muốn Việt Nam tham gia tổ chức khu vực này, theo tôi, đã đưa lại những hệ quả vô cùng tai hại cho nhân dân và đất nước ta. Liệu Trung Quốc có dám tiếp tay cho bọn diệt chủng Polpot khiêu khích ta và có dám đánh ta năm 1979 nếu như Việt Nam sau Chiến thắng 1975 có một chiến lược “thêm bạn-bớt thù” thực sự cầu thị hơn? Việc bình thường hoá quan hệ với Mỹ và việc gia nhập khối ASEAN mãi ngót 20 năm sau (1995) ta mới thực hiện được một cách khá chật vật.

Theo tôi, tư duy đối ngoại có phần cứng nhắc của ta lúc ấy quả đã không theo kịp bước chuyển biến của chính trị thế giới thể hiện qua sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn

²⁷ From Third World to First: The Singapore Story, 1965–2000, Lee Kwan Yew, HarperCollins, 10.1.2000.

²⁸ Lee Kwan Yew, Thủ tướng đầu tiên của Singapore sau ngày độc lập (1959–1990).

²⁹ Bangkok, thủ đô Thailand.

sau sự kiện Việt Nam 1975, để đảm có những quyết sách linh hoạt kịp thời đem lại lợi ích to lớn lâu dài cho dân tộc ta. Ngược lại, việc ta bỏ lỡ cơ hội bình thường hoá quan hệ với Mỹ lúc này đã khiến Việt Nam gần như đơn độc trước một Trung Quốc đầy tham vọng.

Còn với Trung Quốc, sau khi có Hiệp định Pa-ri 1973, Trung Quốc có lợi ích duy trì nguyên trạng ở Đông Dương, nhất là việc Việt Nam chia cắt thành hai miền dưới hai chế độ chính trị khác nhau là phù hợp với ý đồ lâu dài của họ ở Đông Nam Á. Sau khi đi thăm Trung Quốc về, thượng nghị sĩ Mỹ K. Mansfield báo cáo trước Quốc hội Mỹ (1/2/1975): Trung Quốc tán thành để hai nước Việt Nam tiếp tục tồn tại. Trung Quốc cho rằng một nước Campuchia thống nhất, trung lập là điều chủ yếu trong một Đông Dương ổn định.

Từ 1973, đã xảy ra những va chạm ở biên giới Việt-Trung. Năm 1974, Trung Quốc chiếm ngon lành nốt phần còn lại ở quần đảo Hoàng Sa của ta. Có người cho rằng chỉ sau khi ta ngã hẳn theo Liên Xô thì Trung Quốc mới chống ta. Song sự thật là các hoạt động thù địch của Trung Quốc đối với Việt Nam đã xảy ra từ trước khi Việt Nam tham gia khối SEV³⁰ (tháng 6/1978) và ký Hiệp ước hữu nghị

³⁰ SEV, Liên minh hỗ trợ kinh tế (COMECON, CMEA, CEMA: Council for Mutual ECONomic assistance).

với Liên Xô (tháng 11/1978). Tháng 12 năm 1975, sau khi thăm Trung Quốc qua Pa-ri, H. Kissinger nói: Mỹ đang tính toán việc sử dụng Trung Quốc để hạn chế ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực.

Nét đặc trưng của giai đoạn 1975–78 là Campuchia trở thành tiêu điểm của sự đối đầu giữa một bên là Trung Quốc và một bên là Việt Nam được Liên Xô ủng hộ. Sự đối đầu ấy trở thành xung đột quân sự ngay từ tháng 5/1975 và phát triển lên thành cuộc chiến tranh biên giới Tây–Nam nước ta. Trong khi trả lời phỏng vấn, ngày 8/1/1978 tôi đã nhận định: Điều lý thú đây là trường hợp đầu tiên của một cuộc chiến tranh qua tay người khác giữa Liên Xô và Trung Quốc; xung đột giữa Việt Nam được Liên Xô ủng hộ và CPC được Trung Quốc ủng hộ.

Như vậy chỉ qua 4 năm sau khi giải phóng được đất nước, ta lại bị xô đẩy vào cuộc chiến thảm khốc ở Campuchia, đối đầu ngay với Trung Quốc, kẻ đã từng là đồng minh chiến lược của ta trong 30 năm chiến đấu chống xâm lược phương Tây. Sau hai cuộc kháng chiến gian khổ, dân ta mới chỉ được hưởng mùi vị của chiến thắng và hoà bình êm ả chưa đầy 5 năm. Vết thương chiến tranh chưa lành thì đã lâm vào cảnh nửa hoà bình nửa chiến tranh. Chiến tranh chống Mỹ tuy gian khổ

khốc liệt song Việt Nam còn có được mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn ủng hộ, còn trong cuộc chiến đấu chống diệt chủng Polpot thì Việt Nam hầu như hoàn toàn cô lập. Các nước cùng khu vực lo sợ Việt Nam sau khi “hạ xong” Campuchia sẽ phát huy sức mạnh quân sự ra cả Đông Nam Á. Còn Trung Quốc ra sức vu khống “Việt Nam xâm lược Campuchia và có mưu đồ lập “Liên bang Đông Dương” để làm chủ cả Lào lẫn Campuchia, xoá mờ tính chất “chống diệt chủng” của việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia.

Cũng thời gian này, do những khó khăn kinh tế-xã hội chống chất của thời kỳ chiến tranh chưa được tháo gỡ, lại bị bao vây cấm vận bên ngoài nên trong nước đã nảy sinh ra tình trạng “vượt biên” trốn ra nước ngoài của một bộ phận dân chúng ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, tạo thêm gánh nặng về đối ngoại cho ta, bôi đen thêm hình ảnh Việt Nam trên quốc tế. Vấn đề Campuchia và vấn đề “thuyền nhân” (boat people) lúc đó quả là hai gánh nặng trên mặt trận đối ngoại của ta trong thập niên 80 của thế kỷ 20.

Nửa cuối của thập kỷ 70 này là thời gian ta chống chất nhiều sai lầm về đối ngoại nhất trong suốt lịch sử dựng nước sau cách mạng (từ 1945 đến nay):

- Ta không khôn ngoan duy trì mối quan hệ

cân bằng với Trung Quốc và Liên Xô, nhân tố cực kỳ quan trọng đảm bảo thắng lợi của ta trong kháng chiến chống Mỹ.

- Bỏ lỡ cơ hội bình thường hoá quan hệ với Mỹ, năm 1977, khi chính quyền Carter đã chủ động đề nghị hai bên bình thường hoá quan hệ không điều kiện.

- Đánh giá sai và không gia nhập khối ASEAN ngay từ 1976 khi cả 6 nước này đều mong muốn ta tham gia vì lợi ích của mỗi một quốc gia và của chung khu vực.

- Dính líu sâu và lâu vào vấn đề Campuchia.

Những sai lầm này có hệ quả liên quan chặt chẽ với nhau, gây thiệt hại lớn cho ta về đối ngoại, về an ninh quốc phòng, về phát triển kinh tế trong một thời gian dài.

MỘT NHIỆM KỲ ĐẠI SỨ KHÔNG TẺ NHẠT

Tháng 10.1982, tôi được bổ nhiệm đi làm đại sứ tại Vương quốc Thái Lan³¹—một điểm tiên tiến của mặt trận đối ngoại thời kỳ ấy vì chính quyền Thái Lan lúc đó gắn bó rất chặt với Trung Quốc trong việc nuôi dưỡng bè lũ diệt chủng Polpot chống Việt Nam. Không thể nói nhiệm kỳ đại sứ của tôi ở Thái Lan khi đó là bình lặng hay tẻ nhạt. Hầu như không có tháng nào là không có những đám đông biểu tình trước sứ quán hò hét phản đối Việt Nam “xâm lược” Campuchia, xâm phạm lãnh thổ Thái. Thông thường những hoạt động này trở nên náo nhiệt vào đầu mùa khô hàng năm, cùng lúc với các hoạt động quân sự bắt đầu trên biên giới CPC–Thái. Đám “biểu tình” – có khi là dân “xám-ló” (loại xe xích-lô máy của Thái), có khi là tổ chức dân vệ Thái, có khi là đám người

³¹ Thailand.

Việt phản động ở mấy tỉnh Đông Bắc–thường tụ tập trong công viên Lum-pi-ni³² ở gần đại sứ quán ta trên đường Oai-rơ-lét (Wireless Road³³), để nhận tiền “biểu tình phí”.

Báo chí Thái Lan hồi đó hình như rất khoái theo dõi phản ánh các hoạt động của đại sứ Việt Nam, đặc biệt là những khi có cuộc gặp gỡ không lấy gì làm vui vẻ giữa Bộ Ngoại giao Thái Lan và đại sứ Việt Nam. Phải nói rằng nhiệt độ không khí “chuyện trò” giữa tôi với các vị quan chức, ngoại giao Thái phản ánh khá trung thành cường độ chiến sự ở vùng biên giới Campuchia–Thái Lan. Tôi không thể nào quên lời phát biểu đầy phẫn nộ của ngài Tư lệnh lục quân đầy quyền uy Ac-thit Khăm-lang-ẹc³⁴ với báo chí: “Chẳng cần có đại sứ Việt Nam ở Thái Lan nữa”, sau khi tôi đã lịch sự nhưng kiên quyết từ chối nhận hai bức công hàm phản đối của ngoại trưởng Thái. Bức công hàm ngày 17.4.1983 của Thái phản đối quân đội Việt Nam bắn rơi chiếc máy bay trinh sát L19 làm chết viên phi công lái máy bay đó, và sau đó lại bắn hỏng một chiếc trực thăng của quân đội Thái. Còn công hàm ngày

³² Lumpini Park: công viên ngay trung tâm thủ đô Bangkok.

³³ Phía tây của công viên Lumpini.

³⁴ Arthit Kamlangek, Tướng Tổng tư lệnh quân đội và Tư lệnh tối cao Lục Quân hoàng gia Thailand đến 1986.

1.5.1984 phản đối quân đội Việt Nam “pháo kích vào lãnh thổ Thái” thuộc tỉnh Surin làm chết và bị thương một số dân làng. Tuyên bố giận dữ của tướng Ac-thit đã được phụ hoạ bởi một số báo Thái, trong đó tờ nhật báo tiếng Anh “Daily News” (Tin tức hàng ngày) có xã luận viết: “Chính phủ (Thái Lan) cần yêu cầu Việt Nam thay ngay đại sứ của họ ở Băng-cốc để phản đối việc ông này đã từ chối nhận công hàm phản kháng của Thái”. Sự việc đó xảy ra vào thời gian đầu mùa khô 1984-1985, lúc quân tình nguyện Việt Nam mở chiến dịch đánh thẳng vào vùng “đất thành” và xoá sạch các căn cứ của 3 phái Khơ-me phản động nằm trên đường biên giới Campuchia-Thái Lan và cắm sâu vào đất Thái Lan. Cũng thời gian đó đã xảy ra những vụ tập kích và pháo kích của quân Trung Quốc vào mấy tỉnh biên giới phía Bắc nước ta để phối hợp cứu nguy cho bọn diệt chủng Polpot ở mặt trận phía Tây nước ta.

Thông qua báo chí Thái, tôi cũng đã có dịp làm cho nhân dân Thái Lan rõ sự thật về vấn đề Campuchia trong khi trả lời phỏng vấn của tờ *Kledlap* (Bí Quyết) ngày 15.4.1984:

Hỏi: Ngài có tán thành ý kiến cho rằng chiến tranh CPC là cuộc xung đột giữa Liên Xô-VN một bên với Trung Quốc- Khơ-me đỏ một bên, còn ASEAN và các bên khác chỉ đóng vai trò phụ? Nếu đúng như vậy, Ngài có ý kiến

thế nào về sáng kiến của ông Adam Malik³⁵ về đàm phán Liên Xô-Việt Nam- Trung Quốc để giải quyết vấn đề CPC?

T.L: Thực chất của cái gọi là vấn đề CPC hiện nay là việc Trung Quốc sử dụng một trong những công cụ đặc lực nhất và cũng là thô bạo nhất của họ để can thiệp và đe dọa an ninh của các nước Đông Dương, trước hết là Campuchia. Nếu cho rằng đây là xung đột giữa Liên Xô-Việt Nam với Trung Quốc-Khơ-me đỏ thì là mắc bẫy Trung Quốc cả, đều là sai lầm nguy hiểm. Vì như thế sẽ không thấy được mối đe dọa lớn đối với an ninh của tất cả các khu vực này là chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung Quốc. Liên Xô trước đến nay chỉ giúp nhân dân 3 nước Đông Dương bảo vệ độc lập và xây dựng hoà bình đất nước mình, không đe dọa ai cả. Vì vậy, xin miễn phát biểu về ý kiến của ông Adam Malik ở đây.

Hỏi: Chiến tranh (ở CPC) kéo dài sẽ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và ASEAN, không rõ ai sẽ chịu đựng được lâu hơn ai?

T.L: Tôi nghĩ rằng không nên đặt vấn đề như vậy, vì sẽ trùng hiểm kế của Bắc Kinh. Thủ đoạn lớn của họ trong chính trị quốc tế xưa nay vẫn là “ngồi trên núi xem hổ đánh nhau”. Nước chúng ta không lớn như họ, vì vậy ta cần phải thông minh hơn họ, ít nhất

³⁵ Phó Tổng Thống Indonesiatừ 1978-1983 (1917-1984).

cũng không mắc mưu họ. Lợi ích của nhân dân các nước Đông Nam Á không cho phép chúng ta kéo dài tình hình đối đầu hiện nay để cho các nước khác đứng ngoài hưởng lợi.

Trong chuyến đi Indônêxia³⁶ tháng 3 vừa qua của Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch, Việt Nam và Indônêxia đã nhất trí nhận định là để tình hình tiếp tục như hiện nay là có hại cho các nước trong khu vực trong cố gắng xây dựng nền kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân mình. Hai bên đã thừa nhận là giải quyết được tình hình này sẽ có lợi cho tất cả các nước Đông Nam Á. Nếu không sẽ chỉ có lợi cho các bên thứ ba.

Hỏi: Không rõ Ngài có thể khẳng định được hay không rằng trong tình hình hiện nay quân VN sẽ không tràn qua biên giới Thái Lan.

T.L: Về điều này chúng tôi có thể đảm bảo chắc chắn rằng chúng tôi không xâm phạm lãnh thổ của Thái Lan.

Hỏi: Nhưng chính quyền và quân đội Thái Lan đã vạch rõ điều đã xảy ra. Một số phóng viên nước ngoài cũng đưa tin này.

T.L: Xin khẳng định lại rằng trong đợt tấn công bọn Khơ-me đỏ vừa qua, bọn này đã chạy vào lãnh thổ Thái Lan. Lực lượng của chúng tôi đã dừng lại ở biên giới chứ không xâm phạm lãnh thổ Thái Lan, mặc dù phía

³⁶ Indonesia

Thái Lan đã tạo điều kiện cho bọn này chạy sang. Về tin nói rằng bắt được tù binh Việt Nam, có xác binh sĩ và xe tăng Việt Nam trong đất Thái Lan là hoàn toàn bịa đặt.

Hỏi: Ngài Tư Lệnh tối cao kiêm Tư Lệnh Lục quân (Ac-thít Khăm-lăng-ẹc) đã đưa ra tin này

T.L: Chính Ngài Tư Lệnh tối cao quân đội khẳng định tin nói rằng quân đội Thái Lan đã sử dụng máy bay A.37 ném bom phá hủy kho vũ khí của Khơ-me đỏ, cũng chưa rõ kho này nằm trên đất Thái hay trên đất CPC. Trong khi chiến sự đang xảy ra ở biên giới, quân đội Thái Lan đã không tạo điều kiện cho phóng viên nước ngoài vào làm tin ở khu vực đó. Nhiều phóng viên nước ngoài rất bất bình về việc này và nói rằng quân đội Thái Lan đưa tin rất lộn xộn, hôm nay nói thế này, ngày mai lại nói thế kia, không thống nhất. Ví dụ như lúc đầu nói bắt được 40 tù binh VN, sau đó nói là bắt được 41 người, tiếp đó nói chỉ bắt được 6 người, còn là người Khơ-me.

Hỏi: Không rõ Việt Nam sẽ có biện pháp sớm chấm dứt chiến sự như thế nào?

T.L: Theo ý kiến riêng tôi, nếu chiến sự lần này chấm dứt càng sớm sẽ càng có lợi cho các bên. Trước hết chúng tôi muốn giữ gìn mối quan hệ, muốn làm cho biên giới Thái Lan-Campuchia có hoà bình ổn định và muốn cho

Việt Nam và Thái Lan sớm có quan hệ hữu nghị. Chúng tôi không muốn chiến tranh kéo dài, nhưng cũng không sợ chiến tranh kéo dài.

Hỏi: Vấn đề không an toàn hiện nay là quân đội VN đã áp sát biên giới Thái Lan. Nếu ở vào cương vị Thái Lan thì VN cũng sẽ cảm thấy mình không an toàn nếu như có lực lượng nước ngoài xâm phạm như vậy. Đây là điều suy nghĩ hiện nay của Thái Lan.

T.L: Nếu như các ông theo dõi kỹ vấn đề thì các ông sẽ thấy không phải là gì mới mẻ cả. Chúng tôi đã nhiều lần đưa ra nhiều sáng kiến: từ năm 1980 chúng tôi đã đề nghị xây dựng khu an toàn dọc biên giới Thái Lan-CPC nhằm đảm bảo an ninh ở khu vực này, để làm cho phía Thái Lan khỏi lo ngại việc quân đội VN có mặt ở CPC. Nhiệm vụ của quân đội VN ở CPC chỉ nhằm tiêu diệt lực lượng Polpot. Chúng tôi đã nhiều lần tuyên bố quân đội VN sẽ rút ngay khi nguy cơ đe dọa từ Trung Quốc đã chấm dứt.

Khi cho in bài phỏng vấn này, Ban biên tập đã tự ý cắt bỏ không dùng trả lời của tôi nói về bằng chứng quân đội Thái đã giúp quân Polpot và đã xâm phạm lãnh thổ CPC.

Trong khi Việt Nam tiếp tục sa lầy vào Campuchia thì ba nước lớn trong tam giác chiến lược Mỹ-Xô-Trung lại có sự điều chỉnh chiến lược để tập trung vào phát triển kinh

tế, đi vào xu thế hoà hoãn nhằm vừa tranh thủ vừa đấu tranh kiềm chế lẫn nhau. Vấn đề Campuchia bắt đầu được đưa vào chương trình nghị sự của các cuộc đàm phán từng cặp một giữa ba nước lớn. Ngay từ khi Trung-Xô khởi đầu quá trình đàm phán bình thường hoá quan hệ giữa hai bên, tháng 10.1982 ở Bắc Kinh, Trung Quốc đã nêu “3 trở ngại” cho việc bình thường hoá quan hệ Trung-Xô là xung đột biên giới Trung-Xô, vấn đề Campuchia, vấn đề Afghanistan, và trao bản yêu sách 5 điểm về vấn đề Campuchia cho Liên Xô:

a) Liên Xô chấm dứt ủng hộ Việt Nam xâm lược Campuchia.

b) Việt Nam tuyên bố rút hết quân khỏi Campuchia. Đàm phán bình thường hoá quan hệ Trung-Việt sẽ bắt đầu sau khi những đơn vị quân VN đầu tiên rút.

c) Trung Quốc có những biện pháp cải thiện quan hệ với Liên Xô.

d) Lập chính phủ liên hiệp CPC đại diện cho tất cả các phe phái ở Campuchia (điều này có nghĩa là hợp thức hóa phái Polpot diệt chủng).

e) Bảo đảm quốc tế cho một nước CPC độc lập và không liên kết.

Đến ngày 1.3.1983, Trung Quốc đưa ra công khai 5 điểm trên. Thực ra lúc đó Trung Quốc đưa ra lập trường 5 điểm giải quyết vấn đề

Campuchia chủ yếu để làm con bài mặc cả với Liên Xô, và gây sức ép với Mỹ và ASEAN chứ chưa định giải quyết vì Trung Quốc cho rằng ghim chân Việt Nam ở Campuchia càng lâu càng có lợi cho họ. Thời gian tôi làm đại sứ Việt Nam ở Thái Lan thì đại sứ Trung Quốc ở Thái Lan là Trương Đức Duy, với Trương Thanh là tham tán. Những nhân vật này tôi lại gặp lại sau này khi đàm phán với Trung Quốc về bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Thời gian làm đại sứ ở Bangkok cũng đã giúp tôi tìm hiểu được thêm về ý đồ lâu dài của Trung Quốc ở Đông Nam Á và trong vấn đề Campuchia.

Vấn đề Hoa kiều cũng là một đặc điểm mà Trung Quốc muốn khai thác để hòng giành thêm lợi thế chính trị và kinh tế ở Đông Nam Á. Số lượng người Hoa ở Thái Lan cũng như các nước ĐNÁ khác đều khá lớn và nắm vai trò quan trọng trong nền kinh tế địa phương. Nhưng ở các nơi khác cộng đồng người Hoa thường tách biệt riêng ra còn ở Thái họ hầu như đã đồng hóa với dân địa phương. Rất khó phân biệt người Thái gốc Hoa với người bản địa, nhất là trong tầng lớp trung lưu trở lên, kể cả trong hoàng tộc.

Trong khi đó, người Việt ở Thái Lan lại chịu một số phận hẩm hiu hơn nhiều. Ta quen gọi là Việt kiều Thái Lan, nhưng chính quyền Thái

Lan chỉ coi họ là những người “tị nạn bất hợp pháp” của nước Việt Nam cộng sản, không coi là ngoại kiều (không được cấp giấy “tàng-dạo” – giấy chứng nhận là ngoại kiều) cũng không được nhập quốc tịch Thái. Vì vậy nên hàng chục vạn người Việt mặc dù đã làm ăn sinh sống trên đất Thái hàng chục năm vẫn bị “quản thúc” ở mấy tỉnh miền Đông Bắc Thái Lan. Phải xin giấy phép của chính quyền Thái nếu muốn ra khỏi nơi mình cư trú, cũng như nếu muốn đến sứ quán ở Băng-cốc những dịp Tết Nguyên đán hay ngày Quốc khánh. Ngược lại đại sứ ta cũng không thể tới những tỉnh có đông người Việt ở Đông Bắc để thăm hỏi bà con kiều bào mình. Người tiền nhiệm tôi, anh Hoàng Bảo Sơn, trước khi kết thúc nhiệm kỳ đại sứ đã đặt vấn đề với Bộ Ngoại giao Thái Lan xin được đi Đông Bắc thăm và chào từ biệt kiều bào và đã nhận được câu trả lời rất chi là “ngoại giao”: không đảm bảo an toàn trên đường đi. Để vượt qua sự ngăn cản đó đến với kiều bào, ngày tháng 6 năm 1985, không báo trước cho Bộ Ngoại giao Thái nhưng có thông báo với ban đại diện Việt kiều tỉnh, tôi cùng mấy anh em trong bộ phận lãnh sự đáp máy bay nội địa đi thẳng đến Ubon Thani, tỉnh có đông Việt kiều nhất vùng Đông Bắc. Đến nơi bà con Việt kiều ở Ubon và các tỉnh lân cận tổ chức đón tiếp cực kỳ nhiệt tình,

bộc lộ tình cảm khát khao với quê hương đất nước. Nhưng đồng thời, chính quyền và công an tỉnh cũng không kém phần quan tâm đến chúng tôi. Họ chất vấn tôi ngay khi vào phòng khách sạn: vì sao ngài đại sứ đi không báo cho Bộ Ngoại Giao? Ngài đến Ubon có việc gì? Đã dự kiến trước tình huống này, tôi thản nhiên đáp: Tôi nhận được thiệp báo cưới con cháu gái hơi chậm nên vội đi. Hơn nữa đây là chuyện riêng tư gia đình nên không muốn các ngài bận tâm đến. Đại khái câu chuyện trao đi đổi lại lúc đầu có vẻ căng thẳng nhưng đã kết thúc khá êm thấm. Cuối cùng họ chỉ yêu cầu mỗi khi đại sứ đi đâu xin cho hai xe mô tô đi trước và một xe ô tô công an đi sau hộ tống. Và buổi lễ cưới hôm sau được biến thành một cuộc mít-tinh lớn tổ chức ở ngoài trời chiếm cả một đường phố lớn để đông đảo Việt kiều được tham dự. Sự kiện này là một kỷ niệm khó quên của tôi ở Thái Lan.

Tháng 10 năm 1986, vừa tròn 4 năm ở Thái, tôi kết thúc nhiệm kỳ đại sứ, rời Bangkok về Hà Nội. Ngay sau khi về nước, tôi được giao nhiệm vụ nghiên cứu giúp bạn Lào trong cuộc đàm phán với Trung Quốc vào cuối năm 1986 theo yêu cầu của Bộ Ngoại Giao Lào. Tôi đã sang Vientiane³⁷ 3 lần trong mấy tháng 10, 11 và 12.1986 để trao đổi ý kiến với bạn trong

37 Vientiane, thủ đô Laos

việc chuẩn bị nội dung chính trị và kế hoạch tiến hành cuộc đàm phán. Việc Trung Quốc đáp ứng khá nhanh lời tuyên bố của ngoại trưởng Lào–trong bản tuyên bố của Hội nghị bộ trưởng ngoại giao 3 nước Đông Dương lần thứ 13 (tháng 8/1986)–trong khi họ vẫn từ chối đàm phán bình thường hoá quan hệ với VN, nhằm chia rẽ ba nước Đông Dương; âm mưu bình thường hoá quan hệ riêng rẽ với Lào, cải thiện quan hệ với Liên Xô và Đông Âu để gây sức ép với ta trong vấn đề Campuchia. Vì vậy, trong đàm phán, Trung Quốc muốn kéo Lào đi vào bàn các vấn đề cụ thể thuộc quan hệ song phương hai nước. Cụ thể TQ nêu 4 vấn đề: lập lại quan hệ ngoại giao cấp đại sứ, quan hệ mậu dịch, thỏa thuận những điểm tồn tại về biên giới, nhân dân vùng biên hai bên qua lại tự do. Còn phía Lào nêu lại 3 vấn đề: tình hình căng thẳng ở biên giới Lào–TQ, TQ nuôi dưỡng bọn Lào lưu vong, giải quyết với cả 3 nước Đông Dương. Theo chủ trương đã nhất trí với ta là “không giải quyết gì, chủ yếu để thăm dò đối phương và giữ cầu để tiếp tục đàm phán”. Lào kéo Trung Quốc phải đi vào bàn những vấn đề có tính chất nguyên tắc và phải đề cập đến những vấn đề mà Bắc Kinh muốn lẩn tránh như vấn đề Campuchia, vấn đề quan hệ Trung Quốc–Việt Nam. Qua đàm phán chính thức cũng như qua những cuộc trao đổi riêng, ta

đã hiểu rõ thêm được về ý đồ của Trung Quốc đối với khu vực này. Lúc này Trung Quốc tuy chưa thay đổi chính sách đối với Đông Dương-Đông Nam Á, song có khó khăn thúc bách về thời gian. Trước mắt họ muốn nắn gân cốt ta, muốn thăm dò mức độ đoàn kết nhất trí giữa Việt Nam-Lào-Campuchia, nhất là về vấn đề Campuchia. Thủ trưởng ngoại giao Lưu Thuật Khanh³⁸, trưởng đoàn đàm phán Trung Quốc, coi vấn đề Campuchia không liên quan gì tới Lào cũng như tới quan hệ Trung Quốc-Lào, nhưng đồng thời lại có ý qua Lào thăm dò ý đồ của ta trong vấn đề Campuchia.

tCuộc đàm phán không đem lại kết quả. Lưu mời Lào sang Bắc Kinh bàn tiếp. Đối với tôi đây cũng là một dịp bản thân tôi được bổ sung thêm hiểu biết về chính sách của TQ đối với Đông Dương và dụng ý xấu xa của họ khi tiếp tục tung ra luận điệu “Việt Nam mưu đồ thiết lập Liên bang Đông Dương”.

³⁸ Liu Huaqiu (1939-).

ĐẠI HỘI “ĐỔI MỚI”

Dại hội VI, mệnh danh là Đại hội “đổi mới” của Việt Nam, thực chất bắt đầu từ đổi mới tư duy kinh tế mà đi tới đổi mới tư duy đối ngoại. Đại hội diễn ra trong bối cảnh xu hướng hoà bình ổn định trên thế giới đang phát triển, các nước lớn đi sâu vào quan hệ hoà hoãn từng cặp Mỹ-Xô, Mỹ-Trung và Xô- Trung. Không phải ngẫu nhiên mà Nghị quyết 32 BCT ngày 9.7.1986 quy định cần đạt giải pháp chính trị vấn đề Campuchia và đi vào bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (“giải pháp vấn đề Campuchia phải giữ vững thành quả cách mạng Campuchia, giữ vững đoàn kết 3 nước Đông Dương”) lại ra đời ít ngày trước bài diễn văn của Gorbachov³⁹ ở

Vladivostok⁴⁰ (28.7.1986) trong đó Gorbachov công bố những nét lớn trong chính sách đối ngoại mới của Liên Xô đối với Châu Á-Thái Bình Dương: xích gần lại với Trung Quốc, giải quyết “3 trở ngại” mà Trung Quốc nêu ra (rút quân khỏi Afghghanistan, chấm dứt xung đột biên giới Trung-Xô, giải quyết vấn đề Campuchia). Gorbachov tuyên bố: Vấn đề Campuchia không thể giải quyết ở các thủ đô xa xôi, kể cả ở Liên Hiệp Quốc, phải giải quyết giữa Việt Nam và Trung Quốc là hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng.

Cũng trong những năm 1986–1988, cuộc khủng hoảng kinh tế- xã hội ở nước ta lên tới đỉnh cao. Trước thúc bách của hoàn cảnh thế giới và trong nước như vậy, về đối ngoại, Đảng đã quyết định chuyển sang một giai đoạn đấu tranh mới trong cùng tồn tại hoà bình với Trung Quốc, ASEAN, Mỹ để nhanh chóng phục hồi kinh tế, phát triển trong hoà bình. Giai đoạn đấu tranh nhằm giành thắng lợi hoàn toàn cho cách mạng CPC với ảo tưởng “tình hình không thể đảo ngược” (irreversible) đã kết thúc và ta phải chấp

³⁹ Gorbachev, Mikhail Sergeevich (2.3.1981–), Chủ tịch Union of Soviet Socialist Republics (USSR).

⁴⁰ Vladivostok, căn cứ hải quân Nga cách biên giới TQ 100km đối diện đảo Honshu bên kia biển Nhật Bản.

nhận thực tế đấu tranh từng bước để đạt một giải pháp chính trị cho vấn đề CPC.

Sau khi được đặc cử (không phải qua ứng cử ở một đảng bộ địa phương) đi dự Đại hội VI tháng 12.1986), tôi được bầu vào Trung ương khóa 6. Rồi đến tháng 1.1987 nhận chức thứ trưởng Bộ Ngoại giao, chuyên trách vấn đề giải pháp Campuchia.

Ngày 09.4.1987, để giúp Bộ Chính trị xúc tiến việc thực hiện Nghị quyết 32 BCT và Nghị quyết về đối ngoại của Đại hội VI. Bộ Ngoại giao đã ra quyết định thành lập Tổ nghiên cứu nội bộ lấy ký hiệu là CP87 với nhiệm vụ:

- Nghiên cứu chủ trương giải quyết các vấn đề bình thường hoá quan hệ với TQ, vấn đề Campuchia và hoà bình ở Đông Nam Á; chuẩn bị các phương án đấu tranh trước, trong và sau khi có giải pháp;

- Nghiên cứu các diễn đàn có thể tác động tích cực tới phương hướng đó;

- Nghiên cứu nội dung phối hợp hoạt động với Liên Xô, Lào, Campuchia theo phương hướng đó.

Bộ phận thường trực CP87 gồm có: Trần Quang Cơ, phụ trách chung, Đặng Nghiêm Hoàn (vụ trưởng Vụ Tổng hợp đối ngoại) tổ phó, Nguyễn Phương Vũ (vụ trưởng Vụ Trung Quốc), Trần Xuân Mận (vụ trưởng Vụ Á châu II). Các thành viên không thường trực của CP87

có: anh Đặng Nghiêm Bái (vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ), anh Tạ Hữu Canh (vụ trưởng Vụ Liên Xô), anh Nguyễn Can (vụ trưởng Vụ Á châu III), anh Trịnh Xuân Lăng (vụ trưởng Vụ Báo chí),... Là thứ trưởng chuyên trách vấn đề Campuchia, tôi có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo CP87.

Bộ Ngoại giao CHND Campuchia cũng thành lập bộ phận B1 có thứ trưởng Ngoại giao Dith Munty, Sok An, Chom Prasit... làm đối tác của CP87.

CP87 và 3 tầng quan hệ của vấn đề Campuchia.

Trước tình hình quốc tế và khu vực ngày càng rối rắm phức tạp, vấn đề CPC đã được quốc tế hoá cao, chúng tôi không thể không cùng nhau rà lại những nhân tố cơ bản trước khi đưa ra những phương án giải quyết. Qua phân tích tình hình, chúng tôi thấy việc giải quyết vấn đề CPC nay đã quốc tế hoá cao nằm trong lợi ích không những phe phái CPC mà còn đụng đến lợi ích của các nước trong khu vực và chịu ảnh hưởng tính toán chiến lược của các nước lớn trên thế giới nữa. Cho nên những lực lượng trực tiếp can dự vào việc giải quyết vấn đề Campuchia có thể phân thành 3 tầng: Tầng 1 gồm 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An, chủ yếu là ba nước lớn: Trung Quốc, Liên Xô và Mỹ. Tầng 2 gồm các nước Đông Nam Á, chủ yếu là Việt Nam và Thái

Lan. Tầng 3 là các bên Campuchia gồm Nhà nước Campuchia (SOC⁴¹) và 3 phái trong cái gọi là “Campuchia Dân Chủ”. Thoạt nhìn tưởng chừng như các phe phái CPC và những nước kề cận phải giữ vai trò quyết định vấn đề CPC vì có lợi ích “sát sườn”⁴². Nhưng nếu suy xét thật thấu đáo thì mới thấy giữ vai trò quyết định lại là các nước lớn. Việc nghiên cứu giải pháp của chúng tôi tất nhiên phải tập trung vào theo dõi sát những nhân tố trực tiếp trong tầng thứ ba, nhưng không thể bỏ sót những động thái trong mối quan hệ giữa các nước thuộc tầng thứ nhất.

Để có được phương hướng hành động giữa lúc nhiều nhận thức về đối ngoại của ta khi đó còn trong tình trạng tranh tối tranh sáng, chúng tôi đã tổ chức những buổi thảo luận trong nội bộ CP87 với tinh thần tự do tư tưởng để có thể nhìn thấy được thực chất của sự việc. Trong lúc nhận thức con người về thế giới bên ngoài còn bị chi phối bởi cảm tính mạnh hơn lý trí, người ta dễ xem nhẹ thực chất vấn đề mà hướng theo những hiện tượng nhất thời. Sau sự kiện Trường Sa 1988 mà hải quân Trung Quốc đã gây tổn thất khá nặng cho hải quân ta và việc Trung Quốc tiếp tục gây căng thẳng trong quan hệ với ta, bác

⁴¹ State of Cambodia.

bỏ các đề nghị của ta cải thiện quan hệ giữa hai nước, trong nội bộ ta đã xuất hiện những ý kiến khác nhau. Không khí chung lúc đầu là không thuận lợi cho việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc theo tinh thần Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị. Ta nhìn mặt bành trướng bá quyền của Trung Quốc đậm nét hơn mặt xã hội chủ nghĩa. Nhiều ý kiến cho rằng trong khi Trung Quốc đang chống ta trong vấn đề Campuchia và tìm cách lấn chiếm biên giới hải đảo của ta, việc ta quyết định rút quân khỏi Campuchia, sửa Lời nói đầu của Điều lệ Đảng là hữu khuynh trong quan hệ với Trung Quốc. Chủ trương của Bộ Chính trị về giảm tuyên truyền chống Trung Quốc cũng không được thực hiện đầy đủ. Ngày 20.5.1987, với tinh thần thực sự cầu thị, Bộ Ngoại Giao làm tờ trình lên Bộ Chính trị kiến nghị sửa Lời nói đầu của Hiến pháp, bỏ chỗ nói Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất như đã sửa Điều lệ Đảng, mãi tới 26.8.1988 Quốc Hội mới có nghị quyết thông qua việc sửa này. Có người còn nói mỉa: có phải Ngoại giao định quỳ gối trước Trung Quốc không”. Nhưng rồi sang năm 1989, khi bắt đầu cuộc khủng hoảng trong phe xã hội chủ nghĩa, một số ngành trong Trung Ương ta và ngay trong Bộ Chính trị lại xuất hiện những ý kiến khác

⁴² “vested interest”

nhau về đánh giá sự kiện Thiên An Môn cũng như đánh giá tình hình Liên Xô-Đông Âu. Lúc này luận điểm được dùng lại là: “dù bành trướng thế nào Trung Quốc vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa”.

Tôi và anh em trong bộ phận thường trực CP87 đã mất khá nhiều thời giờ tranh luận về thực chất Trung Quốc là xã hội chủ nghĩa hay bành trướng bá quyền? mặt nào là chính trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc? “chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc” cụ thể là gì? Trung Quốc muốn gì trong vấn đề Campuchia? muốn gì khi nuôi dưỡng bè lũ Khơ-me đỏ chống Việt Nam? ý đồ của Trung Quốc đối với Việt Nam?

Chúng tôi thấy rằng: Trung Quốc ngày nay có hai mặt, mặt xã hội chủ nghĩa và mặt bành trướng bá quyền. Tính chất xã hội chủ nghĩa thể hiện tương đối rõ nét hơn về chính sách đối nội, ở cơ cấu xã hội, cơ cấu kinh tế của họ. Còn đường lối đối ngoại của Trung Quốc lại mang tính chất cổ truyền của họ là bành trướng bá quyền. Cái bất biến của Trung Quốc là tham vọng bá quyền. Nhưng những cái mà Trung Quốc sử dụng làm công cụ để thực hiện chính sách đó lại là “vạn biến”. Tùy theo lợi ích của họ trong từng lúc mà một nước nào đó có thể được Trung Quốc coi là bạn hay là thù. Tại Đông Nam Á, khi Trung Quốc muốn

chống hay gây sức ép với chính quyền tư sản các nước này thì họ lập ra, hoặc giúp đỡ lập ra các đảng cộng sản Mao-ist⁴³ ở Thái Lan, Miến Điện⁴⁴, Mã-lai⁴⁵, v.v.; khi Trung Quốc thấy cần tranh thủ các chính quyền tư sản khu vực này thì ta đã thấy các đảng cộng sản đó lần lượt tiêu tan để phục vụ cho mục đích của Trung Quốc. Rồi sau sự kiện Thiên An Môn⁴⁶, để xoa dịu phản ứng của Mỹ và phương Tây, Trung Quốc hy sinh nốt Đảng Cộng sản Mã-lai theo lệnh của Bắc Kinh, tổng bí thư đảng này là Trần Bình gốc Trung Quốc, đã ra ký kết đầu hàng chính quyền Ma-lay-xia và giải tán đảng Cộng sản.

Trường hợp Khơ-me đỏ sau này cũng vậy, theo tờ “Ý thức Khơ-me”⁴⁷ ngày 17/10/2000 dưới đầu đề “Trung Quốc giết Pôn Pốt”⁴⁸ để đe dọa những chỉ huy Khơ-me đỏ còn lại buộc trở về với Hun-xen⁴⁹ viết “Sau khi đi gặp Sứ quán Trung Quốc tại Bangkok, Pôn Pốt chết không phải do bệnh tật cũng không phải do Hun-

⁴³ Maoist

⁴⁴ Myanmar

⁴⁵ Malaysia

⁴⁶ Quảng trường Tiananmen nơi hàng ngàn thanh niên thiếu nữ TQ bị quân đội nhân dân đàn áp trong cuộc vận động đòi tự do dân chủ từ tháng 4 đến tháng 6.1989.

⁴⁷ Moneakseka Khmer (Khmer Conscience).

⁴⁸ Pol Pot, lãnh tụ Khmers Đỏ.

⁴⁹ Samdech Hun Sen

xen mà chết do thuốc độc của Trung Quốc (?). Bởi vì Trung Quốc vận động các chỉ huy Khor-me đỏ trở về với chế độ của Thủ tướng Hun-xen không được nên đã giết Pôn Pốt để đe dọa những chỉ huy Khor-me đỏ khác... Sở dĩ Trung Quốc muốn các chỉ huy Khor-me đỏ trở về với Hun-xen vì TQ đã chọn Hun-xen làm con bài có lợi về chính trị cho họ sau khi Pôn Pốt không còn ý nghĩa đối với họ nữa”.

Trong lịch sử 50 năm của nước C.H.N.D. Trung Hoa thì có hơn 30 năm Trung Quốc hết chống Liên Xô lại chống Việt Nam. Trên cơ sở đó, tôi hoài nghi là liệu có thể đứng trên lý tưởng chung xã hội chủ nghĩa để tranh thủ Trung Quốc được chăng?

Trong khi nghiên cứu ý đồ Trung Quốc đối với Việt Nam và trong vấn đề Campuchia, chúng tôi đã thử liệt kê những thay đổi trong lập trường của Trung Quốc về việc nối lại đàm phán bình thường hoá quan hệ với ta trong thời gian 1980-1988. Kết quả cho thấy là từ khi Trung Quốc đơn phương chấm dứt vòng 2 đàm phán Việt -Trung về bình thường hoá quan hệ hai nước vào ngày 8.3.1980, Trung Quốc đã luôn luôn nâng cao điều kiện nối lại đàm phán với Việt Nam:

A. (1980-9/1985) Trung Quốc đòi ta rút hết quân khỏi CPC thì sẵn sàng nối lại đàm phán

- Tháng 10.1982, tại vòng 1 đàm phán Xô-

Trung, Trung Quốc trao cho Liên Xô bản đề nghị 5 điểm về vấn đề Campuchia trong đó điểm 2 nói: Việt Nam tuyên bố rút hoàn toàn. Trung Quốc sẽ tiến hành tham khảo với Việt Nam về bình thường hoá quan hệ hai nước ngay sau khi Việt Nam rút những đơn vị đầu tiên. Tháng 3.1983, Trung Quốc đưa ra công khai đề nghị này.

- Sau chiến dịch pháo kích và tập kích quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới miền Bắc nước ta kéo dài 3 tháng (tháng 4-6.1984), Trung Quốc tuyên bố: chỉ cần Việt Nam hứa rút quân khỏi Campuchia thì hai bên sẽ mở đàm phán.

B. Từ tháng 9/1985 đến cuối năm 1985 khi ta tuyên bố sẽ rút hết quân khỏi Campuchia trong năm 1990, Trung Quốc lại không nói “sẵn sàng đàm phán” với ta nữa, mà chỉ nói sẽ nói chuyện qua đại sứ hai bên.

- Ngày 6.9.1985, đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội gửi công hàm trả lời công hàm ngày 21.8.85 của Bộ Ngoại Giao trong đó nói: “Việt Nam tuyên bố thời gian rút quân kéo dài đến 1990 và đặt điều kiện vô lý cho việc rút quân, như vậy là chưa có thiện chí. Đàm phán giữa hai nước với bất cứ hình thức nào cũng khó đạt kết quả. Nếu Việt Nam có vấn đề gì cần nói thì cứ chuyển qua đại sứ hai bên”.

C. Từ cuối 1985 đến tháng 3.1986, Trung

Quốc một mặt vẫn đòi ta cam kết rút quân nhưng đưa thêm điều kiện là nếu Việt Nam không loại trừ lực lượng Polpot thì Trung Quốc sẽ đàm phán ngay với Việt Nam.

- Ngày 18.12.1985, lãnh tụ Rumani Ceausescu⁵⁰ sau khi thăm Trung Quốc thông báo với anh Hoàng Tùng để chuyển Tổng Bí Thư Lê Duẩn: “Trung Quốc sẽ đàm phán ngay với Việt Nam, nếu Việt Nam đồng ý không loại trừ lực lượng Polpot. Đàm phán sẽ bắt đầu trong khi Việt Nam chưa rút hết quân khỏi Campuchia, song cần cam kết rút hết”.

D. Từ tháng 3.1986 (khi 3 phái Khơ-me phản động đưa đề nghị 8 điểm) đến nay (6.1987) Trung Quốc đòi Việt Nam rút hết quân nhưng đòi Việt Nam nói chuyện với “Chính phủ liên hiệp CPC dân chủ” và với Sihanouk, còn Trung Quốc chỉ đàm phán trực tiếp với Việt Nam sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết theo cách của Trung Quốc.

- Ngày 25.8.1986, thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc Lưu Thuật Khanh nói với vụ phó Vụ Trung Quốc Bộ Ngoại Giao ta Vũ Thuận: Trung Quốc không thể thay mặt Campuchia để bàn với Việt Nam vấn đề Campuchia được, Việt Nam phải bàn với Campuchia Dân chủ.

⁵⁰ Nicolae Andruta Ceausescu (26.1.1918–25.12.1989). Nicolae cùng vợ là Elena (thành viên BCT đảng CS Romania) bị bắt và xử bắn sau cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài và đảng CS Romania.

- Tháng 10.1986, TBT Hồ Diệu Bang⁵¹ nói với Honecker⁵² đang thăm Trung Quốc “Lúc đầu Trung Quốc nghĩ có thể đàm phán (với Việt Nam) trước, rút quân sau. Nhưng sau tính lại nhiều lần, Trung Quốc quyết định Việt Nam phải rút quân trước, sau đó mới đàm phán. Đây là phương án tốt nhất, nếu không sẽ tác động không tốt tới ASEAN và 3 phái (Sihanouk, Son San53 và Khor-me đỏ)”.

- Ngày 14.5.1987, Đảng Tiểu Bình tiếp Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc De Cuellar và nhờ ông ta chuyển cho ta một “thông điệp miệng” (message oral): chỉ khi nào vấn đề Campuchia được giải quyết theo cách này (Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, lập chính phủ liên hiệp 4 bên gồm Sihanouk, Son San Khieu Samphon⁵⁴, Heng Xamrin⁵⁵; do Sihanouk đứng đầu) thì Trung Quốc mới đàm phán trực tiếp với Việt Nam. Đàm phán như vậy sẽ bao gồm cả vấn đề bình thường hoá quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam. Còn trước đó thì mọi cuộc đàm phán trực tiếp đều không thể có được.

⁵¹ Tổng Bí Thư (1980–1987) Hu Yaobang (1915–15.4.1989).

⁵² Erich Honecker (August 25, 1912 – May 29, 1994).

⁵³ Son Sann (5.10.1911, Phnom Penh, Cambodia—19.12.2000, Paris, France) – Lãnh tụ MTGPQGND Khmer (KPNLF).

⁵⁴ Khieu Samphan (27.7.1931–) Tổng Tư Lệnh QĐ Khmer Đỏ, Quốc Trưởng Cambodia (14.4.1976–7.1.1979).

⁵⁵ Heng Samrin – Quốc Trưởng Cambodia (1979–1991).

Như vậy là từ sau khi đơn phương cắt đứt cuộc đàm phán (sau khi Trung Quốc gây chiến tranh xâm lược Việt Nam tháng 2/1979, ta đã có 2 vòng đàm phán với Trung Quốc: vòng 1 từ 18/4 đến 18/5/1979 tại Hà Nội; vòng 2 từ 28/6/79 đến 6/3/80 tại Bắc Kinh) từ năm 1980 đến cuối năm 1988, đã ngót hai chục lần Việt Nam gửi thư hoặc công hàm cho Trung Quốc đề nghị nối lại đàm phán nhưng đều bị Trung Quốc bác với lý do này hoặc lý do khác. Và Trung Quốc nâng cao dần điều kiện lên (tựu chung là về quân sự đòi Việt Nam rút quân, về chính trị đòi Việt Nam chấp nhận việc lập chính phủ liên hiệp ở Campuchia, bao gồm cả Khơ-me đỏ). Trong khi thoả thắc đàm phán với ta, Trung Quốc xúc tiến đàm phán bình thường hoá quan hệ với Liên Xô (từ tháng 10.1982) và với Lào (từ cuối 1986) để cô lập và ép Việt Nam. Đặc biệt là thông qua đàm phán với Liên Xô. Sau khi Gorbachov lên làm tổng bí thư Đảng cộng sản Liên Xô (11/3/1985). Xô-Trung bắt đầu bàn đến vấn đề Campuchia trong vòng đàm phán thứ 7 ở Bắc Kinh (4-20/10/1985), Trung Quốc thể hiện ngay thái độ làm cao, không nói đến đàm phán với Việt Nam nữa để gia tăng sức ép đối với Việt Nam về vấn đề Campuchia. Trong vòng 10 đàm phán Xô-Trung ở Mạc-tư-khoa (7.2.1987), Trung Quốc nêu lại “3 trở ngại” trong việc bình thường quan hệ với Liên Xô

mà trở ngại lớn nhất là việc Việt Nam xâm lược Campuchia. Và cũng từ đó, các lần gặp gỡ Xô-Trung đều tập trung bàn vấn đề Campuchia và công khai hoá điều đó.

TỪ CHỐNG DIỆT CHỦNG ĐẾN “GIẢI PHÁP ĐỎ”?

Rõ ràng Trung Quốc mưu dùng vấn đề Campuchia để cải thiện thế đứng trong quan hệ với các nước lớn, trước hết là trong quan hệ Trung-Xô và quan hệ Trung-Mỹ. Còn Gorbachov cũng sẵn sàng dùng món quà Campuchia để sớm gặp được Đặng, cải thiện quan hệ với Trung Quốc nhằm tác động đến quan hệ Mỹ-Xô. Chính trong bối cảnh đó, đã ra đời cái gọi là “giải pháp đỏ”, xuất phát từ ý tưởng của Gorbachov muốn vấn đề Campuchia được giải quyết giữa hai nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Trung Quốc cho nên định gán ghép hai lực lượng cộng sản Khor-me thù địch. Khor-me đỏ của Polpot Ieng Sary⁵⁶ thân Bắc Kinh và Nhà nước Campuchia

thân Hà Nội, bắt tay nhau dưới cái mũ “hoà hợp dân tộc”.

Đầu tháng 3.1987, ngoại trưởng Liên Xô Shevardnadze⁵⁷ đến Nông Pênh trong chuyến đi thăm 3 nước Đông Dương. Sau cuộc gặp Shevardnadze, Hun-xen nói với anh Đỗ Chính, trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam ở Campuchia là: Liên Xô có vẻ muốn thúc giục giải quyết nhanh vấn đề Campuchia cũng như vấn đề Afghanistan. Liên Xô chắc đã chuẩn bị một công thức giải pháp chính trị ở Campuchia nhưng gần hỏi không nói, chắc Liên Xô sẽ nêu trong cuộc gặp Gorbachov-Nguyễn Văn Linh ở Mạc-tư-khoa (tháng 5/1987). Shevardnadze nói đến hoà hợp dân tộc Campuchia và hỏi ai trong Khơ-me đỏ còn có thể dùng được? Hun-xen liên hệ chuyện này với phát biểu của Gorbachov ở Vladivostok (28/7/1986) và cho rằng có thể Liên Xô nghĩ đến chuyện khuyến khích hai phái cộng sản CPC dàn xếp với nhau. Khi thuật lại lời Shevardnadze khuyến CPC thúc đẩy mạnh hoà hợp dân tộc, Hun-xen nói: Chúng nó mà về thì chúng sẽ làm thịt những người tích cực, trước hết là bọn chúng ta.

Sau cuộc họp BCT 7/3/1987, Lê Đức Thọ

⁵⁶ Ngoại Trưởng Khmer Đỏ (1976–1979)

⁵⁷ Eduard Amvrosiyevich Shevardnadze, Ngoại trưởng Soviet Union dưới thời Mikhail Sergeyevich Gorbachev.

sang trao đổi với BCT Lào, rồi đến cuối tháng 4/1987 Lê Đức Thọ lại cùng Lê Đức Anh bay sang Campuchia họp với những người lãnh đạo Nông-pênh bàn việc thúc đẩy giải pháp chính trị Campuchia và quan hệ với Trung Quốc, trong đoàn có tôi và anh Trần Xuân Mận của CP87. Anh Lê Đức Thọ khi đó đã đưa ra gợi ý “giải pháp đỏ”. Bản thân tôi lần đầu mới được biết tường tận về cái gọi là “giải pháp đỏ”. Nói gọn lại, “giải pháp đỏ” là một sản phẩm của mộng tưởng giải quyết cuộc xung đột CPC bằng cách hoà giải Nông-Pênh với bọn diệt chủng Polpot và lập nên một nước CPC xã hội chủ nghĩa vừa làm vừa lòng Trung Quốc vừa hợp ý của lãnh đạo ta. Trong thâm tâm chúng tôi-những anh em CP87 đều thấy không thể chấp nhận được cái “sáng kiến” kỳ quái này. Phần vì quá ghê tởm với tội ác của bọn Khơ-me đối với nhân dân CPC cũng như đối với nhân dân ta để có thể nghĩ đến chuyện hợp tác với chúng phần vì nghĩ rằng khó có khả năng thực hiện được trò chơi nguy hiểm này. Quả nhiên lãnh đạo Nông-Pênh đã đón nhận những gợi ý này với một thái độ lạnh nhạt. Họ chủ trương “ăn cả” bằng một giải pháp quân sự coi Khơ-me đỏ lẫn Xi-ha-núc và Son San đều là đối thủ phải loại trừ. Nhưng với sức ép của hai đồng minh chính-Liên Xô và Việt Nam-trong cuộc họp giữa các bên

Campuchia, Giacácta⁵⁸, Hun-xen đã thù tiếp xúc với Khiêu Samphon song tên đầu sỏ Khơ-me đỏ này chỉ đáp bằng thái độ khinh miệt.

Ngày 30.7.1988, trong buổi thông báo kết quả cuộc Họp không chính thức ở Jakarta lần 1 (JIM1⁵⁹) cho đại sứ, đại biểu các nước xã hội chủ nghĩa ở Phnôm Pênh, khi đại sứ CHDC Đức hỏi khả năng lôi kéo Khiêu Samphon và những nhân vật ôn hoà của Khơ-me đỏ, Hun-xen nói: bọn thú chứ không phải là người. Cứ để chúng trong rừng, không có chúng, ta cũng giải quyết được. Chúng không thay đổi. Nhân dân Campuchia không chấp nhận chúng. Chúng tôi rất hiểu Khơ-me đỏ. Mong các đồng chí hiểu cho bọn này không chơi được. Nếu chỉ riêng Campuchia thôi thì Campuchia không cần Khơ-me đỏ. Nhưng Campuchia liên quan đến các nước xung quanh mà Việt Nam lại cần bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc nên chúng tôi chấp nhận chúng về chính trị ... Tôi cho rằng cứ để chúng (Khơ-me đỏ) ở ngoài rừng, không sao cả! Thái Lan đã trung lập thì CPC tranh thủ Sihanouk, Son San để đánh Khơ-me đỏ.

Ngày 12/10/1989, tâm sự với đại sứ Ngô Diển, sau khi phê phán Liên Xô nhượng bộ Trung Quốc, ép Campuchia thỏa hiệp với

⁵⁸ Jakarta.

⁵⁹ Jakarta Informal Meeting 1.

Trung Quốc và Khor-me đỏ, đánh đồng “tội phạm với phạm nhân” không tôn trọng các nước bạn, Hun-xen nói: “Việt Nam cũng có đồng chí nói phải nhượng bộ cái gì đó giữ thể diện cho Bắc Kinh. Năm 1987 tôi cũng đã tính đến giải pháp đó. Bọn Khor-me đỏ, trừ số đầu sỏ, có thể tham gia, chúng phải xin lỗi nhân dân rồi hòa hợp dân tộc. Nay tôi đã suy nghĩ nhiều, tiếp xúc với dân ở nhiều nơi, trực tiếp gặp bọn Khiêu Samphon, tôi nhận thức rõ là dứt khoát không chơi với bọn này được, phải giải tán lực lượng của chúng”.

Tháng giêng 1989, Hun-xen xuất bản cuốn sách “Campuchia- con đường 10 năm”, có dành một đoạn dài nói về giải pháp đỏ, phê phán những suy nghĩ về giải pháp đỏ, cho quan điểm đó là “sai lầm và nguy hiểm”, là “điều phi lý và trái đạo đức khi đánh đồng bọn tội phạm Polpot với nạn nhân của chúng”, rồi kết luận “giải pháp đỏ là con đường nguy hiểm rất lớn cho nhân dân Campuchia. Nó không thể nào hình thành được, bởi vì chúng tôi không “đỏ” như người ta hiểu là có thể hoà đồng vào cái “đỏ” của bọn Polpot được”.

Những ai đã có sáng kiến nghĩ ra (cho đến nay tôi cũng chưa biết được chính xác ai là tác giả của cái quái thai này: Liên Xô? Việt Nam? hay Hun-xen? Có điều chắc là lãnh đạo VN trong suốt thời kỳ 1987 1991 vẫn coi đó là

nước bài hay) hay tán thưởng “giải pháp đỏ” chắc cho rằng giải quyết vấn đề Campuchia theo cách đó sẽ làm hài lòng Trung Quốc. Nhưng thực ra cái sáng kiến này chẳng hợp với đường lối “tranh thủ phương Tây vì mục tiêu “4 hiện đại”⁶⁰ của Đặng Tiểu Bình chút nào mà lại gây thêm sự nghi ngại của Nhà nước Campuchia đối với ta, mà chính Trung Quốc đã đem chuyện này nói với Mỹ và các nước phương Tây để chúng tỏ rằng Việt Nam luôn có thủ đoạn lắt léo, là một đối tượng đàm phán không đáng tin cậy, bên ngoài thì hô to “chống diệt chủng” bên trong thì ép Nông Pênh thỏa hiệp với bọn Polpot.

Thật đáng tiếc, ảo tưởng về “giải pháp đỏ” này vẫn còn đeo đuổi khá lâu trong các tính toán của ta về vấn đề Campuchia, thậm chí cả sau khi Trung Quốc đã nói thẳng với ta trong cuộc gặp cấp cao ở Thành Đô⁶¹ là họ không thể nuốt nổi “món quà” đó!

Một bước tự coi trời: đa dạng hoá đa phương hoá quan hệ.

Trong khi họp CP87 sáng 14.5.1987, chúng tôi thảo luận sôi nổi làm sao giành lại thể chủ động trong việc giải quyết vấn đề Campuchia.

⁶⁰ “Four Modernisations” Bốn hiện đại hoá là chủ trương của Thủ Tướng Chu Ân Lai (Zhou Enlai) trước khi qua đời: Công nghệ, Nông nghiệp, Khoa học, Quân sự.

⁶¹ Chengdu, thủ phủ của Sichuan (Tứ Xuyên).

Anh Thạch có ý kiến: “Không nhất thiết ta chỉ làm với Trung Quốc. Phải thấy là ba nước lớn Mỹ-Xô-Trung đang chụm lại với nhau trao đổi về cái khung giải pháp. Cần nhớ kinh nghiệm những năm 1954, 1973, TQ vẫn phải tiếp tục lợi dụng mâu thuẫn Mỹ-Xô, Trung-Xô không thể giải quyết với nhau qua đầu Mỹ, phải thỏa thuận cả với Mỹ. Cho nên ta chỉ húc đầu vào một con đường nói chuyện với Trung Quốc là không đúng”. Bản thân tôi rất tâm đắc suy nghĩ đó. Lâu nay tôi thường cảm thấy ta chịu lệ thuộc hơi nhiều vào anh cả Liên Xô, anh hai Trung Quốc trong tư duy và hành động nên đã tự hạn chế mình trong hoạt động đối ngoại trên thế giới và ở khu vực Đông Nam Á. Muốn Trung Quốc mềm đi, phải cho thấy ta ngày càng nhiều bạn. Ngược lại nếu ta chỉ thấy có Trung Quốc thôi và nếu Trung Quốc thấy ta yếu và đơn độc thì họ sẽ rất cứng rắn với ta. Chính vì vậy mà Trung Quốc đã buộc ta phải có hết nhượng bộ nọ đến nhượng bộ kia. Mặt khác, Gorbachov vì lợi ích nước lớn không rõ vô tình hay hữu ý đã giam Việt Nam vào cái khung “phải giải quyết vấn đề Campuchia với Trung Quốc”.

Phải nói rằng với nếp suy nghĩ quá thiên lệch, quá cứng nhắc về “hai phe” lúc đó, chỉ riêng nghĩ đến chuyện quan hệ với các nước phương Tây đã gần như một điều hủ kỵ, nên việc Ngoại giao đề cập đến mở rộng tiếp xúc

hợp tác ra ngoài thế giới xã hội chủ nghĩa gần như là chuyện động trời. Người ta chấp nhận nó không phải dễ dàng. Tư tưởng đa phương hoá, đa dạng hoá trong quan hệ đối ngoại đã đến với ta hơi chậm nhưng chưa muộn.

Theo hướng đó, ta đã nghiên cứu và mở đợt tấn công ngoại giao tháng 6-8/1987 với đặc điểm:

- không tấn công về nội dung giải pháp như mọi khi, mà tấn công về cơ chế giải quyết vấn đề;

- thăm dò tất cả các diễn đàn có thể đưa đến giải pháp, tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp tất cả các đối phương (Trung Quốc, ASEAN, Mỹ);

- phối hợp tốt với việc Campuchia ra “Tuyên bố về chính sách hoà hợp dân tộc”.

Đợt tấn công đã đem lại những kết quả mong muốn, làm bộc lộ hai xu hướng đi ngược chiều nhau trong hàng ngũ đối phương, những mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương đã nổ ra một cách công khai gay gắt (giữa Trung Quốc với ASEAN, Mỹ, Sihanouk; trong nội bộ ASEAN; trong nội bộ 3 phái “Campuchia Dân Chủ”).

Trong xu thế đối thoại đang được đẩy mạnh giữa Xô-Mỹ, thông cáo 29/7/1987 của cuộc gặp giữa Việt Nam (Nguyễn Cơ Thạch) và Indônêxia (Mochtar⁶²), đại diện cho hai

⁶² Mochtar Kusumaatmadja, ngoại trưởng Indonesia, chủ tịch Ủy ban thường trực của ASEAN (12.1978)

nhóm nước Đông Dương và ASEAN, thoả thuận dùng hình thức tổ chức “cocktail party” để họp với các bên Campuchia bàn vấn đề Campuchia gắn với vấn đề Đông Nam Á, việc Việt Nam công bố đợt rút quân 1987 có mời quan sát viên nước ngoài đã làm chuyển động tình hình. Mỹ cử đặc phái viên của tổng thống đến Việt Nam, Sihanouk tuyên bố tạm thôi chức chủ tịch Campuchia Dân chủ và sẵn sàng gặp Hun-xen.

Tất cả những động thái đó đã tạo ra khả năng thực tế phá vỡ bế tắc vấn đề Campuchia đã kéo dài hơn 8 năm qua. Trung Quốc buộc phải tính toán lại, họ không còn khả năng khống chế ASEAN cũng như Sihanouk. Về phía các nước ASEAN, điều khiến họ lo ngại Việt Nam nhất trong vấn đề Campuchia là việc Việt Nam đưa quân sang CPC nay đang được gỡ bỏ. Các diễn đàn mới về vấn đề Campuchia được mở ra khiến cho sức ép của Trung Quốc đối với Việt Nam bị hạn chế lại.

Trong hoà hoãn giữa ba nước lớn, vai trò Trung Quốc lúc này vẫn lép vế nhất, hoà hoãn Xô-Mỹ phát triển mạnh nhất. Xô-Mỹ đã thoả thuận giải quyết vấn đề Afghanistan là một vấn đề châu Á mà không có vai trò của Trung Quốc. Trung Quốc lo ngại với cái đà đó Xô-Mỹ rồi sẽ giải quyết các vấn đề Châu Á khác như vấn đề Campuchia mà cũng không có vai

trò Trung Quốc. Trung Quốc muốn giữ vai trò một trong ba nước lớn giải quyết vấn đề Campuchia. Như thế sẽ lợi cho Trung Quốc hơn là để vấn đề Campuchia được giải quyết giữa người CPC, giữa ASEAN-Đông Dương, hay giữa Trung Quốc-Việt Nam. Vì vậy Trung Quốc chống lại thỏa thuận Việt Nam-Indônêxia 29.7.1987 ở thành phố HCM, ra sức phá diễn đàn Hun-xen- Sihanouk, đòi Việt Nam đàm phán với Sihanouk, hỗ trợ Thái Lan gây xung đột biên giới Thái-Lào, gây ra xung đột với hải quân ta ở Trường Sa (3-4.1988). Trong tình hình đó, Việt Nam và CHND Campuchia đã công bố đợt rút quân tình nguyện Việt Nam lần thứ 7 khỏi Campuchia trong năm 1988. Đây là đợt rút quân lớn nhất từ khi ta bắt đầu rút quân 1982. Việc này đã làm tăng thêm khó khăn lúng túng cho Trung Quốc vì dư luận quốc tế lại bắt đầu tập trung hướng về vấn đề xử lý bọn diệt chủng Polpot, đồng thời làm tăng sự thúc bách sớm có một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia trước khi Việt Nam rút hết quân vào năm 1990 như đã tuyên bố.

TRUNG QUỐC UỐN MÌNH ĐỂ THÍCH NGHI VỚI THẾ CỤC

Ngày 6.12.1988, sau chuyến đi Liên Xô của ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham⁶³, Liên Xô đã thông báo lại cho ta là “các phát biểu của Tiền về vấn đề Campuchia đã có thay đổi chừng nào, chứng tỏ Bắc Kinh đang dần dần nhận thức thấy việc đạt giải pháp cho vấn đề Campuchia kịch bản của Trung Quốc là không thực tế và Trung Quốc đang từ bỏ đường lối kéo dài cuộc xung đột. Về giải pháp, Trung Quốc đồng ý với Liên Xô

⁶³ Qian Qichen (1928–) Phó Thủ Tướng Quốc vụ viện từ 1993, ủy viên của Bộ Chính Trị, Trung Ương Đảng CS Trung Quốc khóa 14 (1992–97) và 15 (1997– 2002). Không còn là ủy viên trung ương đảng CSTQ khóa 16 (2002–) http://www.chinavitae.com/biography_display.php?id=414

là việc rút quân Việt Nam là một bộ phận trong giải pháp; về các vấn đề nội bộ của Campuchia, Trung Quốc cho rằng “phải được giải quyết bởi bản thân nhân dân Campuchia trên cơ sở hoà hợp dân tộc, không có sự can thiệp từ bên ngoài”. Song Trung Quốc vẫn nhắc lại lập trường cũ về việc lập chính phủ liên hiệp lâm thời 4 bên do Sihanouk đứng đầu, giảm dần đi đến giải tán quân đội của cả 4 bên Campuchia; thực chất là xoá nguyên trạng ở Campuchia.

Ngày 24.12.1988, trả lời thư ngày 15/12 của Bộ trưởng ngoại giao ta, phía Trung Quốc mời một thứ trưởng ngoại giao Việt Nam tới Bắc Kinh để trao đổi ý kiến giữa thứ trưởng ngoại giao hai nước chuẩn bị cho cuộc gặp cấp ngoại trưởng Trung- Việt. Sau 10 năm đối đầu gay gắt và sau 8 năm một mực từ chối đàm phán với ta, đây là lần đầu Trung Quốc nhận đàm phán với Việt Nam về vấn đề Campuchia và về bình thường hoá quan hệ hai nước, thực hiện bước chuyển sách lược ở Đông Nam Á phục vụ cho việc chuyển chiến lược chung của Trung Quốc trên thế giới và trong quan hệ với Xô, Mỹ. Sự điều chỉnh chiến lược này đã được xác định tại Hội nghị Bộ Chính Trị ĐCS Trung Quốc ở Bắc Đới Hà tháng 9 năm 1988, và được công khai hoá tại Quốc hội Trung Quốc tháng 3/1989. Sự điều chỉnh chiến lược

lần này diễn ra trong tình hình thế giới cũng như tình hình Đông Nam Á và Campuchia đã có những thay đổi to lớn, đặc biệt từ năm 1987. Quan hệ Xô-Mỹ từ năm 1987 đã được cải thiện nhiều, hình thành thế hai cực giải quyết công việc thế giới và cả châu Á. Trung Quốc không còn lợi dụng được mâu thuẫn Xô-Mỹ như trước; đồng thời quan hệ Trung-Xô cải thiện chậm so với quan hệ Mỹ-Xô, làm cho vị trí của Trung Quốc bị yếu trong quan hệ giữa ba nước lớn. Mặt khác việc Xô-Mỹ giảm cam kết quân sự ở bên ngoài đã thúc đẩy xu thế độc lập của các nước khác, làm tăng xu hướng hợp tác khu vực để giải quyết các vấn đề khu vực. Quan hệ giữa các nước Đông Nam Á từ năm 1987 đã từ tình trạng đối đầu chuyển từng bước sang vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình. Các cuộc họp JIM1 và JIM2 (Jakarta Informal Meeting) đã giải quyết được mặt quốc tế của vấn đề CPC và tạo khuôn khổ hợp tác giữa hai nhóm nước ở Đông Nam Á để giải quyết các vấn đề khu vực. Đặc biệt chính quyền Chaticha ở Thái Lan lúc này quyết tâm tách khỏi chính sách đối đầu của Trung Quốc ở Đông Nam Á, thực hiện chính sách “biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường”. Trong tình hình đó, việc Trung Quốc tiếp tục chính sách gây căng thẳng trên đất liền và trên biển ở khu

vực này chỉ làm tăng mối lo ngại đối với nguy cơ bá quyền của Trung Quốc. Với việc quân Việt Nam đã rút 3 phần tư và sẽ rút hết vào tháng 9/1989, cốt lõi của vấn đề Campuchia không còn là vấn đề rút quân Việt Nam nữa mà trở thành vấn đề làm sao loại trừ chế độ diệt chủng Polpot. Những biến đổi to lớn này buộc Trung Quốc phải chuyển từ chỗ kéo dài đàm phán về bình thường hoá quan hệ với Liên Xô để lợi dụng mâu thuẫn Xô-Mỹ và tranh thủ vốn và kỹ thuật của Mỹ sang xúc tiến bình thường hoá toàn diện quan hệ với Liên Xô, giữ cân bằng giữa quan hệ của họ với Xô và với Mỹ, đồng thời từng bước cải thiện quan hệ với các nước láng giềng để tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc cải thiện thế của Trung Quốc trên thế giới và châu Á.

Tháng 1/1989, ta nối lại đàm phán với Trung Quốc để cố gắng bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc đồng thời khẳng định thái độ ủng hộ Nhà nước Campuchia giữ vững thành quả cách mạng.

Ngày 5/1/1989, TBT Nguyễn Văn Linh dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao của Việt Nam sang Nông Pênh dự lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Cộng Hoà Nhân Dân Campuchia. Ngay chiều hôm đó (16 giờ) TBT Nguyễn Văn Linh đã có cuộc hội đàm với Heng Somrin tại Hoàng Cung. Heng Somrin thông báo: “*Bộ Chính trị*

(CPC) đã nhất trí sẽ tiếp tục tấn công ngoại giao trên cơ sở rút quân Việt Nam đồng thời với việc ngăn chặn viện trợ quân sự nước ngoài giúp bọn Khơ-me đối địch, chấm dứt mọi sự can thiệp vào cách mạng CPC ... tạo điều kiện thuận lợi cho hoà đàm Việt Nam-Trung Quốc, Liên Xô-Trung Quốc, đẩy mạnh thương thuyết CPC-Thái Lan. Chúng ta phải có một lịch rút quân mới, trong đó nếu có một giải pháp chính trị, ta sẽ tuyên bố rút hết (quân Việt Nam) không chậm quá tháng 9/1990. Nếu Việt Nam đồng ý, sẽ tuyên bố trong diễn văn của tôi và của đồng chí ngày mai". Nguyễn Văn Linh tán thành và đề nghị thông báo lại cho Liên Xô và Lào biết. Ngay chiều tối hôm đó anh Linh đã bảo tôi sửa lại bài diễn văn của anh theo như hai bên đã thoả thuận.

Sáng 6/1/1989, trong buổi mit-ting⁶⁴ long trọng. Tổng bí thư Heng Somrin tuyên bố: CPC và VN đã thoả thuận là nếu có giải pháp chính trị thì quân VN sẽ rút hết, chậm nhất là vào tháng 9/1990. Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cũng tuyên bố: VN hoàn toàn nhất trí với CPC sẽ rút toàn bộ quân VN còn lại vào cuối tháng 9/1990. Việc rút hết quân phải song song với việc chấm dứt viện trợ của nước ngoài, chấm dứt việc sử dụng lãnh thổ nước ngoài chống CPC, tiến hành dưới sự kiểm soát quốc tế.

⁶⁴ Meeting

Qua những cuộc trao đổi giữa ta với bạn, là một thành viên trong đoàn Việt Nam, tôi đã dự cảm chừng nào những khó khăn khi đi sâu vào giải pháp. Lãnh đạo CPC có phần quá tự tin, muốn ta hoàn toàn ủng hộ bạn ăn cả; còn ta lại thiên về giải quyết vấn đề CPC một cách thuận lợi cho cải thiện quan hệ Việt-Trung.

Trong nửa đầu năm 1989, đã có hai vòng đàm phán cấp thứ trưởng ngoại giao giữa ta với Trung Quốc (Đinh Nho Liêm và Lưu Thuật Khanh) tại Bắc Kinh. Vòng đầu (16 19.1.1989). Trung Quốc chỉ trao đổi lượt qua về quan hệ hai nước rồi lại tập trung đàm phán vấn đề Campuchia. Hai bên thoả thuận tương đối nhanh mấy vấn đề về mặt quốc tế của giải pháp CPC (rút quân VN, giám sát quốc tế, chấm dứt viện trợ quân sự, tổng tuyển cử). Hai bên đồng ý thúc đẩy các bên CPC thương lượng để sớm đạt giải pháp CPC. TQ cho là mặt quốc tế cơ bản đã xong, muốn ta thoả thuận hướng giải quyết mặt nội bộ của giải pháp CPC, chủ yếu là hai vấn đề chính quyền và vấn đề quân đội của các bên CPC trong thời kỳ quá độ (thời gian ngừng bắn cho đến tổng tuyển cử); cho nên có thảo luận và đạt kết quả này thì mới có giải pháp, nếu không thì mặt quốc tế có thoả thuận cũng không giải quyết được và khó bàn quan hệ hai nước. Lập trường của ta là của vấn đề nội bộ Campuchia

phải do các bên Campuchia giải quyết. Đảng chủ ý là Tiền Kỳ Tham khi tiếp Đinh Nho Liêm có nói: “4 nước Trung Quốc, Liên Xô, Việt Nam, Thái Lan là những nước có liên quan trực tiếp, có trách nhiệm về vấn đề CPC cần thỏa thuận với nhau về chính quyền lâm thời 4 bên Campuchia trong thời kỳ quá độ thì mới giải quyết được vấn đề Campuchia”. Họ nói đã bàn với Liên Xô và Liên Xô đã nhất trí nguyên tắc này.

Ngày 11/2/1989, BCT họp bàn đề án đấu tranh về vấn đề CPC theo hướng:

- tách và giải quyết từng bước mặt quốc tế và mặt nội bộ của vấn đề Campuchia;
- gắn việc giải quyết vấn đề CPC với yêu cầu kiến lập hoà bình ở Đông Nam Á;
- triển khai các diễn đàn: Việt-Trung (vòng 2), JIM2, 4 bên CPC, Thái-SOC, Việt -Thái, Việt-Mỹ

Trên tinh thần đó, ngày 15/2/1989, tôi cùng mấy cán bộ CP87 bay đi Gia-các-ta họp Nhóm Làm việc (Working Group) để chuẩn bị cho cuộc họp JIM 2 (19-21/2/1989) với các thành phần cũng như JIM1 các bên CPC, Việt Nam, Lào và 6 nước ASEAN. Hội nghị khẳng định lại kết quả đạt được năm trước JIM 1(25/28/7/1988) và nhất trí là vấn đề CPC phải được giải quyết bằng một giải pháp chính trị góp phần vào việc thiết lập có chủ quyền, hoà

binh, trung lập và không liên kết trên cơ sở quyền tự quyết và hoà hợp dân tộc. Hội nghị nhất trí cần triệu tập Hội nghị quốc tế về CPC để bàn và đi đến một giải pháp chính trị toàn diện, công bằng và hợp lý cho vấn đề CPC.

Ngày 14.3.1989 BCT họp quyết định rút hết quân khỏi CPC vào cuối tháng 9/1989 và thúc đẩy diễn đàn Hun-xen- Sihanouk.

Sang vòng 2 (8-10.5.1989) vẫn tại Bắc Kinh, cuộc đàm phán vấp ngay vào hai tảng đá lớn vấn đề diệt chủng và việc xử lý các vấn đề nội bộ của CPC. Phía Trung Quốc đòi ta thỏa thuận về nguyên tắc hai vấn đề thuộc mặt nội bộ CPC: lập chính phủ liên hiệp lâm thời 4 bên do Sihanouk đứng đầu, đóng kết và giảm quân đội của 4 bên CPC. Đàm phán kết thúc mà không đi đến kết quả gì. Phía TQ đề nghị tạm thời chưa tính đến đàm phán vòng 3. Tiền Kỳ Tham nói với Đinh Nho Liêm rồi sau đó công bố: bình thường hoá quan hệ hai nước chỉ có thể thực hiện sau khi vấn đề CPC đã được giải quyết, không phải là trước đó. Sau này Trung Quốc đã nói toạc ra rằng: Việt Nam không những phải rút hết quân khỏi Campuchia mà còn có trách nhiệm giải quyết những hậu quả của việc Việt Nam đưa quân vào Campuchia, cụ thể là xoá chính quyền và quân đội CHND CPC đã được hình thành sau khi quân Việt Nam vào Nông Pênh đánh đuổi bọn Polpot.

Việc Trung Quốc nối lại đàm phán với Việt Nam lúc này, mà phía Trung Quốc gọi là gặp gỡ nội bộ, theo tôi, mục đích chính là để biểu diễn cho thế giới thấy là TQ đã nắm con chủ bài giải quyết vấn đề CPC.

HIỆP 1 CỦA HỘI NGHỊ QUỐC TẾ PA-RI VỀ CAMPUCHIA

Hai tháng sau, Hội nghị quốc tế Pa -ri về Campuchia (30/7- 30/8/1989) tuy chưa kết thúc được nhưng có thể nói đã mở ra giai đoạn kết thúc vấn đề CPC. Sau JIM, đây là cuộc hội nghị quốc tế đầu tiên bàn về vấn đề CPC. Hội nghị tiến hành ngoài khuôn khổ của Liên Hiệp Quốc tuy có mặt DeCuellar⁶⁵, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, và bộ trưởng ngoại giao 5 nước thành viên Hội Đồng Bảo An. Tổng thư ký LHQ dự hội nghị chỉ với tư cách một thành viên của hội nghị. Trong hội nghị này, lần đầu các bên Campuchia đối địch ngồi sát

⁶⁵ Javier Perez de Cuellar, Tổng thư ký thứ 5 của Liên Hiệp Quốc

cạnh nhau, dưới một cái biển ghi tên chung là Campuchia. Ngoài đại diện của 4 phái CPC: Hun-xen (CHND CPC⁶⁶), Khieu Samphon (Khơ-me đỏ), Ranarit⁶⁷ (phái Sihanouk), Son Sonbert (con Son San), có các đoàn đại biểu của 17 nước do bộ trưởng ngoại giao dẫn đầu: Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật, Úc, Ấn Độ, Canada, Việt Nam, Lào, Thái Lan, Indônêxia, Singapore, Malaysia, Philipin⁶⁸, Brunei, Phong trào Không Liên Kết do ngoại trưởng Zimbabwe đại diện. Ngoại trưởng Pháp Roland Dumas và ngoại trưởng Indônêxia Ali Alatas là đồng chủ tịch hội nghị.

Sáng 28/7, tôi cùng đại bộ phận đoàn ta tới Pa-ri. Đoàn có các anh Lê Mai, Đặng Nghiêm Hoàn, Ngô Diên, Hà Văn Lâu, Trần Huy Chương, Lê Công Phụng, Huỳnh Anh Dũng, chị Tôn Nữ Thị Ninh, Thiếu tướng Phi Long được Bộ Quốc Phòng cử đi tham gia đoàn. Ngày 29/7 anh Nguyễn Cơ Thạch đến nơi. Hội nghị khai mạc chiều 30/7/89. Thành phần hội nghị tuy đông nhưng không có lợi cho ta, song ta đến hội nghị với thế mạnh của Tuyên bố rút hết quân vào cuối tháng 9/89 mà CHND CPC vẫn tỏ ra vững vàng tự tin.

Ngay từ đầu Hội nghị đã vạch ra chương

⁶⁶ People's Republic of Kampuchea

⁶⁷ Samdech Krom Preah Norodom Ranaridh

⁶⁸ The Philippines

trình phải họp cả tháng từ 30/7-30/8/90 vì vấn đề rất phức tạp mà lập trường giải pháp của các bên lại còn khá xa nhau. Suốt thời gian hội nghị nổi cộm lên hai vấn đề lớn:

- loại trừ hay chấp nhận bọn diệt chủng Polpot.

- duy trì hay xóa bỏ nguyên trạng chính trị và quân sự ở CPC.

Cuộc đấu tranh diễn ra gay gắt trong suốt quá trình hội nghị. Đối phương dùng áp lực của 5 nước lớn và đa số trong hội nghị đòi áp đặt việc lập Chính phủ liên hiệp lâm thời 4 bên do Sihanouk đứng đầu và đòi lập bộ máy kiểm soát quốc tế của LHQ. Còn phía ta đòi loại trừ bọn diệt chủng Polpot, đòi tôn trọng nguyên tắc nước ngoài không được can thiệp vào công việc nội bộ Campuchia, tôn trọng nguyên trạng ở Campuchia có 2 chính quyền, tôn trọng quyền của nhân dân Campuchia tự quyết định chế độ chính trị của mình và lập chính phủ của mình, thông qua tổng tuyển cử tự do. Phía ta chấp nhận sự đóng góp của LHQ nếu LHQ chấm dứt những nghị quyết thiên vị, ủng hộ 1 bên chống 1 bên .

Phát biểu của ta tại phiên họp toàn thể tập trung lên án diệt chủng Polpot, khẳng định kết luận của JIM về 2 vấn đề then chốt (rút quân VN và lên án diệt chủng) và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ CPC, đề

cao vị trí của Nhà nước CPC. Các ngoại trưởng chỉ dự các phiên họp toàn thể hội nghị trong 3 ngày đầu và 2 ngày cuối của hội nghị, còn phần lớn thời gian dành cho các buổi họp các ủy ban 1 (về kiểm soát quốc tế), ủy ban 2 (về bảo đảm quy chế), ủy ban 3 (về người tị nạn và vấn đề tái thiết CPC), ủy ban ad hoc (gồm các bên CPC để bàn các vấn đề thuộc nội bộ CPC) và ủy ban Phối hợp, có nhiệm vụ thảo luận thực chất nội dung của giải pháp.

Cũng trong thời gian này, ta tranh thủ tiếp xúc riêng các đoàn. Ngày 3/8, thứ trưởng ngoại giao Liên Xô Rogatchev cho biết: phái đoàn Trung Quốc Lưu Thuật Khanh nói do không có thời gian nên Tiền Kỳ Tham không gặp được đồng chí Nguyễn Cơ Thạch; nhưng Tiền lại nói nếu đồng chí Trần Quang Cơ yêu cầu thì có thể gặp (?). Hôm sau Lưu Thuật Khanh lại nhắn qua Rogatchev: chưa thấy đồng chí Cơ yêu cầu gặp, nếu yêu cầu thì sẽ nhận lời. Đến sáng 7/8, ta đặt vấn đề với phía Trung Quốc: Nguyễn Cơ Thạch và Trần Quang Cơ đề nghị gặp quyền trưởng đoàn TQ Lưu Thuật Khanh (Tiền Kỳ Tham về nước) để trao đổi ý kiến. Lưu Thuật Khanh nhận lời ngay. Cuộc gặp diễn ra tại sứ quán TQ ở Pa-ri ngay 4 giờ chiều ngày hôm đó. Thái độ của Lưu tỏ ra nhã nhặn tuy lập trường TQ chưa có gì khác. Lưu nói nếu VN đồng ý có chính phủ

lâm thời 4 bên CPC (tức là có cả Khơ-me đỏ như một thành viên ngang với 3 bên kia) thì vấn đề CPC coi như giải quyết, và thanh minh là Trung Quốc không muốn phía 3 phái chiếm 1/3 chiếc bánh, chỉ cần có sự tham gia của cả 4 bên CPC, còn chia phần như thế nào là tùy họ. Nếu chỉ 2 bên, 3 bên thì không thực tế và không chấp nhận được. Lưu đề nghị ta không dùng từ “diệt chủng”, vấn đề diệt chủng là việc nội bộ CPC, do họ tự giải quyết.

Sở dĩ Trung Quốc đến Hội nghị Pa-ri trong khi chưa sẵn sàng giải quyết vấn đề CPC là vì họ đang cố gắng gỡ thế cô lập sau sự kiện Thiên An Môn và trong lúc nội bộ họ vẫn đấu tranh gay gắt về các vấn đề đối nội và đối ngoại. Trung Quốc bất chấp tình hình thực tế, đưa ra đòi hỏi rất cao là xoá nguyên trạng ở Campuchia trước tổng tuyển cử, chia xẻ quyền lực cho 4 phái, làm suy yếu cách mạng Campuchia, chia rẽ 3 nước Đông Dương, Mỹ, phương Tây, ASEAN mâu thuẫn với Trung Quốc về vấn đề Campuchia, và có lợi ích không làm xấu thêm quan hệ với Trung Quốc.

Chiều 10/8, trợ lý ngoại trưởng Mỹ Lambertson⁶⁹ cùng 4 người trong đoàn Mỹ tới phòng làm việc của đoàn ta ở Trung tâm hội nghị Kléber, yêu cầu gặp tôi để trao đổi về vấn

⁶⁹ Lambertson, David F., Deputy Assistant Secretary, Bureau of East Asian and Pacific Affairs, Department of State.

để CPC. Tôi cùng anh Lê Mai đã tiếp họ trong 1 tiếng. Họ trình bày quan điểm của Mỹ về vấn đề CPC; cần có giải pháp toàn bộ, không nhận giải pháp bộ phận; có sự chia sẻ quyền lực thật sự cho các phái Khơ-me không cộng sản và trao thực quyền cho Sihanouk chứ không phải tượng trưng, mong VN tác động để Hun-xen mềm dẻo hơn. Về vấn đề diệt chủng và Khơ-me đỏ, họ vẫn giữ lối nói nước đôi. Họ nói đến triển vọng quan hệ tốt giữa Mỹ và VN, nhưng không quên vấn đề MIA. Ngày 11/8/90 anh Thạch về nước, đến 25/8 mới trở lại.

Tuy là có tranh cãi với đoàn TQ trong các buổi họp chung như đã thoả thuận với Lưu Thuật Khanh nhưng trong buổi họp ủy ban 1 (Ủy ban về kiểm soát quốc tế) ngày 16/8 bàn vấn đề diệt chủng, sau khi tôi phát biểu lên án Khơ-me đỏ, vạch tội ác diệt chủng, đại biểu Trung Quốc đã phản bác: Việt Nam đòi kết tội diệt chủng là để che dấu hành động xâm lược, thoái thác trách nhiệm viện cớ chống diệt chủng để đưa quân trở lại Campuchia; kết tội diệt chủng thì Khơ-me đỏ sẽ không được tham gia chính quyền, sẽ vào rừng tiếp tục đánh nhau, do đó sẽ không có hoà bình ở Campuchia và đổ tội cho Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm về thành công hay thất bại của hội nghị. Tôi không thể không phát biểu đập lại các luận điệu đó, khẳng định phải giải

quyết vấn đề ngăn chặn diệt chủng mới giải quyết được các vấn đề khác. Tôi vạch rõ sự thật lịch sử là những năm 1975–78 là thời gian cho bọn diệt chủng Polpot hoành hành thì VN không có mặt ở CPC, lúc đó chỉ có cố vấn Trung Quốc mà thôi.

Sau phát biểu của ta về vấn đề diệt chủng, trừ Trung Quốc và

Singapore, không còn ai nói “génocide” (diệt chủng), Sihanouk tuyên bố không cho Khơ-me đỏ đại diện cho 3 phái, các ủy ban đều phải ghi nhận và bàn vấn đề diệt chủng, những kẻ đòi không dùng từ “diệt chủng” cũng phải nhận sự tàn bạo của Khơ-me đỏ.

Ngày 29/8/1989, theo chương trình đã định, các ngoại trưởng, trừ ngoại trưởng Mỹ và ngoại trưởng Trung Quốc, trở lại Pa-ri để kết thúc họp phiên kết thúc Hội nghị. Ngày 30/8 sau khi trao đổi với ta đồng chủ tịch hội nghị về dự thảo tuyên bố của Hội nghị quốc tế, anh Thạch chờ ở phòng họp đến giờ trưa, vì tình hình sức khoẻ phải trở về sứ quán để nghỉ. Ta báo Ban Thư Ký hội nghị là thư trưởng Trần Quang Cơ sẽ là quyền trưởng đoàn Việt Nam dự phiên họp cấp bộ trưởng bế mạc hội nghị.

Cuộc họp hẹp không chính thức ở cấp bộ trưởng bắt đầu từ khoảng 14 giờ kéo dài gần 1 tiếng. Vì là họp hẹp, mỗi đoàn chỉ có 2 người dự, nên chỉ có tôi và anh Lê Mai trong

phòng họp. Cuộc họp này chủ yếu tranh cãi về điều bổ sung vào dự thảo Tuyên bố hội nghị của trường đoàn Canada dựa theo ý của Trung Quốc, mang hàm ý phủ nhận kết luận của JIM về 2 vấn đề then chốt của giải pháp. Do chưa hiểu hết ý đồ của đối phương, anh Hun-xen đã phát biểu chấp thuận bổ sung này. Để tránh chỗ sơ hở này và không để đối phương có thể khai thác sự khác nhau giữa ta và CPC, tôi đã yêu cầu chủ tịch cuộc họp ngừng cuộc họp ít phút để trao đổi riêng giữa 3 đoàn VN, CPC và Lào. Sau khi phân tích để bạn thấy được ý định nguy hiểm của đối phương trong điểm bổ sung này, tôi đề nghị cả 3 đoàn gặp 2 đồng chủ tịch yêu cầu sửa lại bổ sung này, không để cho đối phương có thể lợi dụng câu chữ mập mờ để nói là Hội nghị Quốc tế Pa-ri đã phủ nhận kết luận của JIM về chống diệt chủng.

Sau khi dự thảo Tuyên bố của hội nghị được thông qua, mới đi vào phiên họp chính thức để bế mạc Hội nghị sau một tháng làm việc liên tục. Tuyên bố chung ngắn gọn của Hội nghị Quốc tế Pa-ri về Campuchia ghi nhận Hội nghị này là một bước tiến có ý nghĩa. Hội nghị tạm ngừng, kêu gọi các bên CPC và các nước có liên quan tiếp tục cố gắng để đi tới một giải pháp toàn bộ.

Kết quả rất hạn chế của Hội nghị phản ánh

tính chất vô cùng phức tạp của vấn đề CPC. Việc VN rút hết quân vào tháng 9/89 và triển vọng Nhà Nước CPC vẫn đứng vững đã thúc ép đối phương phải có hội nghị này, song chưa tới mức họ phải chấp nhận nguyên trạng chính trị quân sự ở CPC. Hội nghị kết thúc một giai đoạn đấu tranh và mở ra giai đoạn đấu tranh mới về vấn đề CPC trong tình hình VN đã rút hết quân ở CPC nhưng vấn đề CPC vẫn chưa có giải pháp.

Ngày 5/10/1989, trong khi đã trả lời phỏng vấn báo chí, tôi đã nói về nguyên nhân khiến Hội nghị quốc tế Pa-ri chưa thành công, như sau:

“Ngay từ những ngày đầu, dư luận trong và ngoài Hội nghị đều đã thấy vật cản chính và duy nhất cho khả năng tiến triển của Hội nghị là nhóm đại diện của Polpot được sự khuyến khích và phụ họa chủ yếu của một số nước vì lợi ích riêng tư của họ. Càng về cuối Hội nghị, điều này càng thành sự thực hiển nhiên.

“Để lấp liếm trách nhiệm, họ đã vu khống Việt Nam và Nhà Nước Campuchia quá cứng rắn khiến Hội nghị bế tắc.

“Làm sao chúng tôi có thể đi đến thỏa thuận được trong khi đối phương ngoan cố tới mức tự mâu thuẫn một cách trắng trợn trong lập trường cũng như các lập luận của họ? Họ nói tôn trọng nguyên tắc chủ quyền của nhân dân Campuchia nhưng họ lại đòi phải

để các nước ngoài tham gia giải quyết các vấn đề Campuchia, lại áp đặt cho nhân dân Campuchia phải chấp nhận một chính phủ phải theo hình thái họ định ra trước; họ nói họ vô cùng phản đối tội ác giết người của bọn

Polpot nhưng họ lại đòi hợp pháp hoá tổ chức diệt chủng và đòi chúng được chia quyền cai trị đất nước Campuchia.

“Cộng đồng quốc tế có trách nhiệm loại trừ hiểm họa diệt chủng này. Đặc biệt là những nước xưa nay lớn tiếng đòi Việt Nam rút quân trong khi đó lại lẩn tránh lên án diệt chủng, thì nay đến lượt họ phải có trách nhiệm ngăn diệt chủng gây nội chiến ở Campuchia.

“Về triển vọng quan hệ giữa các nước khu vực với đà tiến triển của vấn đề CPC còn tùy thuộc các nhân tố chủ quan cũng như khách quan, trong đó có khả năng của ta chuyển hoá các nhân tố khách quan có lợi hơn cho việc thực hiện mục tiêu của ta. Chẳng hạn như khả năng thực hiện phương châm “thêm bạn bớt thù” trong đối ngoại đòi hỏi có được một ý niệm rộng rãi hơn về bạn. Tất nhiên mở rộng việc kết bạn không có nghĩa là thủ tiêu đấu tranh và phải trên cơ sở bảo vệ tốt lợi ích an ninh quốc gia của ta”.

Cũng nên biết đối với vấn đề diệt chủng ở Campuchia, Liên Xô vì lợi ích chiến lược của mình nên chủ trương hầu như không

khác gì Trung Quốc. Trong cuộc gặp anh Nguyễn Văn Linh ở Hà Nội tối 5/9/1989, Heng Samrin cho biết anh vừa đi nghỉ ở Liên Xô về và kể rằng: “Trước khi đi, tôi nêu yêu cầu được gặp Gorbachov để thông báo tình hình Campuchia và trao đổi một số vấn đề Liên Xô đồng ý. Nhưng khi đến Liên Xô, đồng chí Gorbachov không gặp tôi mà để đồng chí ủy viên dự khuyết Bộ Chính Trị, phó chủ tịch Xô Viết tối cao gặp. Tôi hiểu rằng vì Hội nghị quốc tế ở Pa-ri chưa có kết quả gì nên Gorbachov không gặp tôi. Trong khi gặp tôi phía Liên Xô nói thẳng là chúng tôi phải chấp nhận lập chính phủ liên hiệp 4 bên, cho cả Khor-me đỏ vào và để Sihanouk làm chủ tịch. Chính phủ đó và Sihanouk có thực quyền, Liên Xô giải thích là trong Khor-me đỏ chỉ có Polpot và vài người theo Polpot là xấu thôi, còn lại thì Nông Pênh nên chấp nhận cho họ tham gia chính phủ. Lập trường này của Liên Xô, chúng tôi không đồng ý”.

Vậy là đến lúc này cả Liên Xô lẫn Trung Quốc vì lợi ích của mình cùng nhất trí trong hành động dùng sức ép nước lớn can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm chủ quyền Campuchia.

ĐẶNG TIỂU BÌNH TIẾP KAY- SONE PHOMVIHAN⁷⁰ ĐỂ NÓI VỚI VIỆT NAM.

Những biến động lớn trong tình hình thế giới bên ngoài lúc này đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của lãnh đạo ta về phương hướng chiến lược đối ngoại. Cuộc khủng hoảng chính trị tại nhiều nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa đã bùng nổ từ năm 1989 và đang có chiều hướng lan rộng ra. Tháng 6/1989 xảy ra vụ Thiên An Môn ở Trung Quốc. Cũng trong năm 1989, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu như CHDC Đức,

⁷⁰ (13.12.1920, Naseng – 21.11.1992, Vientiane) mẹ người Laos, bố Việt Nam, Kaysone học luật tại Hà Nội, trở về làm lãnh tụ Pathet Lao. 1975 lật đổ chính phủ hoàng gia Laos. Thủ tướng CHDCND Laos (1975–91), Chủ tịch (1991–92) – “Kaysone Phomvihan.” Britannica Concise Encyclopedia. 2004. Encyclopædia Britannica Premium Service. 29 Jan. 2004 <http://www.britannica.com/ebc/article?eu=394304>.

Ba Lan, Ru-ma-ni, Hung, Tiệp, Hà Lan⁷¹ đều đã sụp đổ. Đầu tháng 10/1989, TBT Nguyễn Văn Linh đi dự kỷ niệm 40 năm Quốc Khánh CHDC Đức, khi về đến Hà Nội thì bức tường Berlin đổ, Honecker bị lật. Lãnh tụ Ru-ma-ni Ceaucescu, người mà khi ở Berlin anh Linh xem ra tâm đầu ý hợp trong việc bàn chuyện tâm huyết cứu vãn sự nghiệp xã hội chủ nghĩa thế giới đang lâm nguy, vừa chân ướt chân ráo về đến Bucarest thì bị truy bắt. Với “tư duy mới” của Gorbachov, tình hình Liên Xô ngày càng trở nên lộn xộn.

Trước tình hình ấy, trong nội bộ lãnh đạo ta đã nảy sinh những ý kiến khác biệt trong nhận định về sự kiện Thiên An Môn cũng như về những biến đổi dồn dập tại các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô. Nổi lên là ý kiến nhấn mạnh mặt xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc, phải bằng mọi giá bắt tay ngay sau Trung Quốc để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, để chống Mỹ và các thế lực đế quốc khác. Chính điều đó đã tạo nên bước ngoặt khá đột ngột trong thái độ của ta đối với Trung Quốc. Suy nghĩ đơn giản của ta là không có lý gì Việt Nam lại ngừng ngình với Trung Quốc trong khi Liên Xô đã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (tháng 5/1989). Lào cũng đã thoả thuận trao đổi đại sứ trở lại với Trung

⁷¹ Biên tập gạch ngang

Quốc và bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, đánh dấu bằng cuộc đi thăm chính thức Trung Quốc của Kayson Phomvihane, tổng bí thư Đảng NDCM Lào, tháng 10/1989.

Chính là thông qua cuộc nói chuyện với Kayson ngày 7/10/89 mà Đặng Tiểu Bình đã bộc lộ rõ phần nào những tính toán sâu xa của mình đối với Việt Nam: phân hoá Việt – Lào, Việt-CPC, Việt-Xô và phân hoá cả nội bộ Việt Nam. Đặng nói với Kayson rằng Việt Nam đã có biểu hiện chống Trung Quốc từ khi Hồ Chí Minh còn sống; rằng sau khi thắng Mỹ, Lê Duẩn trở mặt chống Trung Quốc, xâm lược Campuchia, Việt Nam đi theo Liên Xô, đưa quân vào Campuchia, nên mới có chuyện Trung Quốc đánh Việt Nam. Lúc đầu Trung Quốc cho là vì Brejnev xúi giục nên Việt Nam xâm lược Campuchia, nhưng chính là do Việt Nam có ý đồ lập Liên bang Đông Dương, không muốn Lào, Campuchia độc lập. Việt Nam chống Trung Quốc vì Trung Quốc là trở ngại cho việc lập Liên bang Đông Dương ...Trong khi không tiếc lời phê phán Lê Duẩn, Đặng đã hết lời ca ngợi Nguyễn Văn Linh; Đặng kể lại khi làm tổng bí thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc, năm 1963, đã tổ chức đưa Nguyễn Văn Linh từ miền Nam sang Hồng Kông để đi thăm Bắc Kinh gặp nhau, khen anh Linh là “người tốt, sáng suốt và có tài”; nhờ Kayson chuyển lời

hỏi thăm anh Linh; khuyên Nguyễn Văn Linh nên giải quyết dứt khoát vấn đề Campuchia, nếu làm được việc này thì sẽ khôi phục được uy tín của Việt Nam. Cho đây là việc Việt Nam phải làm, vì những gì Việt Nam đang làm là sai lầm; mong muốn bình thường hóa quan hệ với Việt Nam trước khi ông ta nghỉ hưu... Về điều kiện bình thường hoá quan hệ Trung-Việt, Đặng nhấn mạnh Việt Nam phải rút hết quân, rút triệt để, rút thật sự khỏi CPC thì sẽ có bình thường hoá quan hệ (tuy lúc đó ta đã kết thúc đợt rút quân cuối cùng khỏi CPC từ ngày 26/9/1989).

Theo thông báo của đại sứ Lào tại Trung Quốc, trong 70 phút nói chuyện với Kayson, Đặng nói về Việt Nam và quan hệ Trung-Việt tới 60 phút.

Ngày 21/10/1989 BCT ta đã họp để nhận định về phát biểu của Đặng Tiểu Bình khi tiếp Kayson. Cuộc họp đã đi đến kết luận: trong lúc Trung Quốc đang còn găng với ta, ta cần có thái độ kiên trì và thích đáng, không cay cú, không chọc tức nhưng cũng không tỏ ra nhún quá. Cần tiếp tục thực hiện đường lối Đại hội VI và Nghị quyết 13 của Bộ Chính Trị, cần thấy cả mặt xã hội chủ nghĩa và mặt bá quyền nước lớn của Trung Quốc. Trong khi cố kéo Trung Quốc, ta cần đồng thời hoạt động trên nhiều hướng; củng cố đoàn kết chặt chẽ

với Lào, phân hoá Mỹ, phương Tây, ASEAN với Trung Quốc.

Theo phương đó, ngày 6/11/1989, anh Thạch đã chuyển qua đại sứ Trung Quốc thông điệp miệng của TBT Nguyễn Văn Linh gửi Đặng Tiểu Bình, ngỏ ý mong sớm có bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Ba ngày sau, anh Thạch lại gửi thư cho Tiền Kỳ Tham nhắc lại thông điệp ngày 6/11 và đề nghị: phía Việt Nam sẵn sàng gặp lại phía Trung Quốc ở cấp bộ trưởng hoặc thứ trưởng ngoại giao tại Hà Nội hoặc Bắc Kinh trong tháng 12/1989. Nhưng Trung Quốc không trả lời thông điệp của Tổng bí thư ta lẫn thư của anh Thạch.

Mãi đến ngày 12/1/1990, đại sứ Trung Quốc mới gặp anh Thạch chuyển thông điệp miệng của phía Trung Quốc trả lời TBT Nguyễn Văn Linh, vẫn đặt điều kiện cho việc nối lại đàm phán với ta: “Đồng chí Đặng Tiểu Bình và các lãnh đạo khác của Trung Quốc chân thành mong muốn sớm bình thường hoá quan hệ Trung-Việt. Vấn đề Campuchia là nguyên nhân chủ yếu làm cho quan hệ hai nước xấu đi đến nay chưa được cải thiện. Việc khôi phục quan hệ hữu nghị giữa hai nước chưa có thể cải thiện nếu bỏ qua vấn đề CPC. Đồng chí Đặng Tiểu Bình có nêu ra là việc Việt Nam rút quân sạch sẽ, triệt để và việc CPC lập Chính

phủ Liên hiệp Lâm thời 4 bên do Sihanouk đứng đầu là hai vấn đề hạt nhân thiết thực cần đồng thời giải quyết. Phía Trung Quốc sẵn sàng suy xét đề nghị của VN về việc mở vòng thương lượng mới ở cấp thứ trưởng, nếu Việt Nam chấp nhận một cơ chế giám sát quốc tế do Liên Hiệp Quốc chủ trì có 4 bên CPC tham gia để kiểm chứng việc rút quân VN và lập chính phủ 4 bên do Sihanouk đứng đầu trong thời kỳ quá độ”.

Từ 26/2 đến 1/3/1990 tại thủ đô Indônêxia đã họp Hội nghị không chính thức về CPC (IMC–Informal Meeting on Campuchia). Dự họp ngoài các bên CPC, VN, Lào và 6 nước ASEAN (như họp JIM, còn có thêm đại diện Tổng thư ký LHQ Pháp và Ô-tra-lia⁷²). Hội nghị không ra được tuyên bố chung vì Khor-me đã dùng quyền phủ quyết.

Ngày 8/3/1990, cố vấn Lê Đức Thọ cho gọi tôi và anh Đinh Nho Liêm đến nhà riêng ở số 4 Nguyễn Cảnh Chân nói mấy ý kiến về vấn đề CPC: cần có chuyển hướng chiến lược trong đấu tranh về vấn đề CPC. Phải giải quyết với TQ, nếu không thì không giải quyết được vấn đề CPC. Không thể gạt Khor-me đỏ. Cần mềm dẻo về vấn đề diệt chủng, có thể nói không để trở lại chính sách sai lầm trong quá khứ. Không chấp nhận LHQ tổ chức tổng tuyển cử.

⁷² Australia.

Cần nêu phương án lập chính phủ liên hiệp lâm thời hai bên bốn phái để tổ chức tổng tuyển cử ở CPC. Phải giải quyết một bước cơ bản vấn đề CPC trước Đại hội VII để khai thông những vấn đề khác. Hai hôm sau anh lại nói với Nguyễn Cơ Thạch những ý đó.

Đến ngày 3/4/1990, Trung Quốc đột nhiên lại biểu thị hoan nghênh việc thử trưởng Đinh Nho Liêm đến Bắc Kinh “kiểm tra sứ quán” và công bố tin Trung Quốc sẽ đàm phán với thử trưởng ngoại giao Việt Nam về vấn đề Campuchia.

Lúc này CP87 đã giải thể. Các thành viên thường trực của CP87 đều đã được bổ nhiệm đi nhận trọng trách ở nước ngoài. Anh Đặng Nghiêm Hoàn đã nhận quyết định đi đại sứ ở Trung Quốc. Anh Trần Xuân Mạn nhận chức đại sứ ở An-giê-ri⁷³. Anh Nguyễn Phụng Vũ trên đường đi nhận chức đại sứ ở Phi-li-pin, đã chết trong tai nạn máy bay trên bầu trời Thái Lan. Thay vào đó, Bộ Ngoại Giao đã lập Nhóm ad hoc về giải pháp Campuchia với nhiệm vụ cụ thể hơn vì vấn đề CPC đã đến lúc phải giải quyết. Nhóm vẫn do tôi phụ trách, có các anh Trần Huy Chương, Lê Công Phụng, Huỳnh Anh Dũng, Nguyễn Can tham gia.

Nhóm Nghiên cứu giải pháp Campuchia chúng tôi nhận định có mấy lý do đã khiến

⁷³ Algérie.

Trung Quốc mềm mỏng hơn trong thái độ đối với Việt Nam về vấn đề CPC:

- quan hệ Mỹ-Xô đang có chuyển động mạnh. Chỉ trong vòng 6 tháng, từ tháng 12/1989 đến tháng 5/1990, đã có 2 cuộc gặp cấp cao Xô-Mỹ. Trong khi đó quan hệ của Trung Quốc với Mỹ và các nước phương Tây chậm khôi phục sau vụ Thiên An Môn.

- giữa Trung Quốc với Mỹ, phương Tây đang nảy sinh những mâu thuẫn về vấn đề Campuchia, chủ yếu trong vấn đề đối xử với Khơ-me đỏ. Trong các cuộc họp 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An tháng 2 và tháng 3/1990, Trung Quốc ở thế bị cô lập đã buộc phải có nhân nhượng và phải chấp nhận vai trò của Liên Hiệp Quốc.

- đàm phán Sihanouk-Hun-xen có tiến triển. Ngày 9/4/1990 Sihanouk có phần nhượng bộ khi đưa ra 9 điểm giải pháp, nhận lập Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao (Supreme National Council-SNC) gồm số đại diện bằng nhau của hai chính phủ, 6 của Chính phủ Nông Pênh và 6 của Chính phủ Campuchia Dân Chủ như đề nghị của Hun-xen; không đòi hỏi giải tán Nhà Nước Campuchia (SOC), tuy đòi thực quyền cai quản Campuchia trong thời kỳ quá độ phải là cơ cấu quyền lực của Liên Hiệp Quốc.

Ngày 10/4 BCT họp bàn đề án đấu tranh sách lược về vấn đề CPC do Bộ NG⁷⁴ dự thảo:

dùng công thức LHQ để nói về vấn đề diệt chủng và cho Khơ-me đỏ vào chính phủ liên hiệp CPC, nhận vai trò Sihanouk, lập chính phủ liên hiệp để tổ chức tổng tuyển cử... Đại đa số BCT đồng ý. Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Đồng Sĩ Nguyên còn nhấn vào âm mưu của đế quốc Mỹ sau cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Âu, VN và TQ cần liên kết bảo vệ chủ nghĩa xã hội và cùng tác động để có một nước CPC thân thiện với TQ và VN và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, coi đó là lợi ích chung của TQ và VN. Riêng Nguyễn Cơ Thạch nói rõ quan điểm của Ngoại Giao là cần tranh thủ TQ, song đồng thời phải chuẩn bị có 3 khả năng về thái độ của TQ:

- khả năng 1: TQ cùng ta bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

- khả năng 2: TQ cấu kết với Mỹ chống ta như trước.

- khả năng 3: TQ vừa bình thường hoá quan hệ với ta, vừa tranh thủ Mỹ, phương Tây là chính.

Lúc đó tôi có cảm giác nhiều ủy viên BCT không tán thành quan điểm này vì đã có định hướng cùng TQ bảo vệ chủ nghĩa xã hội chống đế quốc.

⁷⁴ Ngoại Giao

⁷⁵ Semdech Chea Sim, Kampuchean People's Revolutionary Party. Đến 1991, thay Heng Samrin là chủ tịch đảng với tên mới là Đảng Nhân Dân Cambodia (Cambodian People's Party, CPP)

Ngày 16-17/1/1990, thực hiện quyết định của Bộ Chính Trị theo hướng sớm làm lành với Bắc Kinh, anh Nguyễn Cơ Thạch đi Nông Pênh gặp 4 người chủ chốt trong BCT Campuchia: Heng Somrin, Chia Xira⁷⁵, Hun-xen và Sor Kheng⁷⁶ để cố thuyết phục bạn nên tính tới bước sách lược về vấn đề diệt chủng và không gạt Khơ-me đỏ, nhưng phía Campuchia không đồng ý vì tỏ ra muốn giữ đường lối độc lập trong việc giải quyết vấn đề Campuchia, không muốn ta đàm phán với Trung Quốc về các vấn đề nội bộ của Campuchia. Bạn tỏ ra rất căng về vấn đề diệt chủng, nói nếu bộ ta sẽ không còn vũ khí gì chống các luận điểm của đối phương vu cáo “Việt Nam xâm lược Campuchia”, “chính quyền Nông Pênh do Việt Nam dựng lên”. Hơn nữa chính lúc này phương Tây đang khơi lên vấn đề lên án diệt chủng.

Ngày 2/5/90 với danh nghĩa “đi kiểm tra sứ quán”, anh Đinh Nho Liêm đến Bắc Kinh để có cuộc “trao đổi ý kiến không chính thức” với Trung Quốc. Lần này đối tác không phải

thứ trưởng Lưu Thuật Khanh mà là trợ lý bộ trưởng Từ Đôn Tín⁷⁷. Phụ tá cho anh Liêm là anh Đặng Nghiêm Hoàn lúc này đã là đại sứ Việt Nam ở Trung Quốc. Cuộc đàm phán không có mấy tiến triển về thực chất.

Về bình thường hoá quan hệ hai nước, phía Trung Quốc không mặn mà gì với gợi ý của ta về việc xích lại gần hơn nữa giữa hai nước xã hội chủ nghĩa để cứu vãn sự nghiệp xã hội chủ nghĩa chung trên thế giới đang lâm nguy. Trung Quốc chỉ đặt quan hệ với Việt Nam trong khuôn khổ chung sống hoà bình như các nước láng giềng khác.

Lần này phía Trung Quốc đi vào những vấn đề thuần túy nội bộ của Campuchia, đòi ta đàm phán về vi phạm quyền lực của Hội đồng dân tộc tối cao Campuchia (SNC) và về việc xử lý quân đội 4 bên Campuchia. Về vấn đề chính quyền Campuchia trong thời kỳ quá độ (từ khi Việt Nam rút hết quân đến khi tổng tuyển cử), Từ nói Trung Quốc thấy tốt nhất là lập một chính phủ liên hiệp 4 bên-gọi là Hội đồng dân tộc tối cao cũng được- bằng không

⁷⁷ Xu Dunxin (1934-), Thứ trưởng ngoại giao (1991-1993); Thành viên Ủy Ban Thường Trục Quốc Hội Nhân Dân Trung Quốc (1998-2003)⁷⁵ Semdech Chea Sim, Kampuchean People's Revolutionary Party. Đến 1991, thay Heng Samrin là chủ tịch đảng với tên mới là Đảng Nhân Dân Cambodia (Cambodian People's Party, CPP)

thì phải chọn phương án giao quyền cho Liên Hiệp Quốc. Chính quyền thời kỳ quá độ này phải bao gồm cả 4 bên Campuchia (với hàm ý Khơ-me đỏ được chính thức coi là 1 bên tham chính) mới thể hiện được tinh thần hoà giải dân tộc. Nếu các đồng chí thấy nói 4 bên có khó khăn thì nói là “các bên Campuchia” cũng được, không gạt một bên nào, không bên nào nắm độc quyền. (Trong buổi làm việc với anh Đặng Nghiêm Hoàng sáng 4/5, Vụ phó Trương Thanh cũng nhắc lại ý này: Hội đồng này bao gồm đại diện của 2 chính phủ, 4 bên hay các bên Campuchia đều được). Từ nói: nếu so sánh giữa phương án chính thức liên hiệp lâm thời đỏ, Trung Quốc đề ra và phương án Liên Hiệp Quốc quản lý thì chúng tôi vẫn thấy phương án của TQ là tốt hơn. Về vấn đề diệt chủng, Từ nói có ý đe dọa là nếu cứ khẳng định Khơ-me đỏ phạm tội thì phía bên kia sẽ nói Việt Nam là xâm lược và Nông Pênh là nguy quyền, cho nên không nên nói đến vấn đề đó nữa.

Trong đàm phán, phía Trung Quốc để lộ rõ ý đồ muốn Hội đồng Dân tộc tối cao thực tế sẽ thay thế Chính phủ Nông Pênh; còn quân đội của “4 bên” Campuchia phải tập kết vào những địa điểm được chỉ định rồi giải pháp toàn bộ; ít nhất là lúc đầu giảm quân số tới mức tối đa, mục đích là tước bỏ thế mạnh cả

về chính quyền lẫn về lực lượng vũ trang của Nhà Nước Campuchia. Cách làm của Trung Quốc đúng là “một mũi tên bắn hai đích”, vừa xoá sạch thành quả cách mạng Campuchia vừa phân hoá quan hệ Việt Nam–Campuchia. Để tránh đi ngay vào chuyện hóc búa này, anh Liêm nói sẽ đem hai vấn đề này về bàn nghiên cứu thêm rồi sẽ phát biểu. Đồng thời theo chỉ thị trên, ta đã nhận Việt Nam không nói đến từ “diệt chủng” nữa và sẽ tìm một công thức khác thích hợp để nói về vấn đề đó. Phía Trung Quốc còn đề nghị lãnh đạo Việt Nam nên gặp Sihanouk như Sihanouk đã ngỏ ý để “tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy giải pháp”. Đáng suy nghĩ là Từ Đôn Tín đã gợi ý là sau khi Việt Nam và Trung Quốc nhất trí được về giải pháp Campuchia thì 3 nước Trung Quốc, Việt Nam và Thái Lan sẽ họp lại. Điều này chúng tỏ là Thái Lan giữ một vai trò không nhỏ trong việc cùng Trung Quốc nuôi dưỡng Khơ-me đỏ và làm chảy máu Việt Nam bằng vấn đề CPC.

Phần vì tình thế thúc bách đẩy nhanh giải pháp Campuchia, phần vì hài lòng với cuộc gặp này, Tiền Kỳ Tham đồng ý đầu tháng 6 sẽ cử Từ Đôn Tín sang Hà Nội với danh nghĩa “khách của đại sứ Trung Quốc ở Hà Nội” để tiếp tục trao đổi ý kiến với ta. Đây là lần đầu tiên trong 10 năm qua phía Trung Quốc nhận sang Hà Nội đàm phán với ta, trong khi tuyệt

đại đa số các đợt đàm phán Việt-Trung đều tiến hành ở Bắc Kinh. Động thái này đã được lãnh đạo ta hiểu như một cử chỉ thiện chí đặc biệt của Trung Quốc đối với Việt Nam.

THUỐC ĐẢNG NHƯNG KHÔNG DÃ ĐƯỢC TẬT

Sáng 30/5/1990, Bộ Chính trị họp bàn về đàm phán với Trung Quốc, Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh thông báo với Bộ Chính trị về cuộc họp với 2 tổng bí thư đảng Lào và đảng Campuchia ngày 20-21/5, nói ra dự định sẽ gặp đại sứ Trung Quốc và Từ Đôn Tín khi Từ đến Hà Nội. Cố vấn Phạm Văn Đồng và một số trong BCT tỏ ý phải thận trọng trong xử sự với Trung Quốc. Anh Tô⁷⁸ nói: Mấy nghìn năm Trung Quốc vẫn là Trung Quốc, không nên cả tin. Ta cần thăm dò thúc đẩy nhưng phải cảnh giác đừng để hớ. Đỗ Mười cũng khuyên anh Linh không nên gặp đại sứ Trung Quốc và Từ Đôn Tín trước cuộc đàm phán. Nhưng Lê

⁷⁸ Phạm Văn Đồng

Đức Anh lại tỏ ra đồng tình với dự định của anh Linh, cho rằng phải thăm dò và phân tích chiến lược của Trung Quốc, xử lý mối quan hệ của 3 nước lớn và 5 nước thường trực HĐBA, tranh thủ thế giới thứ ba, ủng hộ các nước xã hội chủ nghĩa. Đa số trong BCT đều cho rằng không nên nói đến “giải pháp đỏ” với Trung Quốc nữa. Cuối cùng Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh kết luận lại là anh sẽ chỉ gặp đại sứ Trung Quốc, còn không gặp Từ Đôn Tín; về phía lãnh đạo ta, chỉ có anh Thạch tiếp Từ. Nguyễn Văn Linh còn nói khi gặp Trương Đức Duy anh sẽ chỉ nói về hợp tác hai nước và đề nghị gặp cấp cao, không nói đến “giải pháp đỏ”. Nhưng trên thực tế trong cuộc gặp đại sứ TQ vài hôm sau, Nguyễn Văn Linh đã lại nêu vấn đề đó.

Ngày 5/6/90, vài ngày trước khi Từ Đôn Tín đến Hà Nội, TBT Nguyễn Văn Linh đã mời đại sứ Trương Đức Duy (vừa từ Bắc Kinh trở lại Hà Nội) đến Nhà khách Trung ương Đảng nói chuyện thân mật. Đây cũng là lần đầu tiên trong 10 năm, tổng bí thư Đảng ta tiếp đại sứ Trung Quốc để tỏ sự trọng thị đối với Bắc Kinh. Trong cuộc gặp, như để chấp nhận lời phê bình của Đặng (nói qua Kayson), Nguyễn Văn Linh nói “Trong quan hệ hai nước, 10 năm qua có nhiều cái sai. Có cái đã sửa như việc sửa đổi Lời nói đầu của Hiến pháp, có cái sai đang sửa”. Anh sốt sắng ngỏ ý muốn sang gặp

lãnh đạo TQ để “bàn vấn đề bảo vệ Chủ nghĩa xã hội” vì “đế quốc đang âm mưu thủ tiêu chủ nghĩa xã hội ... chúng âm mưu diễn biến hoà bình, mỗi đảng phải tự lực chống lại. Liên Xô là thành trì xã hội chủ nghĩa, nhưng lại đang có nhiều vấn đề. Chúng tôi muốn cùng các người cộng sản chân chính bàn vấn đề bảo vệ chủ nghĩa xã hội... Tôi sẵn sàng sang Trung Quốc gặp lãnh đạo cấp cao Trung Quốc để khôi phục lại quan hệ hữu hảo. Các đồng chí cứ kêu một tiếng là tôi đi ngay... Trung Quốc cần gương cao ngon cờ chủ nghĩa xã hội, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin”. Về vấn đề Campuchia, anh Linh đã gợi ý dùng “giải pháp đỏ” để giải quyết: “Không có lý gì những người cộng sản lại không thể bàn với những người cộng sản được”, “họ gặp Sihanouk còn được hưởng chi là gặp lại nhau”.

Sáng 6/6/1990, Bộ trưởng Quốc phòng Lê Đức Anh lại gặp riêng và mời cơm đại sứ Trương Đức Duy. Cuộc gặp riêng chỉ giữa hai người. Trương Đức Duy vốn là thông dịch rất thạo tiếng Việt nên không cần có người làm phiên dịch. Nội dung cuộc gặp này mãi đến ngày 19 tháng 6 trong cuộc họp BCT để đánh giá cuộc đàm phán 11-13/6 giữa tôi và Từ Đôn Tín, Lê Đức Anh mới nói là đã gặp Trương Đức Duy để nói cụ thể thêm ba ý mà anh Linh đã nói với đại sứ Trung Quốc hôm trước (gặp

cấp cao hai nước; hai nước đoàn kết bảo vệ chủ nghĩa xã hội; hai nhóm cộng sản Khơ-me nên nói chuyện với nhau). Nhưng trước đó, từ ngày 6/6, phía Trung Quốc (tham tán Lý Gia Trung và Bí thư thứ nhất Hồ Càn Văn) đã cho ta biết nội dung câu chuyện giữa Lê Đức Anh và Trương Đức Duy. Còn Đại sứ Trung Quốc cho anh Ngô Tất Tố, vụ trưởng Vụ Trung Quốc, biết là trong cuộc gặp ông ta ngày 6/6, anh Lê Đức Anh đã nói khá cụ thể về “giải pháp đỏ”: Sihanouk sẽ chỉ đóng vai trò tượng trưng, danh dự, còn lực lượng chủ chốt của hai bên Campuchia là lực lượng Heng Somrin và lực lượng Polpot. Trung Quốc và Việt Nam sẽ bàn với bạn Campuchia của mình, và thu xếp để hai bên gặp nhau giải quyết vấn đề. Địa điểm gặp nhau có thể ở Việt Nam, có thể ở Trung Quốc, nhưng ở Trung Quốc là tốt hơn cả. Đây là gặp nhau bên trong, còn bên ngoài hoạt động ngoại giao vẫn bình thường... Ngày xưa Polpot là bạn chiến đấu của tôi ...

Theo Hồ Càn Văn, ngày 23/5/90 Cục trưởng Cục Đối Ngoại Bộ Quốc Phòng Việt Nam Vũ Xuân Vinh đã mời Tùy viên quân sự Trung Quốc Triệu Nhuệ đến để thông báo là TBT Nguyễn Văn Linh và Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng Lê Đức Anh sẽ tiếp Từ Đôn Tín khi Từ đến Hà Nội. Chính những động thái bất thường và vượt ra ngoài khuôn khổ ngoại giao này của

ta đã làm cho Trung Quốc hiểu rằng nội bộ Việt Nam đã có sự phân hoá và vai trò của Bộ Ngoại giao không còn như trước.

Ngày 8/6/1990, khi được biết là lần này tôi sẽ là người đứng ra thay anh Đinh Nho Liêm đàm phán với Từ Đôn Tín, Bộ trưởng Quốc Phòng Lê Đức Anh còn điện thoại dặn tôi tránh chủ động nói đến “giải pháp đỏ”: Việc hai bên đỏ tiếp xúc với nhau là chuyện lâu dài, cần cho ổn định lâu dài. Trung Quốc sẽ tác động với phía CPC thân Trung Quốc, ta sẽ tác động với phía CPC thân với ta để hai bên kiểm chế việc thù địch nhau. Việc này phải có thời gian, không thể đòi họ trả lời ngay. Đừng thúc họ, cứ để họ chủ động, khi nào trả lời được thì họ trả lời ... Phải rất bí mật. Lộ ra rất nguy hiểm. Chỉ nói khi gặp riêng chứ không nói khi đàm phán. Việc anh Nguyễn Văn Linh đặt vấn đề với đại sứ Trương Đức Duy nói sẵn sàng đi TQ gặp cấp cao nhất, cũng không nên hỏi lại nếu họ chưa nói tới. Những lời dặn dò này đối với tôi thực ra là không cần thiết, không phải vì tôi sẵn ý thức bảo mật cao, mà bởi vì ngay từ đầu tôi đã khó chịu với cái ý nghĩa gọi là “giải pháp đỏ”, với ý nghĩa bắt tay với bọn diệt chủng-dù chỉ là gián tiếp-để làm vừa lòng Trung Quốc. Nhưng sự việc trở nên phức tạp khi trưa ngày 11/6/1990 sau đàm phán phiên đầu với Từ Đôn Tín, tôi về Bộ Ngoại Giao hỏi

báo lại với anh Thạch lúc này đang họp Hội nghị ngoại giao đánh giá tình hình Đông Âu-Liên Xô. Anh Thạch liền gạn hỏi tôi có nói với Từ về “giải pháp đỏ” không. Tôi nói: đồng chí Lê Đức Anh đã dặn phải thận trọng tránh nói đến vấn đề đỏ khi đàm phán. Anh Thạch vặn lại: Vậy đồng chí nghe theo ý kiến bộ trưởng Quốc phòng hay ý kiến bộ trưởng Ngoại giao. Tôi đáp: Là cán bộ ngoại giao tôi sẵn sàng chấp hành ý kiến anh, với sự hiểu biết rằng anh nói với tư cách là ủy viên Bộ chính trị. Lúc ấy tôi thật bất ngờ trước phản ứng của anh Thạch, nhưng đồng thời cũng cảm nhận được vết rạn nứt trong BCT đã khá sâu.

Phía Trung Quốc tất nhiên không để lọt hiện tượng này vì chính họ đang muốn tác động vào nội bộ ta. Chính thái độ quá đặc biệt, quá nhún mình và cũng quá sơ hở của lãnh đạo ta ngày 5 và 6/6/1990 đã gây khó khăn không nhỏ cho ngoại giao ta trong đợt đàm phán này. Ngay từ hôm đầu đến Hà Nội và trong suốt mấy ngày đàm phán, Từ Đôn Tín luôn dõ giọng cao ngạo, dùng uy lực của chính lãnh đạo ta để gây sức ép với cán bộ ngoại giao ta. Ngay trong lời đáp từ tại buổi tiệc của tôi chiêu đãi đoàn TQ tối 9/6/1990, Từ đã nói: “Sau khi nghe đại sứ Trương Đức Duy báo cáo lại, tôi càng tăng thêm lòng tin tưởng, tôi tin rằng đồng chí thứ trưởng Trần Quang

Cơ và các đồng chí lãnh đạo Việt Nam, cụ thể hóa vào cuộc trao đổi với chúng tôi để chúng ta nhanh chóng giải quyết xong vấn đề”.

Vào phiên đàm phán đầu tiên, sáng 11/6/1990, Từ đã tìm cách ghim lại những điểm có lợi cho Trung Quốc hoặc ít nhất cũng hợp với ý đồ của họ bằng cách nêu ra 5 nhận thức chung rất bổ ích mà hai bên đã đạt được trong cuộc gặp ở Bắc Kinh đầu tháng 5/1990:

1. Hai bên đều cho rằng vấn đề Campuchia cần đạt được một giải pháp toàn diện, công bằng và hợp lý.

2. Phía Việt Nam bày tỏ đã rút hết quân khỏi Campuchia, chấp nhận sự kiểm chứng của Liên Hiệp Quốc và cam kết sẽ không quay lại Campuchia.

3. Hai bên đều cho rằng, trong thời kỳ quá độ ở Campuchia sau khi Việt Nam rút hết quân, chấm dứt viện trợ bên ngoài và thực hiện ngừng bắn, cần thành lập Hội đồng toàn quốc tối cao. Về nguyên tắc hai bên chúng ta đều tán thành Hội đồng toàn quốc tối cao phải là cơ cấu quyền lực có thực quyền, còn việc tổ chức Hội đồng đó thế nào, ý kiến của hai bên cơ bản nhất trí với nhau. Ứng cử viên của Hội đồng đó cụ thể là ai thì phải do các bên Campuchia lựa chọn. Trung Quốc, Việt Nam tôn trọng sự lựa chọn đó. Chúng ta tán thành Hội đồng toàn quốc tối cao không loại trừ bất

cứ bên nào, cũng không để bên nào nắm độc quyền. Về Hoàng thân Sihanouk, hai bên đều chủ trương Hoàng thân Sihanouk làm Chủ tịch Hội đồng toàn quốc tối cao.

4. Vấn đề quân sự trong thời kỳ quá độ, hai bên đều cho rằng để tránh xảy ra nội chiến và giữ hoà bình ở Campuchia, cần có sự sắp xếp thoả đáng quân đội 4 bên Campuchia. Dĩ nhiên sắp xếp như thế nào, hai bên chúng ta cần bàn thêm.

5. Còn một điểm nữa, các đồng chí Việt Nam bày tỏ từ nay về sau sẽ không nhắc đến vấn đề diệt chủng, kể cả trong các văn kiện quốc tế cũng không nêu nữa.

Vì vậy Từ đề nghị tập trung bàn hai điểm tồn tại của lần gặp trước là vấn đề phạm vi quyền lực của Hội đồng Dân tộc Tối cao Campuchia và vấn đề lực lượng vũ trang của các bên Campuchia trong thời kỳ quá độ. Trong 3 ngày đàm phán, mỗi khi phía Trung Quốc thấy ta không chấp nhận yêu sách vô lý của họ về hai vấn đề thuộc nội bộ CPC này, nhất là khi ta kiên trì công thức “hai bên Campuchia”- tức là hai chính phủ Nông Pênh và chính phủ Campuchia Dân chủ - hoặc có thể nói 2 bên Campuchia, nhưng dứt khoát bác công thức “4 bên Campuchia” của họ mang hàm ý chấp nhận vai trò hợp pháp của bọn Khơ-me đỏ, thì Từ lại lên giọng chê trách

tôi làm trái ngược ý kiến của lãnh đạo VN, với lập luận là lãnh đạo Việt Nam đã đưa ra ý “hợp tác giữa 2 phái cộng sản Khơ-me” tức là nhận từ “4 bên CPC” (có nghĩa là đưa Khơ-me đỏ lên ngang với Chính phủ Nông Pênh) và nhắc đến thoả thuận Tokyo, Từ nói: “Phát biểu của các đồng chí không nên trái ngược với các đồng chí lãnh đạo Việt Nam. Ý kiến của Bộ Ngoại Giao nên nhất trí với ý của lãnh đạo cấp cao, không nên có hai tiếng nói trái ngược”. Tôi phải đưa Từ trở về vị trí của y: “Đồng chí có thể yên tâm, không cần lo hộ, chúng tôi là Bộ Ngoại Giao có tiếng nói khác Trung ương. Đảng chúng tôi nhất trí từ trên xuống do Bộ Ngoại Giao là một bộ phận chịu sự lãnh đạo chặt chẽ của Bộ Chính Trị chúng tôi”.

Về vấn đề Hội đồng Dân tộc Tối cao Campuchia, Trung Quốc kiên trì 3 điểm:

- HĐDTTC (SNC) phải là cơ quan chính quyền tối cao hợp pháp duy nhất đại diện cho độc lập, chủ quyền, thống nhất của Campuchia. Về mặt đối ngoại, đại diện cho Campuchia trên quốc tế, giữ ghế cho Campuchia ở Liên Hiệp Quốc; về mặt đối nội, thực hiện quyền lập pháp và quản lý hành chính, trực tiếp nắm các ngành quan trọng ảnh hưởng đến tổng tuyển cử tự do, công bằng gồm quốc phòng, ngoại giao, nội vụ, tuyên truyền, tài chính (với hiểu biết là xoá 5

bộ này của chính quyền Nông Pênh).

- Không loại bên nào (tức là không loại Khơ-me đỏ), không bên nào độc quyền. Thành phần, số lượng do 4 bên Campuchia bàn bạc và quyết định. Sihanouk làm chủ tịch HĐDTTC (thực chất là bác bỏ Thông cáo chung Tokyo đã thỏa thuận là Hội đồng gồm 12 người, chia đều cho 2 bên, mỗi bên 6 người).

Tôi khẳng định HĐDTTC có trách nhiệm và quyền lực trong việc thực hiện các hiệp định được ký kết về Campuchia, về hoà giải dân tộc và về tổng tuyển cử; hai chính quyền hiện tồn tại không được làm việc gì cản trở trách nhiệm và quyền lực trên đây của HĐDTTC. Còn việc các bên Campuchia chấp nhận ý kiến của Trung Quốc đến đâu là quyền của các bên Campuchia, Việt Nam và Trung Quốc không thể thay các bên Campuchia sắp đặt việc nội bộ của Campuchia.

Về vấn đề lực lượng vũ trang, Trung Quốc đòi ghi vào biên bản thỏa thuận: quân đội của 4 bên Campuchia phải tập kết vào những địa điểm do ủy ban giám sát của Liên Hiệp Quốc chỉ định. Còn việc giảm quân hay thực hiện các nguyên tắc trên sẽ do các bên Campuchia thỏa thuận với nhau.

Như để thuyết phục ta chấp nhận lập trường của họ, Từ đưa ra dự kiến của Trung Quốc giải quyết vấn đề Campuchia theo 5 bước:

1. Trung-Việt đạt được thoả thuận về giải pháp vấn đề

Campuchia và ghi nhận lại bằng một biên bản nội bộ;

2. Hợp ngoại trưởng 5 nước Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Indônêxia, Lào và ra tuyên bố chung;

3. Hợp hội nghị có tính chất khu vực giữa 5 nước trên và 4 bên Campuchia;

4. Hợp 5 nước Hội Đồng Bảo An với 4 bên Campuchia;

5. Hợp Hội nghị quốc tế Pa-rivề Campuchia.

Từ nói chỉ trao đổi nội bộ với ta dự kiến này ở đây, không nói với 4 nước ủy viên thường trực Hội Đồng Bảo An, cũng không nói với Liên Xô để tránh sự quấy nhiễu của bên ngoài. Tôi tránh bình luận cụ thể, chỉ nói đây là một gợi ý thú vị, rất đáng suy nghĩ, song cần làm sao cho bước khởi động của chúng ta ở đây có kết quả thì toàn bộ kế hoạch mới có khả năng triển khai được.

Chiều ngày 12/6/1990, thực hiện yêu cầu của phía Trung Quốc, đã có cuộc họp hẹp giữa hai trưởng đoàn. Qua đó Từ nhờ tôi chuyển tới lãnh đạo VN trả lời của lãnh đạo Trung Quốc về những ý kiến mà Nguyễn Văn Linh và Lê Đức Anh đã nói với đại sứ Trung Quốc ngày 5 và 6/6/1990: “Lãnh đạo Trung Quốc rất coi trọng quan hệ Trung-Việt. Lãnh đạo Trung

Quốc cũng rất coi trọng những ý kiến Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và đồng chí Lê Đức Anh đã nói với đại sứ Trương Đức Duy. Phía Trung Quốc cho rằng quan hệ Trung-Việt sớm muộn cũng sẽ bình thường hóa. Hai bên đều cần cùng nhau cố gắng để thực hiện. Vấn đề Campuchia, cuộc chiến tranh Campuchia đã kéo dài hơn 10 năm. Đây là vấn đề toàn thế giới quan tâm, các nước trong khu vực, nhất là ASEAN, cũng rất quan tâm. Đối với hai nước Trung Quốc và Việt Nam, nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết hiện nay là trên cơ sở những nhận thức chung đã đạt được, tiếp tục trao đổi ý kiến về hai vấn đề tồn tại (vấn đề quyền lực của Hội đồng tối cao và việc xử lý quân đội của các bên CPC), làm sao cho có tiến triển về hai vấn đề này. Nếu được như vậy, chúng ta sẽ góp phần vào việc thực sự giải quyết vấn đề Campuchia. Bước đi này là hết sức quan trọng. Chỉ có đi xong bước này, chúng ta mới có thể suy nghĩ đến những bước sau. Cũng có nghĩa là chỉ có đi xong bước này lãnh đạo Trung Quốc mới suy nghĩ về việc gặp cấp cao và việc thúc đẩy hai phái cộng sản Khơ-me đỏ hoà giải với nhau. Giải quyết xong 2 điểm tồn tại đó để có được giải pháp toàn bộ, không nên vượt qua vấn đề Campuchia. Giải quyết xong vấn đề Campuchia thì các bước tiếp theo về gặp gỡ cấp cao và bình thường hoá quan hệ giữa hai nước sẽ dễ giải quyết.

Ngay sau đó, tôi sang gặp thủ tướng Đỗ Mười báo cáo tình hình cuộc đàm phán để chuẩn bị cho việc anh ấy tiếp Từ Đôn Tín chiều hôm sau như đã dự định. Tôi nói: chỉ với việc anh Linh và anh Lê Đức Anh gặp Trương Đức Duy trước khi Từ Đôn Tín tới Hà Nội đã làm cho phía Trung Quốc lên giọng trong đàm phán, nay nếu anh Linh hoặc anh Mười lại tiếp hần nữa thì rất không nên. Nghe tôi trình bày xong, Đỗ Mười bảo sở dĩ anh nghĩ đến chuyện gặp Từ là vì sáng 10/6/1990 Lê Đức Anh đến yêu cầu Đỗ Mười gặp Từ. Nay như vậy thì không cần gặp nữa. Đỗ Mười bảo tôi cùng đi ngay sang báo cáo sự tình với TBT Nguyễn Văn Linh vì anh Linh cũng dự định tiếp Từ. Sau khi nghe tôi trình bày, có một phút lặng đi, tôi nghĩ bụng Tổng bí thư chắc bị bất ngờ về những câu trả lời quá ư lạnh nhạt của lãnh đạo Trung Quốc đối với những điều tâm huyết mà anh và Lê Đức Anh đã thổ lộ với đại sứ Trương Đức Duy. Rồi anh Linh cho ý kiến là trong tình hình này anh Mười hoặc một cấp cao khác của ta không cần tiếp Từ Đôn Tín nữa.

Ba ngày đàm phán với Từ nói chung là căng nhưng giông tố chỉ nổ ra khi Từ Đôn Tín đến chào Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch chiều 13.6.1990 trước khi đoàn Trung Quốc rời Hà Nội. Ngay từ đầu, không khí trò chuyện đã

không lấy gì làm mạn mà lăm. Nhưng đến khi Từ nói: “Các đồng chí nói chúng ta nên khuyên hai phái cộng sản Campuchia hòa giải với nhau nhưng lại không chấp nhận có “4 bên” Campuchia. Chúng tôi không thể hiểu được trong hai giọng nói đó cái nào là thật cái nào là giả. Nghe tiếng nói này thì tiếng nói kia là giả dối, nghe tiếng nói kia thì tiếng nói này là giả dối. Mong rằng sau này các đồng chí không nên làm như vậy”, anh Thạch đã phản ứng mạnh: “Chúng tôi không đòi các đồng chí nói chỉ có hai bên Campuchia; các đồng chí cũng không thể đòi chúng tôi nói 4 bên. Chúng tôi nói các bên, không loại bỏ bên nào là đủ rồi.

Nếu nói khác đi là chống lại Hội nghị Tokyo. Tôi nói thật, dùng thủ đoạn xuyên tạc thì rất khó đàm phán ... Tôi rất trọng đồng chí nhưng rất không hài lòng với những điều đồng chí nói vì đồng chí có những xuyên tạc. Như thế rất khó đàm phán”. Cuộc nói chuyện kết thúc bằng câu “Chào Ngài” của Từ Đôn Tín. Và anh Thạch cũng đáp lại bằng từ đó thay vào từ “đồng chí”.

Tôi không có mặt trong buổi anh Thạch tiếp Từ Đôn Tín nhưng khi nghe kể lại chuyện đó tôi không hề ngạc nhiên. Tôi nhớ như in cái giọng ngạo mạn kiểu “sứ giả thiên triều” của Từ trong buổi gặp ngày 13/6/90: Lần này

tôi sang Hà Nội chủ yếu để bàn với các đồng chí Việt Nam về vấn đề Campuchia, đồng thời cũng xem xét nguyện vọng của các đồng chí, chúng tôi đã chuẩn bị ý kiến về quan hệ hai nước Trung Quốc-Việt Nam. Khi nói “nguyện vọng của các đồng chí” là Từ muốn nói đến những điều mà anh Linh và anh Anh đã nói với đại sứ Trung Quốc Trương Đức Duy ngày 5 và 6/6/1990. Đây là cuộc đàm phán giữa hai quốc gia bình đẳng, làm sao Trung Quốc có thể nói đến chuyện “xem xét nguyện vọng” của lãnh đạo Việt Nam được thêm vào đó; tâm trạng Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch trong những ngày này lại đang nặng trĩu những suy tư khác.

Sau khi xảy ra va chạm giữa Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch và trưởng đoàn TQ Từ Đôn Tín, sức ép vào nội bộ ta càng mạnh hơn; suốt nửa cuối 1990 đến đầu 1991, TQ phớt lờ Bộ Ngoại Giao, chỉ làm việc với Ban Đối ngoại; ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham từ chối gặp Nguyễn Cơ Thạch tại kỳ họp Đại hội đồng LHQ ở Nữu-ước tháng 9/1990. Trước đó, ý đồ TQ phân hoá nội bộ ta đã bộc lộ rõ: muốn ta phải thay đổi bộ trưởng ngoại giao.

Liều thuốc của thầy Tàu bốc cho ta thật là đắng, thế nhưng đâu có đã được tạt!

BCT ĐÁNH GIÁ CUỘC ĐÀM PHÁN THÁNG 6/1990

Ngày 19/6/1990 Bộ Chính Trị đã họp để đánh giá cuộc đàm phán. Rất tiếc không hiểu vì sao ngay sáng hôm họp BCT anh Linh lại đi vào Thành phố Hồ Chí Minh và nhận qua anh Nguyễn Thanh Bình đề nghị BCT cứ họp nhưng chưa bàn về phương hướng tới.

Là người trực tiếp đàm phán với TQ, tôi đã trình bày trước BCT bản báo cáo của Bộ Ngoại Giao trong đó có nhận định về ý đồ của Trung Quốc qua cuộc đàm phán này:

- Ý đồ Trung Quốc về vấn đề quan hệ với Việt Nam và về vấn đề Campuchia; qua cuộc gặp này đã bộc lộ rõ. Chiến lược của Trung Quốc là đặt ưu tiên cao nhất vào việc tranh thủ Mỹ, phương Tây, ASEAN để phục vụ mục

tiêu “4 hiện đại hoá”. Chính sách đối với Việt Nam, cũng như với Liên Xô và các nước khác đều phải phục tùng lợi ích tối cao này, không được gây nên bất kỳ ảnh hưởng xấu nào trong quan hệ của Trung Quốc với Mỹ, phương Tây, ASEAN. Chính vì vậy Trung Quốc đã không đáp ứng những đề nghị mà TBT Nguyễn Văn Linh và anh Lê Đức Anh nói với đại sứ Trung Quốc trước cuộc đàm phán này:

a) về việc ta đề nghị gấp cấp cao nhất của 2 nước càng sớm càng tốt, Trung Quốc trả lời chỉ sau khi giải quyết xong vấn đề Campuchia thì lãnh đạo Trung Quốc mới suy nghĩ đến việc này cũng như mới có thể bàn vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước.

b) về việc ta đề nghị hai nước đoàn kết để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, họ nói rõ họ coi quan hệ với Việt Nam sau này cũng chỉ nằm trong phạm vi quan hệ giữa hai nước láng giềng, trên cơ sở 5 nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Họ còn nói quan hệ Việt Nam-Trung Quốc không thể làm cho Mỹ và ASEAN lo ngại.

c) về việc ta đề nghị hai nước cùng thúc đẩy 2 phái cộng sản Khơ-me hoà giải với nhau, họ cũng chỉ trả lời là giải quyết xong vấn đề Campuchia thì lãnh đạo Trung Quốc sẽ tính về việc này. Thực chất phương án giải

quyết vấn đề Campuchia của Trung Quốc là nhằm xoá đi chính quyền và lực lượng quân sự của Nhà Nước Campuchia để giao thực quyền cho Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao do Sihanouk chủ trì. Hai chính quyền hiện nay-Nhà Nước Campuchia và Campuchia Dân Chủ-đều do hai lực lượng cộng sản kiểm soát là chính, và các lực lượng quân sự Campuchia mạnh nhất cũng là của hai nhóm cộng sản Khơ-me. Trung Quốc đòi cho quân sự của Liên Hiệp Quốc hỗ trợ hoặc đòi để Liên Hiệp Quốc cai trị hoàn toàn Campuchia. Để thực hiện tính toán chiến lược của họ, Trung Quốc sẵn sàng ngả theo phương án của Mỹ và phương Tây, trái với suy tính của ta.

- Trung Quốc không đáp ứng các đề nghị của lãnh đạo ta, đồng thời họ lại đánh giá sai lầm là Việt Nam yếu, có nhiều khó khăn do tình hình bản thân VN và do tác động của tình hình Liên Xô, Đông Âu nên quá lo sợ bị đế quốc diễn biến hoà bình như đối với các nước Đông Âu, do đó Việt Nam rất cần Trung Quốc. Vì vậy họ đã lợi dụng lòng khát khao hợp tác với Trung Quốc của lãnh đạo ta để gây sức ép mạnh với ta trong đàm phán. Đồng thời, từ khi có cuộc gặp không chính thức với ta ở Bắc Kinh cho đến nay, Trung Quốc không ngừng đưa tin về các hoạt động của Trung Quốc ở

Trường Sa và Hoàng Sa với ý đồ vừa gây sức ép với ta vừa làm cho Mỹ, ASEAN yên tâm là quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam chẳng phải có sự ưu ái gì hơn mối quan hệ của Trung Quốc với các nước Đông Nam Á khác.

- Trung Quốc ép ta chấp nhận lập trường của họ về 2

vấn đề thuộc phạm vi nội bộ Campuchia còn nhằm mục đích chia rẽ ta với bạn CPC, sau khi Trung Quốc đã cố gắng tranh thủ Lào, nhằm tách Lào khỏi Việt Nam và Liên Xô.

- Trung Quốc không hài lòng về Thông cáo chung

Tokyo vì nó đề cao vai trò Nhật ở Châu Á đồng thời xóa bỏ vai trò Khơ-me đỏ, con chủ bài của Trung Quốc trong vấn đề Campuchia... ngày 4 và 5/6/1990 ở Tokyo đã có cuộc họp giữa các bên Campuchia và đã ra được Thông cáo chung Hun- xen-Sihanouk thỏa thuận một cuộc ngừng bắn tự nguyện đồng thời với việc lập ra Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao gồm số người của 2 bên ngang nhau (6+6), nhưng Trung Quốc không dám công khai phản đối nên cố kéo ta cùng có lập trường khác với Thông cáo Tokyo.

- Trung Quốc đưa ra dự kiến giải quyết vấn đề

Campuchia theo 5 bước nhằm giành cho Trung Quốc vai trò trung tâm và chủ động

trong cả quá trình giải quyết vấn đề CPC, qua đó khẳng định các vấn đề Châu Á không thể chỉ Mỹ và Liên Xô giải quyết mà không có Trung Quốc. Trung Quốc xem đàm phán với ta là bước mở đầu có tính quyết định của “kế hoạch 5 bước” để giải quyết vấn đề Campuchia, vì Trung Quốc cho rằng Liên Xô không ép được Việt Nam, chỉ có Trung Quốc dùng đòn bẩy về bình thường hoá quan hệ với Việt Nam mới ép được Việt Nam xoá bỏ hoặc hạn chế đến mức thấp nhất chính quyền Nông Pênh.

- Trong quan hệ với ta, Trung Quốc luôn có hai giới

hạn: một đảng là Trung Quốc muốn không làm gì với Việt Nam gây ảnh hưởng bất lợi đến quan hệ với Mỹ, phương Tây, ASEAN; một đảng là Trung Quốc cũng không muốn tỏ ra quá căng với Việt Nam làm cho vấn đề Campuchia không thể sớm giải quyết được, đồng thời duy trì quan hệ căng thẳng với Việt Nam không phù hợp với lợi ích Trung Quốc lúc này là tạo hoàn cảnh quốc tế thuận lợi cho việc ổn định nội bộ thực hiện “4 hiện đại”.

Nghe xong bản báo cáo và kiến nghị của Bộ Ngoại Giao, BCT chưa có ý kiến ngay mà bàn tới diễn biến của cuộc đàm phán vừa qua. Về vụ to tiếng giữa anh Thạch và Từ Đôn Tín chiều 13/6, anh Đào Duy Tùng nói “Cần phải

nói lại mạnh mới được”. Còn anh Đồng Sĩ Nguyên nói: “Nếu anh không phản ứng mạnh thì chúng tôi không thể hiểu nổi”. Về việc anh Lê Đức Anh và anh Linh gặp Trương Đức Duy trước khi ta và Trung Quốc đàm phán, anh Tô phát biểu: “Trong cuộc họp BCT bàn về đàm phán với Trung Quốc, tôi đã nói 3 lần là không được hớ phải rất thận trọng với Trung Quốc. Đảng này anh lại ngửa bài trước để họ biết hết và kết quả là điều đã xảy ra. Trung Quốc họ nghĩ theo kiểu Đại Hán của họ và kết quả là họ ép mình. Ngoại giao như đánh bài phải giữ thế, không phải lúc nào cũng lật hết lá bài ra. Không thể đưa ngực ra cho nó biết”. Khi anh Lê Đức Anh nói có ý thanh minh sở dĩ anh nói “giải pháp đỏ” với đại sứ Trung Quốc là vì Campuchia nhờ ta thăm dò Trung Quốc, anh Võ Văn Kiệt nói: “Nhưng ta thăm dò thật thà quá! Anh Võ Chí Công nói: “Trung Quốc lấy lợi ích dân tộc của họ là chính, không phải theo lợi ích quốc tế của xã hội chủ nghĩa. Họ khác ta. Dù ta có muốn hợp tác họ cũng không chịu đâu. Anh Lê Đức Thọ, ngày 12/6, khi nghe báo cáo nội dung trả lời của Trung Quốc về các đề nghị của anh Nguyễn Văn Linh và anh Lê Đức Anh, đã có ý kiến: “Việc anh Nguyễn Văn Linh và anh Lê Đức Anh gặp đại sứ Trung Quốc đã làm cho Trung Quốc cứng lên. Đáng lẽ không nên gặp”. (Anh Lê Đức Thọ lúc này

đang ốm nặng, nằm ở nhà). Ngày 12/6, khi dặn dò anh Đặng Nghiêm Hoàn, đại sứ ta ở TQ, anh Lê Đức Anh lại nói: “Anh Linh nói chuyện với Trương Đức Duy cũng có đôi chỗ thật lòng quá. Nhưng cũng không phải vì thế mà nó cho là mình yếu” (?).

Tôi nghĩ, xét cho cùng nội bộ ta lúc này đã có hai cách đánh giá về Trung Quốc, cũng như có hai cách đánh giá về cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Âu và Liên Xô nên đã có hai cách xử sự khác nhau. Từ Đôn Tín nói ta có “hai tiếng nói trái ngược”, “không biết cái nào giả, cái nào thật” và khuyên Bộ Ngoại Giao nên nhất trí với ý kiến của lãnh đạo cấp cao”, như thế có nghĩa là Trung Quốc đã biết nội bộ ta đã có kẻ hở mà họ không đại gì bỏ qua không lợi dụng để giành lợi cho họ.

Ngày 25/6/1990 TBT Nguyễn Văn Linh từ Thành phố Hồ Chí Minh điện ra cho Bộ Chính Trị tôi đã đọc biên bản cuộc họp BCT 19/6/1990, có một số ý kiến sẽ phát biểu sau. Anh không đồng ý thông báo cho Trung ương và các cấp ủy về điều tối mật (tức là những điều Lê Đức Anh đã nói với Trương Đức Duy ngày 6/6/1990 mà chỉ thông báo rằng cuộc họp Việt- Trung vừa qua không có kết quả là do Trung Quốc phá. Ngoại giao cần có cách giải thích cho du luận theo hướng trên. Ngoại giao theo dõi khi Trung Quốc lộ ra những điều mà

ta lấy tình bạn nói với họ thì phải nhận ngay, không để chậm.

Đợt đàm phán tháng 6/1990 không kết quả, nhưng TQ không cắt cầu như các lần trước mà để thực hiện ý đồ... đại sự! Như vậy, sau khi đàm phán thất bại đã có hàng loạt hành động tiến hành song song; hai bên vừa tiếp tục nói chuyện với nhau, vừa công kích nhau trên mặt trận dư luận.

Để giành chủ động trong việc tranh thủ dư luận quốc tế, ngày 21/6/1990, dưới hình thức trả lời phỏng vấn của Việt Nam Thông Tấn Xã, tôi đã nêu rõ nguyên nhân khiến cuộc nói chuyện với TQ không tiến triển được chỉ vì VN kiên quyết tuân thủ nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ CPC, cản trở chính cho giải pháp CPC là việc Trung Quốc vẫn cố bám giữ bọn diệt chủng Polpot. Song điều khiến Trung Quốc cay cú nhất là tôi đã vạch “Trung Quốc không tán thành Thông cáo chung Tokyo nhưng không muốn đơn phương một mình chống lại. Họ muốn Việt Nam và Trung Quốc cùng có một lập trường trái với Thông cáo chung Tokyo”. Vì vậy ngay sau đó, tờ Nhân Dân Nhật Báo Bắc Kinh ngày 5/7/1990 đã có ngay bài “Kế hoạch một hòn đá ném hai đích của Hà Nội” của Thái Tích Mai, Tân Hoa Xã, phản ứng ngay về bài đó, nói Trần Quang Cơ định “dụ dẫn nhân dân thế giới vào cái bẫy

của họ bằng hàng loạt sách lược một hòn đá nhằm hai cái đích”. Ý đồ thứ nhất của Hà Nội là thông qua việc ngừng bắn tại chỗ để che đậy về việc quân đội VN vẫn có mặt ở CPC. Ý đồ thứ 2 của Hà Nội là thành lập HĐDTTC trong khuôn khổ Nông Pênh. Ý đồ thứ 3 là lấy cuộc đối thoại giữa hai chính quyền thay thế nguyên tắc 4 bên.

Hiếm độc nhất là Trung Quốc đã thông báo khá rộng rãi với các nước những điều Nguyễn Văn Linh và Lê Đức Anh nói riêng với Trương Đức Duy về “giải pháp đỏ” và đoàn kết xã hội chủ nghĩa nhằm gây ấn tượng xấu về ta đối với các nước quan tâm đến vấn đề CPC, kể cả Liên Xô và các nước bạn khác của ta. Sáng 26/6/1990, đại sứ CHLB Đức khi gặp Vụ Châu Âu II BNG⁷⁹ ta cho biết là ngày 22/6 Trung Quốc đã thông báo cho đại sứ các nước Thị trường chung Châu Âu ở Bắc Kinh nội dung cuộc hội đàm giữa Từ Đôn Tín và tôi, và đưa ra kết luận: *Việt Nam là những người rất xảo trá, rất xấu xa và rất cứng rắn. Họ chỉ muốn Hun-xen độc quyền. Họ không chịu nhân nhượng bất cứ điều gì... Ông Nguyễn Cơ Thạch là người xảo quyết, rất cứng rắn và căm thù Trung Quốc cao độ.*

Tuy nhiên, theo chủ trương kiên trì thúc đẩy bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc

⁷⁹ Bộ Ngoại Giao

vì lợi ích chiến lược của ta, trong thời gian này hàng tuần tôi vẫn gặp trao đổi ý kiến với đại sứ Trung Quốc để giữ cầu.

MỘT SỰ CHỌN LỰA THIẾU KHÔN NGOAN

Trong cuộc gặp tôi ngày 25/6/1990 ở Bộ Ngoại Giao, không hiểu sao Trương Đức Duy đã đọc lại toàn văn trả lời của lãnh đạo Trung Quốc gửi lãnh đạo Việt Nam và nói là bản này “chính xác hơn” (so với bản mà Từ Đôn Tín đã chuyển ngày 12.6) (?), trong đó đoạn cuối về CPC đã sửa lại là: *“Vấn đề Campuchia đã kéo dài 11 năm, trở thành vấn đề quốc tế trọng đại mà cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các nước ASEAN, rất chú trọng. Chúng tôi cho rằng việc này cần làm gấp. Trước mắt là hai bên Trung Quốc-Việt Nam nên đi đến thỏa thuận càng sớm càng tốt về một số mặt quan trọng trong giải pháp chính trị về vấn đề CPC để thúc đẩy và tăng cường hơn tiến trình*

giải quyết toàn diện vấn đề CPC. Bước này đi tốt thì có lợi cho việc suy tính những vấn đề của bước sau và tạo điều kiện cần thiết cho cuộc gặp cấp cao Trung Quốc-Việt Nam, và tạo sự hoà giải nội bộ Campuchia”. Thực ra nội dung không có gì khác, chỉ là lời lẽ được sửa lại cho bớt giọng xấc xược ngạo mạn.

Ngày 2/8/90. trước khi họp BCT, Tổng bí thư hỏi Nguyễn Cơ Thạch có nên nhắc lại TQ về gặp cấp cao và nói “giải pháp đồ”. Vào cuộc họp, Thạch nói TQ đã 3 lần bác bỏ “giải pháp đồ”. Anh Võ Chí Công nói thêm: đó chỉ là ảo tưởng, ngây thơ.

Trong cuộc gặp Trương ngày 5/8/1990, tôi đã nêu lại những điểm mà hai bên đã có được sự nhất trí và những điểm tồn tại về vấn đề CPC, đồng thời nói rõ lập trường của VN về vấn đề vai trò LHQ và về việc lập HĐDTTC CPC. Tôi nhấn mạnh lập trường nguyên tắc của VN là công việc nội bộ của CPC chỉ có thể do người CPC quyết định. Trương Đức Duy đồng ý là những vấn đề nội bộ CPC phải thuộc chủ quyền của CPC, nhưng lại cho rằng nếu không có sự can thiệp của bên ngoài thì sẽ khó có được giải pháp toàn diện. Qua trao đổi, đại sứ TQ đã phải thừa nhận là các nước khác có thể bàn nhưng phải là người CPC quyết định thì mới thực hiện được. Về quan hệ hai nước, Trương đọc bản viết sẵn: “*Chúng tôi cho rằng*

hiện nay tình hình quốc tế chuyển biến rất nhanh, không chờ đợi chúng ta. Mong phía VN nắm vững thời cơ, sớm hạ quyết tâm, có quyết sách loại trừ chướng ngại, tạo điều kiện cho việc sớm bình thường hoá quan hệ hai nước”, và nói thêm “Trung Quốc coi trọng quan hệ TQ–VN nhưng phải làm từng bước một”.

Đến cuộc gặp ngày 13/8/90, theo lời dặn của TBT Nguyễn Văn Linh trong cuộc họp BCT 12/8, sau khi tỏ ý hoan nghênh tuyên bố của Lý Bằng⁸⁰ ở Singapo 12/8 (“Trung Quốc hy vọng sắp tới đây sẽ bình thường hoá quan hệ với Việt Nam và sẽ bàn bạc với Việt Nam những vấn đề có tranh chấp như quần đảo Trường Sa”), tôi nói: Lãnh đạo chúng tôi rất vui mừng vì hai bên có suy nghĩ gặp nhau, chúng tôi cho rằng hai nước chúng ta cần có sự hợp tác với nhau trước mắt cũng như lâu dài, về những vấn đề cụ thể như vấn đề Campuchia cũng như các vấn đề rộng lớn hơn mà hai nước cùng có sự quan tâm giống nhau. Trương Đức Duy trình bày 7 điểm lập trường của TQ về vấn đề CPC, trong đó có việc lập HĐDTTC gồm 4 bên CPC do Sihanouk đứng đầu, thành phần và số lượng do các bên CPC quyết định, và là cơ chế hợp pháp duy nhất. Các điểm khác không có

⁸⁰ Li Peng (1929–) quê ở Thành Đô, Tứ Xuyên, con nuôi của Zhou Enlai từ 3 tuổi khi cha bị Quốc Dân Đảng giết ở Hải Nam. Thủ tướng (1988–1998).

gì mới. Để gây tác động làm giảm sức ép của Trung Quốc; tôi đã thông báo cho TQ cuộc nói chuyện giữa ta và Mỹ tại Nữu Ước ngày 6/8/1990 về vấn đề CPC (trong cuộc gặp này Mỹ chủ yếu thăm dò, vận động ta chấp nhận 2 văn kiện của P5⁸¹ về giải pháp CPC), VN và Mỹ sẽ còn tiếp tục nói chuyện.

Tháng 8/1990, tình hình quốc tế cũng như vấn đề CPC tiếp tục diễn biến phức tạp. Từ đầu 1990 mở đầu thời kỳ hoà hoãn giữa 3 nước lớn, đồng thời 3 nước lớn bắt đầu dùng cơ chế 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An (P5) giải quyết vấn đề CPC cũng như vấn đề vùng Vịnh. Từ khi Việt Nam rút hết quân khỏi CPC và càng đi gần vào giải pháp thì lợi ích của CPC và của ta càng kênh nhau lớn. Chúng ta đứng trước tình hình 5 nước lớn quyết tâm đạt thỏa thuận về một giải pháp chính trị về vấn đề CPC. Còn CPC lại đang trước một tình thế tiến hoá lưỡng nan: khó kéo dài nội chiến vì khó khăn kinh tế chính trị trong nước và trên thế giới, mà đi vào giải pháp chính trị thì lo thất bại trong tuyển cử. Mặt khác, thái độ của Mỹ có đổi khác: ngày 18/7/1990 ngoại trưởng Janes Baker tuyên bố Mỹ thôi không công nhận CPC Dân Chủ (tức chính quyền 3 phái do Sihanouk đứng đầu), lên án Khơ-me đỏ, nhận đối thoại với VN qua phái đoàn ở

⁸¹ Canada, Colombia, Ethiopia, Finland, Malaysia (1.1989–12.1990)

Nhũu-ước. Ngày 6/8/1990, ta với Mỹ tiếp xúc ở Nhũu-ước, Mỹ chủ yếu thăm dò thái độ ta về văn kiện khung của LHQ về giải pháp CPC.

Ngày 8/8/1990 Bộ Ngoại Giao trình BCT đề án về vấn đề CPC theo hướng phân rõ mặt quốc tế và mặt nội bộ của giải pháp. Về mặt quốc tế, góp ý với bạn nên đồng ý phương án của P5, còn mặt nội bộ phải do bạn CPC quyết định, ta tôn trọng.

Chiều 8/8/1990, tôi đến gặp Cố vấn Phạm Văn Đồng xin ý kiến về đề án này. Anh nói: *Tình hình hiện nay tạo cơ hội thuận lợi cho giải pháp CPC. Cần tận dụng cơ hội mới này trong khi ta còn sử dụng được. Phải dám chơi với Liên Hiệp Quốc, với Hội Đồng Bảo An, với Mỹ và phương Tây. Cần tranh thủ nhân tố Mỹ trong tình hình mới... Đề án về lý thuyết thì tốt nhưng làm sao thực hiện được... Không nên đặt yêu cầu quá cao “giữ vững thành quả cách mạng (CPC)”... Đi vào tổng tuyển cử bạn giành được 50% là lý tưởng...*

Ngày 12/8/1990, Bộ Chính trị họp về đề án CPC của Bộ Ngoại giao. Sau khi thảo luận, anh Linh kết luận: *Với Mỹ, ta tiếp tục đối thoại như BCT đã cho ý kiến; với TQ, trong cuộc gặp 13/8 (giữa tôi và Trương Đức Duy), ta nên nói là 2 nước XHCN Việt Nam và Trung Quốc nên hợp tác giải quyết vấn đề CPC để có một nước CPC*

hữu nghị với các nước láng giềng, trước hết là Việt Nam, Trung Quốc, Lào. Ta không nói VN và TQ là hai nước xã hội chủ nghĩa cần đoàn kết chống đế quốc, bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Nhưng rồi cuộc gặp Thành Đô đã làm lãnh đạo Việt Nam xa rời quan điểm thực tế này mà ngả hẳn theo Trung Quốc, thậm chí còn định ép Nông Pênh chấp nhận đòi hỏi quá đáng của Bắc Kinh về vấn đề HĐDTTC CPC.

CUỘC GẶP CẤP CAO VIỆT- TRUNG TẠI THÀNH ĐÔ 3-4/9/90

Ngày 29/8/1990, đại sứ Trương Đức Duy xin gặp Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Thủ tướng Đỗ Mười chuyển thông điệp của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân⁸² và Thủ tướng Lý Bằng mời TBT Nguyễn Văn Linh, Thủ tướng Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng sang Thành Đô, thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc ngày 3/9/90 để hội đàm bí mật về vấn đề Campuchia và vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước. Trương nói mập mờ là Đặng Tiểu Bình có thể gặp anh Tô. Trung Quốc còn lấy cớ ở Bắc Kinh đang bận chuẩn bị tổ chức

⁸² Jiang Zemin (1926-), TBT đảng CSTQ (1989-2002), Chủ tịch nước (1993-2003), Chủ tịch Quân Ủy Trung Ương (1989-2004)

ASIAD⁸³ (Á Vận hội) nên không gặp cấp cao Việt Nam ở thủ đô Bắc Kinh được vì khó giữ được bí mật, mà gặp ở Thành Đô.

Đây quả là một sự chuyển biến đột ngột của phía Trung Quốc. Trước đây Trung Quốc nói rằng chỉ sau khi giải quyết xong vấn đề Campuchia mới gặp cấp cao ta và mới bàn vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước. Năm ngày trước-ngày 24/8/1990-Trung Quốc còn bác bỏ việc gặp cấp cao, nay lại mời ta gặp cấp cao trong một thời hạn rất gấp và đồng ý cấp cao sẽ nói chuyện về cả hai vấn đề CPC và vấn đề bình thường hoá quan hệ.

Thái độ “thiện chí” gấp gáp như vậy của Bắc Kinh không phải là tự nhiên mà có. Nó có những nguyên nhân sâu xa và nhân tố bức bách:

a) tất cả những hoạt động đối ngoại và đối nội của Trung Quốc trong hơn 10 năm qua khẳng định chiến lược nhất quán của họ là kiên quyết thực hiện “4 hiện đại”, biến Trung Quốc thành một cường quốc hàng đầu trên thế giới, đồng thời xác định vị trí nước lớn của mình trước hết ở Đông Nam Á và châu Á-Thái Bình Dương. Vì lợi ích chiến lược đó, Trung Quốc kiên trì tranh thủ Mỹ,

⁸³ XI Asian Games 1990 Beijing (China), do hội đồng đại hội thể thao Á Châu tổ chức, 6122 lực sĩ từ 37 quốc gia tham dự 29 bộ môn.

Nhật, phương Tây, đồng thời bình thường hoá quan hệ với Liên Xô. Nhưng sau hơn 10 năm cải cách và mở cửa, tình hình chính trị, xã hội và kinh tế của Trung Quốc rất khó khăn. Sau sự kiện Thiên An Môn, mục tiêu chiến lược đó đang bị đe dọa nghiêm trọng. Về đối ngoại, bị Mỹ, Nhật và phương Tây thi hành cấm vận. Trong khi đó, quá trình cải thiện quan hệ Mỹ-Xô tiến triển rất nhanh và rất sâu. Xô-Mỹ hợp tác chặt chẽ giải quyết các vấn đề thế giới và khu vực không kể đến vai trò của Trung Quốc. Ngay trong vấn đề Campuchia, vai trò Trung Quốc cũng bị lấn át (Xô-Mỹ tiếp xúc trao đổi chặt chẽ về vấn đề CPC; cuộc gặp Sihanouk-Hun-xen ở Tokyo là do sự dàn xếp của Mỹ, Nhật và Thái, ngoài ý muốn của Trung Quốc). Phương Tây tiếp tục đòi Trung Quốc thực hiện dân chủ và giải quyết vấn đề CPC trên cơ sở kiểm chế Khome đỏ.

b) chuyển đi Đông Nam Á của Lý Bằng (6-13/8/1990) nằm trong yêu cầu chiến lược của Trung Quốc tranh thủ hoàn cảnh quốc tế hoà bình để thực hiện “4 hiện đại”, diễn ra trong bối cảnh liên minh mà Trung Quốc xây dựng ở Đông Nam Á trong 10 năm qua để chống Việt Nam đang tan vỡ sau khi Việt Nam rút quân khỏi CPC và sau khi Mỹ

đã điều chỉnh chính sách. Cuộc đi thăm của Lý đã bộc lộ những điểm đồng và bất đồng giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Các nước ASEAN vẫn rất lo ngại ý đồ bành trướng của Trung Quốc. Trung Quốc buộc phải cam kết nội bộ các nước trong khu vực không ủng hộ các đảng cộng sản và vấn đề Hoa kiều, tuyên bố sẵn sàng thương lượng và hợp tác về vấn đề Trường Sa. Tiếp tục đối đầu với Việt Nam không còn phù hợp với chính sách Đông Nam Á của Trung Quốc lúc này nữa.

c) sau khi Việt Nam đã hoàn tất việc rút quân khỏi CPC, các nước phương Tây, Mỹ, Nhật, ASEAN đi vào cải thiện quan hệ với ta theo hướng không có lợi cho tính toán của Trung Quốc ở Đông Nam Á. Trước tình hình đó, Trung Quốc không muốn chậm chân.

d) về thời điểm: trong cuộc họp ngày 27 và 28/8/1990 tại Nữu ước, 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An đã thoả thuận văn kiện khung về giải pháp toàn bộ cho vấn đề Campuchia (gồm 5 vấn đề: lực lượng vũ trang CPC, tổng tuyển cử dưới sự bảo trợ của LHQ, nhân quyền và bảo đảm quốc tế đối với thể chế tương lai của Campuchia). Văn kiện về nhân quyền không đề cập trực tiếp đến vấn đề diệt chủng, chỉ nói CPC

sẽ không trở lại chính sách và hành động trong quá khứ. Còn Trung Quốc buộc phải nhân nhượng không còn đòi lập chính phủ liên hiệp 4 bên ngang nhau, phải chấp nhận vai trò lớn của Liên Hiệp Quốc. Năm nước thường trực HĐBA/LHQ thỏa thuận lịch giải quyết vấn đề CPC: trong tuần từ 3/9 đến 9/9 họp các bên CPC ở Gia-các- ta để lập HĐDTTC trước phiên họp Đại hội đồng LHQ, tiếp đó họp mở rộng với các nước trong khu vực (có TQ), đến khoảng tháng 10 11 năm 1990 họp ủy ban Phối hợp Hội nghị Pa-ri về CPC để soạn thảo Hiệp định trên cơ sở văn kiện khung do 5 nước vạch ra; các ngoại trưởng ký Hiệp định; 15 nước trong Hội Đồng Bảo An thông qua, Trung Quốc đặt cuộc gặp cấp cao Trung-Việt trong cái khung thời gian này. Tuy nhiên Bắc Kinh dấu không cho ta biết gì về những thỏa thuận giữa họ và các nước lớn trong HĐBA, mặt khác cũng giữ kín việc hẹn gặp ta ở Thành Đô vì không muốn làm cho phương Tây và ASEAN lo ngại khả năng đoàn kết và hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Ngày 30/8/1990, Bộ Chính Trị họp bàn về việc gặp lãnh đạo Trung Quốc. Anh Linh nêu ý kiến sẽ bàn hợp tác với Trung Quốc để bảo vệ chủ nghĩa xã hội chống đế quốc, và hợp tác

giữa Nông Pênh và Khor-me đồ để giải quyết vấn đề Campuchia, mặc dù trước đó Bộ Ngoại giao đã trình bày đề án nêu rõ là rất ít có khả năng thực hiện phương án này vì phương hướng chiến lược của TQ vẫn là tranh thủ phương Tây phục vụ “4 hiện đại”. Anh Lê Đức Anh bổ sung ý anh Linh: Phải nói về hoà hợp dân tộc thực sự ở Campuchia. Nếu không có Polpot thì vẫn tiếp tục chiến tranh. Anh Võ Chí Công không đồng ý, nói: Trung Quốc sẽ không nghe ta về hợp tác bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc muốn tranh thủ phương Tây. Anh Thạch cảnh giác: Vẫn có 3 khả năng về quan hệ giữa ta và Trung Quốc, không phải chỉ là khả năng tốt cả. Dự kiến Trung Quốc sẽ nêu công thức “HĐDTTC 6+2+2+2” để nhấn rõ là có 4 bên Campuchia. (trong đó Khor-me đồ là 1 bên), xoá vấn đề diệt chủng... Sự thực này cho thấy Trung Quốc còn đòi cao hơn thế!

Ngày 2/9/90, ba đồng chí lãnh đạo cấp cao của ta đến Thành Đô đúng hẹn. Tháp tùng có Hồng Hà chánh văn phòng Trung Ương, Hoàng Bích Sơn trưởng ban Đối ngoại, và Đinh Nho Liêm thứ trưởng ngoại giao. Đáng chú ý trong đoàn không có bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch.

Sau 2 ngày nói chuyện (3-4/9/90), kết quả được ghi lại trong một văn bản gọi là “Biên bản tóm tắt” gồm 8 điểm. Khi nghiên cứu biên

bản 8 điểm đó, chúng tôi nhận thấy có tới 7 điểm nói về vấn đề Campuchia, chỉ có 1 điểm nói về cải thiện quan hệ giữa hai nước mà thực chất chỉ là nhắc lại lập trường cũ của Trung Quốc gần việc giải quyết vấn đề Campuchia với bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trong 7 điểm về Campuchia, 2 điểm là những điểm có tính chất chung về mặt quốc tế mà 2 bên không còn tranh cãi (giải pháp chính trị toàn diện cho vấn đề CPC; rút hết quân Việt Nam ở Campuchia có kiểm chứng), còn 5 điểm thì hoàn toàn là đáp ứng yêu cầu của Trung Quốc. Không có điểm nào theo yêu cầu của ta cả. Trong bản thỏa thuận, vấn đề nổi cộm nhất là điểm 5 về việc thành lập Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao CPC. Lãnh đạo ta đã thỏa thuận dễ dàng, không do dự (?), công thức “6+2+2+2+1” (phía Nông Pênh 6 người, phía “3 phái” 7 người: 2 của Kơ-me đỏ, 2 của phái Son San, 2 của phái Sihanouk và bản thân Sihanouk) mà Từ Đôn Tín vừa đưa ra ở Hà Nội và bị tôi bác. Công thức này bất lợi cho Nông Pênh, khác với công thức “6+6” hay “6+2+2+2”, tức là hai bên có số người ngang nhau, mà Sihanouk và Hun-xen đã thỏa thuận ở Tokyo.

Về sáng kiến “giải pháp đồ” cho vấn đề Campuchia mà lãnh đạo ta đưa ra, tưởng như phía Trung Quốc sẽ nhiệt tình hoan nghênh,

song Lý Bằng đã bác đi: “Các đồng chí nói cần thực hiện 2 đảng cộng sản hợp tác với nhau để phát huy hơn nữa. Tôi đồng ý một phần và không đồng ý một phần. Bốn bên Campuchia xét về lực lượng quân sự và chính quyền, mạnh nhất là hai đảng cộng sản, có vai trò nhiều hơn. Nhưng phần tôi không đồng ý là ở Campuchia không chỉ có hai đảng cộng sản mà còn có các thế lực khác là lực lượng của Sihanouk và lực lượng của Son San. Lực lượng của họ không lớn lắm nhưng họ được quốc tế ủng hộ. Bài xích họ thì cô lập Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao, không thể đoàn kết Campuchia. Cần phải để cho hai bên kia phát huy tác dụng ở Campuchia”. Và Giang Trạch Dân cũng nói thêm: “Các nước phương Tây rất chú ý tới quan hệ của chúng ta. Các đồng chí đến đây, cho đến nay các nước không ai biết, cũng không cho các bên Campuchia biết. Chúng tôi cảnh giác vấn đề này. Họ cho rằng Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc xã hội chủ nghĩa đều do đảng cộng sản lãnh đạo, hợp với nhau bàn cái gì đây? Vì vậy chúng tôi giữ kín chuyện này. Tình hình quốc tế hiện nay nếu để hai đảng cộng sản bắt tay nhau là sách lược không lợi cho chúng ta”.

THÀNH ĐÔ LÀ THÀNH CÔNG HAY LÀ THẤT BẠI CỦA TA?

Ngay sau khi ở Thành Đô về, ngày 5/9/1990 anh Linh và anh Mười, có thêm anh Thạch và anh Lê Đức Anh đã bay sang Nông Pênh thông báo lại nội dung cuộc gặp cấp cao Việt-Trung với BCT Campuchia. Để thêm sức thuyết phục Nông Pênh nhận Thỏa thuận Thành Đô, anh Linh nói với lãnh đạo Campuchia: “Phải thấy giữa Trung Quốc và đế quốc cũng có mâu thuẫn trong vấn đề Campuchia. Ta phải có sách lược lợi dụng mâu thuẫn này. Đừng đấu tranh với Trung Quốc đến mức xô đẩy họ bắt tay chặt chẽ với đế quốc “. Lập luận này được Lê Đức Anh mở rộng thêm: “Mỹ và phương Tây muốn cơ hội này để xóa cộng sản. Nó đang xóa ở Đông Âu.

Nó tuyên bố là xoá cộng sản trên toàn thế giới. Rõ ràng nó là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm. Ta phải tìm đồng minh. Đồng minh này là Trung Quốc.”

Nhưng câu trả lời của Heng Somrin thay mặt cho lãnh đạo CPC, vẫn là: “Phải giữ nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của chúng ta. Những vấn đề nội bộ liên quan đến chủ quyền CPC phải do các bên CPC giải quyết”. Về “giải pháp đỏ”, Nông Pênh nhận định ý đồ của Trung Quốc không muốn 2 phái cộng sản ở Campuchia hợp tác với nhau gây phức tạp cho quan hệ của họ với Sihanouk và với phương Tây. Vì vậy chúng tôi thấy rằng khó có thể thực hiện giải pháp đỏ vì giải pháp đỏ trái với lợi ích của TQ. Mặc dù ban lãnh đạo Campuchia đã xác định rõ thái độ như vậy, song Lê Đức Anh vẫn cứ cố thuyết phục bạn: Ta nói giải pháp đỏ nhưng là giải pháp hồng, vừa xanh vừa đỏ. Trước mắt không làm được nhưng phải kiên trì. Ta làm bằng nhiều con đường, làm bằng thực tế. Các đồng chí cần tìm nhiều con đường tiếp xúc với Khor-me đỏ. Vấn đề tranh thủ Khor-me đỏ là vấn đề sách lược mang tính chiến lược... Nên kiên trì tìm cách liên minh với Trung Quốc kéo Khor-me đỏ trở về ... Ta đừng nói với Trung Quốc là làm giải pháp đỏ, nhưng ta thực hiện giải pháp đỏ. Có đỏ có xanh, nhưng thực tế là hợp tác 2 lực

lượng cộng sản. Nguyễn Văn Linh bồi thêm: Xin các đồng chí chú ý lợi dụng mâu thuẫn, đừng bỏ lỡ thời cơ, TQ muốn đi với Mỹ, nhưng Mỹ ép TQ nên TQ cũng muốn có quan hệ tốt với Lào, Việt Nam và Campuchia. Nếu ta có sách lược tốt thì ta có giải pháp đó.

Theo báo cáo của Đại sứ Ngô Điền, thái độ của bạn CPC đối với ta từ sau Thành Đô đổi khác. Về công khai, bạn cố tránh tỏ ra bị lệ thuộc vào Việt Nam. Trên cơ sở tính toán về lợi ích của mình, bạn tự quyết định lấy đối sách, không trao đổi trước với ta, hoặc quyết định khác với sự gợi ý của ta trên nhiều việc.

Nhìn lại, trong cuộc gặp Thành Đô, ta đã bị mắc lừa với Trung Quốc ít nhất trên 3 điểm:

- Trung Quốc nói cuộc gặp Thành Đô sẽ đàm phán cả vấn đề CPC và vấn đề bình thường hoá quan hệ, nhưng thực tế chỉ bàn vấn đề Campuchia, còn vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước Trung Quốc vẫn nhắc lại lập trường cũ là có giải quyết vấn đề Campuchia thì mới nói đến chuyện bình thường hoá quan hệ hai nước;

- Trung Quốc nói mập mờ là Đặng Tiểu Bình có thể gặp Cố vấn Phạm Văn Đồng, nhưng đó chỉ là cái “mồi” để kéo anh Đồng tham gia gặp gỡ cấp cao.

- Trung Quốc nói giữ bí mật việc gặp cấp cao hai nước, nhưng ngay sau cuộc gặp hầu

như tất cả các nước đã được phía Trung Quốc trực tiếp hay gián tiếp thông báo nội dung chi tiết bản Thỏa thuận Thành Đô theo hướng bất lợi cho ta.

Ngày 7/9/90 BCT đã họp thảo luận về kết quả cuộc gặp cấp cao Việt-Trung và cuộc gặp cấp cao Việt-CPC sau đó, và quyết định ngay hôm sau Đỗ Mười gặp đại sứ TQ thông báo lại lập trường của Nhà Nước CPC; đồng thời thông báo với Liên Xô, Lào như đã thông báo với CPC. Nếu có ai hỏi về công thức 6+2+2+2+1, nói không biết.

Báo Bangkok Post ngày 19/9/90 trong bài của Chuchart Kangwaan đã công khai hoá bản Thỏa thuận Thành Đô, viết rõ Việt Nam đã đồng ý với Trung Quốc về thành phần HĐDTTC của Campuchia gồm 6 người của Nhà nước Campuchia, 2 của Khơ-me đỏ, 2 của phái Son San, 2 của phái Sihanouk. Thành viên thứ 13 là Hoàng thân Sihanouk giữ chức chủ tịch Hội đồng. Còn Lý Bằng trong khi trả lời phỏng vấn của Paisai Sricharatchang, phóng viên tờ *Bangkok Post* tại Bắc Kinh, ngày 24/10/1990, đã xác nhận có một cuộc gặp bí mật giữa lãnh đạo Trung Quốc và Việt Nam hồi đầu tháng 9 và cho biết kết quả cuộc gặp đã được phản ánh qua cuộc họp giữa các bên Campuchia ngày 10/9/90 tại Jakarta. Trong khi nói không biết chắc phía Việt Nam đã cố gắng

thuyết phục Nông Pênh đến đâu, Lý nhận định là Hà Nội chắc chưa làm đủ mức. Điều đó có thể thấy được qua việc Nông Pênh đã có “một thái độ thiếu hợp tác (uncooperative)”.

Sở dĩ ta dễ dàng bị mắc lừa ở Thành Đô là vì chính ta đã tự lừa ta. Ta đã tự tạo ảo tưởng là Trung Quốc sẽ giương cao ngọn cờ Chủ nghĩa xã hội, thay thế Liên Xô làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng Việt Nam và chủ nghĩa xã hội thế giới, chống lại hiểm họa “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ đứng đầu. Tư tưởng đó đã dẫn đến sai lầm Thành Đô cũng như sai lầm “giải pháp đỏ”, v.v.

Sau Thành Đô, trong Bộ Chính trị đã có nhiều ý kiến bàn cãi về chuyến đi này. Song mãi đến trước Đại hội VII, khi BCT họp (15-17/5/1991) thảo luận bản dự thảo “Báo cáo về tình hình thế giới và về việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội VI và phương hướng tới”, cuộc gặp cấp cao Việt Nam- Trung Quốc ở Thành Đô mới lại được đề cập tới khi dự thảo báo cáo của Bộ Ngoại giao có câu “có một số việc làm không đúng với các Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề Campuchia”. Cuộc họp này có mặt đầy đủ tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, cố vấn Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, các ủy viên BCT Đỗ Mười, Võ Chí Công, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Cơ Thạch, Lê Đức Anh, Mai Chí Thọ, Nguyễn Đức Tâm, Đào Duy Tùng, Đồng

Sĩ Nguyên, Đoàn Khuê, Nguyễn Thanh Bình.

Anh Tô nói: Có thời giờ và có cơ hội đem ra kiểm điểm những việc vừa qua để nhận định sâu hơn thì tốt thôi. Sau chuyến đi Thành Đô, tôi vẫn ân hận về thái độ của mình. Nói là tự kiểm điểm thì đây là tự kiểm điểm. Tôi ân hận ở hai chỗ. Lúc ở Thành Đô, khi bàn đến vấn đề Campuchia, người nói trước là anh Linh. Anh Linh nói đến phương án hoà giải dân tộc Campuchia. Sau đó Lý Bằng trình bày phương án “6+2+2+2+1” mà Từ Đôn Tín khi đàm phán với anh Cơ ở Hà Nội đã ép ta nhận song ta bác. Anh Linh đã đồng ý (nói không có vấn đề). Lúc đó có lẽ do thấy thái độ của tôi, Giang mời tôi nói. Tôi nói tôi không nghĩ phương án 13 này là hay, ý tôi nói là không công bằng... Tôi ân hận là lẽ ra sau đó đoàn ta nên hội ý lại sau bữa tiệc buổi tối. Nhưng tôi không nghĩ ra, chỉ phân vân. Sáng sớm hôm sau, mấy anh em bên Ban Đối Ngoại và anh Hồng Hà nói nhỏ với tôi là cốt sao tranh thủ được nguyên tắc “consensus”, còn con số không quan trọng. Tôi nghe hơi yên tâm, nhưng vẫn nghĩ có hội ý vẫn hơn. Sau đó, Trung Quốc đưa ký bản Thoả thuận có nói đến con số 13... Tôi phân vân muốn được biết nội dung trước khi ta hạ bút ký. Nếu như đoàn ta trao đổi với nhau sau phiên họp đầu, sau khi Lý Bằng đưa ra công thức 6+2+2+2+1 thì có thể ta có cách bàn thêm

với họ. Hai là trước khi ký văn bản do chuyên viên hai bên thỏa thuận, các đồng chí lãnh đạo cần xem lại và bàn bạc xem có thể thêm bớt gì trước khi ký. Nghĩ lại, khi họ mời tổng bí thư, chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ta sang gặp tổng bí thư và chủ tịch Quốc vụ viện, họ lại mời thêm tôi. Tôi khá bất ngờ, không chuẩn bị kỹ. Anh Mười cho là họ mời rất trang trọng cơ hội lớn nên đi. Nhưng đi để rồi ký một văn bản mà ta không lường trước hậu quả về phản ứng của bạn CPC, rất gay gắt. Tôi hiểu là bạn khá bất bình, thậm chí là uất nhau. Cho là ta làm sau lưng, có hại cho người ta.

Anh Linh: Anh Tô nhớ lại xem. Không phải tôi đồng ý, tôi chỉ nói ta nghiên cứu xem xét và cuối cùng đặt vấn đề thông báo lại Campuchia... Bây giờ tôi vẫn nghĩ thế là đúng. Tôi không thấy ân hận về việc mình chấp nhận phương án 13... Vấn đề Campuchia dính đến Trung Quốc và Mỹ. Phải tính đến chiến lược và sách lược. Phải tiếp tục làm việc với Campuchia về chiến lược, phải có nhiều biện pháp làm cho bạn thấy âm mưu của đế quốc Mỹ chống phá chủ nghĩa xã hội ở Châu Á, cả ở Cuba. Nó đã phá Trung Quốc qua vụ Thiên An Môn rồi, nay chuyển sang phá ta... Trung Quốc muốn thông qua Khơ-me đỏ nắm Campuchia. Song dù bành trướng thế nào thì Trung Quốc vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa.

Anh Thạch: ...Về chuyện Thành Đô, Trung Quốc đã đưa cả băng ghi âm cuộc nói chuyện với lãnh đạo ta ở Thành Đô cho Nông Pênh, Hun-xen nói là trong biên bản viết là hai bên đồng ý thông báo cho Campuchia phương án $6+2+2+2+1$, nhưng băng ghi âm lại ghi rõ là anh Linh nói “Không có vấn đề gì”. Tôi xin trình bày để các anh hiểu nguyên do con số 13 là từ đâu? Tại Tokyo tháng 6/1990, Sihanouk và Hun-xen đã thỏa thuận thành phần SNC gồm 2 bên ngang nhau = $6+6$. Từ Đôn Tín sang Hà Nội, ép ta nhận công thức $6+2+2+2+1$ không được. Đến cuộc gặp Thành Đô, Trung Quốc lại đưa ra. Khi ta sang Nông Pênh để thuyết phục bạn nhận con số 13 với nguyên tắc làm việc theo “consensus” trong SNC, anh Hun-xen nói riêng với tôi: chúng tôi thắng mà phải nhận số người ít hơn bên kia (bên ta 6, bên kia 7) thì mang tiếng là Campuchia bị Việt Nam và Trung Quốc ép. Như vậy dù là “consensus” cũng không thể thuyết phục nhân dân Campuchia được. Chỉ có thể nhận 12 hoặc 14 thành viên trong Hội đồng Dân tộc Tối cao. Phải nói là Nông Pênh thắc mắc nhiều với ta. Liên Xô, Anh, Pháp, Mỹ đều cho ta biết là Trung Quốc đã thông báo cho họ đầy đủ về Thỏa thuận Thành Đô, và nói họ là lãnh đạo Việt Nam không đáng tin cậy, Trung Quốc đã sử dụng Thành Đô để phá quan hệ của ta với các nước và chia rẽ nội bộ ta.

Hôm sau, BCT họp tiếp, anh Mười nói: Ta tán thành Sihanouk làm chủ tịch Hội đồng Dân tộc Tối cao, Hun-xen làm phó chủ tịch, lấy nhất trí trong Hội đồng Dân tộc Tối cao làm nguyên tắc. Đây không phải là một nhân nhượng... Nếu có anh Thạch đi Thành Đô thì tốt hơn...

Anh Tô: Vấn đề chủ yếu không phải là thái độ của ta ở Thành Đô như anh Mười nói, mà là kết quả và tác động đến bạn Campuchia đánh giá ta như thế nào? ở Thành Đô điều ta làm có thể chứng minh được, nhưng Campuchia cho là ta giải quyết trên lưng họ. Vì vậy mà tôi ân hận. Tôi ân hận về sau này sẽ để lại hậu quả.

Anh Mười: ... Với tinh thần một người cộng sản, tôi cho là ta không sai. Bạn Campuchia nghĩ gì ta là quyền của họ. Với tinh thần một người cộng sản, ta không bao giờ vi phạm chủ quyền của Campuchia.

Anh Thạch: Họp Bộ Chính trị để kiểm điểm, tôi xin được nói thẳng. Có phải khi đi Thành Đô, anh Đỗ Mười có nói với tôi là hai ông anh nhận hơi sớm. Anh Linh nhận công thức 13 và anh Tô “consensus” (nguyên tắc nhất trí).

Anh Võ Văn Kiệt: Trong thâm tâm tôi, tôi không đồng ý có anh Tô trong đoàn đi Thành Đô. Nếu có gặp Đặng thì anh Tô đi là đúng. Tôi nói thẳng là tôi xót xa khi biết anh Tô đi cùng anh Linh và anh Mười chỉ để gặp Giang và Lý,

không có Đặng. Mình bị nó lừa nhiều cái quá. Tôi nghĩ Trung Quốc chuyên là cạm bẫy.

Vốn là người điềm đạm, song anh Tô có lúc đã phải phát biểu: Mình hờ, mình dại rồi mà cũng còn nói sự nghiệp cách mạng là trên hết, còn được hay không thì không sao. Cùng lắm là nói cái lý đó, nhưng tôi không nghĩ như vậy là thượng sách. Tôi không nghĩ người lãnh đạo nên làm như vậy.

Thỏa thuận Việt Nam-Trung Quốc ở Thành Đô đúng như anh Tô lo ngại đã để lại một ấn tượng không dễ quên đối với Nông Pênh. Trong phiên họp Quốc hội Campuchia ngày 28/2/1991, Hun-xen phát biểu: “Như các đại biểu đã biết, vấn đề Hội đồng Dân tộc Tối cao này rất phức tạp chúng ta phải đấu tranh khắc phục và làm thất bại âm mưu của kẻ thù nhưng bọn ủng hộ chúng không ít đâu. Mặc dù Hội đồng đã được thành lập trên cơ sở 2 bên bình đẳng nhưng người ta vẫn muốn biến nó thành 4 bên theo công thức 6+2+2+2+1, và vấn đề chủ tịch làm cho Hội đồng không hoạt động được”.

Tôi còn nhớ khi tiếp tôi ở Nông Pênh, ngày 28/9/1990, Hun-xen đã có những ý khá mạnh khi nói về thỏa thuận Thành Đô: Khi gặp Sok An ở Băng Cốc hôm 17/9, TQ dọa và đòi SNC phải công nhận công thức mà VN và TQ đã thỏa thuận. Nhưng Nông Pênh độc lập. Sok

An đã nói rất đúng khi trả lời TQ là ý này là của VN không phải của Nông Pênh.

Cuộc hội đàm Thành Đô tháng 9/1990 hoàn toàn không phải là một thành tựu đối ngoại của ta, trái lại đó là một sai lầm hết sức đáng tiếc về đối ngoại. Vì quá nôn nóng cải thiện quan hệ với Trung Quốc, đoàn ta đã hành động một cách vô nguyên tắc, tưởng rằng thoả thuận như thế sẽ được lòng Bắc Kinh nhưng trái lại thoả thuận Thành Đô đã làm chậm việc giải quyết vấn đề Campuchia và do đó chậm việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, uy tín quốc tế của ta bị hoen ố.

Việc ta đề nghị hợp tác với Trung Quốc bảo vệ chủ nghĩa xã hội chống đế quốc Mỹ, thực hiện giải pháp đở ở Campuchia là không phù hợp với Nghị Quyết 13 của Bộ Chính Trị mà còn gây khó khăn cho ta trong việc đa dạng hóa quan hệ với các đối tượng khác như Mỹ, phương Tây, ASEAN và tác động không thuận lợi đến quan hệ giữa ta và đồng minh, nhất là quan hệ với Liên Xô và Campuchia. Trung Quốc một mặt bác bỏ những đề nghị đó của ta, nhưng mặt khác lại dùng ngay những đề nghị đó để bôi xấu ta với các nước khác nhằm tiếp tục cô lập ta, gây sức ép với ta và Campuchia.

Cùng với việc ta thúc ép Nông Pênh đi vào giải pháp đở, việc ta thoả thuận với Trung Quốc về công thức HĐĐTTC tại Thành Đô là

không phù hợp với nguyên tắc nhất quán của Đảng ta là không can thiệp và không quyết định các vấn đề nội bộ của Campuchia, làm tăng mối nghi ngờ vốn có của bạn Campuchia đối với ta, đi ngược lại chủ trương tăng cường và củng cố mối quan hệ của ta với Campuchia và Lào.

AI LÀ NGƯỜI ĐÁNG LÝ RA PHẢI NHỚ DAI?

Sau cuộc gặp cấp cao ở Thành Đô, yêu sách chính của Trung Quốc đối với ta trong vấn đề Campuchia tập trung chủ yếu vào việc đòi ta thực hiện thỏa thuận Thành Đô, tác động với Nông Pênh theo hướng: nhận bầu Sihanouk làm chủ tịch Hội đồng Dân tộc Tối cao (Supreme National Council) gồm 13 thành viên của 4 bên Campuchia; chấp nhận văn kiện của 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An về vấn đề Campuchia.

6 giờ sáng ngày 9/9/1990, đại sứ Trung Quốc đến Ban Đối Ngoại (chứ không đến Bộ Ngoại giao) gặp Hồng Hà trao thông điệp báo các bên CPC sẽ họp ngày 10/9 tại Gia-các-ta để bàn việc lập HĐDTTC và nhấn mạnh yêu cầu

phía Việt Nam tác động theo hướng đã thoả thuận tại Thành Đô. Ngay sau đó BCT đã họp trao đổi về thông điệp đó và quyết định cử tôi đi Gia-các-ta. Trong cuộc họp này BCT đã quyết định từ nay các tiếp xúc đối ngoại về mặt Nhà Nước đều phải qua Bộ Ngoại Giao và phải báo cáo trước với anh Thạch và Bộ Trưởng Quốc Phòng Lê Đức Anh (?) vì cách làm của đại sứ Trung Quốc phớt lờ Bộ Ngoại Giao một cách quá lộ liễu.

Trưa ngày 9/9/1990 tôi cùng anh Huỳnh Anh Dũng đáp máy bay qua đường Bangkok sang thủ đô Indônêxia để theo dõi cuộc họp của các bên Campuchia bàn về việc thành lập HĐDTTC. Không có “cầm nang” nào kèm theo chỉ thị đó cả, chỉ có lời dặn ngắn gọn của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh là cố lập được HĐDTTC. Chiều tối 10/9/1990, vừa chân ướt chân ráo từ sân bay về đến sứ quán ta ở Gia-các-ta, tôi đã nhận được một cú điện thoại từ sứ quán Trung Quốc gọi tới. Trương Thanh gọi điện thoại đến nói lời chào từ biệt tôi trước khi rời Gia-các-ta và cảm ơn tôi đã tác động tích cực khiến cho cuộc họp các bên Campuchia tối nay đạt được một số kết quả (?). Tôi trả lời là tôi không dám nhận sự biểu dương đó, nếu như cuộc họp có kết quả tốt thì đó là do thiện chí của Nhà Nước Campuchia.

Chả là lúc tôi xuống sân bay Gia-các- ta

cũng là lúc cuộc họp giữa các bên CPC vừa bế mạc sau khi đã thoả thuận lập HĐDTTC gồm 12 thành viên, chức chủ tịch còn để trống và tuần tới sẽ họp phiên đầu ở Bangkok để giải quyết nốt vấn đề chủ tịch HĐDTTC. Bản Tuyên bố chung của cuộc họp có ghi “Các bên CPC chấp nhận toàn bộ văn kiện khung của P5 làm cơ sở để giải quyết cuộc xung đột CPC”. Tôi nghĩ bụng Bộ Chính Trị bảo tôi sang Gia-các-ta có thể là một tác động sách lược để tỏ ra với Trung Quốc là ta đang tích cực thực hiện thoả thuận Thành Đô. Còn Trương Thanh gọi điện cảm ơn tôi thực ra cũng là một sự vỗ về của Trung Quốc để khuyến khích tôi tiếp tục cố gắng thực hiện thoả thuận Thành Đô. Nhưng sự khuyến khích đó lại có tác dụng trái ngược lại, làm thức tỉnh cái con người búng bình trong tôi. Từ đầu, tôi và số anh em chuyên nghiên cứu vấn đề Campuchia và quan hệ với Trung Quốc trong Bộ Ngoại giao đã rất không thông với Thoả thuận Thành Đô vì nhiều lẽ, nay tôi càng thấy mình không thể hành động trái với điều mình cho là lẽ phải.

Ngày 13/9/1990 tôi lại được trong nước chỉ thị đi thẳng từ Jakarta sang Bangkok để theo dõi phiên họp đầu tiên của SNC ở đó. Sáng 14/9/1990 Bí thư thường trực Bộ Ngoại Giao Thái Kasem mời tôi tới Bộ Ngoại Giao Thái Lan nói chuyện. Chủ đề câu chuyện vẫn là

vấn đề Campuchia, Kasem hỏi dò tôi về thoả thuận giữa Việt Nam và Trung Quốc về cơ chế SNC. Tôi trả lời đó chỉ là những tin đồn không căn cứ, không nên tin. Trưa hôm đó, Sok An, thứ trưởng ngoại giao Campuchia, tìm đến gặp tôi. Anh hỏi ý kiến tôi về cuộc họp SNC ở Bangkok sắp tới, thái độ ta nên như thế nào nếu đối phương đòi đưa Sihanouk làm chủ tịch SNC và là thành viên thứ 13 của SNC? Tôi gợi ý cần giữ vững nguyên tắc hai bên ngang nhau. Để tỏ thiện chí, một lần nữa, ta có thể nhận cho đối phương thêm 1 người nhưng bên ta cũng phải thêm 1 người (mỗi bên 7 người). Không 12 thì 14 chứ không nhận 13. Sau đó tôi lại được anh Sok An cho biết là Kraissak, con trai Thủ tướng Chatichai và là thành viên trong nhóm cố vấn của thủ tướng Thái, đã bảo anh rằng ông ta được Bộ Ngoại Giao Thái thông báo là Việt Nam cũng ủng hộ việc lập SNC với 13 thành viên do Sihanouk đứng đầu. Tôi nói với Sok An đây là điều bịa đặt và tôi sẽ gặp Kraissak để nói lại. Chiều hôm đó khi gặp Kraissak, tôi đã nói khá thẳng rằng: “Không thể coi ông Sihanouk là ông chủ ở Campuchia, là vua đứng trên tất cả. Vấn đề thành phần cũng như chức chủ tịch Hội đồng Dân tộc Tối cao phải do người Campuchia quyết định. Việt Nam và Trung Quốc không có quyền bỏ phiếu về vấn đề đó”. Sau đó Kraissak đã kể lại cho

cả Kasem. Kết quả là cuộc họp Hội đồng Dân tộc Tối cao Campuchia (SNC) phiên đầu tiên ngày 17/9/1990 tại Bangkok đã tan vỡ vì Hun-xen không chấp nhận công thức “6+2+2+2+1”, cự tuyệt bầu Sihanouk làm chủ tịch với tư cách là thành viên thứ 13 của HĐDTTC. Hân TQ đã gán trách nhiệm, hoặc ít nhất cũng là một phần trách nhiệm về thất bại đó cho tôi.

Hạ tuần tháng 9/1990, Trung Quốc đón Phó thủ tướng Võ Nguyên Giáp thăm Trung Quốc và dự lễ khai mạc Á Vận Hội (ASIAD) 11 với tư cách là “khách mời đặc biệt của Chính phủ Trung Quốc” (tuy nhiên báo chí TQ vẫn đưa tin việc TQ mời Võ Nguyên Giáp là theo yêu cầu của ta, dù rằng ngày 1/9/1990 khi tiếp đoàn cấp cao ta ở Thành Đô chính Giang Trạch Dân đã nói sẽ mời anh Giáp dự khai mạc ASIAD như một cử chỉ thiện chí của họ). Ngày 24/9/1990 khi tiếp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Thủ tướng Lý Bằng có nói: “Sau cuộc gặp cấp cao ở Thành Đô, cuộc họp Jakarta kết quả tốt, đã ra được tuyên bố lập HĐDTTC 13 người. Song đến khi họp HĐDTTC ở Bangkok thì không tốt. Xin nói thẳng thắn với đồng chí là chúng tôi thấy Thư trưởng Trần Quang Cơ có tác dụng xấu trong việc này. Khi Kasem hỏi có thực sự giữa Việt Nam và Trung Quốc đã đi đến thoả thuận lập SNC gồm 13 người hay không? Trần Quang Cơ đã đáp rằng hoàn toàn

không có việc đó, đó hoàn toàn là những điều dối trá. Chúng tôi không hiểu tại sao Thứ trưởng Trần Quang Cơ lại nói những lời như vậy, hoàn toàn truyền đạt thông tin không đúng đâu”. Anh Giáp đáp: “Khi về tôi sẽ hỏi lại về phát biểu của đồng chí Cơ. Nếu có như vậy thì đây không phải là ý kiến của Trung Ương chúng tôi. Tôi không biết việc này vì tôi không phụ trách công tác ngoại giao”.

Tiện đây tôi thấy cũng nên ghi lại một chuyện có thể giúp cho chúng ta hiểu thêm đặc điểm của người Trung Quốc: sau khi đến Bắc Kinh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có đề nghị gặp một số tướng lĩnh cao cấp trong quân đội Trung Quốc như Dương Đắc Chí (Dương là tổng chỉ huy cuộc chiến tranh đánh Việt Nam năm 1979). Nhưng Dương nói một cách bức tức: “Đời nào tôi lại gặp ông ta. Mổ của các cán bộ chiến sĩ ta còn chưa xanh cỏ!” Ngày 1/10/90 Dương cùng một số tướng lĩnh khác còn gọi điện thoại thăm hỏi động viên sĩ quan binh lính ở Văn Nam, Quảng Tây. Nhà văn quân đội Lý Tôn Bảo, tác giả cuốn “Vòng hoa dưới chân núi cao” viết về cuộc tấn công vào Việt Nam tháng 2 năm 1979, phát biểu: “Xem tin Lý Bằng tiếp Võ Nguyên Giáp mà trong lòng tôi cảm thấy bứt rứt. Giờ đây chúng ta phải xem xét lại xem có nên gây ra cuộc chiến tranh đó không? Chẳng những phần lớn sĩ

quan binh lính dưới đơn vị không thông mà ngay cả một số tướng lĩnh cao cấp cũng không thông nổi”.

Tư liệu trên đây tôi lấy ở bài “Võ Nguyên Giáp thăm Bắc Kinh gây chấn động” của Quan Nghiệp Thành đăng trên báo “Tranh Minh” xuất bản ở Hồng Kông tháng 11/1990. Từ đó đến nay, tôi vẫn phân vân mãi là người Việt Nam và người Trung Quốc đáng lý ra ai là người phải nhớ dai hơn về sự kiện tháng 2 năm 1979?

MÓN NỢ THÀNH ĐÔ

Từ sau cuộc gặp Thành Đô, yêu sách chính của Trung Quốc đối với ta về vấn đề CPC chủ yếu là đòi ta thực hiện thỏa thuận Thành Đô, cụ thể là tác động với Nông Pênh nhận SNC có 13 thành viên và do Sihanouk làm chủ tịch, chấp nhận văn kiện của P5. Trung Quốc thấy rằng việc thực hiện thỏa thuận Thành Đô gặp trở ngại chính từ Bộ Ngoại Giao Việt Nam nên chủ trương chia rẽ nội bộ ta càng trắng trợn hơn. Đại sứ mới của Malaysia ngày 3/10/90 đến chào xã giao, nói với tôi là ở Bắc Kinh người ta đưa tin là có sự khác nhau giữa Bộ Ngoại Giao và Lãnh đạo Đảng về chủ trương đối ngoại cho nên trong chuyến đi Thành Đô gặp cấp cao Trung Quốc không có

ông Nguyễn Cơ Thạch. Sau Thành Đô, trong khi ta nói rộng phạm vi hoạt động của sứ quán Trung Quốc ở Việt Nam thì phía Trung Quốc lại tỏ ra lạnh nhạt với Bộ Ngoại Giao, công kích lãnh đạo Bộ Ngoại Giao Việt Nam; hạn chế hoạt động của đại sứ ta ở Bắc Kinh, không sắp xếp đại sứ ta tham dự các cuộc Lý Bằng tiếp anh Võ Nguyên Giáp, anh Vũ Oanh; cử cán bộ cấp thấp tiếp và làm việc với đại sứ ta. Trung Quốc một mặt khẳng định là vấn đề Campuchia chưa giải quyết thì quan hệ Trung- Việt “chỉ có bước đi nhỏ”, mặt khác thăm dò và tích cực tác động đến vấn đề nhân sự và phương hướng chuẩn bị Đại hội VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ họp vào giữa năm 1991. Từ tháng 3/91, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội Trung Quốc khoá 7, Lý Bằng tuyên bố “quan hệ Trung-Việt đã tan băng” và có một số điều chỉnh mềm dẻo hơn trong vấn đề Campuchia. Về vấn đề HĐDTTC của Campuchia, Trung Quốc không cố bám giữ con số 13, tạm gác vấn đề chủ tịch, phó chủ tịch, đưa ra công thức Sihanouk chủ trì các cuộc họp SNC. Từ chỗ chỉ có quan hệ với 3 phái, sau cuộc gặp SNC ở Pattaya (Thái Lan), Trung Quốc chuyển sang quan hệ trực tiếp với Nhà Nước Campuchia, mời Hun-xen thăm Bắc Kinh trong 3 ngày (22-24/7/91). Những thỏa thuận cấp cao ở Thành Đô đã trở thành vô nghĩa.

Chiều chủ nhật 18/11/90 họp BCT về vấn đề CPC. Từ sau khi 5 nước thường trực HĐBA thỏa hiệp về văn kiện khung (28/8/1990), cuộc đấu tranh về vấn đề CPC đi vào giai đoạn cuối, gay gắt và quyết định. Thay mặt BNG, tôi trình bày đề án để BCT cho ý kiến về nguyên tắc đấu tranh về văn kiện khung của P5 và về vấn đề Hội đồng Dân tộc Tối cao CPC. Khi tôi trình bày xong, anh Thạch đề nghị BCT khẳng định 2 điểm: 1) vấn đề HĐDTTC là vấn đề nội bộ của CPC, ta không ép bạn được; phải tôn trọng chủ quyền của bạn, 2) về văn kiện khung, ta phải bác những điểm vi phạm Hiến chương LHQ. Nếu không sau này có thể ảnh hưởng đến vấn đề xử lý Trường Sa... Ta thấy rõ TQ và Mỹ đều nhất trí xoá Nhà Nước CPC bằng cách khác nhau...

Cuối cuộc họp, Tổng Bí thư Linh kết luận: về SNC ta không thể góp ý với bạn được... Nếu nói rằng TQ và Mỹ như nhau thì tôi không đồng ý. Sau hội nghị T.U., BCT sẽ định giá lại một số vấn đề liên quan đến Ngoại Giao như nhận định về Trung Quốc thế nào, tuyên bố hoặc nói về TQ như thế nào? (Nguyễn Cơ Thạch nói luôn: Đồng ý đánh giá lại cả cuộc hội đàm ở Thành Đô).

Dự thảo Hiệp định toàn bộ về CPC ngày 21/6/90 do P5 thảo ra đã được các thành viên Hội Đồng Dân Tộc Tối Cao Campuchia chấp

nhận về cơ bản tại cuộc họp ở Pa-ri ngày 23/12/1990. Chủ trương của ta là giải pháp chính trị về Campuchia, nhất là những vấn đề nội bộ Campuchia, phải do bạn tự quyết định và chịu trách nhiệm với dân tộc CPC. Ta hết sức giúp đỡ họ, gợi ý để họ tránh được những thất bại không đáng có, nhưng ta không thể làm thay. Như vậy ta vừa hết lòng giúp bạn vừa không để Việt Nam một lần nữa bị sa lầy vào cuộc đấu tranh nội bộ của CPC. Không để vấn đề giải pháp chính trị về CPC lại một lần nữa trở thành vấn đề lịch sử trong quan hệ Việt Nam-Campuchia.

Theo yêu cầu của bạn, ngày 14/1/1991, tôi cùng các anh Huỳnh Anh Dũng, Lê Công Phụng, Vũ Tiến Phúc, chuyên viên về giải pháp Campuchia, sang Nông Pênh làm việc với bạn với mục đích:

- a) tìm hiểu suy nghĩ và ý định của bạn về giải pháp Campuchia sau khi bạn đã chấp nhận văn kiện khung của P5 tại cuộc họp Gia-các-ta 10.9.1990 và chấp nhận về cơ bản dự thảo Hiệp định 26.11 của P5 tại cuộc họp Pa-ri 23.12.1990;
- b) thuyết phục bạn kiên quyết tách riêng các vấn đề nội bộ thuộc chủ quyền Campuchia để chỉ thảo luận và giải quyết trong SNC;
- c) thỏa thuận kế hoạch chuẩn bị cho việc họp lại Hội nghị quốc tế Pa-ri.

Khi tiếp tôi, anh Hun-xen nói: Trong nội bộ Campuchia, xu hướng mạnh nhất là muốn có một giải pháp chính trị giữ được thành quả cách mạng, không để cho Polpot quay trở lại... Tình hình hiện nay rất tế nhị. Tình hình phức tạp sẽ xảy ra nếu ta chấp nhận một giải pháp vô nguyên tắc. Chỉ cần chấp nhận một giải pháp như vậy thì nội bộ Campuchia đã hỗn loạn rồi chứ chưa nói là ký kết. Ta giữ lập trường cứng như vừa qua là tốt. Đề nghị Việt Nam không để đẩy quá nhanh tiến trình giải pháp.

Như vậy, qua các cuộc gặp Bộ trưởng Hor Nam Hong, thứ trưởng Dith Munty và thứ trưởng Sok An, nhất là qua phát biểu của Chủ tịch Hun-xen chiều 16.11, có thể thấy được chủ trương của bạn là cố kéo dài trạng thái đánh đàm hiện tại vì nhiều yếu tố chủ quan khách quan khác nhau, song chủ yếu vì trong nội bộ lãnh đạo bạn xu hướng chưa muốn đi vào giải pháp còn rất mạnh. Hun-xen cho biết là theo quyết định của BCT, trong cuộc họp Trung ương ngày 17.1.1991, ông ta sẽ thông báo cho Trung ương là năm 1991 sẽ chưa có giải pháp. Tuy nhiên tôi lại có cảm thấy trong suy nghĩ cũng như trong hành động lãnh đạo CPC đang có nhiều mâu thuẫn lúng túng, chưa xác định được cho mình một đường lối rõ ràng mạch lạc, mà chỉ lo đối phó từng bước

với những vấn đề trong nội bộ cũng như với đối phương.

Trong lần gặp Heng Somrin ở Hà Nội ngày 24.2.1991, anh Nguyễn Văn Linh vẫn cố ép bạn “cần thực hiện tốt chính sách hoà hợp dân tộc, không nên nhấn mạnh vấn đề diệt chủng, nên nhận HĐDTTC gồm 13 thành viên và Sihanouk làm chủ tịch”. Heng Somrin về nói lại với Bộ Chính trị đảng CPC thì tất cả đều bắn khoăn và ngại rằng Heng Somrin không thạo tiếng Việt nên nghe có thể sai sót.

Thực ra, như Hun-xen nói với anh Ngô Diên, khi nghe Heng Somrin nói lại những ý kiến của anh Linh, BCT Campuchia rất lo vì thấy Việt Nam khác Campuchia nhiều quá. Ngày 13/3/91 Hun-xen nói với anh Thạch: Có thể bỏ sách lược phân hoá Khơ-me đỏ, nhưng dứt khoát không thể bỏ vấn đề diệt chủng. Nếu bỏ sẽ có 3 mối nguy hiểm: sẽ mất con bài mặc cả trong đàm phán ngay từ đầu; mất lợi thế trong tổng tuyển cử; kẻ thù sẽ có lợi trong việc vu cáo Việt Nam là mọi chuyện xảy ra 12 năm qua đều do Việt Nam gây ra cả. Số lượng thành viên HĐDTTC có thể là 12 hoặc 14, không thể chấp nhận con số 13, sẵn sàng cho Sihanouk làm chủ tịch, Hun-xen làm phó, không đòi chức chủ tịch luân phiên hay đồng chủ tịch nữa.

Trong cách làm này của ta cho thấy ta chỉ

quan tâm đến điều mà ta cho là có lợi ích đối với ta mà thiếu cân nhắc xem điều đó có phù hợp với lợi ích của bạn không. Cách làm đó tất yếu sẽ ảnh hưởng xấu đến quan hệ gần bó lâu nay giữa ta với Nông Pênh.

Đầu năm 1991, BCT đã có cuộc họp tại T78 Thành phố HCM (24-25/1/91) để bàn về vấn đề Campuchia. Tôi trình bày chủ trương tách hai mặt quốc tế với mặt nội bộ của giải pháp CPC, đồng thời báo cáo ý kiến của Hun-xen cho biết là Bộ chính trị CPC quyết định không đi vào giải pháp trong năm 1991. BCT quyết định cần thăm dò khả năng họp BCT 3 nước để hướng CPC đi vào giải pháp, họp có tính chất trao đổi, gợi ý chứ không quyết định. Ta không ép bạn, đồng thời phải tỏ được thiện chí, tránh mọi việc làm ta bị cô lập.

Nhân dịp này, tôi đã ngỏ ý với anh Thạch là tôi muốn rút khỏi Trung ương khoá tới. Anh Thạch tỏ ý không tán thành. Đến tháng 2/91, khi có cuộc bàn đại biểu ở các tỉnh để đi dự Đại hội VII, tôi đã gửi thư cho anh Nguyễn Đức Tâm, trưởng ban Tổ chức Trung Ương, xin rút khỏi danh sách dự Đại hội VII. Lúc này tinh thần tôi đã có phần mệt mỏi vì những sự việc trong thời gian qua. Nhưng yêu cầu của tôi không được đáp ứng. Tháng 6/1991, tôi vẫn có giấy đi dự Đại hội Đảng với tư cách đại biểu tỉnh Sơn La tôi tiếp tục tham gia T.U. khoá VII.

Tình hình bất đồng ý kiến trong BCT càng đến gần Đại hội càng bộc lộ gay gắt. Ngày 13/4/1991, trong cuộc họp BCT bàn về tình hình thế giới và đường lối đối ngoại để chuẩn bị báo cáo chính trị tại Đại hội, sau khi anh Thạch báo cáo về “Tình hình thế giới và chiến lược đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta”, Lê Đức Anh giới thiệu đại tá Lân, cán bộ Cục II Bộ Quốc Phòng, trình bày về “tình hình thế giới và mưu đồ đế quốc”. Nghe xong, TBT Nguyễn Văn Linh phát biểu: Chủ quan tôi nghĩ giữa bản trình bày sáng nay (của Bộ Ngoại giao) và bản trình bày tình hình quân sự chiều nay (của Bộ Quốc phòng) có nhiều chỗ khác nhau. Muốn thảo luận chủ trương thì phải thảo luận tình hình trước, nhưng cách đánh giá tình hình còn khác nhau. Cố vấn Phạm Văn Đồng: Nói khôì hài lúc này thật không phải lẽ. Chúng ta cần cố gắng làm việc đúng lương tâm, nghiêm chỉnh, đúng trách nhiệm của mình. Bộ Chính trị đã giao cho 3 đồng chí phụ trách 3 ngành làm nhưng lại chưa làm. Lê Đức Anh: BCT nên nghe tình hình nhiều mặt, ngay trong nước chúng ta cũng đánh giá khác nhau. Căn cứ vào đánh giá chung, mỗi ngành có đề án riêng, không làm chung được. Nguyễn Cơ Thạch đồng ý ngành thảo luận để đi tới nhất trí về tình hình, còn công tác thì mỗi ngành làm.

Trên tinh thần đó, ngày 2/5/1991, đã có cuộc họp giữa Ngoại giao, An ninh và Quốc phòng để thống nhất nhận định tình hình thế giới. Dự họp về phía Quốc phòng có Lê Đức Anh, Trần Văn Quang, đại tá Lân (Lân thọt); Bộ Nội vụ có Mai Chí Thọ; Ngoại giao có Nguyễn Cơ Thạch và 4 thứ trưởng. Còn có 3 phó ban đối ngoại (Nguyễn Thị Bình, Trịnh Ngọc Thái, Nguyễn Quang Tạo). Thu hoạch của cuộc họp khá nghèo nàn, không đem lại được sự nhất trí trong nhận định tình hình, chỉ nhất trí được mấy điểm lý luận chung chung.

Chỉ còn một tháng đến ngày họp Đại hội VII. BCT họp liên gán 3 ngày (15, 16 và 17/5/1991) để thảo luận bản dự thảo “Báo cáo về tình hình thế giới và việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội VI và phương hướng tới”. BCT có mặt đông đủ. Theo dõi cuộc họp ở ghế dự thính (số dự thính lúc đầu có 10 người, từ chiều 16/5 khi đi vào kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết về đối ngoại của Đại hội VI thì số dự thính thu hẹp lại chỉ còn có Hồng Hà, Hoàng Bích Sơn, Đinh Nho Liêm và tôi) từ đầu đến cuối, tôi cảm nhận rõ sự đấu tranh giữa hai quan điểm về mặt quốc tế, nhất là khi đi vào phần kiểm điểm thực hiện đường lối đối ngoại, nói đến vấn đề CPC và quan hệ với Trung Quốc. Bản dự thảo báo cáo của Bộ ngoại giao có nêu “đã có một số

việc làm không đúng với các Nghị quyết của Bộ Chính trị”, “thái độ đối với Trung Quốc có sự thay đổi qua 2 giai đoạn (trước và sau năm 1989) trái với Nghị quyết 13”, “một số việc làm không đúng với các Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề Campuchia”, “giữa ta và bạn Lào đã bộc lộ sự khác nhau rõ rệt” về đối ngoại, ta “lúng túng, thiếu bình tĩnh” trước cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Âu và Liên Xô... đã bỏ lỡ cơ hội cải thiện với ASEAN (khi Thái Lan mời Thủ tướng Đỗ Mười sang thăm, nhưng anh Mười nói phải đi Liên Xô, đi Ấn-độ rồi mới đi Thái), đã làm nảy sinh tranh cãi khá căng, đặc biệt khi bàn đến đúng sai trong chuyện gặp cấp cao TQ ở Thành Đô tháng 9/1990 và vấn đề chống diệt chủng và “giải pháp đỏ”.

Anh Võ Chí Công: *Về TQ rất phức tạp... BCT đã đánh giá TQ có hai mặt XHCN và bá quyền. Về XHCN cũng cần thấy là trong “nhảy nháy”... Khó khăn là chưa bình thường hoá quan hệ... Họ đưa ra 5 trở ngại, có cái hàng trăm năm không giải quyết nổi. Ví dụ như Liên bang Đông Dương, họ biết ta không có ý đồ song cứ nêu lên cốt để chia rẽ và giành lấy Lào và Campuchia, gạt ta ra... Chuyện “giải pháp đỏ” là không được, vì như vậy thì có nghĩa là TQ sẽ đi với ta chống Mỹ trong lúc chủ trương của họ là tranh thủ khoa học kỹ thuật của phương Tây để hiện đại hoá, còn gì là TQ nữa?*

Tới cuộc họp, Nguyễn Đức Tâm còn nói: Chưa làm dự thảo Nghị quyết ngay được vì qua thảo luận thấy ý kiến Bộ Chính trị còn khác nhau về đánh giá đúng thành tích, đúng bạn-thù, đối sách Đại hội đến nơi, sau Đại hội không còn Bộ Chính trị này nữa, tuy một số đồng chí còn ở lại... Mặc dù vậy, Nguyễn Thanh Bình, chủ trì cuộc họp, vẫn kết luận làm dự thảo Nghị quyết về Đối ngoại.

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TÌNH HÌNH QUỐC TẾ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CÒN CÓ TRANH LUẬN

1. Về tình hình quốc tế: do tác động của cách mạng KHKT, khoảng cách giàu – nghèo giữa các quốc gia ngày càng lớn. Thách thức lớn nhất của nước ta là nguy cơ tụt hậu về kinh tế, yếu tố quyết định trong sức mạnh tổng hợp của quốc gia hiện nay chủ yếu là kinh tế.

A. có tranh luận: nguy cơ diễn biến hoà bình hơn thách thức tụt hậu về kinh tế. Từ đó có ý kiến cho các quốc gia là sức mạnh an ninh quốc phòng là chủ yếu chứ không phải chủ yếu là sức mạnh kinh tế-xã hội bên trong mỗi nước.

B. về mâu thuẫn thời đại: nhiều ý kiến

cho rằng những biến đổi lớn trong cục diện thế giới đã làm thay đổi thứ tự quan trọng của các mâu thuẫn lớn, mâu thuẫn chính chi phối quan hệ quốc tế ngày nay không còn là mâu thuẫn Đông-Tây mà là mâu thuẫn Tây-Tây. Nhưng có ý kiến cho mâu thuẫn Đông-Tây vẫn quan trọng.

- C. về tập hợp lực lượng: ý kiến chung chủ trương đa dạng hoá quan hệ. Nhưng còn tranh luận là tập hợp lực lượng theo ý thức hệ hay theo lợi ích dân tộc; hoặc đa dạng hóa nhưng nhấn ý thức hệ, cần tìm đồng minh chiến lược.

2. Về ý đồ và chính sách của các nước lớn và ASEAN:

Mỹ: về câu hỏi “Cục diện thế giới mới tạo cho Mỹ thời cơ hay thách thức?” (Mỹ mạnh lên hay yếu đi)

- Có ý kiến cho rằng Mỹ đang tranh thủ lợi thế để thiết lập trật tự một cực do Mỹ chi phối, ý kiến khác cho rằng đang hình thành “trật tự đa cực”, “đa trung tâm”, hay trật tự thế giới đang trong quá trình hình thành, đang có sự cân bằng giữa các nước lớn.
- Mục tiêu chiến lược toàn cầu của Mỹ là

xoá sạch các nước XHCN còn lại hay là kiểm chế các trung tâm kinh tế tư bản khác?

- Lý giải hiện tượng các nước khu vực mong muốn Mỹ tiếp tục có mặt sẽ giúp ổn định khu vực, còn VN cho Mỹ là mối đe dọa nguy hiểm nhất.

TQ:

- Vì sao các nước khu vực đều lo ngại TQ, còn VN đặt hy vọng vào TQ (đồng minh chiến lược)?
- Mặt bành trướng bá quyền của TQ là chính hay mặt XHCN là chính? thực chất của “chủ nghĩa xã hội mang màu sắc TQ”?
- Về quan hệ Mỹ-TQ (liên quan đến VN):
- Dư luận chung: Mỹ lo kiểm chế TQ ở Châu Á-Thái Bình Dương và mong VN góp vào đó. Nhưng có ý kiến cho Mỹ và TQ thoả hiệp bất lợi cho VN. Vì Mỹ đặt ưu tiên quan hệ với TQ cao hơn nên Mỹ sẵn sàng thí VN cho ưu tiên đó.
- Đánh giá về ASEAN:
- Có ý kiến cho ASEAN là tổ chức có tiếng nói, có sức sống, biết lợi dụng mâu thuẫn các nước lớn lợi ích quốc gia, vì lợi ích nhóm nước khu vực mình. VN cần sớm gia nhập tổ chức này.

3. Về chiến lược đối ngoại của ta:

- Vị thế của VN có gì khác trước?
- Đe dọa chính đối với an ninh và phát triển của ta nay là gì? Nguy cơ tụt hậu về kinh tế hay nguy cơ diễn biến hoà bình là đe dọa chính?
- Biện pháp đối phó với đe dọa và thực hiện mục tiêu của ta? (“đồng minh chiến lược”, “quan hệ đặc biệt”).
- Tập trung phát triển kinh tế có phải là lối thoát duy nhất để củng cố ổn định, ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội trong nước và nâng cao vị thế và vai trò nước ta trên quốc tế, đối phó “diễn biến hoà bình” có kết quả hay không? Ta đã đặt ưu tiên cao nhất cho phát triển kinh tế hay chưa?
- Trong thực tế đối ngoại, thường có sự lúng túng ngập ngừng về ưu tiên trong các mối quan hệ sau:
 - giữa phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh chính trị (giữa nguy cơ tụt hậu về kinh tế và nguy cơ chệch hướng XHCN, nguy cơ bị diễn biến hoà bình).
 - lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Tập hợp lực lượng và phân biệt bạn-thù theo quan điểm ý thức hệ hay theo lợi ích dân tộc.
 - độc lập chủ quyền và hợp tác quốc tế. Hoà nhập cộng đồng thế giới.(2/1995)

ĐẠI HỘI VII VÀ CÁI GIÁ PHẢI TRẢ CHO VIỆC BÌNH THƯỜNG HOÁ QUAN HỆ VỚI TRUNG QUỐC

Từ 17 đến 27/6/1991 ĐCS VN họp Đại hội lần thứ 7 đưa lại nhiều thay đổi quan trọng về nhân sự: Đỗ Mười thay Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư; Lê Đức Anh nay nghiêm nhiên giữ vị trí thứ 2 trong Đảng, ủy viên thường trực Bộ Chính trị kiêm bí thư trung ương phụ trách cả 3 khối quốc phòng-an ninh-ngoại giao; Võ Văn Kiệt được giới thiệu với Nhà Nước cử làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; Đào Duy Tùng thường trực Ban bí thư. Bộ ba Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng nắm bộ phận thường trực của Bộ Chính trị và của Ban Bí thư. Đại tướng Võ Nguyên Giáp bị gạt ra khỏi chức ủy viên Trung ương. Còn Nguyễn Cơ Thạch bị bật ra khỏi Bộ Chính trị và chuẩn bị thôi chức bộ

trưởng Bộ Ngoại giao... (Thực ra những thay đổi về nhân sự trong Bộ Chính trị đã được quyết định từ tháng 5 và Trung Quốc đã biết). Dư luận quốc tế xôn xao cho rằng Nguyễn Cơ Thạch là “vật tế thần” trong việc Việt Nam bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Tôi nghĩ rằng đó mới chỉ là một cách nói đơn giản vì vấn đề không chỉ là bình thường hoá quan hệ mà là phụ thuộc hoá quan hệ.

Trước hết vấn đề đặt ra là ai sẽ thay anh Thạch giữ chức bộ trưởng ngoại giao? Từ đầu tháng 7, tôi đã nhiều lần được triệu tập lên gặp TBT Đỗ Mười và Trưởng ban Tổ chức trung ương Lê Phước Thọ (người thay Nguyễn Đức Tâm), để được thông báo và đả thông về dự định đưa tôi làm bộ trưởng ngoại giao. Sáng ngày 10/7/91, thấy tôi từ chối, Đỗ Mười đã hiểu lầm tưởng tôi không nhận vì chưa được vào Bộ Chính trị như Bùi Thiện Ngộ (người thay Mai Chí Thọ làm bộ trưởng bộ Nội Vụ) nên hứa sẽ giải quyết chuyện đó sau. Tôi nói chỉ vì lý do “sức khoẻ” mà tôi không nhận. *“45 năm nay tôi liên tục công tác, cố gắng làm tốt các công việc được giao, không từ nan. Song lần này không thể nhận. Tôi chỉ có nguyện vọng là làm nốt công việc thứ trưởng ngoại giao. Đề nghị các anh quyết định theo phương án chúng tôi đề nghị ngày hôm qua: cử anh Vũ Oanh hay anh Vũ Khoan. Nhân đây tôi xin phản ánh tư*

tướng chung của anh em cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao là có sự đối xử chưa công bằng với Ngoại giao”.

Vì sao tôi được người ta chọn để thay Nguyễn Cơ Thạch tuy biết rõ tôi đồng quan điểm chính trị với anh Thạch? Tôi nghĩ có 2 lý do: một là che đậy ý nghĩa chính trị của việc sa thải Nguyễn Cơ Thạch; hai là cơ chế mới về đối ngoại sau Đại hội VII có khả năng vô hiệu hoá hoàn toàn mọi chủ trương và hành động sai khác với quan điểm của mấy vị trong Ban Thường Trực BCT mới.

Mọi vấn đề quan trọng về đối ngoại của Nhà Nước đều do Hồng Hà, bí thư T.U. Phụ trách đối ngoại, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê Đức Anh và tất nhiên được sự tán thưởng của TBT Đỗ Mười, quyết định. Những phần công việc xưa nay vốn do Bộ Ngoại giao đảm nhiệm nay đều do Hồng Hà và Ban Đối Ngoại chủ trì. Một thí dụ điển hình về vi ý đồ cá nhân họ sẵn sàng bỏ qua danh dự và quốc thể: ngày 5/8/91, giữa cuộc họp Hội đồng bộ trưởng, Hồng Hà tuyên bố: *Từ nay trong quan hệ với Trung Quốc các ngành cử tập trung ở chỗ anh Trương Đức Duy (đại sứ TQ), không cần qua sứ quán Việt Nam ở Bắc Kinh”.* (Lê Đức Anh cho biết khi ở TQ, Ban Đối Ngoại TQ Chu Lương có đề nghị: vì lý do kỹ thuật (?) quan hệ giữa hai đảng xin làm qua Trương Đức Duy).

Hôm sau, Hồng Hà với tư cách trưởng ban đối ngoại tiếp đại sứ CPC Ouch Borith, đã thông báo: *Theo sự phân công của Bộ Chính trị VN, từ nay đồng chí Lê Đức Anh và đ/c Hồng Hà sẽ phụ trách thảo luận giải pháp CPC và các vấn đề liên quan. Nếu lãnh đạo CPC muốn bàn các vấn đề trên thì đề nghị quan hệ và thảo luận trực tiếp với 2 đồng chí đó.*

Sau khi tôi được miễn, đã có một cuộc vận động khá sôi nổi về chức bộ trưởng ngoại giao. Những tên tuổi như Vũ Oanh, Hồng Hà, Hoàng Bích Sơn, Nguyễn Dy Niên, Vũ Khoan... được nói tới. Cuối cùng, Nguyễn Mạnh Cẩm (lúc đó đang là đại sứ ta ở Liên Xô) được chọn, mặc dù khi đó anh còn rất lưỡng lự.

Ngày 9/7/91, vừa được bàn làm tổng bí thư, Đỗ Mười gặp đại sứ TQ Trương Đức Duy tỏ ý muốn cử đặc phái viên đi Bắc Kinh để thông báo về Đại hội VII và trao đổi về quan hệ giữa hai nước. Trước đó ít ngày-ngày 11/6/91-Bộ Ngoại Giao ta cũng đã gặp đại sứ Trung Quốc đề nghị mở lại đàm phán cấp thứ trưởng ngoại giao hai nước. Ngày 17/7, Trung Quốc trả lời đồng ý gặp cấp thứ trưởng ở Bắc Kinh từ 5/8 đến 10/8. Hai ngày sau, Trung Quốc trả lời đồng ý việc ta cử đặc phái viên gặp lãnh đạo Trung Quốc, nhưng lại sắp xếp sau cuộc gặp đặc phái viên trước cuộc gặp thứ trưởng ngoại giao. Việc làm trên cho thấy một mặt

Trung Quốc muốn gặp ta ở cả hai cấp, mặt khác muốn dùng những thỏa thuận với cấp đặc phái viên để ép ta trong cuộc gặp cấp thứ trưởng ngoại giao. Để đề cao công việc này, phía Trung Quốc đã đề nghị thay chữ “đặc phái viên” thành “đoàn Đại diện đặc biệt của Ban chấp hành Trung Ương Đảng cộng sản Việt Nam” tuy Đoàn chỉ có 2 thành viên là Lê Đức Anh và Hồng Hà. Hồng Hà lúc đó là bí thư T.U. phụ trách đối ngoại. Phụ tá đoàn là Trịnh Ngọc Thái, phó ban Đối ngoại của Đảng. Tôi nhớ khi đó Bộ Ngoại Giao có đề nghị có một thứ trưởng ngoại giao là ủy viên Trung Ương đi với đoàn để nắm tình hình vận dụng vào cuộc đàm phán cấp thứ trưởng ngoại giao ngay sau đó, nhưng đề nghị không được chấp nhận. Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc Đặng Nghiêm Hoàn cũng không được tham dự các hoạt động của đoàn, trong khi đó đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam, Trương Đức Duy, lại có mặt trong mọi hoạt động chính thức của đoàn tại Trung Quốc.

Ngày 28/7/91, đoàn đã đến Bắc Kinh và trong mấy ngày sau đó đã gặp Kiều Thạch, Lý Bằng, Giang Trạch Dân thông báo khá chi tiết về Đại hội VII (những ý kiến khác nhau, quá trình thảo luận, tranh luận và việc biểu quyết những vấn đề quan trọng trong Đại hội; và cơ cấu nhân sự của Ban Chấp hành Trung

Ương...) Giang Trạch Dân và Lý Bằng tỏ ra quan tâm đến việc Việt Nam sẽ có ngoại trưởng mới (thay Nguyễn Cơ Thạch) trong kỳ họp Quốc hội tháng 8/1991. Giang tỏ ý hài lòng “Từ đáy lòng mình, tôi hết sức hoan nghênh kết quả Đại hội VII của các đồng chí Việt Nam”.

Đặc biệt mặc dù chuyến đi có mục đích gặp lãnh đạo Trung Quốc thông báo về Đại hội VII và bàn quan hệ hai nước, nhưng Lê Đức Anh và Hồng Hà đã chủ động xin gặp Từ Đôn Tín tới 2 lần, chiều 29/7/ và tối 31/7 để tạ lỗi (?). Mở đầu cuộc gặp chiều 29/7, Lê Đức Anh đã nói: “Năm ngoái khi đồng chí Từ Đôn Tín sang Việt Nam đã xảy ra một số trục trặc không hay lắm do phía chúng tôi gây ra (!) Đồng chí Nguyễn Văn Linh và chúng tôi khi biết việc này, chúng tôi không vui lắm. Hôm nay gặp đồng chí, tôi nói tình cảm của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và của tôi... Tình hình trục trặc trong quan hệ là một việc đau lòng, nhất là giữa những người cộng sản. Khúc nhạc cũ đã qua rồi, mong các đồng chí yên tâm”. Còn Từ thì cũng mượn dịp này để than phiền về đại sứ Đặng Nghiêm Hoàng: “Một năm nay đồng chí ấy không gặp tôi, trừ khi gặp ở các cuộc chiêu đãi. Đây là lần đầu tiên tôi gặp đồng chí Hoàng kể từ tháng 6 năm ngoái” (sự thực là phía Trung Quốc đã có thành kiến với anh Hoàng từ trong cuộc đàm phán tháng 6/1990

ở Hà Nội). Từ không quên nhắc đến điều kiện không thể thiếu để có thể bình thường hoá quan hệ với Việt Nam: “Tôi rất hoan nghênh đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Hồng Hà là từ nay không nói diệt chủng nữa. Khi về Hà Nội nếu gặp Campuchia đề nghị các đồng chí cũng nói ý này... Nếu các đồng chí lãnh đạo Việt Nam sang Trung Quốc mà cái đuôi Campuchia vẫn còn thì chúng tôi khó nói với nhân dân. Mong vấn đề Campuchia được giải quyết thì khi bình thường hoá quan hệ với chúng tôi có thể ăn nói với nhân dân Trung Quốc và nhân dân thế giới”.

Để dọn đường cho cuộc gặp cấp thứ trưởng ở Bắc Kinh tháng 8/1991, tối 31/7 Hồng Hà vẫn bảo với Từ Đôn Tín: “Đồng chí Lê Đức Anh và tôi sẽ làm việc trực tiếp với thứ trưởng Nguyễn Dy Niên (người được chỉ định đi đàm phán với Trung Quốc chỉ vì chưa có “tiền sử” với Trung Quốc) trước khi đồng chí ấy đi Trung Quốc. Chúng tôi phải báo cáo với Bộ Chính trị để có ý kiến chỉ đạo không những cả về nội dung mà cả về tinh thần và thái độ làm việc. Tinh thần của chúng tôi là phấn đấu làm cho cuộc gặp thành công”. Sau khi đã cam kết từ nay không nói đến vấn đề diệt chủng nữa, Hồng Hà hỏi Từ: “Tôi muốn hỏi đồng chí ngoài vấn đề diệt chủng, còn hai vấn đề gai góc là vấn đề quân đội các bên Campuchia và vai trò Liên Hiệp Quốc thì phương hướng giải quyết nên

thế nào, để chúng tôi có thể góp phần làm cho cuộc gặp thứ trưởng Việt-Trung ở Bắc Kinh sắp tới đạt kết quả tốt”. Xin ý kiến đối phương về hướng giải quyết vấn đề đàm phán trước khi đàm phán, thật là chuyện có một không hai trong lịch sử ngoại giao!

Sau khi ở Trung Quốc về, ngày 4/8/1991, Lê Đức Anh và Hồng Hà gặp tôi và Nguyễn Dy Niên tại Văn phòng Trung Ương Đảng để chuẩn bị cho Niên đi đàm phán với Trung Quốc. Sau khi anh Niên đọc bản đề án của Bộ Ngoại giao, tôi nói: “Anh Hoàn (đại sứ ta ở TQ) vừa điện về, phía TQ thông báo có 3 buổi làm việc nhưng họ nói có thể làm một buổi là xong. Chắc chắn Từ Đôn Tín sẽ đưa văn bản buộc chúng ta phải thoả thuận. Nếu ta nhận, họ sẽ xì ra cho các nước PS, ASEAN và bạn CPC. Ta sẽ bị vào thế phản bội đồng minh, phản bội bạn bè. Nếu ta đòi sửa văn bản của TQ thì sẽ không ra được văn bản, sẽ thất bại. Chúng tôi đã xem lại biên bản thấy TQ gán rất chặt vấn đề CPC, với việc bình thường hoá quan hệ, vẫn coi CPC là điều kiện. TQ rất khôn, khi gặp cấp cao chỉ tập trung vào vấn đề quan hệ hai nước, còn cái xương để lại. Gặm cái xương này, chúng ta phải giải quyết vấn đề có tính nguyên tắc. Ta quyết tâm bình thường hoá với TQ nhưng không được phá quan hệ với CPC và không được để thế giới thấy anh Việt Nam là người tráo trở”. Biết

tôi quá gai góc, không chịu chấp nhận ý đồ thỏa hiệp vô nguyên tắc với TQ, Lê Đức Anh và Hồng Hà chỉ nói chung chung về chuyến đi Bắc Kinh vừa qua. Hồng Hà nói: Tinh thần tôi nắm được là ý Trương Đức Duy và Từ Đôn Tín đều lo cuộc gặp thứ trưởng thất bại. Không biết đồng chí thứ trưởng nào gặp tôi có nắm được tinh thần này không?” Tôi liền bảo: “Như vậy càng rõ là họ có yêu cầu cao nên họ sợ ta không thể chấp nhận được”, Hồng Hà: “Tôi hiểu họ muốn bình thường hoá quan hệ là chính nên họ lo”. Tôi đáp: Về mặt này thì phải nói là Việt Nam lo hơn vì Việt Nam muốn bình thường hóa quan hệ với TQ hơn”. Vào cuối buổi họp, Hồng Hà nói: Chuyến đi của anh Niên là thuận lợi, sau chuyến đi của anh Lê Đức Anh. Anh Niên cũng là nhân vật mới, không có “tiền sử”. Khi nhắc đến tháng 6/90 họ rất cay cú. Lê Đức Anh thêm vào: Sau tháng 6/90 lại có phát biểu với báo chí của hai bên nên càng tích tụ thêm, căng thêm. (ý nói đến lần đàm phán tháng 6/90 giữa tôi và Từ Đôn Tín). Và đến chiều, khi họp Thường trực Bộ Chính trị bàn về việc đàm phán với TQ, họ triệu tập anh Niên, không triệu tập tôi.

Được biết trong cuộc họp này TBT Đỗ Mười đã khẳng định là không nên vì vấn đề Campuchia mà cản trở việc bình thường hoá quan hệ của ta với Trung Quốc. Về vấn đề CPC, họ chỉ thị cho Niên thỏa thuận với phía TQ:

a) không nói vấn đề diệt chủng. Lê Đức Anh nói phải dứt khoát thôi vấn đề diệt chủng. Và TBT Đỗ Mười nhấn thêm: Nếu nói vấn đề diệt chủng tức là đồng minh với Mỹ chống Trung Quốc (!)

b) nâng cao vai trò HĐDTTC, hạ thấp vai trò LHQ.

c) giảm quân các bên CPC 50%.

Để đảm bảo cuộc đàm phán không đi chệch khỏi quỹ đạo đã dàn xếp trước với Trung Quốc, Hồng Hà còn để Trịnh Ngọc Phái, phó ban Đối ngoại, ở lại Bắc Kinh để tham gia đoàn đàm phán, thực chất để giám sát Nguyễn Dy Niên theo đúng những điều họ đã thoả thuận trước với Trung Quốc. Ngày 10/8/1991, sau khi cái gọi là cuộc đàm phán này đạt kết quả đúng ý Trung Quốc (hoan nghênh Sihanouk giữ chức chủ tịch HĐDTTC, ủng hộ văn kiện khung của LHQ về giải pháp CPC...) vào đúng ngày Quốc Hội Việt Nam thông qua việc bổ nhiệm Nguyễn Mạnh Cẩm thay Nguyễn Cơ Thạch làm bộ trưởng Ngoại Giao. Ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham nhận tiếp Nguyễn Dy Niên và ngỏ lời mời ban ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm ngày 10/9/1991 thăm Trung Quốc để chuẩn bị cho cuộc gặp cấp cao Trung-Việt ở Bắc Kinh.

Ta đã dự kiến sau cuộc đàm phán ở Bắc Kinh sẽ sang Nông Pênh thông báo cho bạn CPC, nhưng tối 18/8/1991 Hồng Hà gọi điện

chỉ thị: Theo ý kiến đồng chí Lê Đức Anh, anh Niên không phải đi CPC thông báo với bạn nữa và cũng không thông báo cho bất cứ ai về cuộc đàm phán ở Bắc Kinh vừa qua (mặc dù phía TQ đã thông báo cho các nước ASEAN và các nước phương Tây rồi). Và còn nói thêm: Từ nay trở đi, trên giấy trắng mực đen đừng ghi ý đồ của Trung Quốc nữa (?) vì vấn đề này BCT đã nắm rồi.

Nói chung, từ sau Đại hội VII, tiến trình bình thường hoá quan hệ Việt Nam-Trung Quốc như cỗ máy đã được tra dầu đầy đủ, diễn biến trơn tru theo trình tự đã định. Ngày 5 đến 10/11/91, sau khi Hiệp Định về Campuchia được ký kết ở Pa-ri, TBT Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm chính thức CHND Trung Hoa để hoàn thành việc bình thường hoá mối quan hệ bị trục trặc lớn từ tháng 2/1979. Nhưng trong khi lãnh đạo ta ôm kỳ vọng cùng TQ “bảo vệ xã hội chủ nghĩa chống đế quốc” thì họ đã xác định quan hệ với ta là “thân nhi bất cận, sơ nhi bất viễn, tranh nhi bất đấu” (thân nhưng không gần, sơ nhưng không xa, đấu tranh nhưng không đánh nhau). TQ nói thế song luôn luôn lấy thế nước lớn để lấn chiếm lãnh thổ lãnh hải ta, và hiểm độc nhất là không ngừng tác động vào nội bộ ta.

HIỆP 2 CỦA HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ CAMPUCHIA

Với đà tiến triển nhanh chóng qua các cuộc họp SNC tại Jakarta (6/91), Bắc Kinh, Pattaya (Thái Lan) và Nữu ước (9/91), 5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An quyết tâm quyết nhanh gọn vấn đề Campuchia làm đà giải quyết các cuộc xung đột khu vực khác, đặc biệt là Trung Đông. Cả Liên Xô lẫn Trung Quốc đều có lợi ích đồng tình với phương Tây—chủ yếu là Mỹ—gạt nốt những vương mắc cuối cùng trong việc thông qua các văn bản dự thảo Hiệp định 28/11/1990 của P5.

Cuối tháng 9/1991, tôi dẫn đầu đoàn đại biểu nước ta đi Nữu Ước dự khoá họp thứ 46 Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc. Khác với năm 1988, khi tôi đại diện Việt Nam dự Đại hội

đồng Liên Hiệp Quốc khoá thứ 43, lần này vấn đề CPC đã đi sát đến giải pháp. Trong thời gian ở Nữu Ước, tôi đã tranh thủ tiếp xúc với anh Hun-xen họp SNC ở đó để tìm hiểu thái độ bạn đối với dự thảo Hiệp định. Tôi được biết ngày 21/9/91, Nhà Nước Campuchia cuối cùng cũng đã buông thả rất nhanh tất cả các điểm yêu cầu sửa dự thảo Hiệp định. Như vậy, chỉ còn lại một mình Việt Nam là nước duy nhất đòi bổ sung dự thảo về 4 điểm liên quan đến Việt Nam. Tôi vội thông báo tình hình này về nước để nhà sớm có quyết sách thích đáng cho đoàn đại biểu ta đi dự Hội nghị quốc tế Pa-ri về Campuchia. Ngày 13/10/1991 bộ phận thường trực và sau đó các đồng chí khác trong BCT đã thông qua chủ trương Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định với 2 phương án đấu tranh về 4 điểm bổ sung của ta. Sáng 14/10, anh Võ Văn Kiệt đã gặp tôi ở Văn phòng Hội đồng bộ trưởng để cho ý kiến về 2 văn bản do Bộ Ngoại Giao chuẩn bị cho cuộc họp về vấn đề Campuchia ở Pa-ri . Sau khi nghe tôi trình bày, anh Kiệt tán thành Tờ trình BCT về phương án đấu tranh của ta tại Hội nghị quốc tế Pa-ri, và góp ý nên sửa lại 2 chỗ trong bản dự thảo Tuyên bố Chính phủ.

Ngày 16/10, trên đường đi Pa-ri, tôi được điện của Bộ báo cho biết cả Levitte, thứ trưởng ngoại giao Pháp và Từ Đôn Tín, lúc này đã là

thứ trưởng ngoại giao, đều muốn gặp tôi sớm, trước ngày họp Ủy ban Phối hợp của Hội nghị. Trên cơ sở phán đoán là cả hai đều muốn gặp để thương lượng và thúc đẩy Việt Nam rút các yêu cầu sửa đổi dự thảo Hiệp định để bảo đảm cho cuộc họp Ủy ban Phối hợp khỏi gặp trắc trở, tôi đã quyết định gặp Levitte trước, sau đó mới gặp Từ. Suy nghĩ của tôi là: Pháp là nước đồng chủ tịch đảng cai hội nghị, rất muốn hội nghị đạt kết quả, đề cao được vai trò Pháp trên quốc tế, đồng thời gặp Pháp trước sẽ tỏ được thiện chí và tính độc lập của ta, nếu gặp Trung Quốc trước gặp Pháp sau thì sẽ chịu tiếng bị sức ép của Trung Quốc mà phải nhượng bộ.

Ngày 18/10, ngay sau khi đến Pa-ri, tôi đã gặp Levitte thảo luận. Đúng như đã phán đoán, Pháp tha thiết mong Việt Nam có thái độ mềm dẻo đối với dự thảo Hiệp định. Cuối cùng, để tỏ thiện chí, tôi đã thỏa thuận với Pháp về cách làm như sau: trong báo cáo của Tổng thư ký LHQ trước Hội đồng Bảo an sẽ có giải thích những điểm mà Việt Nam yêu cầu làm rõ. Và ngay trong cuộc họp UB phối hợp ngày 21/10/91, trong bản trình bày của Phó tổng thư ký LHQ Ahmed Rafeuddin cũng phải nêu đầy đủ giải thích này, đồng thời Levitte nhân danh chủ tịch Ủy ban sẽ tuyên bố hoan nghênh thiện chí hợp tác của Việt Nam đã

thôi không đưa các bổ sung dự thảo Hiệp định nữa vì đã có những giải thích thích đáng của Phó tổng thư ký Liên Hiệp Quốc. Tôi cũng thỏa thuận với Levitte sẽ có cuộc gặp tay ba với Ahmed thỏa thuận cuối cùng.

Hôm sau, tôi gặp Thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc Từ Đôn Tín. Từ cũng có mục đích thu phục ta thôi không đưa các yêu cầu bổ sung nữa, nói nếu Việt Nam đưa bổ sung thì các nước khác đòi bổ sung để cân bằng lại. Mỹ sẽ đòi hoãn việc ký kết và đổ trách nhiệm cho Việt Nam.

Ngày 20/10/1991, như đã thỏa thuận với Pháp, ngay sau khi Phó tổng thư ký Liên Hiệp Quốc đến Pa-ri, đã có cuộc họp tay ba giữa Việt Nam, Pháp, và Phó tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Ahmed thỏa thuận cách làm như ta đã bàn với Pháp hôm 18/10 và cho trợ lý của ông ta ghi lại các câu chữ yêu cầu nói rõ khi ông giải thích về mấy điểm bổ sung của ta. Như vậy, thực chất là đã vượt mức yêu cầu của ta, nhưng để giữ cao giá, tôi nói sơ bộ thỏa thuận như vậy, song tôi còn phải xin chỉ thị Hà Nội: khẳng định lại trong sáng 21/10 trước khi bắt đầu họp Ủy ban Phối hợp.

Sáng 21/10/1991, khi đoàn Việt Nam đến Trung tâm Hội nghị quốc tế Kléber, có một đoàn của đoàn Trung Quốc ra mời tôi gặp Từ Đôn Tín có việc gấp cần trao đổi trước khi

hợp. Từ yêu cầu riêng tôi nói chuyện bằng tiếng Tàu không qua phiên dịch, cho biết Mỹ định đưa bổ sung vào Hiệp định một đoạn lên án diệt chủng và yêu cầu tôi cho biết ý kiến. Tôi trả lời: chuyện này bây giờ chủ yếu là vấn đề của người Campuchia, nên để các bên Campuchia có ý kiến. Còn quan điểm của Việt Nam là đến nay không nên để bất cứ một vấn đề nào gây trở ngại cho việc ký kết. Từ xem ra hài lòng về cách tỏ thái độ của ta. Nhưng cuối cùng hình như đã có sự thỏa hiệp giữa Mỹ và Trung Quốc, Mỹ rút bỏ từ “diệt chủng” trong đoạn bổ sung và chỉ nói chung chung về “nhân quyền” và các quyền tự do cơ bản của Campuchia cần được các nước tôn trọng.

Sau đó đã tiến hành phiên họp thứ 8 của Ủy ban Phối hợp của Hội nghị quốc tế Pa-ri (PICC⁸⁴) để thông qua lần cuối các văn kiện đưa ra Hội nghị cấp bộ trưởng. Sự việc đã diễn ra hoàn thành đúng như đã thoả thuận giữa ta với Pháp và Tổng thư ký LHQ. Sau lời khai mạc của hai đồng chủ tịch Pháp và Ấn Độ, Phó tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Ahmed đọc bản trình bày tình hình chuẩn bị trong việc thi hành Hiệp định sẽ được ký kết và đọc đầy đủ những lời giải thích về 4 điểm mà ta yêu cầu họ (việc đưa trở lại hay đưa quân của bất cứ nước ngoài nào vào Campuchia sẽ là vi phạm Hiệp

⁸⁴ 1991 Paris International Conference on Cambodia

định; thông tin cần cung cấp cho UNTAC chỉ liên quan đến các lực lượng nước ngoài còn có mặt ở Campuchia khi ký kết Hiệp định này; sự có mặt của sĩ quan liên lạc UNTAC ở thủ đô Việt Nam, Lào và Thái Lan không có hàm ý mở rộng quyền hạn UNTAC sang các nước láng giềng của Campuchia... phải tôn trọng đầy đủ chủ quyền của các nước này). Đáp lại, tôi đã phát biểu hoan nghênh và ghi nhận những lời giải thích của Phó tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, Levitte, đồng chủ tịch cuộc họp, biểu thị cảm ơn Việt Nam, thiện chí hợp tác.

Kết quả cả 4 văn kiện để ký kết đều đã được nhất trí thông qua trong UB Phối hợp, không tranh cãi nào về thực chất cả, kể cả những vấn đề ta đã dự phòng như vấn đề tù binh, Việt kiều ở Campuchia, biên giới Việt Nam-Campuchia... đều không có đoàn nào nêu ra. Giờ đây chỉ còn là các việc ký kết Hiệp định của anh Nguyễn Mạnh Cẩm tối 23/10/1991.

Sáng 22/10/1991, Đài RFI⁸⁵ (Pháp) đã xin gặp tôi và đặt câu hỏi: Ông tới Pa-ri với tư cách đại diện của Việt Nam tham dự Hội nghị hoà bình về Campuchia, và hôm qua ông đã tham gia thông qua văn bản cuối cùng của Hiệp định hoà bình. Trước hết xin ông cho biết cảm tưởng về việc ký kết văn bản này, khi mà sau mười mấy năm chiến tranh ác liệt, nay

⁸⁵ Radio France Internationale

ở Campuchia đã có hoà bình thực sự? Câu trả lời của tôi lúc đó là: “Cảm tưởng của tôi đối với việc một hai ngày nữa sẽ ký kết Hiệp định hoà bình về Campuchia là cảm tưởng của một người sau nhiều ngày luôn rùng leo núi đã tới được quãng đường rộng rãi thành thoi, và cũng là cảm tưởng của một người qua nhiều ngày đi trên sa mạc sắp đến trạm nghỉ. Tất nhiên đây không phải là trạm nghỉ cuối cùng, mà là nghỉ để tiếp tục một chặng đường mới với những thử thách mới, nhưng chắc chắn có nhiều điều hứa hẹn tốt đẹp hơn”.

KẾT THÚC MỘT CHẶNG ĐƯỜNG NHƯNG LỊCH SỬ CHƯA SANG TRĂNG

Sau 12 năm ròng rã, đối với chúng ta, vấn đề Campuchia coi như đã kết thúc và đã trở thành một hồ sơ của bộ phận lưu trữ trong Bộ Ngoại Giao Việt Nam. Nhưng những bài học của 12 năm ấy vẫn còn đó, vẫn còn có nhiều tính chất thời sự, nhất là bài học về chính sách và thái độ cư xử với các nước lớn.

Tiếp sau việc vấn đề Campuchia được giải quyết là việc thực hiện bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Theo thỏa thuận giữa hai bên, ngày 5.11.1991, tổng bí thư Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt đã có cuộc đi thăm chính thức nước CHND Trung Hoa, đánh dấu sự bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. “Quan hệ Việt-Trung tuân thủ các nguyên tắc

tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau... Quan hệ Việt-Trung không phải là quan hệ đồng minh, không trở lại quan hệ những năm 50-60...”

Tuy nhiên sau khi bình thường hoá quan hệ, lại dồn dập diễn ra những sự kiện xấu trên nhiều mặt quan hệ giữa hai nước, tập trung gay gắt nhất là các vấn đề liên quan đến lãnh thổ trên bộ vùng biên giới (Hà Giang tháng 2, 3, 4/92; vụ nổ lại đường xe lửa Liên vận ở Đồng Đăng, Lạng Sơn tháng 12/91, 4, 5/92; Lục Lâm, Quảng Ninh tháng 5/92) và tranh chấp biển đảo mà đỉnh cao là vụ Trung Quốc công khai hoá việc ký kết hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí với Công ty Năng lượng Mỹ Crestone tại một vùng rộng lớn trên thềm lục địa của Việt Nam (bãi Tư Chính).

Vì sao Trung Quốc tăng cường lấn ép ta vào thời điểm này? Vì Trung Quốc cho rằng tình hình lúc đó đang thuận lợi cho họ tranh thủ gấp rút thực hiện yêu cầu tăng thế và lực (xây dựng hải quân nhanh, nổ thử bom 1000-kilotons, thi hành chiến lược “biên giới mềm”) nhằm tạo cho mình một vị thế đồ bất lợi so với Mỹ và các nước lớn khác, trong đó có ý đồ gấp rút biến biển Nam Trung Hoa thành vùng biển độc chiếm của Trung Quốc, từ đó khống chế toàn bộ vùng Đông Nam Á:

1. Trật tự thế giới cũ không còn, trật tự thế giới mới chưa hình thành. Các đối thủ chính của Trung Quốc ở Châu Á-Thái Bình Dương đều đang gặp khó khăn. Liên Xô vừa tan rã, Liên bang Nga trước mắt chưa phải là thách thức đáng kể. Mỹ đang giảm bớt sự có mặt về quân sự ở Châu Á-Thái Bình Dương tránh can thiệp nếu lợi ích của Mỹ và đồng minh không bị đụng đến.
2. Đông Nam Á mới bắt đầu quá trình nối lại các quan hệ giao lưu giữa hai nhóm nước đối đầu cũ. Triển vọng liên kết hay nhất thể hoá Đông Nam Á, bất lợi đối với ý đồ bá quyền của Trung Quốc, đang còn có những trở ngại (nghi ngờ nhau do khác ý thức hệ, va chạm lợi ích, ý đồ của Thái Lan đối với Lào, Campuchia) đòi hỏi thời gian khắc phục. Trung Quốc muốn tranh thủ thời gian này để can phá xu thế hợp tác khu vực giữa Đông Dương chủ yếu là Việt Nam, và ASEAN, tạo ra một tập hợp lực lượng thân Trung Quốc ở Đông Nam Á (quân phiệt Thái, quân phiệt Myanmar, Khơ-me đỏ ở CPC và Lào nếu có thể) để khuất phục Việt Nam.
3. Bản thân Việt Nam còn đang lúng túng về những vấn đề chiến lược (vấn đề

đồng minh, vấn đề tập hợp lực lượng, vấn đề bạn-thù) trong tình hình mới sau khi Liên Xô tan rã, quan hệ với Mỹ chưa bình thường hóa, Trung Quốc muốn đi vào bình thường hoá quan hệ với Việt Nam trên thế mạnh.

Vì vậy Trung Quốc nhấn nha trong các bước bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, vừa tạo bề ngoài thân mật gần bó Trung-Việt, vừa siết chặt bên trong, giành lợi thế cho mình trên mọi lĩnh vực quan hệ. Cả hai mặt đều nhằm mục tiêu khẳng định Việt Nam-Đông Dương là thuộc khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc, muốn tách Việt Nam khỏi Đông Nam Á và thế giới bên ngoài.

Ngày 29/11/1993, tại cuộc họp Trung ương thứ 6 khoá VII để nhận định tình hình và bàn về phương hướng tới, dự tính trước việc tôi sẽ xin rút khỏi Trung ương, tôi đã tranh thủ nói rõ quan điểm của tôi trước phiên họp toàn thể Trung ương dưới dạng trình bày những suy nghĩ của mình về “Thời cơ và Thách thức”. Tôi cho rằng cục diện mới lúc này có mặt thuận lợi là làm nảy sinh những xu thế phù hợp với yêu cầu mở cửa, hoà nhập vào đời sống kinh tế-chính trị quốc tế của ta, đang tạo nên thời cơ thực hiện mục tiêu hoà bình và phát triển của nước ta. Đó là:

1. xu thế độc lập tự chủ, tự lực tự cường của những nước nhỏ và vừa, có ý thức về lợi ích dân tộc của mình, củng lại chính trị cường quyền áp đặt của nước lớn.
2. xu thế đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, tăng cường ngoại giao đa phương do nhu cầu đẩy mạnh giao lưu kinh tế và an ninh tập thể.
3. xu thế giữ hoà bình ổn định thế giới và khu vực nhằm đảm bảo môi trường quốc tế thuận lợi cho tập trung phát triển kinh tế.
4. xu thế liên kết khu vực kinh tế và an ninh khu vực.

Đồng thời, cũng có những thách thức lớn đối với an ninh và phát triển của ta, cả từ bên trong lẫn từ bên ngoài:

- a) thách thức bên trong là tệ nạn tham ô và những nhiễu đang hủy hoại sức đề kháng vật chất cũng như tinh thần của dân tộc ta, làm giảm hẳn khả năng chống đỡ của ta đối với các thách thức bên ngoài
- b) diễn biến hoà bình—một dạng biểu hiện của mâu thuẫn Đông-Tây sau chiến tranh lạnh.
- c) Bá quyền bành trướng. Nguy hiểm không kém diễn biến hoà bình, ở sát

nách ta, thể hiện lúc mềm lúc cứng dễ gây mơ hồ mất cảnh giác (điểm này trong hội nghị hầu như không có ý kiến nào đề cập tới vì ngại đụng TQ, tuy là nói trong nội bộ).

- d) Tình hình Campuchia còn đầy bất trắc với Khơ-me đỏ, cộng với chủ nghĩa dân tộc cực đoan của người Campuchia.

Trên cơ sở nhận định về thời cơ và nguy cơ như vậy, tôi đã đưa ra kiến nghị:

1. Cần nhìn tổng thể tình hình khách quan và chủ quan, đối chiếu các thách thức với khả năng các mặt của ta để chọn cách xử lý sát thực tế, vừa sức.
2. Trước hết xử lý thách thức nào trong tầm tay của ta, tập trung chống tham nhũng để bảo tồn và tăng cường sức đề kháng phòng ngừa thách thức bên ngoài.
3. Ưu tiên cho liên kết khu vực (Đông Nam Á). Liên kết không phải để đối đầu chống nước nào.
4. Đối với các nước lớn, hữu hảo không đối đầu nước nào, nhưng đều phải giữ khoảng cách nhất định.
5. Song song với việc kết bạn, không lơ là việc đấu tranh khi cần thiết. Song luôn luôn giữ giới hạn không gây nguy cơ mất ổn định khu vực.

6. Tránh không làm gì có thể dẫn hai hoặc ba đối thủ câu kết lại với nhau chống ta.
7. Những ý kiến trên đây có thể dùng làm đoạn kết cho phần hồi ức này của tôi, vì phản ánh đầy đủ quan điểm của tôi và cho đến nay (1999) xem ra nó chưa phải là đã lỗi thời. Trước đây ngày 14/6/1993, theo yêu cầu của Thường trực Bộ Chính trị, tôi đã viết và ngày 20/6/1991 đã gửi các đồng chí Thường trực BCT tài liệu “Những thách thức đối với an ninh và phát triển của ta. Một số kiến nghị đối sách” (xem phụ lục Hồi ức), thẳng thắn nêu ý kiến của mình về mấy vấn đề lớn: những thách thức, đe dọa đối với an ninh và phát triển của có thể xuất xứ từ đâu, dưới những dạng nào.

PHỤ LỤC

Những thách thức đối với an ninh và phát triển của ta — Một số kiến nghị đối sách

(Viết theo yêu cầu của Thường trực Bộ Chính trị và đã gửi các đồng chí Thường trực BCT ngày 20.6.1993)

Những biến đổi lớn trong chính trị thế giới những năm gần đây cũng như những biến đổi lớn của tình hình kinh tế thế giới và những tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật đã tác động tổng hợp vào sự hình thành cục diện chiến lược ngày nay với những xu thế mới ngày càng thể hiện rõ nét.

Bối cảnh chung này đã thúc đẩy tất cả các nước lớn nhỏ, đã phát triển hay đang phát triển phải điều chỉnh lại chiến lược, điều chỉnh

lại thứ tự ưu tiên các mục tiêu chiến lược của mình sao cho phù hợp đặc điểm tình hình thế giới mới và những xu thế chung hiện nay.

Một vấn đề lớn đặt ra cho mỗi nước là sớm xác định được những cơ hội và nhất là những thách thức trở ngại cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược của mình. Đối với ta, trong khi phấn đấu thực hiện mục tiêu chiến lược là sớm đưa đất nước “ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển với nhịp độ mới vào đầu thế kỷ 21” để bảo đảm hoà bình và ổn định chúng ta cần tìm ra được câu trả lời cho những vấn đề cấp bách là: hiện nay về mặt đối ngoại đất nước ta đang đứng trước những thách thức, đe dọa chủ yếu gì? có thể từ đâu đến và dưới dạng nào? Đây là mối đe dọa trực tiếp nhất, thúc bách nhất cần đối phó? Phương hướng xử lý, trong đó có vấn đề tập hợp lực lượng để đối phó với những đe dọa, thách thức đó sao cho phù hợp với khả năng còn rất hạn chế về mọi mặt của ta?

Những thách thức đe dọa an ninh và phát triển của ta có thể xuất xứ từ đâu và dưới những dạng nào?

Hơn 2 năm qua kể từ Đại hội Đảng lần thứ

7, trên cơ sở những thành tựu trong công cuộc Đổi mới trong nước, việc triển khai đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá quan hệ theo hướng “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”, chúng ta đã cải thiện một bước đáng kể vị trí nước ta trên quốc tế. Quan trọng nhất là ta đã phá được một bước quan trọng thế bị cô lập về chính trị trong môi trường quốc tế, thuận lợi hơn cho việc giữ vững hoà bình và đẩy mạnh phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, trong tình hình quan hệ đối ngoại của ta đã bị đảo lộn ghê gớm với sự tan rã của hệ thống các nước bạn bè ở Liên Xô và Đông Âu thì những kết quả này mới chỉ là bước đầu và chưa thật vững chắc. Về chính trị, ta chưa tạo được một hậu thuẫn quốc tế thay thế chừng nào cho những chỗ dựa truyền thống mà ta vừa mất đi. Về kinh tế, đất nước ta còn ở tình trạng lạc hậu về kinh tế, KHKT so với nhiều nước trong khu vực và chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng về kinh tế-xã hội. Ngày nay quan hệ giữa ta và các nước chủ yếu dựa trên cơ sở lợi ích tương đồng, trên từng mặt, từng vấn đề; hoàn toàn khác với phương thức tập hợp lực lượng truyền thống trước đây và đối với bất cứ đối tác nào cũng đều có hai mặt hợp tác và đấu tranh rất phức tạp. Trong khi

đó, những đe dọa thách thức đã và đang nảy sinh từ những phía khác nhau, trước mắt và trong tương lai gần.

Trên cơ sở dự báo chiến lược, những đối tượng chính trước mắt hoặc sau này có thể tạo nên những đe dọa thách thức chủ yếu đối với sự nghiệp an ninh và phát triển của ta là: Trung Quốc, Mỹ, Nhật và Thái Lan.

Sau đây là những dạng thách thức đe dọa mà mỗi đối tượng có thể gây ra đối với ta:

1. Trung Quốc: Sau hơn 1 năm bình thường hoá, quan hệ Việt-Trung có nhiều mặt được thúc đẩy như trao đổi đoàn qua lại, mở một số cửa khẩu, buôn bán biên giới... Song mặt tiêu cực và hạn chế đang nổi lên, nhiều hiệp định đã ký kết và nhiều thỏa thuận ở cấp cao chưa được thực hiện. Đặc biệt từ đầu năm 1993, TQ dùng nhiều biện pháp tổng hợp để tăng sức ép và tạo thêm nhiều khó khăn cho ta, gây tình hình không ổn định cho ta cả bên trong lẫn bên ngoài nhằm làm chậm đà phát triển kinh tế của ta và kìm hãm việc mở rộng quan hệ đối ngoại của ta trước hết là ở khu vực ĐNÁ và Châu Á-TBD. Những thách thức và đe dọa của Trung Quốc đối với ta đang được thể hiện ngày càng rõ nét dưới các dạng chính sau đây:

- a. Xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ta trên bộ và trên biển: trong khi trên bộ, TQ không có dấu hiệu nào muốn giải quyết các vấn đề tồn tại về biên giới, lại còn làm xấu thêm tình hình (xâm canh xâm cư, xây kè cống làm thay đổi dòng chảy các sông suối biên giới có lợi cho TQ, lấn sang phía ta) thì trên biển TQ liên tiếp có những bước leo thang nghiêm trọng từ tranh chấp ngoài biển Đông, TQ đã từng bước ngày càng lấn sâu vào thềm lục địa, ngay trong khu vực ta đã phân lô ký kết với các công ty nước ngoài và đang thăm dò khai thác dầu khí (đầu tháng 5/93 TQ cho tàu “FENDOU 4” vào thăm dò địa chấn ở khu vực lô 6 nằm sâu trong thềm lục địa của ta) bộc lộ ý đồ biến một số khu vực trong thềm lục địa của ta thành vùng tranh chấp, đang chuẩn bị dư luận để đưa đảo Bạch Long Vĩ vào diện tranh chấp.
- b. Phá môi trường quốc tế hòa bình ổn định của VN với những hoạt động: ở CPC, thông qua Khơ-me đỏ khuấy động vấn đề người VN ở

CPC đồng thời làm cho tình hình CPC khó đi vào ổ định; lôi kéo 3 nước (Thái, Miến, Lào) thành một cụm liên kết kinh tế ở ĐNÁ lục địa thượng lưu sông Mê Kông gần với TQ, tách rời VN, khủng hoảng biển Đông kéo dài cũng có tác động phá môi trường phát triển của VN.

- c. Gây mất ổn định chính trị, kinh tế bên trong VN: nêu trở lại “vấn đề người Hoa”, đẩy số người Hoa đã bỏ về TQ từ những năm 78, 79 trở lại VN; thông qua Khơ-me đỏ dồn đuổi Việt kiều ở CPC về nước; gây sức ép với Hồng Kông đưa toàn bộ số thuyền nhân ở đó về VN trước năm 1997; để hàng lậu từ TQ tuồn vào VN qua con đường tiểu ngạch bán hàng vào VN với giá rất rẻ gây rối loạn thị trường, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất ở nước ta.
- d. Kìm hãm phát triển kinh tế đối ngoại của VN: tiếp tục bắt giữ tàu thuyền của ta (số lượng nhiều hơn 1992: 28 chiếc); chống việc ICAO⁸⁶ trả lại vùng FIR Hồ Chí Minh cho VN.

⁸⁶ International Civil Aviation Organization (Tổ chức hàng không dân sự quốc tế)

2. Mỹ có thể thách thức đe dọa an ninh và phát triển của VN qua các dạng:

- a. Mỹ là nước lớn duy nhất hiện nay chưa bình thường hoá quan hệ với Việt Nam và còn tiếp tục chính sách cấm vận gây trở ngại cho các tổ chức quốc tế (Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới ...) và các nước khác trong việc viện trợ tài chính và hợp tác với ta phát triển kinh tế.
- b. Tiến hành diễn biến hoà bình: thông qua những cái gọi là đấu tranh cho tự do, dân chủ, nhân quyền ép ta đa nguyên, đa đảng; kích động các vấn đề tôn giáo, dân tộc thiểu số để gây tình hình phức tạp làm mất ổn định chống ta.
- c. Nuôi dưỡng những phần tử phản động hoặc thoái hoá biến chất còn lại ở VN và các lực lượng phản động người Việt đang ở nước ngoài khi có điều kiện thuận lợi thì gây bạo loạn, lật đổ như đã làm ở một số nước.

3. Nhật Bản trước mắt là một đối tượng hợp tác chính của ta để thực hiện yêu cầu phát triển nhanh kinh tế VN, song ta vẫn phải dự phòng về lâu dài những khả năng xấu từ phía Nhật:

- Trước hết là cùng với việc tăng cường đầu

tư viện trợ, Nhật sẽ từng bước thao túng kinh tế VN và đưa VN và cả ĐNÁ vào quỹ đạo Nhật Bản phục vụ cho tham vọng bá quyền khu vực và thế giới của Nhật Bản về kinh tế cũng như về chính trị.

- Mặt khác, cùng với tham vọng về chính trị và kinh tế được thực hiện từng bước, chủ nghĩa quân phiệt Nhật có thể được phục hồi nhằm trở thành 1 siêu cường toàn diện ở khu vực và trên thế giới. Nguy cơ này sẽ có hậu quả trực tiếp tới khu vực Đông Á trong đó có VN.

4. Thái Lan hiện là một bộ phận của ASEAN mà ta đang tích cực tranh thủ hợp tác cả về kinh tế lẫn chính trị. Nhưng chủ nghĩa “Đại Thái” xưa nay là nguy cơ truyền thống đối với an ninh và phát triển của VN, hiện vẫn tồn tại và đầy tham vọng.

Thái luôn coi VN là một đối thủ tiềm tàng về kinh tế cũng như về chính trị.

Vì vậy thách thức của Thái đối với ta có thể đến từ hai phía:

- Về kinh tế, Thái có lợi ích kiểm chế nhịp độ phát triển của VN (vấn đề Ủy ban Mê Kông, FIR⁸⁷ Hồ Chí Minh), đồng thời tận dụng được VN như một thị trường tiêu thụ hàng Thái và một nguồn cung cấp nguyên liệu (lâm sản, hải sản, khoáng sản).

⁸⁷ HCM Flight information regions (Phía Nam đảo Hải Nam)

- Về chính trị, quân sự Thái có lợi ích biển Lào và CPC từ những đồng minh của VN thành vùng chịu ảnh hưởng Thái nhiều hơn. Đồng thời Thái vẫn có thể cung cấp căn cứ địa cho các lực lượng phản động VN thâm nhập phá hoại nội địa ta.

Nguy cơ lớn nhất và thúc bách nhất đe dọa an ninh và phát triển của ta là từ đâu?

Trong 4 đối tượng có thể tạo nên nguy cơ đe dọa ta, có những nước lớn cỡ toàn cầu hoặc khu vực như Mỹ, TQ, Nhật; riêng Thái Lan là nước ngang tầm với ta nên mức độ thách thức đối với ta không so được với các nước lớn. Trong các dạng thách thức khác nhau của cả 4 đối tượng, có nhiều điều mới trên cơ sở giả định hoặc dự phòng để cảnh giác, song có những điều đang là hiện thực, đang là những vấn đề thực tế và thúc bách đặt ra trước mắt ta. Vì vậy với khả năng rất hạn hẹp về mọi mặt của ta, ta cần phân biệt rõ đâu là nguy cơ lớn nhất trực tiếp đe dọa những lợi ích sống còn của dân tộc VN để tập trung trí lực và vận dụng cao độ sách lược đối ngoại đối phó lại. Trước hết chắc chắn đó không phải là Nhật hay Thái Lan. Đó chỉ có thể là Mỹ hay TQ .

1. Chiến lược của Mỹ và ý đồ của Mỹ đối với VN:

Sau sự tan rã của LX và sự kết thúc chiến tranh lạnh, Mỹ gặp phải nhiều thách thức hơn

là cơ hội. Thách thức bởi những vấn đề kinh tế-xã hội cấp bách trong nước, thách thức bởi những đối thủ vốn là đồng minh cũ của Mỹ trong chiến tranh lạnh như Nhật, EC. Vì vậy mục tiêu chiến lược của Mỹ phải điều chỉnh lại một cách thực tế và khiêm tốn hơn: cố gắng duy trì vị trí số một trên thế giới và ở Châu Á-TBD, hiện đang trở thành vũ đài chính của thế giới. Trước thách thức ngày càng lớn của các trung tâm kinh tế phương Tây, việc xoá CNXH ở Châu Á chưa phải là ưu tiên hàng đầu của Mỹ hiện nay.

Khoảng cách về so sánh lực lượng giữa Mỹ và các cường quốc khác không còn quá lớn như trước để thực hiện được mục tiêu chiến lược, phương hướng của Mỹ chủ yếu là tạo một cân bằng lực lượng giữa các đối thủ có tiềm năng đe dọa vị trí số một thế giới của Mỹ, dùng đối thủ này kiềm chế đối thủ kia, thông qua hợp tác để kiềm chế các đối thủ, tăng cường vai trò các thể chế quốc tế (như LHQ) trong việc xử lý các xung đột khu vực, tạo thành một thể ổn định chung có lợi cho Mỹ.

Mỹ đang cô lập nên trật tự khu vực mới trên cơ sở tam giác chiến lược mới Mỹ-Nhật-Trung thay cho tam giác Mỹ-Xô-Trung ngày trước, trong đó Mỹ vừa tranh thủ và hợp tác với TQ mà chủ yếu là với Nhật, vừa cảnh giác kiềm chế cả hai, chủ yếu là TQ.

Riêng với TQ, Mỹ rất coi trọng vai trò của đất nước có hơn 1 tỷ dân này trong kế hoạch tạo lập một trật tự quốc tế mới. Mỹ cần thúc đẩy và tranh thủ sự hợp tác của TQ trong nhiều vấn đề nhất là trong việc xử lý các cuộc xung đột khu vực .

Mỹ không thể khuyến khích hoặc làm ngơ để TQ tự do bành trướng xuống ĐNÁ. Trong chiến lược Châu Á-TBD của Mỹ, chính quyền Clinton đã tỏ ra coi trọng vai trò ĐNÁ hơn trước. Có thể vì đây là một vùng khá năng động về phát triển kinh tế, đồng thời lại có một cơ chế tiểu khu vực có sức sống và gắn bó với lợi ích kinh tế của Mỹ. Song mặt khác vì đây là hướng bùng ra của TQ trong ý đồ lấp “khoảng trống quyền lực” sau khi LX tan rã và Mỹ thu bớt sự có mặt quân sự ở ĐNÁ. Lợi ích của Mỹ là tạo ra được ở đây một ĐNÁ ổn định và đủ mạnh để cản bước TQ trong chiến lược “biên giới mềm” và “mở rộng không gian sinh tồn”. Ý đồ của Mỹ là từng bước thúc đẩy việc mở rộng ASEAN thành một tổ chức chung cho cả 10 nước

ĐNÁ, có khả năng trở thành một đối trọng đáng kể đối với TQ bảo đảm ổn định khu vực. Trong kế hoạch tạo lập một cơ chế an ninh khu vực của Châu Á-TBD, Mỹ, Nhật và phương Tây nói chung đều đã lấy ASEAN làm cốt lõi về tổ chức. Hội nghị thường niên giữa

ASEAN và 6 nước đối tác đang trở thành diễn đàn trao đổi về an ninh khu vực Châu Á-TBD. Nga cũng tỏ thái độ ủng hộ phương hướng này. Riêng TQ không mặn mà.

Vậy có khả năng Mỹ đồng tình hay câu kết với TQ chống VN không? Trước đây Mỹ và TQ hợp lực chống VN trong vấn đề CPC là vì cả 2 cùng có yêu cầu chung là đánh vào LX và xoá bỏ ảnh hưởng của LX ở ĐNÁ. Nay LX đã sụp đổ, thể chiến lược ở Châu Á-TBD đã thay đổi, nếu Mỹ lại đi với TQ chống VN thì chẳng khác gì là đẩy VN vào tình thế hoặc chủ động liên minh với TQ hoặc phải khuất phục trước sức mạnh của TQ, từ đó tạo điều kiện cho TQ từng bước khống chế cả ĐNÁ một cách dễ dàng và nhanh chóng trở thành một trong những đối thủ đe dọa vị trí số 1 của Mỹ trên toàn cầu. Điều này hoàn toàn ngược lại mục tiêu chiến lược của Mỹ.

Mặt khác, một nước VN đổi mới, độc lập với Nga, TQ, cũng như không chịu sự chi phối của Nhật, cải thiện quan hệ và hoà nhập với các đồng minh của Mỹ ở ĐNÁ là phù hợp với lợi ích của Mỹ về hoà bình, ổn định, nhằm duy trì ảnh hưởng của Mỹ và hạn chế các thách thức nổi lên đối với vị trí của Mỹ ở khu vực. VN tuy không có một vị trí quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, nhưng VN vẫn là một nhân tố mà Mỹ không thể không tính đến

trong chiến lược của Mỹ ở Châu Á-TBD và ĐNÁ. Hơn nữa về kinh tế Mỹ có lợi ích tranh thủ thị trường và nguồn nguyên liệu của VN. Mỹ không muốn vắng mặt trong khi các đối thủ của Mỹ đi mạnh vào thị trường VN.

Bên cạnh những lợi ích có phần nào trùng hợp với ta như trên, mặt tiêu cực trong chính sách của Mỹ đối với ta không nhỏ. Mỹ không thể từ bỏ ý đồ diễn biến hoà bình với ta. Tuy nhiên Mỹ có làm được hay không chủ yếu còn tùy thuộc vào khả năng giữ vững ổn định chính trị trong nước của ta, tức là tùy thuộc vào bản lĩnh chính trị của Đảng ta và sự vững vàng cảnh giác của cán bộ và nhân dân ta và sự gắn bó giữa dân với Đảng. Ở đây nhân tố vững mạnh bên trong có ý nghĩa quyết định. Thắng lợi của công cuộc Đổi mới, sự ổn định về kinh tế-xã hội ở nước ta và việc không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng trong quá trình đa dạng hoá và mở rộng quan hệ quốc tế sẽ là đảm bảo tốt nhất hạn chế tác động của mọi thủ đoạn diễn biến hoà bình. Mặt khác cũng phải thấy rõ không phải Mỹ tập trung chống phá VN với bất cứ giá nào vì Mỹ có những ưu tiên chiến lược lớn hơn và hơn nữa hiện nay Mỹ là đang có những lợi ích trùng hợp với ta ở khu vực mà ta có thể tranh thủ lợi dụng để phục vụ hữu hiệu cho mục tiêu chiến lược của ta.

2. Chiến lược của TQ và ý đồ TQ đối với VN:

Trái với Mỹ, TQ thấy ở những biến đổi lớn trong cục diện thế giới ngày nay, một “cơ hội ngàn năm có một”. Đối với TQ cơ hội đang tăng lên, còn thách thức giảm đi. Trong khi Mỹ cảm thấy cần co bớt lại để củng cố và phòng ngự là chính thì TQ nuôi tham vọng lớn là muốn vươn lên trở thành 1 cực trong trật tự thế giới đa cực mới. Trong khi hiện đại hoá trên 4 mặt vẫn là cứu cánh chính để thực hiện mục tiêu đó, TQ không ngừng tranh thủ mọi cơ hội có được để thực hiện kế hoạch bành trướng, gây mất ổn định cho nước khác hoặc lợi dụng tình trạng mất ổn định của nước khác (CPC, Myanmar) để mưu lợi cho mình. Do hiện nay thế cũng như lực chưa đủ mạnh, nên họ thực hiện ý đồ một cách tính toán thận trọng tùy theo diễn biến của tình hình khu vực, phản ứng của các đối thủ và thực lực của chính họ.

Trước mắt TQ đang ra sức thực hiện ý đồ nhanh chóng trở thành 1 cường quốc ở Châu Á-TBD, có địa vị ngang hàng với Mỹ, Nhật ở khu vực này. TQ đặt mục tiêu lấn chiếm toàn bộ biển Đông ở vị trí ưu tiên hàng đầu. TQ coi trọng vị trí chiến lược của biển Đông vì kiểm soát được biển Đông tức là khống chế được cả ĐNÁ và cả con đường giao lưu huyết mạch từ

Thái Bình Dương qua Ấn Độ Dương, và cũng là khu vực giàu tài nguyên nhất là dầu

khí (trữ lượng dầu ở khu vực này ngang Vịnh Ba Tư⁸⁸) mà TQ đang cần để đẩy nhanh tốc độ phát triển.

Đáng chú ý là trong khi TQ mở một chiến dịch hoạt động ngoại giao rộng lớn nhằm tranh thủ tăng cường quan hệ hợp tác phát triển với tất cả các nước công nghiệp hoá phương Tây, tranh thủ các nước đang phát triển và không liên kết hòng khôi phục vai trò lãnh đạo thế giới thứ ba, cải thiện quan hệ với các nước láng giềng cùng chung biên giới, đặc biệt là gần đây tăng cường lôi kéo các nước khu vực ĐNA để phá thế “quần lang đấu hổ”, thì TQ luôn tập trung mũi nhọn gây sức ép và lấn dần VN trên mọi vấn đề, mặc dù ta đã dùng đủ phương sách để tỏ thái độ cầu hoà và hữu hảo với họ. Phải chăng vì TQ cho rằng VN là điểm yếu và dễ tính để lấn nhất lúc này (khó về quân sự, nghèo về kinh tế, đơn độc về chính trị) mà lại chiếm một vị trí chiến lược quan trọng ở ĐNA và là trở ngại lớn nhất cho kế hoạch biển Đông của TQ.

Những hoạt động bất lợi đối với VN của TQ sẽ không dừng lại ở trạng thái hiện nay mà sẽ còn được tiếp tục đẩy tới vì TQ cho rằng tình thế hiện tại đang rất thuận lợi cho việc TQ lấn ép VN mà chỉ gặp phải phản ứng quốc tế ở mức thấp nhất vì Mỹ chưa bỏ cấm vận VN;

⁸⁸ Persian gulf giữa Saudi Arabia, United Emirates và Iran

quan hệ hợp tác, đầu tư giữa các nước và VN còn chưa phát triển; vấn đề CPC đang còn thu hút nhiều sự chú ý của dư luận quốc tế; cơ chế an ninh khu vực Châu Á-TBD chưa hình thành. TQ đặt năm 1997 thành một mốc thời gian quan trọng trong quá trình xây dựng sức mạnh mọi mặt của TQ: năm 1997 là năm TQ thu hồi Hồng Kông và cũng có thể là năm thực hiện một bước kế hoạch hình thành “vành đai kinh tế Đại Trung Hoa” bao quanh ĐNÁ; năm 1997 là năm quân đội TQ sẽ được trang bị hàng không mẫu hạm và các trang bị tối tân khác, đặc biệt về hải không quân để có thể vươn ra khắp biển Đông; có tin TQ đang cố rút ngắn mục tiêu của năm 2000 xuống năm 1997 sẽ tăng tổng sản phẩm quốc dân lên gấp 4 lần. Sức ép của TQ đối với ta sẽ phát triển thuận chiều với sự phát triển các mặt của TQ.

3. Những phân tích tình hình trên đây có thể dẫn đến kết luận:

Trước mắt cũng như trong tương lai dư báo được, TQ là nguồn xuất xứ chính của những thách thức đe dọa đối với chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cũng như đối với an ninh và phát triển của VN. Những thách thức đe dọa trên nhiều mặt của TQ đối với ta đều đang là những vấn đề hiện thực, đang xảy ra và ta đang phải xử lý, khác với những thách thức đe dọa của các đối tượng khác, kể cả Mỹ, có phần

nào còn là giả định và dự phòng. Nhưng mâu thuẫn và lợi ích trên các mặt giữa ta với TQ có nhiều hơn đối với các đối tượng khác.

Kiến nghị đối sách

1. Xét về so sánh lực lượng giữa Việt Nam và Trung Quốc, Việt Nam là nước nhỏ so với TQ là nước lớn, trọng lượng và ảnh hưởng chính trị rộng lớn hơn ta nhiều đẩy mạnh phát triển kinh tế, để cải thiện thể chính trị của ta trong cuộc đấu tranh nhằm giải quyết các vấn đề tranh chấp với TQ để bảo vệ lợi ích chính đáng của ta.

Vì bên cạnh những chỗ mạnh so với ta, trên mặt trận đối ngoại TQ có những điểm yếu cơ bản mà ta có thể và cần biết cách khai thác để hạn chế TQ trong chính sách lấn ép ta trên nhiều mặt. Những điểm yếu đó là:

a) Để thực hiện ưu tiên tối cao là đẩy nhanh hiện đại, TQ cần Mỹ hơn là Mỹ cần TQ. Do đó tuy giữa Mỹ-TQ có đấu tranh và thoả hiệp, nhưng rõ ràng TQ ngại phản ứng của Mỹ, không dám thách thức Mỹ trong khi thế và lực của TQ còn có hạn. Thế giới cũng như các nước khu vực đều coi Mỹ là đối trọng có hiệu quả nhất trong việc kiềm chế TQ. Cũng vì thế TQ rất không muốn Mỹ cải thiện quan hệ và đi tới bình thường hoá quan hệ với VN.

b) Trong lúc chưa xây dựng được lực lượng kinh tế cũng như quân sự đủ mạnh,

TQ rất ngại các khu vực ĐNÁ-đối tượng bành trướng trước mặt của TQ-liên kết với nhau, đặc biệt là giữa ASEAN và VN, thành thể “quần lang đầu hổ” chống lại nguy cơ chung. Chính vì vậy mà TQ đang tìm mọi cách lôi kéo phân hoá ĐNÁ thành những mảnh riêng biệt, thậm chí có thể chống đối nhau.

c) Trước xu thế mạnh mẽ của chung trên thế giới và trong khu vực muốn có ổn định để tập trung ganh đua phát triển kinh tế, TQ rất ngại bị du luận quốc tế, trước hết là du luận khu vực, coi là “nhân tố gây mất ổn định” ở Châu Á-TBD và thế giới . Cuộc vận động của Mỹ, Nhật, nhất là ASEAN, nhằm từng bước thúc đẩy việc hình thành một diễn đàn và tiến tới một cơ chế về an ninh tập thể khu vực Châu Á-TBD hiện nay chính là nhằm kiểm chế TQ.

2. Để có thể tận dụng những điểm yếu của TQ vào việc cải thiện thể chính trị trong cuộc đấu tranh không cân sức này, ta nhất thiết cần phải chọn lựa và hình thành một chiến lược đối ngoại hết sức linh hoạt phù hợp với chiều hướng diễn biến chung của chính trị và kinh tế thế giới, thích ứng với những đặc điểm lớn của cục diện quốc tế hiện đại. Cuộc đấu tranh chống lại những thách thức đe dọa của đối tượng đặc biệt này là một nhiệm vụ hết sức thúc bách, đòi hỏi những biện pháp

tổng hợp song diễn ra trên mặt trận ngoại giao là chính.

Với sự kết thúc trạng thái thế giới phân thành 2 cực đối đầu nhau, do tính tùy thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa các nước trên toàn cầu và trong mỗi khu vực, việc không ngừng mở rộng quan hệ quốc tế theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá để hoà nhập vào đời sống chung của cộng đồng quốc tế là rất quan trọng cả về chính trị lẫn kinh tế. Đồng thời trong bối cảnh quốc tế hiện nay, an ninh của một nước tùy thuộc rất lớn và trước hết vào mối quan hệ quốc tế và khu vực của ta vừa qua cho thấy việc xử lý tốt mối quan hệ với các nước lớn là cực kỳ quan trọng đối với lợi ích an ninh và phát triển của nước ta. Kinh nghiệm xương máu của dân tộc ta trong những thập kỷ qua cho thấy cần có chính sách quan hệ cân bằng giữa các nước lớn, và tuyệt đối không để bên ngoài hiểu là VN có ý đồ đi với nước lớn này chống nước nọ, gán lợi ích của ta với lợi ích an ninh và phát triển của các nước láng giềng trong khu vực để tạo cho nước ta một thế quốc tế thuận lợi hơn.

3. Những trọng điểm trong chiến lược đối ngoại của ta phải là các nước lớn trong tam giác chiến lược Châu Á- TBD và khối các nước ASEAN, những nhân tố có khả năng tác động nhiều tới TQ.

a) Với Mỹ:

Quan hệ với Mỹ là một bộ phận quan trọng chính sách đa dạng hoá quan hệ đối ngoại của ta. Hiện nay Mỹ là nhân tố duy nhất có khả năng làm đối trọng và kiểm chế TQ, do đó ta cần kiên trì và quyết tâm kéo Mỹ đi vào bình thường hoá quan hệ. Kéo Mỹ vào để Mỹ có lợi ích trực tiếp ở VN, nhất là lợi ích trong lĩnh vực dầu khí ngoài khơi VN, khiến Mỹ không thể làm ngơ trước tình hình “bất ổn định” do TQ khiêu khích, xâm lấn gây ra. Một nhà nghiên

cứu Mỹ về Châu Á đã đánh giá “một dàn khoan của Công ty Mobil Oil (Mỹ) ở biển Đông có giá trị ngang với cả một Hạm đội 7”.

Thúc đẩy bình thường hoá quan hệ với Mỹ trước hết là việc bỏ cấm vận có ý nghĩa rất quan trọng đối với yêu cầu an ninh, ổn định và phát triển kinh tế của ta, giúp ta cải thiện với các đối tượng khác và tạo thêm điều kiện thuận lợi cho ta đối phó với các thách thức hiện nay. Triển khai mạnh mẽ quan hệ với Mỹ cũng như với các đối tượng khác không phải để tạo một tập hợp lực lượng chống TQ vì điều đó trái với phương châm đối ngoại “làm bạn với tất cả” của ta, cũng không phù hợp với các tính toán chiến lược của Mỹ cũng như của các nước khác.

Việc ta xin giữ hoà khí với TQ vừa có quan

hệ bình thường với Mỹ và thúc đẩy quan hệ với Nhật, phương Tây và ASEAN và các nước khác sẽ tạo ra cho ta thế mạnh trong quan hệ cân bằng với các đối tượng.

Trong tình hình hiện nay việc hợp tác giải quyết tốt vấn đề POW/MIA là khâu thiết yếu để tháo gỡ trở ngại cho quan hệ Việt-Mỹ. Đồng thời đẩy mạnh công tác vận động trong nội bộ Mỹ (lobby) với khẩu hiệu có tính sách lược để tranh thủ dư luận Mỹ thúc đẩy Mỹ sớm bỏ cấm vận, thu hút các công ty Mỹ vào làm ăn ở VN vừa tạo áp lực vừa tạo điều kiện cho chính quyền Mỹ đi vào bình thường hoá với ta sớm nhất. Mặt khác ta cần quan tâm có chủ trương, chính sách và biện pháp thích đáng để vô hiệu hoá ý đồ của Mỹ và các nước phương Tây dùng vấn đề “dân chủ, nhân quyền” để gây sức ép với ta.

Song song với các bước cải thiện quan hệ VN và Mỹ, cần kết hợp mở rộng đường lối “hoà hợp dân tộc” bằng những chính sách cụ thể đối với Việt kiều ở Mỹ và các nước khác nhằm chuyển họ thành những lực lượng mạnh mẽ hỗ trợ cho công cuộc hiện đại hoá nền kinh tế và KHKT⁸⁹ của nước nhà. Việc làm này tất nhiên sẽ tác động trở lại đối với việc tăng cường quan hệ hợp tác của ta với Mỹ và các nước có người Việt sinh sống.

⁸⁹ Khoa học kỹ thuật

b) Với ASEAN:

ASEAN hiện được coi là tổ chức khu vực có sức sống mạnh nhất mà các nước lớn, trong đó có TQ, phải tính đến trong chính sách Châu Á-TBD của họ. Giữa ta và các nước ASEAN có nguyện vọng chung là hoà bình, ổn định và phát triển, đồng thời cùng phải lo đối phó với thách thức bên ngoài, từ TQ và Nhật Bản. Tăng cường hợp các khu vực vừa phù hợp với xu thế hiện nay vừa tạo thế cho ta trong quan hệ với các nước lớn ngoài khu vực, nhất là TQ. Để thúc đẩy quan hệ này, ngoài việc tăng cường quan hệ song phương bằng các biện pháp xây dựng lòng tin, cần sớm gạt những tồn tại trong quan hệ tay đôi giữa ta và một số nước ASEAN qua việc hợp tác giải quyết vấn đề vùng chống lẩn với Indônêxia, Malaysia, Thái Lan..., cần có các bước đi mạnh mẽ tham gia các cơ chế hợp tác khu vực vì an ninh và phát triển phù hợp với khả năng và lợi ích của ta; đặc biệt là cần tích cực tham gia quá trình trao đổi về cơ cấu an ninh khu vực và sớm tham gia ASEAN. Nói chung, ta cần tích cực chủ động tăng cường các điểm đồng giữa ta và các nước ASEAN, xử lý khéo léo những khác biệt.

c) Với các nước và các đối tượng khác, đặc biệt là với Nhật Bản, Nga, Cộng đồng Châu Âu...

Ta cần tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác về nhiều mặt nhằm tận dụng tối đa khả năng hợp tác kinh tế, KHKT, kinh nghiệm quản lý của các nước này cho các công cuộc phát triển đất nước và qua đó góp phần tạo thế cân bằng lực lượng có lợi ích cho ta ở khu vực, tranh thủ tập hợp dư luận rộng rãi hỗ trợ cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của ta, tạo nên một mạng lưới lợi ích kinh tế-chính trị che chắn thêm cho ta trước mưu đồ xâm lấn của TQ.

d) Với TQ:

- Bình thường hoá với TQ là một yêu cầu chiến lược của ta. Do TQ thi hành chính sách 2 mặt nên đối sách của ta cũng gồm 2 mặt vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa chủ động thúc đẩy quan hệ trên cơ sở những thoả thuận đã đạt được, vừa kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đồng thời giữ vững phương châm không để trở lại tình trạng đối đầu với TQ cũng như không đặt các nước trước sự lựa chọn hoặc VN hoặc TQ. Biện pháp tối ưu lúc này là chủ động tạo nên cục diện các nước lớn và ASEAN có lợi ích kinh tế, an ninh ngày càng lớn trong quan hệ với VN. Cục diện đó cộng với sự lớn mạnh càng nhanh càng tốt của bản thân chúng ta sẽ là sự răn đe có hiệu quả nhất đối với mọi hoạt động lấn chiếm của TQ.

- Kiên quyết đấu tranh hạn chế ý đồ lấn

chiếm của TQ ở biển Đông, đặc biệt ở vùng thêm lục địa của ta; áp dụng các biện pháp khôn khéo nhưng có hiệu quả ngăn chặn hoạt động của TQ mà không dẫn đến đối đầu về quân sự.

- Xúc tiến việc xác định phạm vi của quần đảo Trường Sa để xem xét khái niệm “khai thác chung”, phá ý đồ TQ lợi dụng vấn đề này chia rẽ phân hoá giữa ta và ASEAN.

- Chuẩn bị khả năng đưa ra toà án quốc tế hoặc trọng tài quốc tế vấn đề Trung Quốc vi phạm thêm lục địa của ta.

- Đến một lúc nào đó ta nên tính đến khả năng mở cảng Cam Ranh thành một thương cảng cho các tàu quốc tế ra vào, kể cả tàu Mỹ, tạo sự có mặt của nhiều quốc gia ở khu vực biển Đông, ngăn ý đồ độc chiếm của một nước. Song tất nhiên ta phải có chính sách và luật pháp chặt chẽ để bảo đảm chủ quyền và an ninh quốc gia.

Ngày 14 tháng 6 năm 1993.

Trần Quang Cơ

BẢNG NIÊN ĐẠI

1975

- 01.2 NS M. Mansfield báo cáo trước Quốc hội Mỹ sau khi đi thăm Trung Quốc về: TQ tán thành để 2 nước Việt Nam tiếp tục tồn tại. TQ cho rằng một nước Campuchia thống nhất, trung lập là điều chủ yếu trong một Đông Dương ổn định.
- 17.4 Giải phóng Nông Pênh.
- 30.4 Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Giải phóng Saigon.
- 04.5 Quân Polpot tấn công đảo Phú Quốc và từ đó liên tiếp tấn công biên giới trên bộ và trên biển của ta.

- 05.5 H. Kissinger: Với việc mất Việt Nam, sẽ có sự sắp xếp lại lực lượng quan trọng ở ĐNÁ, CPC và Lào sẽ là chư hầu của Hà Nội, còn Thái Lan và In đônêxia sẽ tự động liên minh với Việt Nam. Trung Quốc sẽ giữ không cho VN có bất kỳ hành động quyết liệt nào.
- ??.? Thông điệp miệng nhờ Liên Xô chuyển tới Mỹ tỏ ý muốn hai bên có quan hệ tốt.
- 12.6 Mỹ gửi đến Đại sứ quán ta tại Pa-ri thông điệp: “Về nguyên tắc, Mỹ không hận thù gì Việt Nam, đề nghị trên cơ sở đó tiến hành bất cứ quan hệ nào giữa hai bên. Mỹ sẵn sàng nghe bất cứ gợi ý nào do Việt Nam đưa ra”.
- 11.7 Thông điệp ta trả lời: nhắc Mỹ nghĩa vụ đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh.
- 10.7 và 5.9 Tiếp xúc giữa bí thư VN Đỗ Thanh và bí thư Mỹ Pratt ở Pa-ri .
- 27-29.7 Đoàn đại biểu Đảng Lao động VN do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn dẫn đầu đi thăm CPC.
- 09.8 Vụ Watergate-Nixon từ chức. Phó tổng thống G.Ford lên thay.
- 11.8 Tại Hội Đồng Bảo An, Mỹ phủ quyết Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc.

07.12 G. Ford công bố “học thuyết Thái Bình Dương mới” gồm 6 phương hướng chính: sức mạnh Mỹ đã cân bằng lực lượng ở Thái Bình Dương, liên minh với Nhật, bình thường hoá quan hệ với TQ, quan hệ mạnh với ASEAN, giải quyết xung đột khu vực, hợp tác kinh tế trong vùng.

21.12 Đoàn hạ nghị sĩ Mỹ do G. V. Montgomery vào Hà Nội nhận 3 bộ hài cốt giặc lái Mỹ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp đoàn.

tháng 12 H. Kissinger phát biểu ở Pa-ri sau khi đi thăm TQ: Mỹ đang tính toán việc sử dụng TQ để hạn chế ảnh hưởng của VN ở khu vực.

1976

10.1 Mỹ thông qua Liên Xô thăm dò việc tiếp xúc với ta, song khẳng định không thực hiện Đ.21.

26.3 H. Kissinger gửi công hàm cho bộ trưởng ngoại giao ta: Mỹ sẵn sàng thảo luận với VN để phát triển quan hệ mới giữa hai nước.

10.4 Bộ trưởng NG ta trả lời: nêu lại những vấn đề tồn tại giữa hai nước (Đ.21 và vấn đề MIA). Trên cơ sở giải quyết những vấn đề đó sẽ bình thường hoá quan hệ với Mỹ.

- 07.5 Tổng thống G. Ford bác kiến nghị của Quốc hội Mỹ yêu cầu tạm thời ngưng cấm vận buôn bán với VN trong 6 tháng.
08.5 Công hàm của ngoại trưởng Mỹ H. Kissinger gửi Ngoại trưởng Nguyễn Duy Trinh: sẵn sàng mở cuộc thảo luận về việc thiết lập mối quan hệ mới giữa hai nước, song chỉ khi nào vấn đề MIA được giải quyết về thực chất thì mới có tiến bộ đi tới bình thường hoá quan hệ.
- 19.6 Thông điệp của BNG ta phê phán Mỹ “đơn phương tuyên bố xoá bỏ Hiệp định”, lẫn tránh nghĩa vụ đối với Đ.21 đồng thời lại đòi VN thi hành Đ.8bⁱⁱⁱ của Hiệp định; nhắc lại lập trường ta gần 2 vấn đề với nhau. Bước đầu sẵn sàng gặp đại diện Mỹ ở Pa -ri để trao đổi ý kiến.
- 19.7 Mỹ gửi thông điệp trả lời đồng ý mở cuộc thảo luận tại Pa -ri giữa người thứ 2 của hai sứ quán.
- 01.8 Ta trao trả Mỹ tất cả 27 người Mỹ bị kẹt lại ở Nam VN sau ngày 30/4/1975
- 27.8 Thông điệp của ta gửi Mỹ: xác định người gặp (tham tán Trần Hoàn)

- và nơi gặp (luân phiên giữa hai sứ quán tại Pa - ri)
- tháng 11 Tổng tuyển cử Mỹ: Jimmy Carter (Dân chủ) trúng cử tổng thống.
- tháng 12 Đại hội VI với luận điểm “3 giòng thác cách mạng trong thế tiến công”.
- 1977**
- 06.1 Mỹ thông qua Liên Xô đưa ra kế hoạch 3 bước bình thường hoá quan hệ với VN: VN cho biết tin về MIA ở Mỹ; chấp nhận VN vào LHQ và sẵn sàng lập quan hệ ngoại giao cũng như bắt đầu buôn bán, cung cấp thiết bị và các hình thức hợp tác kinh tế khác.
- 11.1 Ngoại trưởng C. Vance:Việc tiến tới bình thường hoá quan hệ Mỹ-VN là phù hợp với lợi ích của hai nước.
- 03.3 Chính quyền J. Carter quyết định nới lỏng cấm vận với VN.
- 09.3 Mỹ cho phép công dân Mỹ đi thăm VN, CPC, Bắc Triều Tiên, Cuba, kể từ ngày 18.3.77
- 17.3 Uỷ ban của tổng thống Mỹ do Leonard Woodcock dẫn đầu sang thăm Việt Nam
- 30.4 Polpot bắt đầu chiến tranh biên giới chống ta.
- 3-4.5 Vòng 1 đàm phán VN-Mỹ tại Pa-ri về bình thường hoá quan hệ hai

nước: Mỹ đề nghị lập ngay quan hệ ở cấp đại sứ, trao đổi sứ quán có quan hệ lãnh sự; Mỹ không cản VN vào LHQ; Mỹ có khó khăn về mặt pháp luật nên không thực hiện Điều 21 được mà hứa sẽ thực hiện khi có quan hệ, bỏ cấm vận buôn bán và xét viện trợ nhân đạo.

2-3.6 Vòng 2 đàm phán VN-Mỹ tại Pa-ri, Mỹ nêu lại các đề nghị đã nói ở vòng 1.1920.12 Vòng 3 đàm phán VN-Mỹ tại Pa-ri, Mỹ đề nghị nếu hai bên chưa lập quan hệ ngoại giao đầy đủ thì có lập Phòng quyền lợi (Interest Section), nhưng như thế thì chưa bỏ cấm vận được. Song ta vẫn giữ lập trường “cả gói” 3 vấn đề: quan hệ ngoại giao, bồi thường, MIA.

tháng 12 *Liên Xô đưa quân vào Afghanistan đỉnh cao của quá trình LX bành trướng ra thế giới bên ngoài.*

1978

08.1 Z. Brezinski: Điều lý thú là đây là trường hợp đầu tiên của một cuộc chiến tranh qua tay người khác (proxy war) giữa Liên Xô và Trung Quốc. Việt Nam được Liên Xô ủng hộ và CPC được Trung Quốc ủng hộ.

- 05.5 Phó tổng thống Mỹ W. Mondale phát biểu khi đi thăm 5 nước ASEAN: Mỹ sẽ đẩy mạnh việc bình thường hoá quan hệ với TQ vì nó giữ thế ổn định khu vực. Chính sách của TQ ở Đông Nam Á về một số mặt là song hành với Mỹ. Mỹ đã đưa ra đề nghị hợp lý với Việt Nam và vẫn giữ lập trường thiết lập quan hệ mà không có điều kiện tiên quyết. Họ vẫn giữ lập trường là Mỹ trước hết phải cam kết viện trợ. Nhân dân, Quốc hội và chính quyền Mỹ không cho phép làm điều đó.
- 11.5 R. Oakley, trợ lý ngoại trưởng Mỹ: Việt Nam, với 59 triệu dân, là quốc gia cộng sản lớn thứ 3 trên thế giới và mạnh nhất về quân sự ở Đông Nam Á. Thái độ Việt Nam với các nước khác là quan trọng trong các thập niên tới. Quan hệ ngoại giao và sự có mặt của Mỹ ở Hà Nội có thể phục vụ lợi ích bạn bè Mỹ ở Châu Á cũng như lợi ích của Mỹ và Việt Nam.
- 19.5 Đặng Tiểu Bình tuyên bố: “Trung Quốc là NATO phương Đông”, “Việt Nam là Cuba phương Đông”.
- 29.6 Việt Nam tham gia khối COMECON.
- 05.7 Thủ trưởng ngoại giao Phan Hiền

- p>nói tại Tokyo: Việt Nam sẵn sàng binh thường hóa quan hệ với Mỹ không có điều kiện tiên quyết.
- 20.5 Brezinski cố vấn an ninh của tổng thống Mỹ, đi thăm Trung Quốc.
- 27.7 Nghị quyết T.U. 09 (khoá IV): “Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất”; Mỹ là kẻ thù cơ bản và lâu dài; quyết tâm đánh đổ chế độ diệt chủng Polpot.
- 21.8 Đoàn 7 hạ nghị sĩ Mỹ do G. V. Montgomery sang Việt Nam về vấn đề MIA.
- 22-27.9 Vòng 4 đàm phán VN-Mỹ (Nguyễn Cơ Thạch-R.Holbrooke) tại New York. Ta chấp nhận đề nghị của Mỹ đưa ra tháng 5/1977, tức là binh thường hoá quan hệ không điều kiện. Việc ta chuyển đổi lập trường quá muộn màng không đem lại kết quả. Holbrooke nói: Mỹ coi trọng Châu Á; lo sợ việc Liên Xô đặt căn cứ ở Cam Ranh.
- 03.11 Việt Nam và Liên Xô ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác.
- 30.11 R. Oakley gặp Trần Quang Cơ tại Nữu ước nói: Mỹ không thay đổi lập trường binh thường hoá quan hệ với Việt Nam, nhưng phải chậm

lại vì cần làm rõ 3 vấn đề CPC, hiệp ước Việt-Xô và vấn đề di tản người Việt Nam.

15.12
1 *Trung Quốc và Mỹ ra thông cáo chung chính thức công nhận nhau và thiết lập quan hệ ngoại giao từ ngày 1.1.1979.*

6.12 M. Mansfield, đại sứ Mỹ ở Nhật: chỉ sau khi những khó khăn giữa TQ và VN được giải quyết mới có lý do chính đáng để hy vọng giải quyết quan hệ ngoại giao Mỹ-VN.

1979

07.1 Ta giúp bạn đánh đuổi Polpot và giải phóng Nông Pênh.

11.1 Thành lập nước CHND CPC.

29.1-4.2 *Đặng Tiểu Bình đi thăm chính thức Mỹ. Hội đàm J. Carter-Đặng.*

16.2 Carter nêu 6 nguyên tắc xử sự khi TQ xâm lược VN: không can thiệp trực tiếp; khuyến khích các bên kiểm chế; VN rút quân khỏi CPC và TQ rút quân khỏi VN; xung đột không đe dọa lợi ích trước mắt của Mỹ; không vì VN xâm lược CPC mà đặt lại vấn đề bình thường hoá quan hệ với TQ; quyền lợi đồng minh của Mỹ không bị đe dọa.

17.2 Trung Quốc tấn công VN trên toàn

- tuyến biên giới phía Bắc nước ta.
“Dạy cho Việt Nam một bài học” (lời Đặng Tiểu Bình).
- 17.2 Bộ Ngoại giao Mỹ ra tuyên bố phản đối cả 2 cuộc xâm lược (VN vào CPC, TQ vào VN) và kêu gọi hai bên rút quân ngay.
- 18.2 Chính phủ Liên Xô ra tuyên bố phản đối Trung Quốc xâm lược Việt Nam.
- 18.2 Ký hiệp ước Hòa bình, Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam–CPC tại Nông Pênh.
- cuối tháng 12 *Đặng nói với các nhà báo ở Bắc Kinh: “Chúng tôi có thể dung thứ việc LX có ở VN 70% ảnh hưởng, miễn là 30% còn lại dành cho Trung Quốc”.*
- 05.3 Trung Quốc tuyên bố rút quân khỏi lãnh thổ Việt Nam.
- tháng 3 TQ tuyên bố huỷ Hiệp ước Hữu nghị, đồng minh tương trợ Trung–Xô ký 15.2.1950 giữa Chu Ân Lai⁹⁰ và Kroutchev dịp Mao thăm LX.
- tháng 4 Đàm phán vòng 1 VN–TQ tại Hà Nội.
- tháng 4 Z. Breinev làm tổng bí thư. Đại hội ĐCS LX thứ 26⁹¹.

90 Zhou En Lai

91 Đại hội Đảng cộng sản LX lần thứ 26: 2.1981; Leonid Ilych Brezhnev trở thành TBT ĐCS LX từ 4.1966 ở đại hội đảng lần thứ 23

- 07.10 Sihanouk gửi 2 thư và 1 điện (ngày 7, 23/10 và 11/11).
- tháng 10 Bộ NG phát hành cuốn “Sự thật về quan hệ VN-TQ trong 30 năm qua”.
- 01.12 LHQ quyết định vấn đề Khơ-me đỏ giữ ghế của CPC tại Liên Hiệp Quốc.
- 1980**
- 05.1 Hội nghị ngoại trưởng 3 nước VN-Lào-CPC lần thứ 1 tại Nông Pênh. Đàm phán vòng 2 VN-TQ tại Bắc Kinh. Không kết quả, TQ cắt cầu đàm phán. Từ đó đến cuối năm 1988, ta nhiều lần gửi công hàm hoặc thư đề nghị nối lại đàm phán, song TQ đều bác bỏ.
- 29.7 Đại sứ Mỹ ở Thái Abramowitz⁹²: Mỹ không bao giờ công nhận chế độ Polpot; tuy nhiên gạt Polpot ra khỏi LHQ chỉ càng làm tăng vị thế của VN. Quan điểm của Mỹ và TQ về CPC có khác nhau. Mỹ nhìn vấn đề về mặt chiến lược, đặc biệt lo ngại biên giới CPC-Thái.

⁹² Morton I. Abramowitz, tuyên bố trong một bài bình luận trên tờ Washington Post ngày 29 tháng 5 1994 rằng, “Bằng càn ghép hay bằng nghệ thuật quản lý nhà nước, Thailand đã trở thành đồng minh tốt nhất của Pol Pot” [“By graft or statecraft, Thailand has become [KR leader] Pol Pot’s best ally.”]

1981

19.1 Tổng thống mới R. Reagan: Quan hệ Mỹ-Trung dưới thời Carter là không có lợi, Mỹ phải trả giá.

19.2 Đại sứ Mỹ ở Thái Abramowitz, trao ta bản ghi nhớ: Đáng tiếc Việt Nam, Liên Xô đã phá vỡ ổn định; ngạc nhiên việc VN cho LX sử dụng cảng Cam Ranh; không hài lòng việc giải quyết vấn đề MIA trong 2 năm rưỡi qua.

18.5 Nghị quyết 39 BCT đấu tranh chống chủ nghĩa Mao trên mọi hình thái của nó; chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn; liên minh và hợp tác toàn diện với Liên Xô.

13.7 Hội nghị quốc tế về CPC ở Nữu ước, Ngoại trưởng Mỹ A. Haig nói Mỹ không có ý định bình thường hoá quan hệ với VN còn đang chiếm đóng CPC làm mất ổn định ĐNÁ.

1982

14.1 Sứ quán Mỹ ở Bangkok gửi message cho ta qua Lê Văn Hoà: Mỹ muốn một giải pháp chính trị về CPC. Mỹ không nhấn việc đòi VN rút quân ngay, rút hết mà chỉ đàm phán rút một phần và có 1 lịch rút quân. Một nước Việt Nam độc lập với Liên Xô

- và Trung Quốc là phù hợp với lợi ích của Mỹ. Muốn biết ý kiến VN về lực lượng giữ gìn hoà bình của LHQ.
- 16-17.2 Hội nghị 3 ngoại trưởng VN-Lào-CPC lần thứ 5 tại Vientiane.
- 24.3 *Brejev tuyên bố ở Tachkent*⁹³: *Liên Xô chưa hề phủ nhận chế độ xã hội chủ nghĩa đang tồn tại ở Trung Quốc. Mong muốn cải thiện quan hệ với TQ.*
- 6-7.7 Hội nghị 3 ngoại trưởng VN-Lào-CPC lần thứ 6 tại TP.HCM tuyên bố: VN và CPC thoả thuận đi bước trước, quyết định sẽ rút một số quân VN khỏi CPC trong tháng 7/82 và có thể xem xét rút thêm căn cứ vào tình hình biên giới CPC-Thái và sự đáp ứng của Thái Lan.
- 02.10 Đàm phán Xô-Trung lần thứ nhất. TQ đưa ra 5 điểm về CPC và quan hệ TQ- VN: VN tuyên bố rút quân vô điều kiện khỏi CPC; nếu VN quyết định rút hết quân khỏi CPC thì sau đợt rút quân đầu TQ sẵn sàng đàm phán với VN về bình thường hoá quan hệ.
- ??10 R. Childress, cố vấn chính trị quân sự HDBAQG Mỹ nói với Nguyễn Cơ Thạch: đề nghị đoàn chuyên viên

⁹³ Tashkent, thủ phủ của Uzbekistan

- cấp cao nhất vào VN để thảo luận vấn đề MIA. Mỹ không muốn VN rút quân CPC để Polpot quay trở lại.
- 10.11 Brejnev chết. TQ cử ngoại trưởng Hoàng Hoa sang viếng. Khi đi Đặng dận phải khéo léo nói quan hệ hai nước xấu đi từ sau năm 50 để chỉ Kroutchev, từ sau năm 60 xấu đến mức nghiêm trọng để chỉ Brejnev; tránh nói tên.
- 1983**
- 23.2 Hội nghị cấp cao VN-Lào-CPC họp ở Viên-chăn⁹⁴. Tuyên bố của VN và CPC: hàng năm sẽ rút một số quân VN khỏi CPC; tất cả quân tình nguyện VN sẽ rút hết về nước khi mối đe dọa đối với CHND CPC chấm dứt.
- 01.3 Đàm phán Xô-Trung lần thứ 2, TQ nêu việc VN chiếm đóng CPC là 1 trong 3 trở ngại cho bình thường hoá quan hệ Trung-Xô.
- 01.3 Bộ NG TQ: VN rút đơn vị đầu tiên khỏi CPC, TQ sẽ nối lại đàm phán.
- 12.4 Hội nghị bất thường 3 ngoại trưởng VN- Lào-CPC lần thứ 7 tại Nông Pênh tuyên bố rút quân VN lần thứ 2 vào tháng 5/83. Rút 1 binh đoàn.

⁹⁴ Vientiane

02.5 Lễ tiễn quân tình nguyện VN rút đợt 2.

19-20.7 Hội nghị ngoại trưởng VN-Lào-CPC lần thứ 7 tại Nông Pênh khẳng định: quân tình nguyện VN sẽ được rút hết khỏi CPC khi TQ chấm dứt đe dọa.

1984

28-29.4 Hội nghị ngoại trưởng VN-Lào-CPC lần thứ 8 tại Vientiane.

tháng 4 Chiến dịch mùa khô đánh vào các Khơ-me đỏ trên đường biên giới CPC-Thái.

20-23.6 Đợt rút quân thứ 3 của quân tình nguyện VN khỏi CPC.

1985

LX: Gorbachev lên, bắt đầu điều chỉnh chính sách đối nội, ngoại. Nhiều lần nói mong muốn cải thiện quan hệ Xô-Trung, song không đá động đến “3 trở ngại”. Đặc biệt là việc rút quân VN khỏi CPC.

08.1 Nguyễn Cơ Thạch thư cho Ngô Học Khiêm đề nghị nối lại đàm phán.

28-29.1 Hội nghị ngoại trưởng VN-Lào-CPC lần thứ 10 tại TP.HCM tuyên bố: quân đội VN sẽ tiếp tục rút dần hàng năm và sẽ rút hết khỏi CPC vào năm 1990.

- 21.1 Ngô Học Khiêm thư trả lời: sau khi VN công khai cam kết và thực hiện rút quân khỏi CPC thì đàm phán mới có ý nghĩa thực tế.
- 23.1 Ngoại trưởng TQ Ngô Học Khiêm đi các nước Đông Nam Á. Khi đến Singapore, nói: Trung Quốc sẽ “dạy cho Việt Nam bài học thứ hai”.
- 02.4 Đợt rút quân thứ 4 của VN khỏi CPC.
- 1986**
- 23-24.1 Hội nghị ngoại trưởng VN-Lào-CPC lần thứ 12 tại Nông Pênh.
- 07-10.4 Đàm phán Xô-Trung vòng 8 tại Mat- xơ-va⁹⁵. TQ vẫn nêu “ba trở ngại”. LX đề nghị gấp cấp cao (Gorbachev-Đặng), TQ từ chối.
- 28.5 Đợt rút quân tình nguyện VN thứ 5 khỏi CPC.
- 08.7 Nghị quyết 32 BCT: chuyển sang giai đoạn đấu tranh mới dưới hình thức cùng tồn tại hoà bình với Trung Quốc, ASEAN, Mỹ; giải quyết hoà bình vấn đề CPC.
- 28.7 Diễn văn của Gorbachev ở Vladivostok nêu những nét lớn của chính sách đối ngoại mới của Liên Xô đối với Châu Á-Thái Bình Dương: xích gần lại với TQ, giải

⁹⁵ Moskva (Moscow), thủ đô USSR

quyết “3 trở ngại” để bình thường hoá quan hệ với TQ (rút quân khỏi Afghanistan, chấm dứt xung đột biên giới Xô-Trung, giải quyết vấn đề CPC). Với Mỹ, LX có thể có “cử chỉ đáp ứng” (responsive gesture) về vịnh Cam Ranh nếu Mỹ rút các căn cứ quân sự ở Phi-li-pin.

05-15.10 Vòng 9 đàm phán Xô-Trung tại Bắc Kinh, 70% thời gian bàn vấn đề CPC.

19.10 Liên Xô bắt đầu rút quân khỏi Afghanistan.

12.1986 Đại hội VI. Nguyễn Văn Linh được bầu làm tổng bí thư. Đỗ Mười làm thủ tướng. Sửa Lời nói đầu của Điều lệ Đảng, xóa chỗ nói về TQ là “kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất”.

1987

07.2 Vòng 10 đàm phán Xô-Trung tại Mạc- tư-khoa. Trung Quốc lại nêu “3 trở ngại” cho việc bình thường hoá quan hệ Trung-Xô, trở ngại lớn nhất là việc “Việt Nam xâm lược Campuchia”.

đầu tháng 3 Ngoại trưởng LX Schevornadze đến Nông Pênh thúc đẩy giải quyết vấn đề CPC.

26.3 Bộ Ngoại giao thành lập CP87 chuyên trách nghiên cứu giải pháp

- CPC và vấn đề bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.
- 19-20.4 Lê Đức Thọ gặp Hun-xen, Heng Somrin và Chia Xim ở Nông Pênh, khuyên CPC thoả hiệp với diệt chủng Polpot, thực hiện “giải pháp đỏ”.
- 08.5 Họp BCT về vấn đề CPC (sau khi Lê Đức Thọ đi Nông Pênh, trước khi đi TBT Linh đi LX).
- 20.5 Bộ Ngoại giao kiến nghị BCT sửa Lời nói đầu của Hiến pháp chỗ nói Trung Quốc (đến 27.8.1988 mới thực hiện).
- 10.6 Phó tổng thư ký LHQ Ahmed chuyển tới ta 4 điểm của Đặng Tiểu Bình.
- 17.6 Hun-xen (đi thăm Lào) nói với Phun: muốn liên hiệp với phái Polpot không có Polpot hơn là với Sihanouk với lý lẽ là bọn Polpot có lực lượng nhưng không có thể chính trị, còn Sihanouk ngược lại không có lực lượng nhưng có thể chính trị.
- 26.6 Nguyễn Cơ Thạch gặp đại sứ Trung Quốc chuyển thông điệp miệng của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi lãnh đạo TQ đề nghị mở đàm phán bí mật hai nước.
- 29.7 Thông cáo chung VN-Indônêxia sau cuộc gặp Nguyễn Cơ Thạch-

- Mochtar tại Thành phố HCM. Thỏa thuận dùng hình thức “coctail party” để các bên liên quan gặp nhau bàn giải pháp CPC.
- 22.8 Thư của Ngô Học Khiêm gửi Nguyễn Cơ Thạch nói TQ chưa thể trả lời thông điệp của ta vì TQ không muốn chấp nhận việc đã rồi ở CPC.
- 27.8 Chính phủ CHND CPC công bố chính sách 5 điểm về hoà hợp dân tộc.
- 02.10 Thông điệp miệng của ta nhờ Liên Xô chuyển cho TQ nhân cuộc gặp vòng 11 LX-TQ tại Mạc-tư-khoa ngày 6.10.
- 06.10 Đàm phán vòng 11 Xô-Trung tại Bắc Kinh. Đưa công khai việc bàn vấn đề CPC vào thông cáo báo chí.
- 29.11 Đợt rút quân thứ 6 của quân tình nguyện VN khỏi CPC.
- 02.12 Hội đàm Hun-xen-Sihanouk lần thứ 1 tại Fère-en-Tardenois (Pháp). Thông cáo chung thỏa thuận: giải quyết xung đột CPC bằng biện pháp chính trị; vấn đề CPC do nhân dân CPC giải quyết; triệu tập Hội nghị quốc tế để bảo đảm thỏa thuận giữa các bên CPC. Gặp lại vòng 2 ở Pa-ri và vòng 3 ở Bình Nhưỡng.

???

TQ đề nghị LX cùng TQ dàn xếp một cuộc gặp giữa CHND CPC và Khơ-me đỏ. TQ không đáp ứng.

- 30.12 BCT quyết định đổi mới quan hệ giữa ta với Lào và CPC, rút chuyên gia, cố vấn ta ở Lào và CPC, giải tán đoàn chuyên gia VN ở CPC.

1988

- 20-22.1 Vòng 2 Hun-xen-Sihanouk tại Pari. Không có thông cáo chung. Hai bên nhất trí: chế độ chính trị ở CPC do nhân dân CPC quyết định qua tổng tuyển cử có giám sát quốc tế; triệu tập hội nghị quốc tế về CPC theo kiểu Hội nghị Genève 1954 về Đông Dương.

- 20-29.1 Cuba, Angola và trợ lý ngoại trưởng Mỹ họp ở Luanda thoả thuận việc rút toàn bộ quân Cuba khỏi Angola.

- 01.2 Thư Sihanouk gửi thủ tướng Phạm Văn Đồng: Mọi quan tâm luôn luôn giành cho việc khôi phục quan hệ hữu nghị hai nước làng giềng anh em chúng ta. Như vậy thì giải pháp này sẽ tới gần.

- 08.2 Gorbachev tuyên bố quân đội Liên Xô sẽ rút khỏi Afghanistan trong 10 tháng kể từ ngày 15.5.1988.

- 14-16.3 Đụng độ giữa hải quân Việt Nam và hải quân Trung Quốc ở Trường Sa.

- 20.5 Nghị quyết 13 BCT: giải quyết vấn đề CPC trước 1990, phấn đấu bình thường hoá với Trung Quốc.
- 26.5 Bộ NG VN tuyên bố rút quân đợt 7 gồm 50.000 quân và Bộ Tư lệnh quân tỉnh nguyện; số quân còn lại sẽ rút sâu vào 30 km trong lãnh thổ CPC dọc biên giới CPC-Thái Lan.
- cuối tháng 5 Hội cấp cao Xô-Mỹ Gorbachev-Reagan tại Matx-cơ-va, có bàn vấn đề CPC
- 13-20.6 Đàm phán Xô-Trung tại Matx-cơ-va. Hai bên bàn tỉ mỉ vấn đề CPC. LX rút ra 5 điểm đồng với TQ về vấn đề CPC.
- 28.6 Quốc hội ra nghị quyết sửa Lời nói đầu của Hiến pháp (bỏ câu “Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất”). Chính thức thông qua ngày 27.8.1988.
- 15.7 Nguyễn Cơ Thạch gặp đại sứ TQ nêu một loạt biện pháp làm giảm căng thẳng quan hệ hai nước, đề nghị hai bên nối lại đàm phán ở bất cứ cấp nào.
- 25-28.7 Hội JIM-1 (Jakarta Informal Meeting) tại Bô-go⁹⁶ (Indônêxia). Cuộc họp tiến hành làm 2 bước:

⁹⁶ Thị trấn Bogo thuộc miền Tây đảo Java, gần Jakarta

bước đầu chỉ có 4 phái CPC; bước sau có thêm VN, Lào và 6 nước ASEAN. Mục đích: tạo một khuôn khổ cho các cuộc thảo luận không chính thức giữa các bên liên quan trực tiếp và các nước hữu quan trong việc tìm kiếm một giải pháp toàn diện, đúng đắn và lâu dài cho vấn đề CPC. Cuộc họp đã khẳng định 2 vấn đề then chốt: việc rút quân VN trong khuôn khổ một giải pháp chính trị và việc ngăn chặn sự trở lại của chế độ diệt chủng Polpot.

07.11 Vòng 3 Hun-xen-Sihanouk tại Paris. Chủ yếu bàn chương trình nghị sự họp cấp cao 3 bên (Hun-xen-Sihanouk-Son San) ngày 8/11/88.

01.12 Hoàn thành đợt rút quân VN thứ 7 khỏi CPC gồm 50.000 quân và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở CPC.

1989

05.1 Tham gia đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ VN do TBT Nguyễn Văn Linh dẫn đầu đi Nông Pênh dự lễ kỷ niệm 10 năm Quốc khánh CHND Campuchia.

06.1 Tuyên bố của Nguyễn Văn Linh và của Heng Somrin là sẽ rút hết quân

- VN khỏi CPC trong khuôn khổ một giải pháp chính trị vào tháng 9/1989.
- 09.1 Cuba bắt đầu rút quân khỏi Angola theo Hiệp định 12.8.1988 giữa Cuba, Angola và Nam Phi.
- 09.1 Ngoại trưởng Thái Siddi Savetsila đến Hà Nội.
- 16-19.1 Đàm phán VN-TQ cấp thứ trưởng ở Bắc Kinh về vấn đề CPC và vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước.
- 01.2 Ngoại trưởng Schevarnadze đến Bắc Kinh hội đàm với Tiền Kỳ Tham về vấn đề CPC.
- 15.2 Liên Xô hoàn thành việc rút quân khỏi Afghanistan.
- 11.2 Hội BCT bàn việc tách và giải quyết từng bước một mặt quốc tế và mặt nội bộ của vấn đề CPC; triển khai các diễn đàn Việt-Trung (vòng 2), JIM2, Việt- Thái, Việt-Mỹ...
- 16-18.2 Hội trừ bị (Working group) JIM-2 (Jakarta Informal Meeting). Ta đưa ra 3 bước rút quân VN khỏi CPC gắn với 3 bước chấm dứt viện trợ quân sự của nước ngoài cho các bên CPC.
- 19-21.2 Hội JIM-2. Khẳng định lại 2 vấn đề mấu chốt của giải pháp cho vấn đề CPC là rút quân VN trong khuôn khổ một giải pháp chính trị và ngăn

ngừa sự quay trở lại chính sách và những hành động diệt chủng của chế độ Polpot; chấm dứt mọi sự can thiệp của nước ngoài và sự giúp đỡ về quân sự cho các phái đối lập Khơ-me.

14.3 Hợp BCT: quyết định rút hết quân khỏi CPC vào cuối tháng 9/1989; thúc đẩy diễn đàn Hun-xen-Sihanouk.

22-23.3 Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch thăm Singapo, Malayxia, Thái Lan.

23.2 Trung Quốc-Indônêxia bình thường hoá quan hệ.

25.2 Mỹ-Trung Quốc: Bush đến Bắc Kinh gặp Đặng Tiểu Bình.

13.3 Xô viết tối cao Liên Xô thông qua nghị quyết lập chức tổng thống LX. Gorbachev được bàn giữ chức vụ này.

15.3 Tiếp và làm việc với Phó tổng thư ký LHQ Ahmed tại Hà Nội về vấn đề CPC.

05.4 Ba chính phủ VN, CPC, Lào ra tuyên bố: sẽ rút hết quân VN khỏi CPC tháng 9

30.4-01.5 Quốc hội CPC họp phiên bất thường: sửa Hiến pháp, đổi tên nước CHND CPC thành Nhà Nước CPC (State of Campuchia-SOC), thay quốc kỳ.

- 02-03.5 Vòng 4 Hun-xen-Sihanouk tại Jakarta, Sihanouk hoan nghênh việc đổi tên nước CHND CPC thành Nhà Nước CPC (SOC-State of Campuchia), đổi quốc kỳ và nhiều sửa đổi quan trọng trong Hiến pháp CPC; nói có thể chấp nhận trở về nước (nhưng khi về Băng-cốc Sihanouk lại thay đổi ý kiến. Từ đó quan hệ Hun-xen-Sihanouk rất xấu).
- 08-10.5 VN-TQ đàm phán cấp thứ trưởng tại Bắc Kinh. TQ vẫn đòi ta thỏa thuận về nguyên tắc việc lập chính phủ liên hiệp 4 bên CPC do Sihanouk đứng đầu; đồng kết và giảm hoặc giải thể lực lượng quân sự của các bên CPC. Về quan hệ hai nước, lập trường Trung Quốc vẫn là giải quyết xong vấn đề CPC thì mới cải thiện được quan hệ với VN; tạm thời chưa tính đến tiếp tục đàm phán với ta.
- 15-16.5 Hội đàm cấp cao Trung-Xô (Gorbachev-Đặng Tiểu Bình) ở Bắc Kinh.
- 03-04.6 Sự kiện Thiên An Môn.
- 04.6 Ba Lan: Công đoàn Đoàn kết thắng tuyệt đối tổng tuyển cử.
- 24.7 30.7- Vòng 5 Hun-xen-Sihanouk ở Pa-ri.

- Không đạt thỏa thuận nào. Sihanouk bác thỏa thuận của JIM-1 và 2, đòi xoá SOC lập Chính phủ 4 bên CPC.
- 30.8 Hội nghị quốc tế về CPC tại Pa-ri: việc rút quân VN không còn là vấn đề lớn ở hội nghị mà vấn đề lớn nổi lên là vấn đề diệt chủng. Hội nghị không đạt được một giải pháp chính trị, bế tắc ở vấn đề chia quyền giữa các bên CPC trong thời kỳ quá độ, song đã thông qua được tuyên bố chung ghi nhận Hội nghị là một bước tiến có ý nghĩa và sẽ họp lại.
- 07.8 Gặp thứ trưởng Lưu Thuật Khanh (phó trưởng đoàn TQ) ở Pa-ri.
- 07.8 Hung: đảng CHXHCN đổi tên; Hung gia nhập EC.
- 05.9 TBT Nguyễn Văn Linh gặp Heng Somrin ở Hà Nội chuyển lời Liên Xô khuyên Nông Pênh nên nhận chính phủ 4 bên gồm cả Kơ-me đỏ, do Sihanouk làm chủ tịch.
- 21-26.9 Đợt rút quân VN cuối cùng khỏi CPC.
- 30.9 Họp BCT nhận định về kết quả Hội nghị Pa-ri về CPC.
- 07.10 Kayson Phonivihan thăm chính thức Trung Quốc đánh dấu việc bình thường hoá quan hệ Lào-Trung

- Quốc. Đặng nói với Kayson: nếu VN rút quân triệt để khỏi CPC thì sẽ bình thường hoá quan hệ với VN.
- 06.11 Thông điệp miệng của Nguyễn Văn Linh gửi Đặng Tiểu Bình: mong sớm bình thường hoá quan hệ với TQ; mong sớm có dịp gặp lại Đặng.
- 09.11 Đông Đức: Bức tường Berlin sụp đổ. Kết thúc chiến tranh lạnh.
- 20.11 Tiệp: Biểu tình lớn ở Praha. Husak từ chức. Lập chính phủ mới, trong đó Đảng Cộng sản Tiệp chỉ còn là thiểu số.
- 24.11 P5 (5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An) chấp nhận phương án giải quyết vấn đề CPC của Oxtralia trong đó đề cao vai trò của LHQ ở CPC trong thời kỳ quá độ.
- 28.11 TBT Nguyễn Văn Linh gửi Đặng và khẳng định lại “phía VN sẵn sàng gặp phía TQ ở cấp bộ trưởng hoặc thứ trưởng ngoại giao tại Bắc Kinh hoặc Hà Nội trong tháng 12/1989 để bàn các bước bình thường hoá quan hệ hai nước”.
- 2.12 TBT ĐCS Mã-lai Trần Bình ký thỏa thuận với chính quyền Malaysai và Thái Lan giải tán ĐCS, và rút về sống ở Hadyai (Nam Thái Lan).

- 10.12 Bungari biểu tình lớn ở Sofia.
- 12.12 Đại sứ TQ thông báo trả lời của TQ cho thông điệp ngày 6.11 của Nguyễn Văn Linh: đặt điều kiện cho việc mở lại đàm phán cấp thứ trưởng ngoại giao với ta (VN phải chấp nhận sự giám sát của LHQ về việc rút quân khỏi CPC; phải chấp nhận việc lập chính phủ liên hiệp 4 bên CPC do Sihanouk làm chủ tịch).
- 1990**
- 09.2 Đại sứ Mỹ ở Thái Lan Donohue chuyển thông điệp của Mỹ: gọi ý của Việt Nam về một cuộc gặp gỡ giữa bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch hoặc thứ trưởng Trần Quang Cơ với trợ lý ngoại trưởng Solomon là quá sớm. Hai bên cần làm rõ các vấn đề cần thảo luận và các khả năng lựa chọn, sau đó Solomon sẵn sàng gặp phía VN. Mỹ hiện vẫn sẵn sàng tiếp tục trao đổi qua hai đại sứ quán ở Bangkok.
- 10.2 Hội nghị thứ trưởng ngoại giao 3 nước VN-Lào-CPC tại Nông Pênh trao đổi về tình hình khu vực và chuẩn bị họp IMC.
- 21.2 Vòng 6 Hun-xen-Sihanouk tại Bangkok. Thoả thuận về nguyên

tác: sự có mặt của LHQ ở mức độ thích hợp tại CPC là cần thiết, cần thành lập một cơ chế quốc gia tối cao để thể hiện chủ quyền quốc gia và thống nhất dân tộc của CPC.

25.2 Mật trận Sandino thất cử trong tổng tuyển cử ở Nicaragua.

26-28.2 Hội IMC (Hội nghị không chính thức về CPC) ở Jakarta. Ngoài các bên CPC, VN, Lào và 6 nước ASEAN như hội JIM, còn có thêm đại diện tổng thư lý LHQ, Pháp và Ox-tra-lia. Hội nghị không ra được tuyên bố chung vì Kho-me đồ dùng quyền phủ quyết.

08.3 Lê Đức Thọ gặp Đinh Nho Liêm và Trần Quang Cơ (và Nguyễn Cơ Thạch ngày 10.3) đưa ý kiến: cần có chuyển hướng chiến lược trong đấu tranh về vấn đề CPC; phải giải quyết vấn đề CPC với Trung Quốc, không thể gạt Kho-me đồ; không thể chấp nhận LHQ tổ chức tổng tuyển cử ở CPC, lập chính phủ 2 bên 4 phái CPC để tổ chức tổng tuyển cử ...

10.4 Hội BCT bàn đề an đấu tranh ngoại giao về vấn đề CPC trong tình hình thế giới có biến đổi Đ/c TBT, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Đồng Sĩ Nguyên

- nhấn mạnh cần liên kết với TQ bảo vệ chủ nghĩa xã hội vì lợi ích chung của cả hai bên.
- 16.4 Nguyễn Cơ Thạch đi Nông Pênh để thuyết phục Nhà Nước CPC mềm dẻo trong vấn đề diệt chủng, chấp nhận Kho-me đỏ tham gia chính quyền liên hiệp thời kỳ quá độ ...
- 30.4 TBT Nguyễn Văn Linh nói tại TP. HCM nhân dịp kỷ niệm 15 năm giải phóng Saigon:
- nên quên cuộc chiến tranh đi mặc dù đã có biến cố trong quá khứ;
 - VN cảm thấy có tình hữu nghị với nhân dân Mỹ;
 - tôi muốn thấy bình thường hoá quan hệ VN- TQ tuy đó là một tiến trình lâu dài...
- 03-08.5 Vòng 3 đàm phán cấp thứ trưởng ngoại giao VN-TQ tại Bắc Kinh...
- Trung Quốc nói rõ ý họ về vấn đề nội bộ trong giải pháp CPC và đòi ta tán thành: Hội đồng Dân tộc Tối cao nên là một cơ cấu có tính chất chính quyền lâm thời, có chức năng lập pháp và hành chính; quân đội các bên CPC nếu chưa giải pháp thì tập kết vào một số điểm nhất định và giám quân.

- 20-21.5 Hợp 3 tổng bí thư VN, Lào, CPC tại Hà Nội nhân dịp 100 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch. Quyết định cần thực hiện “giải pháp đỏ” để giải quyết vấn đề CPC.
- 04-05.6 Hun-xen và Sihanouk đại diện cho 2 chính phủ CPC họp tại Tokyo. Ký Tuyên bố chung thỏa thuận lập Hội đồng Dân tộc Tối cao với số thành viên của hai bên bằng nhau (6+6) tượng trưng cho chủ quyền quốc gia và thống nhất dân tộc của CPC.
- 05.6 Lần đầu TBT Nguyễn Văn Linh tiếp đại sứ TQ Trương Đức Duy.
- 06.6 Bộ trưởng Quốc phòng Lê Đức Anh tiếp và mời cơm thân mật đại sứ Trung Quốc.
- 11-13.6 Vòng 4 đàm phán VN-TQ (Trần Quang Cơ-Từ Đôn Tín). Ta không chấp nhận việc can thiệp vào vấn đề nội bộ CPC như TQ đề nghị. Đàm phán không đạt kết quả.
- 13.6 Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch tiếp Từ Đôn Tín. Giọng điệu cao ngạo của Từ bị Nguyễn Cơ Thạch phê phán mạnh.
- 19.6 BCT họp đánh giá cuộc đàm phán vòng 4 với TQ (vắng mặt TBT Nguyễn Văn Linh).

- 25.6 Đại sứ Trương Đức Duy gặp thủ trưởng Trần Quang Cơ chuyển thông điệp của lãnh đạo TQ (có sửa lại) gửi lãnh đạo VN.
- 16-17.7 Họp P5 (5 nước thường trực Hội Đồng Bảo An LHQ) về vấn đề CPC tại Pa-ri.
- 18.7 Ngoại trưởng Mỹ Baker tuyên bố chính sách mới của Mỹ về vấn đề CPC: Mỹ thừa nhận VN đã rút quân khỏi CPC; chính quyền Nông Pênh hiện là lực lượng chủ yếu có khả năng ngăn chặn Kho-me đỏ trở lại cầm quyền, vì vậy Mỹ quyết định rút bỏ việc công nhận Chính phủ Liên hiệp CPC-Dân chủ tại LHQ; sẵn sàng thảo luận với VN và Nhà Nước CPC để thúc đẩy giải pháp cho vấn đề CPC.
- 06.8 Đối thoại VN-Mỹ vòng 1 (Trịnh Xuân Lăng-Keneth Quinn) tại Nữu-uớc về vấn đề CPC và bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ. Mỹ yêu cầu ta: cam kết chấp nhận và thúc đẩy CPC chấp nhận văn kiện khung P5; tuyên bố hoan nghênh LHQ kiểm chứng rút nhân viên quân sự còn lại ở CPC; cho biết ý kiến về SNC và vai trò của LHQ ở CPC.

- 12.8 Thủ tướng Lý Bằng tuyên bố khi đến thăm Singapo: hy vọng sẽ bình thường hoá quan hệ với VN và hai bên sẽ thảo luận các vấn đề khác như tranh chấp Trường Sa ...
- 13.8 Thủ trưởng Trần Quang Cơ tiếp đại sứ TQ biểu thị hoan nghênh tuyên bố của Lý Bằng tại Singapo, nhắc lại mong muốn sớm gặp cấp cao hai bên.
- 27-28.8 Họp P5 (lần thứ 6) về CPC đi đến thỏa thuận: những dàn xếp về quân sự trong thời kỳ quá độ ở CPC; tuyến cử dưới sự bảo trợ của LHQ; bảo vệ nhân quyền; vấn đề bảo đảm quốc tế. Hoàn thành toàn bộ 5 văn kiện khung về giải pháp CPC.
- 29.8 Đại sứ TQ gặp Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười chuyển lời của Giang Trạch Dân và Lý Bằng mời TBT Nguyễn Văn Linh, thủ tướng Đỗ Mười, cố vấn Phạm Văn Đồng sang hội đàm bí mật với lãnh đạo TQ tại Thành Đô vào ngày 3.9.90.
- 30.8 Họp BCT bàn về gặp cấp cao TQ ở Thành Đô.
- 31.8 Đối thoại VN-Mỹ lần thứ 2 tại Nữu-ước. Mỹ đề nghị VN và Nông Pênh chấp nhận khung giải pháp CPC của

P5, và đề nghị Nhà Nước CPC (SOC) đi họp ở Gia-các-ta để lập HĐDTTC trên cơ sở thoả thuận của P5. Mỹ coi đây là điều kiện để Mỹ bình thường hoá quan hệ với VN và để Mỹ gặp Hun-xen.

01.9 VN-TQ họp cấp ngoại trưởng tại Cáp-nhĩ-tân bàn về vấn đề CPC.

03-04.9 Cuộc gặp cấp cao VN-TQ tại Thành Đô (thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên). Nguyễn Văn Linh nhận công thức lập HĐDTTC của TQ (6+2+2+2+1 và Sihanouk làm chủ tịch).

05.9 Nguyễn Văn Linh đi Nông Pênh thông báo lãnh đạo CPC về cuộc gặp Thành Đô, thuyết phục Nông Pênh nhận công thức lập HĐDTTC của TQ, CPC phản đối.

07.9 Ngoại trưởng Mỹ thông báo Mỹ quyết định mở đối thoại trực tiếp với Nông Pênh.

10.9 BCT cử Trần Quang Cơ đi Gia-các-ta theo dõi cuộc họp của các bên CPC bàn về việc thành lập HĐDTTC (SNC), dưới sự chủ trì của hai đồng chủ tịch Hội nghị quốc tế về CPC, Pháp và Ấn-ô-nê-xia. Các bên CPC ra tuyên bố chung “chấp nhận toàn bộ văn kiện khung của P5 làm cơ sở

- cho việc giải quyết xung đột CPC”, thành lập HĐDTTC CPC.
- 10.9 Phó trợ lý bộ trưởng ngoại giao Mỹ K. Quinn thông báo ta: Mỹ quyết định nói chuyện với trưởng đoàn ta tại ĐHĐ LHQ về bình thường hoá quan hệ hai nước.
- 14-18.9 Đi Bangkok để theo dõi tiếp cuộc họp của các bên CPC giải quyết nốt vấn đề chủ tịch HĐDTTC.
- 17.9 Các bên CPC họp tại Bangkok để hoàn tất việc lập HĐDTTC. Cuộc họp thất bại do không nhất trí trong việc cử đoàn đại biểu SNC đi dự đại hội đồng LHQ và nhất là do SOC (Hun-xen) không chấp thuận việc cử Sihanouk làm chủ tịch và thành viên thứ 13 của Hội đồng.
- 20.9 Hội Đồng Bảo An LHQ thông qua Nghị quyết 608 ghi nhận SNC đại diện cho CPC về mặt đối ngoại và giữ ghế của CPC ở LHQ.
- 24.9 Phó thủ tướng Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc dự lễ khai mạc Á vận hội. Thủ tướng TQ Lý Bằng tiếp, nói về quan hệ hai nước, nhận xét Trần Quang Cơ là “nhân tố tiêu cực” trong thúc đẩy giải pháp CPC.
- 29.9 Nguyễn Cơ Thạch gặp ngoại trưởng

Mỹ Baker. Mỹ nói muốn bình thường hoá quan hệ với VN trong khung cảnh một giải pháp chính trị về CPC, đồng thời tốc độ và qui mô của bình thường hoá quan hệ tùy thuộc vào tiến bộ trong vấn đề MIA và các vấn đề nhân đạo khác.

18.11 BCT họp bàn về nguyên tắc đấu tranh về văn kiện khung của P5 và vấn đề chức chủ tịch SNC của CPC.

26.11 5 nước thường trực HĐBA (P5) và Indônêxia họp tại Pa-ri thoả thuận dự thảo Hiệp định Pa-ri về Campuchia.

21.12 Hợp SNC tại Pa-ri với sự tham gia của hai đồng chủ tịch PICC và đại diện Tổng thư ký LHQ.

1991

15-16.1 Hợp với bộ phận B1 Bộ ngoại giao CPC chuẩn bị cho cuộc họp UB Phối hợp PICC. Nhận định về Trung Quốc.

16.1 Hun-xen nói với Trần Quang Cơ: khả năng năm 1991 chưa có giải pháp chính trị. Cuộc gặp Pa-ri vừa qua chỉ là diễn đàn dư luận, không phải thương lượng, vì vậy chúng tôi chưa nêu việc tách mặt nội bộ và mặt quốc tế.

- 24-25.1 Hội BCT ở TP.HCM thảo luận
“Đường lối đối ngoại phục vụ thực
hiện mục tiêu chiến lược của nước
ta đến năm 2000” do BNG dự thảo
và vấn đề CPC.
- 02.2 Xin rút khỏi danh sách đề cử Trung
ương khoá VII. Không được chấp
nhận.
- 24.2 Nguyễn Văn Linh gặp Heng Samrin
tại Hà Nội, lại thuyết phục Nông
Pênh nhận công thức 6+2+2+2+1 để
thúc đẩy chính sách hoà hợp dân
tộc theo ý của TQ nêu trong cuộc
gặp Thành Đô 3.9.90.
- 09.4 Đối thoại lần thứ 5 VN-Mỹ tại Nữu-
ước. Trợ lý ngoại trưởng R. Solomon
đưa ra “sơ đồ lộ trình” (roadmap) 4
bước gần quá trình giải quyết vấn đề
CPC với các bước cải thiện quan hệ
Mỹ-Việt.
- 13.4 BCT họp nhận định tình hình thế
giới và bàn chính sách đối ngoại. Yêu
cầu phối hợp tốt hơn giữa ba ngành
Ngoại giao- Quốc phòng-An ninh
trong nghiên cứu các vấn đề quốc tế.
- 08.5 Hội lãnh đạo 3 ngành Ngoại giao
- Quốc phòng - An ninh nhận định
tình hình thế giới.
- 15-17.5 BCT thảo luận bản dự thảo “Báo cáo

- về tình hình thế giới và việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội VI và phương hướng tới”, tiếp tục đánh giá về cuộc gặp cấp cao với TQ tháng 9/1990 tại Thành Đô.
- 15-19.5 Giang Trạch Dân thăm Liên Xô. Chuyến thăm LX đầu tiên của cấp cao nhất TQ trong 34 năm. Thông cáo chung hai bên nói nhiều đến vấn đề CPC.
- 02-04.6 Hợp HĐDTTC CPC (SNC) tại Gia-các-ta. Ngoài các bên CPC, có 2 đồng chủ tịch PICC là Pháp và Indônêxia, đại diện TTK LHQ. Sihanouk cũng có mặt với danh nghĩa là khách mời của Suharto. Cuộc họp không đạt kết quả gì đáng kể.
- 05.6 Sihanouk-Hun-xen gặp riêng thỏa thuận về chức chủ tịch và phó chủ tịch SNC, kéo dài ngừng bắn đến khi có tổng tuyển cử, Sihanouk về Nông Pênh, kêu gọi ngừng viện trợ quân sự của nước ngoài cho các bên CPC.
- 17-27.6 Đại hội VII của Đảng CS VN Đỗ Mười thay Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư, Lê Đức Anh làm chủ tịch nước. Nguyễn Cơ Thạch ra khỏi Trung ương và BCT.
- 10.7 Trần Quang Cơ gặp TBT Đỗ Mười

- xin không nhận chức bộ trưởng ngoại giao.
- 09.7 Đỗ Mười gặp đại sứ TQ đặt vấn đề cử đặc phái viên sang thông báo lãnh đạo TQ về Đại hội VII.
- 28.7-02.8 Lê Đức Anh và Hồng Hà sang Trung Quốc với danh nghĩa “đoàn đại diện đặc biệt của Trung ương ĐCS VN” để thông báo lãnh đạo TQ về Đại hội VII của ĐCS VN. Cả hai đã gặp Từ Đôn Tín xin lỗi (về vụ to tiếng với bộ trưởng N. Cơ Thạch).
- tháng 8 Quốc hội khóa 8 họp kỳ 9. Thông qua danh sách chính phủ mới. Nguyễn Mạnh Cẩm nhận chức bộ trưởng ngoại giao thay Nguyễn Cơ Thạch.
- 08-10.8 VN-TQ đàm phán cấp thứ trưởng vòng 5 tại Bắc Kinh về bình thường hoá quan hệ.
- 09-14.9 Ngoại trưởng mới Nguyễn Mạnh Cẩm thăm Trung Quốc.
- 23.10 Hội nghị quốc tế về CPC tại Pa-ri. Ký kết Hiệp định Hoà bình CPC.
- 05 10.11 TBT Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm chính thức Trung Quốc. Thông cáo chung về bình thường hoá quan hệ hai nước.
- 14.11 Sihanouk trở về Nông Pênh sau 13 năm lưu vong.

25.12 Gorbachev từ chức: Lá cờ búa liềm trên nóc điện Kremlin bị hạ xuống, thay bằng lá cờ 3 màu của nước Nga, đánh dấu việc Liên bang xô-viết chấm dứt sự tồn tại.

1993

24.11– Hội nghị giữa nhiệm kỳ của BCH
01.12 Trung ương khóa VII. Tự nguyện xin rút khỏi Trung ương.

PHỤ ĐÍNH THẮNG LỢI NGOẠI GIAO TUYỆT VỜI!⁹⁷

Tạp Chí Cộng Sản – Số phát hành 31 –2003
(Phát hành đều kỳ vào 10 và 25 hàng tháng)

Trần Quang Cơ – Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao, thành viên Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Pa-ri về Việt Nam

“Kháng chiến chống Mỹ là bản anh hùng ca trọn vẹn từ đầu đến cuối. Hiệp định Pa-ri năm 1973 là thắng lợi ngoại giao tuyệt vời”. Đó là lời của Thủ tướng Phạm Văn Đồng kính yêu, người đứng đầu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa trong suốt những năm tháng đầy sóng gió của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu

⁹⁷ http://www.tapchicongsan.org.vn/show_content.pl?topic=3&ID=857

nước, khi cho ý kiến về việc tổng kết 50 năm ngoại giao Việt Nam.

Để hiểu thấu đáo sự đánh giá trên, chúng ta cần thấy rõ tính thời đại và ý nghĩa quốc tế lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Điều này hiển hiện ngay trong bối cảnh thế giới bội phần phức tạp so với thời kỳ ta chống thực dân Pháp: Đối thủ của ta lần này là đế quốc đầu sỏ, vô cùng lớn mạnh, chúng xâm lược Việt Nam với mưu đồ toàn cầu. Tâm lý sợ Mỹ, trong những năm đầu của thập niên 60 (thế kỷ XX), còn đang bao trùm thế giới. Mỹ coi như chưa có tiền lệ thua trận ở đâu. Mỹ có mạng lưới liên minh quân sự khắp nơi. Khối chế Liên hợp quốc. Phong trào cách mạng quốc tế lại đang có khủng hoảng về đường lối, không nhất trí về quan điểm cách mạng, thậm chí sinh ra chia rẽ, mâu thuẫn về tổ chức.

Tính thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước còn ở chỗ mục tiêu đấu tranh của dân tộc ta hoàn toàn phù hợp với bốn mục tiêu của thời đại: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức rõ tính thời đại và ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hồ Chủ tịch thấy cần nâng ngoại giao lên thành một mặt trận với tầm cỡ chiến lược. Kỳ họp Trung ương lần thứ 13 (khóa III), tháng

1-1967, đã ra nghị quyết xác định điều đó. Mặt trận ngoại giao phối hợp với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa cuộc chiến đấu của toàn dân đến thắng lợi cuối cùng.

Trong chống Mỹ cứu nước, vị trí và chức năng của ngoại giao rất quan trọng với hai nhiệm vụ lớn:

a) Tăng cường hậu phương quốc tế của ta và làm suy yếu hậu phương địch. Để tăng cường hậu phương quốc tế của ta, phải thực hiện phương châm “thêm bạn bớt thù”, tranh thủ từ bạn gần đến bạn xa, từ những đồng minh chiến lược cùng chung chí hướng xã hội chủ nghĩa cho đến những ai chỉ tán thành một trong những mục tiêu hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc.

b) Giải quyết vấn đề ta thắng địch thua. Đây là vấn đề phức tạp, phải có đầu óc thực tế. Có khái niệm thật đúng thế nào là ta thắng, thế nào là địch thua mới xác định được giải pháp. Ta thắng là khi nào ta bảo vệ được độc lập tự do, giải phóng được đất nước. Mỹ thua tức là Mỹ phải rút hết quân ra khỏi đất nước ta, chấm dứt xâm lược, phải cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Chính với tinh thần đó, Hồ Chủ tịch đã từng nói: “Nếu Mỹ chịu nhận rút thì chúng tôi rải thảm đồ cho mà rút”.

Đối với một địch thủ cỡ lớn như Mỹ, ta lại là nước nhỏ, cần có ngoại giao thực hiện phương châm “thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”.

Để tạo được sự ủng hộ của toàn thế giới, tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa cũng như các nước dân tộc độc lập, các lực lượng dân chủ cũng như các lực lượng hòa bình, Đảng ta đã có một đường lối quốc tế đúng đắn và sáng tạo: độc lập tự chủ đi đôi với đoàn kết quốc tế.

Phải độc lập tự chủ vì cách mạng quốc tế khi đó đang có khủng hoảng về đường lối, quan điểm không thống nhất.

Độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế, hai vế phải đi đôi. Thoạt nghe tưởng chừng như hai vế này độc lập nhau, nhưng trong tình hình lúc đó, có độc lập tự chủ mới đoàn kết quốc tế được.

Độc lập tự chủ chứ không tự cô lập, đoàn kết quốc tế nhưng không lệ thuộc. Mấy điều đó nghe như đơn giản, nhưng trên thực tế vận dụng vô cùng phức tạp, vô cùng khó khăn, cực nhọc.

Quan điểm của ta về vừa đánh vừa đàm thể hiện đường lối độc lập tự chủ. Đánh cũng đánh theo kiểu của ta, đàm cũng đàm theo kiểu của ta. Khác với quan điểm chỉ đánh mà không đàm, cho rằng đàm là cản trở đánh,

cho là chỉ dùng biện pháp quân sự – chính trị mới buộc được Mỹ chấp nhận những yêu cầu của ta. Cũng khác với quan điểm chỉ đàm không đánh, cho là đánh sẽ phá vỡ đàm, cho là Việt Nam không thể thắng Mỹ, phải sớm đi vào một giải pháp thỏa hiệp với Mỹ.

Những quan điểm đối chọi nhau thể hiện ngay từ việc đánh giá đế quốc Mỹ thế nào? Xử sự với xâm lược Mỹ ra sao?

Với bản lĩnh vững vàng, Đảng ta đã nhận định một cách khách quan và sáng suốt: Mỹ là kẻ thù mạnh, vô cùng nguy hiểm, song không phải là có sức mạnh vô hạn và vô địch. Nó ví như con cọp thật, có nanh vuốt, nguy hiểm chết người, nhưng con cọp trong thế bị bao vây sẵn đuổi. Những người Mỹ tinh táo như Thượng nghị sĩ Phun-brai⁹⁸ năm 1966 đã nói: “Nước Mỹ đang có dấu hiệu của sự ngạo mạn về sức mạnh. Đó là điều nguy hại làm suy yếu, đôi lúc trong lịch sử đã hủy hoại những nước lớn... Nguyên nhân những khó khăn của chúng ta ở Đông Nam Á không phải do thiếu sức mạnh mà do sử dụng quá đáng loại sức mạnh sai lầm. Điều đó đưa đến kết quả là gây nên một cảm giác về sự bất lực khi sức mạnh đó không thực hiện được đúng những mục tiêu mong muốn”. Đảng ta đi đến kết luận là

⁹⁸ J. William Fulbright (9.4.1905–9.2.1995), Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ

ta có thể đánh Mỹ và thắng Mỹ nếu như ta tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của tất cả lực lượng bạn bè trên thế giới.

Vì vậy, ta cần tạo lập Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ cứu nước để tập hợp dư luận quốc tế, cô lập Mỹ về chính trị, về tinh thần.

Việc tuyên truyền vận động quốc tế hướng vào ba nội dung chính: nêu cao chính nghĩa của ta, khẳng định quyết tâm đánh bại xâm lược, vạch rõ thiện chí hòa bình của ta.

- Việc nêu cao chính nghĩa của ta có thuận lợi vì ta sẵn có uy tín chính trị qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với chiến thắng Điện Biên Phủ và tên tuổi Hồ Chí Minh. Việt Nam đã là lá cờ đầu trong cách mạng giải phóng dân tộc.

- Khẳng định quyết tâm chống xâm lược. Muốn đạt được điều này phải vượt trở ngại tâm lý sợ Mỹ trên thế giới. Người ta có thể rất cảm tình với ta, tán thành Việt Nam đánh Mỹ nhưng chưa tin Việt Nam đánh được Mỹ. Phải chứng tỏ được ta quyết tâm chống Mỹ, cho đến khi nào đạt mục tiêu mới thôi, không bỏ cuộc. Điều đó không chỉ giải quyết bằng ngoại giao, mà phải qua thực tế chiến trường mới có sức thuyết phục.

- Nói rõ thiện chí hòa bình của ta: Phải làm đúng lúc và đúng mức mới có tác dụng.

Khi Mỹ còn hung hăng leo thang chiến tranh mà ta đã nhấn mạnh “thiện chí hòa bình” thì người ta sẽ hiểu là ta lung lay, muốn rút lui rồi. Thời kỳ 1965 – 1967, đánh là chính, nêu chính nghĩa và quyết tâm là chính.

Nhờ tích cực và làm đúng hướng, ta đã sớm hình thành được một Mặt trận nhân dân thế giới rộng rãi, làm nền tảng chính trị quốc tế vững chắc cho cuộc chống Mỹ cứu nước của ta. Đây thực sự là một kỳ tích lịch sử.

Ta đã cố gắng khắc phục mọi trở ngại để phát huy các nhân tố tích cực, hạn chế mặt tiêu cực nhằm tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ cao nhất của Liên Xô và Trung Quốc, phá tan âm mưu Mỹ lợi dụng chính sách hòa hoãn Xô – Mỹ, Trung – Mỹ hòng chia rẽ làm suy yếu chỗ dựa chính của ta trên quốc tế.

H. Kít-xing-giơ⁹⁹ nhận định: Bản thân Việt Nam rất nghèo, rất yếu. Việt Nam sống được, chiến đấu được, chống Mỹ được là do trông nhiều vào viện trợ bên ngoài, chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc. Nếu như Mỹ khai thác được mâu thuẫn Trung – Xô, chia rẽ được họ với Việt Nam thì sẽ cắt được nguồn viện trợ bên ngoài cho Việt Nam. Mất viện trợ bên ngoài thì dù Việt Nam kiên cường đến mấy cũng không thể chống Mỹ được.

⁹⁹ Henry Kissinger (27.5.1923–), sinh tại Fuerth, Đức, trở thành công dân Hoa Kỳ năm 1943; Ngoại Trưởng (1973–77) thời Tổng Thống Richard Nixon và Gerald Ford

Thời kỳ Mỹ “leo thang chiến tranh” (1964 – 1968): thủ đoạn của Mỹ lúc này là thương lượng trên thế mạnh đồng thời dùng trung gian đủ các loại nhằm xoa dịu phản ứng quốc tế hòng chuyển sức ép dư luận sang ta. L.B. Giôn-xơn, trong một cuộc họp tại Nhà Trắng, đã nói: “Cuộc chiến tranh này giống như một trận đấu ăn giải. Tay phải của ta nắm lực lượng quân sự, song tay trái cần có các đề nghị hòa bình. Mỗi khi đưa quân đội lên phía trước thì cũng phải đưa các nhà ngoại giao lên phía trước. Các tướng lĩnh đòi đưa quân nhiều hơn nữa. Song Bộ Ngoại giao cũng phải cung cấp cho tôi thêm cái gì nữa”.

Với bài học của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954, ta chủ trương đàm phán trực tiếp với đối thủ của mình, “vấn đề Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam giải quyết”, không đàm phán qua trung gian. Nhưng ngoại giao ta đã có thái độ đối xử thích hợp với từng nước trung gian theo phương châm “thêm bạn bớt thù”, không để Mỹ lợi dụng tư tưởng hòa bình chủ nghĩa chuyển sức ép sang ta.

Tuy sức ép bên ngoài tăng lên, nhưng thời kỳ Mỹ tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969–1972) cũng chính là thời kỳ đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế của Đảng ta chứng tỏ rõ nhất sự đúng đắn và hiệu quả của nó. Trong cuộc họp báo tại Mỹ ngày 24–

6-1972, H. Kít-xing-giơ phải nhận: “Mỹ thừa nhận rằng một dân tộc đã tận tụy hy sinh lâu dài như thế thì sẽ không chịu khuất phục trước những giải pháp do những nước khác ép buộc”.

Cuộc đàm phán Pa-ri ngay từ đầu đến cuối xoay quanh hai vấn đề cơ bản: vấn đề rút quân Mỹ và vấn đề chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Trong suốt thời gian đàm phán kéo dài, lập trường đàm phán của hai bên hoàn toàn đối lập. Mỹ chủ trương rút được quân Mỹ về mà vẫn giữ được ngụy. Mỹ đặt điều kiện quân Mỹ rút thì đồng thời quân Bắc Việt Nam cũng phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Mỹ đòi tách riêng giải pháp quân sự và giải pháp chính trị. Chỉ giải quyết các vấn đề quân sự: ngừng bắn, rút quân, thả tù binh Mỹ và rút quân Bắc Việt Nam. Còn giải pháp chính trị để cho các bên Việt Nam giải quyết với nhau sau.

Lập trường của ta là phải có giải pháp “cả gói”, tức là Mỹ có trách nhiệm giải quyết cả những vấn đề quân sự lẫn chính trị. Mỹ phải rút hết quân Mỹ và chủ hầu không điều kiện, gắn việc rút quân Mỹ với việc thả tù binh Mỹ ; về chính trị, lập chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam gồm ba thành phần, không có Thiệu - Kỳ - Khiêm, tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ.

Đến giai đoạn chót của cuộc đàm phán, ta đấu tranh hướng vào một giải pháp đáp ứng các yêu cầu của ta: Mỹ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam ; Mỹ rút hết quân, chấm dứt dính líu vào chiến sự ở miền Nam, không được can thiệp công việc nội bộ miền Nam Việt Nam ; Mỹ phải công nhận trên thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng lãnh thổ, ba lực lượng chính trị.

Cuộc đàm phán Pa-ri đã kết thúc khi ta đã đạt được các mục tiêu cơ bản đề ra lúc ban đầu. “Một thắng lợi ngoại giao tuyệt vời!”.

Trong bối cảnh thế giới phức tạp như vậy, với quyết tâm bảo vệ lợi ích tối cao của dân tộc, Đảng ta đã kiên trì đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế nên đã vượt qua được mọi thử thách, kết thúc đánh – đàm thắng lợi, thực hiện lời tiên định của Bác Hồ: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Qua cuộc chống Mỹ cứu nước, càng thấy rõ khả năng to lớn của mặt trận đối ngoại. Ngoại giao đã thu được “thắng lợi tuyệt vời”, góp phần làm nên “bản anh hùng ca trọn vẹn” của dân tộc Việt Nam.

NGÀY TẾT NÓI CHUYỆN TỔNG KẾT¹⁰⁰

Trần Quang Cơ

Từ năm 1975 cho đến 1998, tôi đã tham gia làm tổng kết ngoại giao tới 3 lần. Lần thứ nhất là khi cuộc kháng chiến trường kỳ ngọt ba mươi năm ròng của nước ta vừa kết thúc, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh đã chỉ thị phải bắt tay ngay vào tổng kết công tác ngoại giao trong thời gian hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chiến tranh chống Mỹ. Phần vì chuẩn bị chưa đầy đủ, phần vì những lý do này khác nên lần này cũng như lần thứ hai tiến hành sau đó mấy năm đều bị "giữa chừng đứt

¹⁰⁰ Báo Quốc Tế điện tử, Số Tết Nhâm Ngọ, gộp 3 số 6+7+8, ra ngày 7/2/2002 <http://www.mofa.gov.vn/quocte/tet02/ngay%20tet%20%20hvnpt02.htm>

gánh”. Cho mãi đến năm 1995, dịp kỷ niệm 50 năm ngành Ngoại giao Việt Nam, vấn đề tổng kết ngoại giao lại được đặt ra.

Rút kinh nghiệm hai lần trước, lần này việc tổng kết đã làm tương đối quy củ và cẩn trọng. Công việc được tiến hành trên hai tuyến: tuyến thứ nhất dựa vào bộ phận nghiên cứu biên soạn của Học viện Quan hệ Quốc tế, khi đó do anh Đào Huy Ngọc làm Giám đốc, tuyến thứ hai là Ban Tư vấn gồm các đồng chí: Nguyễn Cơ Thạch, Đinh Nho Liêm, Lưu Văn Lợi, Hà Văn Lâu, Nguyễn Xuân, Ngô Điền, Đào Huy Ngọc, Nguyễn Khắc Huỳnh, Nguyễn Phúc Luân, Lưu Đoàn Huynh và tôi; phần lớn là những cán bộ ngoại giao lâu năm đã nghỉ hưu, trừ các đồng chí thuộc Học viện Quan hệ Quốc tế. Thành phần Ban Tư vấn này có ưu điểm là có nhiều đồng chí đã ít nhiều được biết rõ chủ trương chính sách của ta và trực tiếp tham gia vào hoạt động ngoại giao trong từng sự kiện lịch sử cần tổng kết, có thời gian tập trung trí óc vào tổng kết chứ không bị phân tán vào công việc khác như khi còn đương chức. Đáng tiếc rằng khi công việc tổng kết đi vào bước cuối thì anh Nguyễn Cơ Thạch từ trần vào tháng 4/1998. Và bộ phận tổng kết Ngoại giao chúng tôi chỉ kịp gặp Anh Tô (Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng) xin ý kiến có hai lần vào tháng 11/1994 và tháng 2/1998.

Trong suốt quá trình làm tổng kết ngoại giao, tôi có mấy suy nghĩ:

- Nói tổng kết nghĩa là nói đến lịch sử. Tổng kết ngoại giao phải lấy lịch sử ngoại giao làm nền. Việc ghi lại lịch sử có đầy đủ nghiêm túc thì tổng kết mới có thể phân tích và đúc kết ra được những bài học và kinh nghiệm đúng đắn và bổ ích cho công tác sau này. Vì vậy muốn cho công việc tổng kết sau này

- ý tôi muốn nói ba mươi hoặc năm mươi năm về sau – được thuận lợi thì việc ghi chép và lưu trữ sử liệu ngoại giao cần được tổ chức chu đáo khoa học, và nhất là làm liên tục dù nhân sự có đổi thay.

- Trong lịch sử nước ta, đấu tranh ngoại giao luôn gắn với đấu tranh quân sự, chính trị, cho nên tổng kết ngoại giao phải phối hợp chặt với tổng kết quân sự.

- Khi xem xét và phân tích các sự kiện lịch sử, chúng tôi thường tranh cãi vì có người đã quên đặt sự kiện đó trong bối cảnh thế giới và trong nước khi sự kiện xảy ra mà lại nhìn nó trong một bối cảnh không phải của nó. Vì vậy nắm vững quan điểm lịch sử là điều quan trọng khi tổng kết.

- Thế giới gần xa luôn có ảnh hưởng đến Việt Nam và ngược lại. Có thể là ảnh hưởng tích cực mà cũng có thể là ảnh hưởng tiêu cực. Phân tích tình hình thế giới trong khi

làm tổng kết ngoại giao từng giai đoạn, cũng như khi xem xét mỗi sự kiện đều cần tìm nhân tố quốc tế trong đó có vai trò gì, tích cực hay tiêu cực. Ngược lại, mỗi sự kiện lớn trên thế giới đều có ảnh hưởng đến ta, ít hay nhiều, tích cực hay tiêu cực. Như sự kiện 11/9 ở Mỹ gần đây chẳng hạn.

Với hy vọng tổng kết đem lại kết quả có ý nghĩa, chúng tôi đã thống nhất trong Ban Tư vấn là tôn trọng những ý kiến khác nhau, tự do tư tưởng; những chỗ nào chưa được nhất trí thì ghi lấy ý kiến được đa số chấp nhận, song đồng thời cũng ghi lại cả ý kiến khác để những ai quan tâm đến vấn đề đó có thể tham khảo và suy nghĩ.

Bùi Tín, “Thời sự đầu năm 2004 và Giáp Thân: Con đường thoát hiểm là phóng nhanh ra phía trước để hội nhập hoàn toàn với thế giới dân chủ và văn minh”¹⁰¹

“Trong cơn khủng hoảng về tổ chức, những hồi ký cá nhân của nguyên thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ hay của nguyên thư ký của Lê Khả Phiêu là Nguyễn Chí Trung càng phơi bày thêm những rối loạn và xấu xa đến bi ối. Đó là lời ông Đỗ Mười nói về ông Lê Khả Phiêu: “Nó lật tôi thì tôi lật nó!”. Đó là chủ trương lắm

¹⁰¹ <http://www.ykien.net/buitin09.html>

cầm hời năm 1991, gọi là ‘giải pháp Đò’: gấn bó keo sơn giữa các chế độ cộng sản Hà Nội và Bắc Kinh (bị Trung Quốc thắng thường bác bỏ), và gấn bó hòa giải giữa Khòme Hồng của Hunsen với Khòme Đỏ của Pôl Pốt, do Lê Đức Anh và Nguyễn Văn Linh đề ra (bị Hunsen từ chối và lên án là vi phạm chủ quyền quốc gia).’

Âu Dương Thệ, “Những Dấu Hiệu Thay Đổi Chính Sách Ngoại Giao Của Hà Nội”¹⁰²

“Nói chung, hầu hết giới lãnh đạo CSVN đều e ngại một sự ràng buộc quá chặt chẽ với Bắc kinh, nhưng đồng thời lại cũng không muốn làm phật lòng người anh cả phương Bắc. (Cuộc gặp cấp cao hai bên VN và Trung Hoa ở Thành Đô vào năm 1990 để nối lại bang giao đã gây đổ sau chiến tranh biên giới đầu 1979 như cựu Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ đã tiết lộ trong tập hồi kí đã cho thấy ý đồ của hai bên.)

Cho nên sau khi Liên xô sụp đổ, chiều hướng tìm cách cải thiện bang giao với Mỹ để cân bằng áp lực từ phương Bắc đã có từ lâu trong tính toán của giới cầm quyền Hà nội. Nhưng trước đây, vì tự ái của một người thắng trận và một số điều kiện quốc nội và quốc tế chưa thuận lợi nên các bước tiến lại gần Hoa

102

http://www.shcd.de/tn_danchu/402/nhung%20dau%20hieuhay%20doi%20HN.html

kì rất e dè, chậm chạp. Gần đây những biến động lớn trên thế giới và những thay đổi nhân sự toàn diện ở cấp cao của ĐCS Trung Hoa đã thúc đẩy Hà nội phải có quyết định rõ ràng.”

Nguyễn Thanh Giang, “Bình luận về Chiến Lược Bảo Vệ Tổ Quốc Trong Tình Hình Mới”¹⁰³, Hà Nội, 9 tháng 8 năm 2003

“Chúng ta thì sao? Không kể cái buổi ấu trĩ ngông cuồng dương cao khẩu hiệu “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại”, hè nhau tiến lên tiêu diệt chủ nghĩa tư bản. Xung phong tự nhận thế giới “chọn ta làm điểm tựa” rồi cứ thế thúc cả dân tộc quyết tử xốc tới “Ta vì ta ba chục triệu con người. Cũng vì ba ngàn triệu trên đời!” Đáng phàn nàn hơn là, mãi đến sau này, khi Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ, chiến tranh lạnh đã kết thúc, Mỹ và phương Tây cho rằng cơ bản không còn đối thủ ý thức hệ nữa; không coi ý thức hệ là nguồn gốc của mối đe dọa hoặc để xác định đối tượng nào đó liệu có phải đối tượng chủ yếu đưa tới mối đe dọa từ bên ngoài hay không thì đầu đó ở ta vẫn có tư tưởng muốn “xông lên trên tuyến đầu chống Mỹ”. Năm 1989, khi đặt vấn đề bình thường hoá trở lại mối quan hệ với Trung Quốc thì xuất phát

¹⁰³ <http://www.ykien.net/nthanhgiang05.html>

điểm căn bản không phải vì quyền lợi dân tộc, cũng không phải vì thấy cần nghiêm khắc sửa sai trong đường lối đối ngoại của ta, mà vì, “phải bằng mọi giá bắt tay ngay với Trung Quốc để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, để chống Mỹ và các thế lực đế quốc khác!” (Trích “Hồi ức và suy nghĩ” của nguyên thủ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ).”

Trần Gang Thép, “Góp ý lãnh đạo đảng và nhà nước”¹⁰⁴,

Hà Nội, 4 tháng 8 năm 2003

“Hãy nhìn gương của Myanmar nước cùng khu vực, cứ đàn áp bắt bớ những phe phái đối lập như vụ bà Suu Kyi, đã khiến Myanmar bị cô lập với thế giới. Nhật Bản phản đối và dọa cắt viện trợ. Quốc hội EU đe xét lại quan hệ kinh tế. Tổng thống Mỹ Bush đe cấm vận. Có ý kiến đi khai trừ Myanmar khỏi khối ASEAN.

Xin nhớ lại, thời kỳ chúng ta chiếm đóng Campuchia, cũng bị thế giới cô lập. Rồi phải rút quân về, chúng ta mới thoát khỏi tình trạng ấy. Rồi vất vả mất bao nhiêu năm chúng ta mới gây được quan hệ ngoại giao đa phương và kinh tế thương mại như bây giờ (Xin đọc hồi ký của ông Trần Quang Cơ, nguyên thủ trưởng Bộ Ngoại giao).”

Nguyễn Trọng Tuyển, “Đi Tìm Đồng Minh”¹⁰⁵

“Cần phải đặt tất cả các động thái nói trên trong một mối quan hệ rộng hơn. Nếu có thể chỉ ra một mối quan hệ mang tính chiến lược của Việt Nam thì đó là quan hệ tam giác giữa Việt Nam, Trung Quốc và Mỹ. Từ khi còn Liên Xô, thành bại của Việt Nam đã nằm trong quan hệ tứ giác Việt Nam, Liên Xô, Trung Quốc và Mỹ. Sau năm 1991 Liên Xô không còn tồn tại thì số phận của Việt Nam phụ thuộc vào việc xử lý mối quan hệ tam giác Việt Nam, Trung Quốc, Mỹ.

Mới đây, cuốn Hồi ký của cựu thứ trưởng Ngoại Giao Trần Quang Cơ đã tiết lộ một số chi tiết lý thú (nhưng đáng buồn) xung quanh vụ bình thường hóa quan hệ Việt-Trung. Rất tiếc, chính quyền Việt Nam không cho công bố cuốn hồi ký quan trọng này. Tuy nhiên nó đã lọt ra hải ngoại và hai chương quan trọng liên quan đến cuộc gặp cấp cao ở Thành Đô năm 1990 đã được công bố trên báo Diễn Đàn tháng 11-2003. Xin trích dẫn một vài đoạn quan trọng để bạn đọc hiểu được động cơ của các nhà lãnh đạo Việt Nam lúc đó:

‘Ngày 30.8.90, Bộ Chính trị họp bàn về việc gặp lãnh đạo Trung Quốc. Anh Linh nêu ý

¹⁰⁵

<http://www.canhen.de/noidung/baoce/CE2003/CE11va12-2003/baiviet/nguyentrongtuyen.htm>

kiến là sẽ bàn hợp tác với Trung Quốc để bảo vệ chủ nghĩa xã hội chống đế quốc, và hợp tác giữa Phnom Penh và Khmer Đỏ để giải quyết vấn đề Campuchia, mặc dù trước đó Bộ Ngoại Giao đã trình bày đề án nêu rõ là rất ít khả năng thực hiện phương án này vì phương hướng chiến lược của Trung Quốc vẫn là tranh thủ phương Tây phục vụ “4 hiện đại”. Anh Lê Đức Anh bổ sung ý anh Linh: ‘Phải nói về hoà hợp dân tộc thực sự ở Campuchia. Nếu không có Pol Pot thì vẫn tiếp tục chiến tranh’. Anh Võ Chí Công không đồng ý, nói: ‘Trung Quốc sẽ không nghe ta về hợp tác bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc muốn tranh thủ phương Tây’. Anh Thạch cảnh giác: ‘Vẫn có 3 khả năng về quan hệ giữa ta và Trung Quốc, không phải chỉ là khả năng tốt cả. Dự kiến Trung Quốc sẽ nêu công thức “SNC 6+2+2+2” để nhấn rõ là có 4 bên Campuchia (trong đó Khmer đỏ là 1 bên), xoá vấn đề diệt chủng...’ Sự thực sau này cho thấy Trung Quốc còn đòi cao hơn thế!

‘Ngay sau khi ở Thành Đô về, ngày 5.9.90 anh Linh và anh Mười, có thêm anh Thạch và Lê Đức Anh, đã bay sang Phnom Penh thông báo lại với Bộ Chính trị Campuchia nội dung cuộc gặp gỡ cấp cao Việt-Trung. Để thêm sức thuyết phục Phnom Penh nhận Thoả thuận Thành Đô, anh Linh nói với lãnh đạo Campuchia: “Phải thấy giữa Trung Quốc

và đế quốc cũng có mâu thuẫn trong vấn đề Campuchia. Ta phải có sách lược lợi dụng mâu thuẫn này. Đừng đấu tranh với Trung Quốc đến mức xô đẩy họ bắt tay chặt chẽ với đế quốc”. Lập luận này được Lê Đức Anh mở rộng thêm: “Mỹ và phương Tây muốn cơ hội này để xoá cộng sản. Nó đang xoá ở Đông Âu. Nó tuyên bố là xoá cộng sản trên toàn thế giới. Rõ ràng nó là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm. Ta phải tìm đồng minh. Đồng minh này là Trung Quốc.””

Nguyễn Đình Toàn, “Việt Nam trước thế chiến lược của các siêu cường”¹⁰⁶

“Trong khi đó, sau khi chiếm trọn Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã có kế hoạch trở lại với Việt Nam, cùng nhìn về tương lai, nhằm giúp nhân dân Việt Nam xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, giúp nhân dân Việt nam sớm được sống trong tự do, sung túc và giàu mạnh. (Xin xem hồi ký của Thứ Trưởng Ngoại Giao Cộng Sản Trần Quang Cơ đính kèm sau). Nhưng tiếc thay khi ấy Hà Nội cứ say men chiến thắng, không biết người biết ta, ếch ngồi đáy giếng, tự vỗ ngực cho mình là ‘kẻ duy nhất đánh bại tên Đế quốc sùng sỏ nhất thế giới’, ‘là lương tri của nhân loại’, là

106

<http://www.nationalistvietnameseforum.com/Nationalist%20Vietnamese%20Forum/Pages/Article%2012.htm>

‘thầy ăn nói của thế giới’, và ‘nhiều người mơ ước sau khi ngủ tỉnh dậy được làm người Việt Nam’ v.v... bỏ lơ cơ hội ngàn năm của lịch sử, để đến khi biết ra thì đã muộn rồi!”

Bùi Tín “Góp ý với ông Âu Dương Thệ về bài ‘Những dấu hiệu thay đổi chính sách ngoại giao của Hà nội’”¹⁰⁷

“Thật tình trong mấy năm nay tôi theo dõi tình hình chính trị trong nước và chưa hề thấy nhóm lãnh đạo cao nhất có ý định thay đổi đường lối đối ngoại theo hướng tiến bộ, để quá khứ lùi về dĩ vãng, hướng thẳng tới tương lai, hòa nhập thật lòng với thế giới dân chủ văn minh. Ông Nguyễn Cơ Thạch chỉ mới có ý định cân bằng quan hệ Việt – Trung với quan hệ Việt – Mỹ đã mất chức ngay. Sau khi Liên Xô sụp đổ, Đảng CS Liên Xô tan vỡ, phe XHCN tan biến, ĐCSVN qua Đại hội 8 và 9 vẫn lăm cầm theo “giải pháp đỏ”, có nghĩa là ưu tiên cố kết những chế độ do ĐCS độc quyền lãnh đạo với nhau, che chở cho nhau, bỏ qua những bất hòa và xung đột cũ, cùng nhau chống lại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực đế quốc do Mỹ cầm đầu.

Tôi được biết trong cuộc họp trung ương lần thứ 8 (tháng 7 – 2003) bàn về Chiến lược

¹⁰⁷ <http://www.danchimviet.com/diendan/GopYVoiOngAuDuongThe.shtml>

bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, vấn đề được nhấn mạnh chính là phải cảnh giác với xu thế đòi dân chủ trong nước, mạnh tay đàn áp mọi kẻ bất đồng chính kiến, đối phó với mọi sức ép quốc tế về dân chủ và nhân quyền, đồng thời tranh thủ cộng đồng người Việt ở nước ngoài

... Làm gì có chuyện thay đổi chính sách đối ngoại! Cuộc họp ngoại giao sau đó cũng để nhấn mạnh những quan điểm trên, đồng thời đặt nhiệm vụ rõ hơn cho ngành ngoại giao là vận động thu hút đầu tư, nghiên cứu thị trường, làm tình báo kinh tế, tài chính, khoa học, thương mại, tìm kiếm thị trường và có đặt tiền thưởng, chia hoa hồng cho ngành ngoại giao khi kiếm được thị trường và đạt những hợp đồng béo bở cho các địa phương và công ty ... Làm gì có chuyện giải thích về chính sách đối ngoại mới!”

Ngô Nhân Dụng, “Người ngủ trên mây”¹⁰⁸, Người Việt Online, Thứ năm, 16 tháng 9, 2004

“Câu hỏi thẳng thắn nhất là vụ Hiệp định biên giới Việt-Trung. Ông Phạm Thế Duyệt hãnh diện khoe rằng đây là lần đầu tiên (trong lịch sử) mới có một hiệp định chính thức quy

¹⁰⁸ <http://www.nguoi-viet.com/absolutenm/anmviewer.asp?a=10238&z=7>

định về biên giới với Trung Quốc. Ông coi đó là do tài lãnh đạo của đảng và nhà nước của ông. Ông không bao giờ đọc cuốn hồi ký của Trần Quang Cơ, cựu thứ trưởng ngoại giao của Việt cộng hồi xung đột với Trung Quốc. Ông Trần Quang Cơ đã cho thấy chỉ vì Việt cộng cố bám lấy lưng Trung cộng sau khi đàn anh Nga Xô rã đám và bỏ rơi, cho nên Bắc Kinh nói gì Việt cộng cũng phải nghe. Có lúc thấy nhóm Trần Quang Cơ ở bộ Ngoại giao cũng đầu làm mất thời giờ quá, ủy viên đối ngoại của Trung ương đảng là Hồng Hà đã yêu cầu đại sứ Trung Quốc ở Hà Nội hãy liên lạc trực tiếp với Đảng, coi cái bộ Ngoại giao của nhà nước như không có. Ông ta cũng ra lệnh đại sứ của Hà Nội ở Bắc Kinh phải báo cáo trực tiếp với ông ta! Ông Trần Quang Cơ đã tố cáo Bộ Chính trị thời Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười đã nhường Trung Quốc đủ mọi điều về biên giới. Việc Trung Quốc ép Việt cộng phải ký hiệp định biên giới là một cách bắt chẹt đàn em đang muốn cầu thân. Vậy mà ông Phạm Thế Duyệt lại bảo đó là nhờ sự lãnh đạo của đảng ta! Đúng là nói như Vem.”

Lê văn Xương, “Cuộc Quật Khởi Của Toàn Dân Việt hay là Toàn dân Việt chuẩn bị cho công cuộc phạt Bắc bình Nam”¹⁰⁹

“Tại sao ta lại gọi như vậy mặc dù hội

ngị này bàn về chuyện giải quyết vấn đề Campuchia? Xin thưa: Trong hội nghị này, Việt cộng chấp nhận giải pháp do Tàu cộng đưa ra. Tức là chính sách đối ngoại của Việt cộng hoàn toàn tuân theo những chỉ thị từ Trung cộng. Bằng chứng là sau khi hội nghị Thành Đô chấm dứt, thì ngày 5-9-1990, Lê Đức Anh, chủ tịch chính quyền Việt cộng đã công khai tuyên bố: “Mỹ và phương Tây muốn nhân cơ hội này để xóa Cộng sản, nó đang xóa Đông Âu, nó tuyên bố là nó xóa Cộng sản trên toàn thế giới, rõ ràng nó là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm. Ta phải tìm đồng minh, đồng minh này là Trung quốc”. Và ta hãy nghe Tổng bí thư Việt cộng Nguyễn văn Linh phát biểu chứng tỏ Linh cũng là loại tay sai, ngu dốt: “Song dù (Trung Quốc) bành trướng thế nào thì Trung quốc vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa” (trích từ hồi ký của Trần Quang Cơ, cựu phó bộ trưởng ngoại giao của cộng sản Việt Nam). Như vậy, lãnh đạo chớp bu Cộng sản Hà Nội đã biết là Bắc Kinh có kế hoạch bành trướng sang lân bang, nhưng vì quyền lợi của phe nhóm và của đảng Cộng sản Hà Nội, lãnh đạo Việt cộng sẵn lòng quay sang bám chân Bắc Kinh bằng mọi giá, kể cả hy sinh quyền lợi của

¹⁰⁹<http://www.nationalistvietnameseforum.com/Nationalist%20Vietnamese%20Forum/Pages/Article%2014.htm>

dân tộc để Bắc Kinh giúp Việt cộng giữ cho đảng Cộng sản Hà Nội khỏi sụp đổ trước cao trào tan rã của chủ nghĩa Cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô. Như vậy, đối với Cộng sản Hà Nội họ coi Tổ Quốc Việt Nam chỉ là công cụ để tạo ra quyền lực cho đảng Cộng sản và cho bè phái họ, quyền lợi của đảng trên quyền lợi của tổ quốc và dân tộc. Vì vậy tất cả chúng ta quốc nội, hải ngoại, cùng nhau một lòng muôn người như một chuẩn bị cho cuộc quật khởi để dẹp tan bọn người, vô tổ quốc, phản dân, hại nước Cộng sản Hà Nội càng sớm càng tốt.”

Nguyễn Ngọc Bích, “Liên-hệ Quốc-tế và Vấn-đề Dân- chủ-hoá Việt Nam”¹¹⁰, Ngày 8 tháng 12 năm 2003, Hội- thảo AEI

“Cách nào đi đến độc-lập thực-sự – Để vượt thoát được cái vòng kim-cô của Trung-Cộng, Hà-nội cần phải có sự đồng- thuận rộng rãi trong nội-bộ Đảng, nhất là ở cấp Trung-ương và Bộ Chính-trị. Tài-liệu mật (ký tên Nguyễn Chí Trung) mới tung ra gần đây cũng như Hồi-ký Trần Quang Cơ và những gì ta biết từ Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Đức Tâm nhân kỳ họp Đại-hội Đảng lần thứ IX (vào tháng 4-2001) cho ta thấy là nội-bộ Đảng CSVN, ngay ở chớp bu, cũng đã mất đoàn-kết và

¹¹⁰ <http://www.lmdcvn.net/lm/html/modules.php?name=News&file=print&sid=101>

Trung-Cộng cũng đã biết để khai thác sự mất đoàn-kết này. Đảng không còn được dân ủng-hộ như trong thời chiến-tranh, Đảng làm mất lòng tin ngay nơi một bộ-phận đáng kể đảng-viên, những bộ mặt sáng giá đã bị đẩy ra rìa (Võ Nguyên Giáp, Phạm Quế Dương, Bùi Tín, còn những người như Trần Độ thì đã bị cô-lập cho đến lúc chết). Nói tóm lại, nếu hôm nay hay ngày mai mà Quân-đội Nhân-dân phải ra đương đầu với một thách-đố quân-sự tầm cỡ thì gần như chắc, quân-đội đó đã mất đầu—thiếu lãnh-đạo.”

Bill Bell và George J. Veith, Chuyển Dịch: Nguyễn Phúc, “Tù Binh Và Chính Trị: Hà Nội Thật Sự Am Hiểu Đến Mức Độ Nào?”¹¹¹

“Bộ Ngoại Giao – Chẳng hạn, một vài Nguồn tin trong số những người đào ngũ cho thấy rằng những viên chức Bộ Ngoại Giao được giao phó nhiệm vụ liên đới tới vấn đề POW/MIA Hoa Kỳ đều được “tẩy trùng”. Giống như trong trường hợp của Lực lượng đặc nhiệm Pháp trong thời gian Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, việc điều động những cán bộ chính trị VN giàu kinh nghiệm từ Tổng Cục Chính trị sang Bộ Ngoại Giao VN để “xử

¹¹¹ http://www.daiviet.org/Pages/TCCM/CM14_Unicode/Tu%20Binh%20Va%20Chinh%20Tri.html

lý” các tù binh và sau đó tham gia vào những cuộc thương thảo với các nhà ngoại giao HK, cũng đã xảy ra. Trong quá khứ, những cán bộ chính trị như thế của Tổng Cục Chính Trị gồm có các đại tá thâm niên Trần Quang Cơ và Hà Văn Lâu, và về sau cả hai đã trở thành những nhà ngoại giao thực thụ với cấp đại sứ và Thứ trưởng Ngoại giao.”

i Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam – 27.01.1973, Paris

Chương VIII – Điều 22

Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam và việc thực hiện triệt để Hiệp định này sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa Hoà Kỳ và Việt Nam dân chủ cộng hoà trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời, những việc đó sẽ bảo đảm vững chắc ở Việt Nam và góp phần giữ gìn hoà bình lâu dài ở Đông dương và Đông Nam Á.

ii Chương VIII – Điều 21

Hoa Kỳ mong rằng Hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hoà giải với Việt Nam dân chủ cộng hoà cũng như với tất cả các dân tộc Đông dương. Theo chính sách truyền thống của

mình, Hoà Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam dân chủ cộng hoà và toàn Đông Dương

iii Chương III – Điều 8b

Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mộ mã của những người bị chết, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có những biện pháp khác cần thiết để tìm kiếm tin tức những người còn coi là mất tích trong chiến đấu.

